

NGUYỄN THỊ KIM DUNG - HỒ THỊ VÂN ANH

BỒI DƯỠNG

VĂN-TIẾNG VIỆT

Tài liệu dành cho giáo viên, phụ huynh và học sinh

TẬP 2

4



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ KIM DUNG
HỒ THỊ VÂN ANH

BỒI DƯỠNG VĂN - TIẾNG VIỆT

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com
4

TẬP HAI
In lần thứ năm

(Tài liệu dành cho giáo viên, phụ huynh và học sinh)



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỒI DƯỠNG VĂN – TIẾNG VIỆT 4

TẬP HAI

NGUYỄN THỊ KIM DUNG – HỒ THỊ VÂN ANH

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc – Tổng Biên tập

NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

Biên tập: NGUYỄN MẠNH

Sửa bản in: QUỐC ANH

Trình bày: TƯỜNG NGHI

Bìa: TƯỜNG LINH

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐT: 38225340 – 38296764 – 38220405 – 38296713

Fax: 84.83.822726

Email: tonghop@nxbhcm.com.vn

Website: www.nxbhcm.com.vn/ www.sachweb.vn

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP.HCM – ĐT: 38256804

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2

86 – 88 NGUYỄN TẤT THÀNH, Q.4, TP.HCM – ĐT: 39433868

Thực hiện liên kết:

Nhà sách SAO MAI

In lần thứ: 5. Số lượng: 2000 cuốn, khổ 16 × 24 cm.

Tại CÔNG TY TNHH MTV in Đường Sắt Sài Gòn.

Địa chỉ: 136/1A Trần Phú, Quận 5, TP. HCM.

XNĐKXB số: 135-2014/CXB/55-04/THTPHCM.

GPXB số: 84/QĐ-THTPHCM-2014.

ISBN: 978-604-58-1335-5

In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2014.

A. Mục tiêu bài học

- Đọc đúng các từ, câu, đoạn và biết đọc diễn cảm bài văn.
- Hiểu nghĩa của các từ: *Cầu Khây, tinh thông, yêu tinh*.
- Hiểu nội dung truyện (phần đầu): *Ca ngợi sức khỏe, tài năng, lòng thành làm việc nghĩa của bốn anh tài*.

B. Tìm hiểu nội dung

Bài văn **Bốn anh tài** chia làm năm đoạn:

- Đoạn 1 (Từ đầu đến “*tinh thông võ nghệ*”): Giới thiệu cậu bé Cầu Khây.
- Đoạn 2 (Tiếp... đến “*diệt trừ yêu tinh*”): Sự xuất hiện của yêu tinh và Cầu Khây lên đường diệt yêu tinh.
- Đoạn 3 (Tiếp... đến “*Cầu Khây đi diệt trừ yêu tinh*”): Tài năng của Năm Tay Đóng Cọc.
- Đoạn 4 (Tiếp... đến “*hai bạn lên đường*”): Tài năng của Lầy Tai Tát Nước.
- Đoạn 5 (Đoạn còn lại): Tài năng của Móng Tay Đục Máng.

I. Hướng dẫn luyện đọc

www.sachgiai.com

- Đọc diễn cảm toàn bài với giọng khẩn trương, nhấn giọng ở các từ gợi tả về tài năng của bốn nhân vật.
- Đọc liền các từ: *Năm Tay Đóng Cọc, Lầy Tai Tát Nước, Móng Tay Đục Máng*. Đọc đúng các câu văn sau:

*Hồi xưa, / ở bản kia có một chú bé **tuy nhỏ** người nhưng ăn một lúc hết **chín chỗ xôi**. // Dân bản đặt tên cho chú là Cầu Khây. // Cầu Khây lên mười tuổi, / sức đã bằng **trai mười tám**; mười lăm tuổi đã **tinh thông võ nghệ**. //*

*Đến một cánh đồng khô cạn Cầu Khây thấy một cậu bé **vạm vỡ** đang dùng **tay** làm vô đóng cọc, / để đắp đập dẫn nước vào ruộng. //*

II. Tìm hiểu bài (Trả lời câu hỏi)

1. Cầu Khây có sức khỏe và tài năng như thế nào?

- Sức khỏe của Cầu Khây: Tuy nhỏ người nhưng Cầu Khây ăn một lúc hết chín chỗ xôi. Mười tuổi đã bằng sức của trai mười tám.
- Tài năng của Cầu Khây: Mười lăm tuổi Cầu Khây đã tinh thông võ nghệ, có lòng thương dân, quyết chí lên đường diệt yêu tinh.

2. Có chuyện gì xảy ra với quê hương Cầu Khây?

Quê hương Cầu Khây xuất hiện một con yêu tinh chuyên ăn thịt người và súc vật, khiến cho bản làng tan hoang, nhiều nơi không còn ai sống sót.

3. Cầu Khây đi diệt trừ yêu tinh cùng với những ai?

Cầu Khây đi diệt trừ yêu tinh cùng với ba anh tài là Năm Tay Đóng Cọc, Lấy Tai Tát Nước và Móng Tay Đục Máng.

4. Mỗi người bạn của cầu Khây có những tài năng gì?

– Năm Tay Đóng Cọc là một cậu bé vạm vỡ, anh ta có thể dùng nắm tay làm vỏ đóng cọc.

– Lấy Tai Tát Nước có thể dùng vành tai tát nước từ suối lên thửa ruộng cao.

– Móng Tay Đục Máng dùng móng tay đục gỗ thành lòng máng để dẫn nước vào ruộng.

Chính tả (Nghe - viết)

Kim tự tháp Ai Cập

A. Mục tiêu bài học

- Nghe - viết đúng bài *Kim tự tháp Ai Cập*.
- Lám đúng các bài tập, phân biệt các từ ngữ có âm, vần dễ nhầm lẫn: *s/x; iêc/iêt*.

www.sachgiai.com

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn nghe - viết

– Đọc bài **Kim tự tháp Ai Cập** ở SGK trang 5, hiểu nội dung bài viết: *Giới thiệu về kiến trúc kim tự tháp Ai Cập*.

– Viết đúng các từ ngữ: **giếng sâu, quan tài, ngạc nhiên, chuyên chở, chuyển,...** Viết hoa tên riêng Ai Cập.

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. Nghe - viết: *Kim tự tháp Ai Cập* (Xem mục I).

2. Chọn chữ viết đúng chính tả trong ngoặc đơn để hoàn chỉnh các câu văn dưới đây?

Các câu văn đã được hoàn chỉnh:

Con người là **sinh** vật kì diệu nhất trên trái đất. Họ **biết** trồng trọt, chăn nuôi, xây dựng nhà cửa, khám phá những bí mật nằm sâu trong lòng đất, chinh phục đại dương, chinh phục khoảng không vũ trụ bao la. Họ còn **biết** làm thơ, vẽ tranh, **sáng** tác âm nhạc, tạo ra những công trình kiến trúc **tuyệt** mỹ... Họ đã làm cho trái đất trở nên tươi đẹp và tràn đầy sức sống. Con người **xứng** đáng được gọi là “hoa của đất”.

3. Xếp các từ ngữ thành hai cột (từ ngữ viết đúng chính tả, từ ngữ viết sai chính tả):

Từ ngữ viết đúng chính tả	Từ ngữ viết sai chính tả
sáng sửa, sản sinh, sinh động	sắp <u>s</u> ếp, tinh <u>s</u> ảo, bổ <u>x</u> ung
thời tiết, công việc, chiết cành	thân thiế <u>c</u> , nhiệ <u>c</u> tình, mải miế <u>c</u>

Chữa lại: sắp xếp, tinh xảo, bổ sung - thân thiết, nhiệt tình, mải miết

Luyện từ và câu Chủ ngữ trong câu kể Ai làm gì?

A. Mục tiêu bài học

- Hiểu cấu tạo và ý nghĩa của bộ phận chủ ngữ trong câu kể Ai làm gì?
- Biết xác định chủ ngữ trong câu, biết đặt câu với từ ngữ đã cho đóng vai trò làm chủ ngữ.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

I. Nhận xét

Đọc đoạn văn sau (HS đọc SGK trang 6) và trả lời câu hỏi:

1. Tìm các câu kể Ai làm gì? có trong đoạn văn.
2. Xác định chủ ngữ trong mỗi câu vừa tìm được.
3. Nêu ý nghĩa của chủ ngữ.

1. Câu kể Ai làm gì?	2. Chủ ngữ	3. Ý nghĩa của chủ ngữ
1. Một đàn ngỗng vươn dài cổ, chúi mỏ về phía trước, định đớp bọn trẻ.	Một đàn ngỗng	Chủ ngữ chỉ con vật có hoạt động.
2. Hùng rút vội khẩu súng vào túi quần, chạy biến.	Hùng	Chủ ngữ chỉ người có hoạt động.
3. Thắng mếu máo nấp vào sau lưng Tiến.	Thắng	Chủ ngữ chỉ người có hoạt động.
4. Em liền nhặt một cành xoan, xua đàn ngỗng ra xa.	Em	Chủ ngữ chỉ người có hoạt động.
5. Đàn ngỗng kêu quàng quạc, vươn cổ chạy miết.	Đàn ngỗng	Chủ ngữ chỉ con vật có hoạt động.

4. Cho biết chủ ngữ của các câu trên do loại từ ngữ nào tạo thành? Chọn ý đúng.

Chủ ngữ của các câu trên do danh từ và các từ kèm theo nó (cụm danh từ) tạo thành. Chọn ý a) là đúng.

II. Ghi nhớ (Đọc SGK)

III. Luyện tập

1. Đọc lại đoạn văn sau (HS đọc SGK trang 7) và trả lời câu hỏi:

- a) Các câu kể *Ai làm gì?* có trong đoạn văn.
- b) Xác định chủ ngữ của từng câu vừa tìm được.

a) Câu kể *Ai làm gì?* có trong đoạn văn:

Câu 3: Trong rừng, *chim chóc* hót véo von.

Câu 4: *Thanh niên* lên rẫy.

Câu 5: *Phụ nữ* giặt giũ bên những giếng nước.

Câu 6: *Em nhỏ* đùa vui trước sân nhà.

Câu 7: *Các cụ già* chụm đầu bên những ché rượu cần.

b) *Chủ ngữ của câu:*

chim chóc

Thanh niên

Phụ nữ

Em nhỏ

Các cụ già

2. Đặt câu với các từ ngữ sau (SGK trang 7) làm chủ ngữ:

- a) *Các chú công nhân* đang điều khiển những chiếc máy xúc đất khổng lồ.
- b) *Mẹ em* đang cùng các cô chú xã viên gặt lúa.
- c) *Chim sơn ca* hót rất hay.

3. Đặt câu nói về hoạt động của từng nhóm người hoặc vật được miêu tả trong bức tranh bên (SGK trang 7):

Bình minh trên quê hương em thật đẹp và nhộn nhịp. Máy chú chim tung bay trên khắp các cánh đồng. Các cô đang nhanh tay gặt những bông lúa chín vàng. Các chú công nhân lái máy cày, cày những thửa ruộng mới. Trên con đường làng, chúng em tung tăng cắp sách đến trường vừa đi vừa vẫy tay chào mọi người.

Kể chuyện

Bác đánh cá và gã hung thần

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng nói: Dựa vào lời kể của giáo viên và tranh minh họa biết thuyết minh mỗi tranh bằng 1 - 2 câu, kể lại được câu chuyện, hiểu nội dung truyện.

– Rèn kĩ năng nghe: Nghe bạn kể biết nhận xét lời kể của bạn.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn kể chuyện)

1. Dựa vào lời kể của cô giáo (thầy giáo) em hãy thuyết minh nội dung cho mỗi bức tranh (SGK trang 8) bằng 1 hoặc 2 câu:

• **Tranh 1.** *Bác đánh cá kéo mẻ lưới cuối cùng trong đó có một chiếc bình to bằng đồng.*

• **Tranh 2.** *Nỗi vui mừng của bác đánh cá khi nghĩ rằng, bán chiếc bình sẽ được rất nhiều tiền.*

• Tranh 3: Nắp bình được mở, gã hung thần chui ra biến thành một con quỷ.

• Tranh 4: Để thực hiện lời nguyện, con quỷ đòi giết bác đánh cá.

• Tranh 5: Bác đánh cá lừa con quỷ chui lại vào trong bình và nhanh tay đậy nắp bình lại.

2. Kể lại toàn bộ câu chuyện.

Tham khảo cách kể sau

Bác đánh cá và gã hung thần

1. Ngày xưa, có một bác đánh cá tuổi đã cao. Một hôm, bác ra biển quăng lưới. Thật xui xẻo, suốt ngày, lưới kéo lên chỉ toàn là rong rêu, không được lấy một con cá nhỏ. Ngán ngấm quá, bác định thả lưới lần cuối rồi về. Thật may trong mẻ lưới này có một chiếc bình to bằng đồng, miệng gắn chì kín mít.

2. Bác đánh cá mừng lắm, nghĩ bụng: “Cái bình này đem ra chợ bán cũng được khối tiền.” Cầm chiếc bình lên thấy nặng, bác bèn lấy dao nạy nắp bình để xem bên trong có cái gì.

3. Nắp vừa bật ra thì từ trong bình một làn khói đen kịt tuôn ra cao ngất trời mây. Bác đánh cá chưa hết ngạc nhiên thì làn khói đã tụ lại, hiện thành một con quỷ, trông thật gớm ghiếc, dữ tợn. Con quỷ ồm ồm nói:

– Ta báo cho người biết, nhà người đã đến ngày tận số.

Bác đánh cá lúng túng rồi kịp trấn tĩnh ngay, mắng con quỷ:

– Ta đã cứu người ra khỏi cái bình kia, sao người lại muốn giết ta?

Con quỷ nói:

– Ta vốn là một hung thần, vì phạm tội, bị trời phạt hóa kiếp thành quỷ, nhốt vào cái bình này rồi bị vớt xuống biển. Máy trăm năm nằm dưới biển sâu, ta đã thề rằng ai cứu ta ra khỏi cái bình tối như hũ nút này, ta sẽ làm cho người ấy trở nên giàu sang, phú quý. Chờ mãi chẳng thấy ai cứu, ta tức giận đã đổi lời nguyện: “Kẻ nào cứu ta sẽ phải chết.” Ta vừa dứt lời thì người cứu ta. Vậy nên người phải chết.

4. Nghe con quỷ nói năng láo xược, bác đánh cá nhanh trí bảo:

– Thôi được, chết cũng chẳng đáng sợ, nhưng trước khi chết, ta muốn biết một điều.

– Điều gì? – Con quỷ hỏi.

– Người to lớn thế làm sao chui lọt vào cái bình bé tí này?

– Người không tin ư?

– Không thể tin được trừ khi ta thấy tận mắt chính người chui vào trong bình.

5. Con quỷ rùng mình một cái biến thành một cột khói đen. Cột khói đen bay đến tận trời xanh, tụ lại rồi dần dần chui lọt vào bình. Bác đánh cá nhanh tay lấy cái nắp bằng chì nút chặt miệng bình. Con quỷ ra sức vùng vẫy, tìm cách chui ra. Nhưng đã muộn mất rồi. Bác đánh cá vứt cái bình trở lại biển sâu. Thế là kẻ độc ác vĩnh viễn nằm lại dưới đáy biển.

3. Trao đổi với các bạn về ý nghĩa câu chuyện.

Câu chuyện ca ngợi sự nhanh trí, dũng cảm và thông minh của bác đánh cá đã chiến thắng con quỷ gian ác, vô ơn.

Tập đọc **Chuyện cổ tích về loài người**

A. Mục tiêu bài học

- Đọc lưu loát và diễn cảm bài thơ.
- Hiểu ý nghĩa bài thơ: Mọi vật sinh ra trên trái đất đều vì con người và trẻ thơ. Hãy dành cho trẻ thơ những gì tốt đẹp nhất.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn luyện đọc

- Đọc diễn cảm bài thơ với giọng kể chậm rãi, dịu dàng.
- Đọc đúng và rõ các từ: *cổ tích, trước nhất, nghĩ, xanh, bắt đầu,...*
- Đọc đúng cách ngắt nhịp:

*Trời sinh ra **trước nhất**/ Cái bảng bằng **cái chiếu**/*
*Chỉ toàn là **trẻ con**/ Cục phấn từ **đá ra**/*
Trên trái đất trụi trần/ Thầy viết chữ thật to/
*Không đáng cây ngọn cỏ.// “**Chuyện loài người**” trước nhất.//*

II. Tìm hiểu bài (Trả lời câu hỏi)

1. Trong “*Câu chuyện cổ tích*” này, ai là người được sinh ra đầu tiên?

Trong “*Câu chuyện cổ tích*” này, người được sinh ra đầu tiên là trẻ em. Lúc đó trái đất chỉ toàn là trẻ con, cảnh vật trụi trần không có cây cỏ.

2. Sau khi trẻ sinh ra, vì sao cần có ngay người mẹ?

Sau khi trẻ sinh ra cần có ngay người mẹ vì trẻ cần có một tình thương yêu, một sự chăm sóc và lời ru ngọt ngào của mẹ.

3. Bố và thầy giáo giúp trẻ em những điều gì?

- Bố dạy cho trẻ những hiểu biết, bảo cho trẻ biết ngoan, dạy cho trẻ biết nghĩ.
- Thầy giáo dạy cho trẻ biết học hành, truyền đạt kiến thức cho trẻ.

4. Theo em, ý nghĩa của bài thơ này là gì?

- Mọi việc làm của con người trên trái đất đều vì trẻ em.
- Hãy chăm sóc trẻ em một cách tốt nhất.
- Hãy dành cho trẻ thơ những điều tốt đẹp nhất.

5. Học thuộc lòng bài thơ. Học sinh học.

Tập làm văn Luyện tập xây dựng mở bài trong bài văn miêu tả đồ vật

A. Mục tiêu bài học

Củng cố nhận thức về hai kiểu mở bài (trực tiếp và gián tiếp) trong bài văn tả đồ vật. Thực hành viết đoạn mở bài theo hai cách.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

1. Dưới đây là một số đoạn mở bài cho bài văn miêu tả cái cặp sách (SGK trang 10). Các đoạn ấy có gì giống nhau và có gì khác nhau?

Các đoạn mở bài cho bài văn miêu tả cái cặp sách, có điểm giống và khác nhau như sau:

– Giống nhau: Các đoạn mở bài đều có ý định giới thiệu chiếc cặp sách.

– Khác nhau:

- Đoạn a và b là mở bài trực tiếp: Giới thiệu ngay cái cặp.
- Đoạn c là mở bài gián tiếp: Mượn chuyện sắp xếp đồ đạc để giới thiệu chiếc cặp.

2. Viết một đoạn văn mở bài cho bài văn miêu tả *cái bàn học của em*.

– Theo cách mở bài trực tiếp:

+ *Mở bài 1*: Bàn học của em được kê ở một góc yên tĩnh ngay bên cửa sổ nhìn ra vườn cây. Kể từ khi vào học lớp Một, mẹ đã mua cho em chiếc bàn ấy để em ngồi học ở nhà.

+ *Mở bài 2*: Từ khi chuyển đến nhà mới, mẹ đã mua cho em một chiếc bàn để ngồi học.

– Theo cách mở bài gián tiếp:

Đã bao giờ bạn nghĩ, đồ vật cũng trở thành những người bạn thân “tâm giao ý hợp” với bạn chưa? Tôi đã có một người bạn như thế đấy, người bạn cùng tôi sớm tối bên nhau học hành. Thành tích học tập của tôi có được ngày hôm nay, cũng chính nhờ một phần giúp đỡ của người bạn hiền đó. Các bạn muốn biết “người đó” không? Cái bàn ngồi học ở nhà của tôi đấy!

A. Mục tiêu bài học

Mở rộng vốn từ theo chủ điểm *trí tuệ, tài năng*. Biết sử dụng các từ đã học để đặt câu. Biết một số câu tục ngữ để gắn với chủ điểm.

B. Tìm hiểu nội dung (*Hướng dẫn làm bài tập*)

1. Phân loại các từ sau đây theo nghĩa của tiếng **tài**:

a) **Tài** có nghĩa là “có khả năng hơn người bình thường”: *tài hoa, tài giỏi, tài nghệ, tài ba, tài đức, tài năng*.

b) **Tài** có nghĩa là “tiền của”: *tài nguyên, tài trợ, tài sản*.

2. Đặt câu với một trong các từ nói trên:

- Anh ấy đúng là một người **tài giỏi**.
- Những người thợ mỏ đang khai thác **tài nguyên** của đất nước.
- Anh em Cầu Khây có **tài nghệ** siêu phàm.
- Bác Hồ là một người **tài đức**.
- Trần Đăng Khoa là một nhà thơ **tài hoa**.
- Chúng ta cần bồi dưỡng những **tài năng** trẻ.
- Cần phải bảo vệ **tài sản** của công.
- Anh ấy là một nghệ sĩ **tài ba**.
- Để giúp nhân dân Cu Ba, Việt Nam đã **tài trợ** hơn 30000 tấn gạo.

3. Tìm trong các câu tục ngữ dưới đây (SGK trang 11) những câu ca ngợi tài trí con người.

Những câu tục ngữ ca ngợi tài trí của con người:

- Câu a: *Người ta là hoa đất*
- Câu c: *Nước lũ mà vã nên hồ / Tay không mà nổi cơ đồ mới ngoan.*

4. Em thích những câu tục ngữ nào ở bài tập 3? Vì sao?

– Em thích câu: *Người ta là hoa đất*. Vì câu tục ngữ này đã nêu một nhận định chính xác về con người; ca ngợi con người là tinh hoa, là thứ quý giá nhất của trái đất.

– Em thích câu: *Chuông có đánh mới kêu / Đèn có khêu mới tỏ*. Vì đây là một nhận xét, muốn biết rõ một người, một vật nào đó, cần phải có thử thách để xem người và vật đó có bộc lộ được khả năng của mình.

– Em thích câu: *Nước lũ mà vã nên hồ / Tay không mà nổi cơ đồ mới ngoan*. Vì câu tục ngữ này ca ngợi những con người có ý chí, nghị lực, tạo nên sự nghiệp lớn và giàu có từ hai bàn tay trắng của mình.

A. Mục tiêu bài học

Củng cố về hai kiểu kết bài (mở rộng và không mở rộng) trong bài văn tả đồ vật. Thực hành kết bài mở rộng cho bài văn tả đồ vật.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)**1. Đọc bài văn sau (Cái nón SGK trang 11, 12) và trả lời câu hỏi:**

a) Xác định đoạn kết bài.

Má bảo: “Có của phải biết giữ gìn thì mới được lâu bền”. Vì vậy, mỗi khi đi đâu về, tôi đều mắc nón vào chiếc đinh đóng trên tường. Không khi nào tôi dùng nón để quạt vì như thế nón dễ bị méo vành.

b) Theo em, đó là kiểu kết bài nào?

Đó là kiểu kết bài mở rộng: Nói lời mẹ dặn và ý thức giữ gìn, bảo quản cái nón của bạn nhỏ.

2. Cho các đề sau:

a) Tả cái thước kẻ của em.

b) Tả cái bàn học ở lớp hoặc ở nhà của em.

c) Tả cái trống trường em.

Hãy viết một kết bài mở rộng cho bài văn làm theo một trong các đề trên.

Tham khảo các kết bài mở rộng sau:

a) Tả cái thước kẻ của em:

Thước! Người bạn nhỏ của em, đã cùng em chăm chỉ học tập. Thước giúp em kẻ những đường thẳng, kẻ hết bài học, kẻ những điều cần lưu ý. Mỗi lần dùng xong, em đều lấy khăn lau sạch sẽ rồi cất “người bạn nhỏ” vào “căn buồng” trong cặp.

b) Tả cái bàn học ở lớp hoặc ở nhà của em:

Em rất yêu cái bàn học của mình, vì nó đã gắn bó với bao buồn vui trong cuộc đời đi học của em. Nó mãi mãi là người bạn tri kỉ, dù sau này lớn lên, không thể dùng được cái bàn này nữa, nhưng em sẽ giữ gìn nó cẩn thận vì nó là người bạn thân thiết của em thời thơ ấu.

c) Tả cái trống trường em:

Ngày ngày tiếng trống cứ đều đặn vang lên như thúc giục cho hoạt động thi đua “Dạy tốt, học tốt” của nhà trường. Cái trống đã trở thành người bạn gắn bó với em và các bạn. Em không thể quên được những âm thanh rạo rức thiêng liêng của nhịp trống trường đầy cảm xúc ấy.

A. Mục tiêu bài học

– Đọc trôi chảy, lưu loát toàn bài. Biết đọc diễn cảm bài văn. Hiểu nghĩa của các từ: *núc nác, núng thế*.

– Hiểu ý nghĩa của câu chuyện: *Ca ngợi sức khỏe, tài năng, tinh thần đoàn kết của bốn anh em Cầu Khây trong việc chiến đấu quy phục yêu tinh, cứu dân bản*.

B. Tìm hiểu nội dung

Bài văn **Bốn anh tài** (tiếp theo) chia làm hai đoạn:

– Đoạn 1 (Từ đầu đến “*bắt yêu tinh đấy*”): Bốn anh em Cầu Khây tìm đến chỗ yêu tinh, ở đó họ được bà cụ cho ăn.

– Đoạn 2 (Đoạn còn lại): Cuộc chiến đấu chống yêu tinh của bốn anh em Cầu Khây.

I. Hướng dẫn luyện đọc

– Đọc diễn cảm toàn bài: Giọng đọc hồi hộp ở đoạn 1, gấp gáp, dồn dập ở đoạn 2. Giọng khoan thai ở câu kết, chú ý nhấn giọng ở những từ gợi tả, gợi cảm: *văng teo, hé cửa, thò đầu, lè lưỡi, đâm một cái, gãy gần hết, quật túi bụi, nổi âm âm, tối sầm, be bờ, tát nước âm âm, quy hàng,...*

– Đọc đúng đoạn văn sau đây:

Cầu Khây **hé cửa**, / yêu tinh **thò đầu** vào, / **lè lưỡi** dài như quả núc nác, / mắt trợn **xanh lè**. Năm Tay Đóng Cọc **đâm một cái** làm nó gãy gần hết hàm răng. // Yêu tinh **bỏ chạy**. // Bốn anh em Cầu Khây liền **đuổi theo** nó. // Cầu Khây nhổ cây bên đường **quật túi bụi**. // Yêu tinh đau quá **hét lên**, / gió bão nổi **âm âm**, / đất trời **tối sầm lại**. // Đến một thung lũng, / yêu tinh dừng lại phun nước ra **như mưa**. //

II. Tìm hiểu bài (Trả lời câu hỏi)

1. Tới nơi yêu tinh ở, bốn anh em Cầu Khây gặp ai và được giúp đỡ như thế nào?

Tới nơi yêu tinh ở, bốn anh em Cầu Khây chỉ gặp một bà cụ được yêu tinh cho sống sót để chặn bờ cho nó. Bốn anh em được cụ nấu cơm cho ăn.

2. Thuật lại cuộc chiến đấu của bốn anh em chống yêu tinh.

Tờ mờ sáng, có tiếng đập cửa mạnh. Bốn anh em ở trong nhà đang chờ sẵn. Khi yêu tinh thò đầu vào liền bị Năm Tay Đóng Cọc đâm một cái làm nó gãy gần hết hàm răng. Yêu tinh đau quá bỏ chạy, bốn anh

em đuổi theo nó. Cầu Khây nhổ cây bên đường quật túi bụi vào yêu tinh. Yêu tinh hét lên, gió bão nổi âm âm, bỗng nhiên đất trời tối sầm lại.

Đến thung lũng, yêu tinh dừng lại phun nước ra như mưa. Nước ngập cả cánh đồng. Nắm Tay Đóng Cọc đã đóng cọc ngăn nước, Lấy Tai Tát Nước tát nước âm âm qua núi cao. Còn Móng Tay Đục Máng ngã cây khoét máng, khơi dòng nước chảy đi. Mặt đất lập tức khô ngay, yêu tinh thất thế phải quy hàng.

3. Vì sao anh em Cầu Khây chiến thắng được yêu tinh?

– Anh em Cầu Khây chiến thắng được yêu tinh nhờ họ có một sức khỏe phi thường và tài năng khác người.

– Nhờ họ biết hợp sức, đoàn kết để tạo nên sức mạnh chiến thắng yêu tinh.

4. Ý nghĩa của câu chuyện này là gì? (Xem phần A. Mục tiêu bài học).

Chính tả (Nghe - viết) Cha đẻ của chiếc lốp xe đạp

A. Mục tiêu bài học

- Nghe - viết đúng chính tả bài *Cha đẻ của chiếc lốp xe đạp*.
- Làm đúng các bài tập phân biệt các tiếng có âm, vần dễ lẫn: *ch / tr; uôt / uôc*.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn nghe - viết

- Đọc bài *Cha đẻ của chiếc lốp xe đạp*, hiểu nội dung bài viết: *Nguồn gốc ra đời của chiếc xe đạp và Dân-lốp là người sáng tạo ra nó*.
- Viết đúng các từ ngữ: *chiếc lốp xe đạp, Dân-lốp, nẹp, suýt ngã, chiếc săm,...* Viết đúng các chữ số: *XIX, 1880*.

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. Nghe - viết: *Cha đẻ của chiếc lốp xe đạp* (Xem mục I).

2. Điền vào chỗ trống:

a) **ch** hay **tr**?

Đoạn văn đã điền **ch** hay **tr**:

Chuyện trong vòm lá

Chim có gì vui

Mà nghe riu rít

Như trẻ reo cười?

b) **uôt** hay **uôc**?

Đoạn văn đã điền **uôt** hay **uôc**:

- Cày sâu **cuôc** bẫm.
- Mua dây **buộc** mình.
- **Thuộc** hay tay đảm.
- **Chuột** gặm chân mèo.

3. Tìm tiếng thích hợp với mỗi ô trống để hoàn chỉnh các câu trong hai mẫu chuyện sau:

a) Tiếng có âm **ch** hoặc **tr**:

Đăng trí bác học

Một nhà bác học có tính đăng **trí** đi tàu hỏa. Khi nhân viên soát vé đến, nhà bác học tìm toát mồ hôi mà **chẳng** thấy vé đâu. May là người soát vé này nhận ra ông, bèn bảo:

- Thôi ngài không cần xuất **trình** vé nữa.

Nhà bác học vẫn loay hoay tìm vé và nói:

- Nhưng tôi phải tìm bằng được vé để biết xuống ga nào chứ!

b) Tiếng có vần **uôt** hoặc **uôc**:

Vị thuốc quý

Nhà thơ Đức nổi tiếng Hai-nơ mắc chứng bệnh mệt mỏi và mất ngủ. Ông dùng rất nhiều thứ **thuốc** bổ mà vẫn không khỏi. Một bác sĩ đến khám bệnh, bảo ông:

- Mỗi ngày, ngài hãy ăn một quả táo, vừa ăn vừa đi bộ từ nhà đến quảng trường thành phố.

Sau một thời gian ngắn, quả nhiên Hai-nơ khỏi bệnh. Ông ngạc nhiên nói với bác sĩ:

- Bây giờ tôi mới biết táo cũng là vị thuốc quý.

Bác sĩ mỉm cười:

- Không phải những quả táo bình thường kia chữa khỏi bệnh cho ngài đâu. Chính những **cuộc** đi bộ hàng ngày mới là vị thuốc quý, vì chúng bắt **buộc** ngài phải vận động.

- Cả hai câu chuyện đều mang tính khôi hài:

Trong truyện **Đăng trí bác học**, nhà bác học đăng trí tới mức phải tìm vé để trình cho người soát vé và để nhớ xem mình phải xuống ga nào. Còn trong truyện **Vị thuốc quý**, nhà thơ Hai-nơ lầm tưởng táo là vị thuốc quý chữa khỏi bệnh mất ngủ của mình.

Luyện từ và câu

Luyện tập về câu kể Ai làm gì?

A. Mục tiêu bài học

- Củng cố kiến thức và kĩ năng sử dụng câu kể *Ai làm gì?*
- Thực hành viết một đoạn văn có dùng câu kể *Ai làm gì?*

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

1. Tìm các câu kể *Ai làm gì?* có trong đoạn văn sau (SGK trang 16):

Các câu kể *Ai làm gì?* có trong đoạn văn:

- Câu 3: *Tàu chúng tôi buông neo trong vùng biển Trường Sa.*
- Câu 4: *Một số chiến sĩ thả câu.*
- Câu 5: *Một số khác quây quần trên boong sau, ca hát, thổi sáo.*
- Câu 7: *Cá heo gọi nhau quây đến quanh tàu như để chia vui.*

2. Xác định bộ phận chủ ngữ, bộ phận vị ngữ trong các câu vừa tìm được:

Câu	Chủ ngữ	Vị ngữ
3	<i>Tàu chúng tôi</i>	<i>buông neo trong vùng biển Trường Sa.</i>
4	<i>Một số chiến sĩ</i>	<i>thả câu.</i>
5	<i>Một số khác</i>	<i>quây quần trên boong sau, ca hát, thổi sáo.</i>
7	<i>Cá heo</i>	<i>gọi nhau quây đến quanh tàu như để chia vui.</i>

3. Viết một đoạn văn khoảng 5 câu kể về công việc trực nhật lớp của tổ em, trong đó có dùng kiểu câu *Ai làm gì?*

Bài tham khảo

Sáng hôm ấy, tổ chúng em đến trường rất sớm và đông đủ, quần áo gọn gàng, trên tay các bạn mang đầy đủ dụng cụ để làm vệ sinh phòng học.

Theo sự phân công của cô giáo chủ nhiệm, bạn Nam và Tuấn là hai chàng trai khỏe nhất tổ đi xách nước về để các bạn Loan và Yến lau bảng, bàn ghế. Tuyết Lan và Quỳnh Hương quét lớp, quét hành lang. Minh Quân quét mạng nhện trên trần và trên tường. Còn em và Hải lau cửa kính. Chỉ hơn một tiếng, chúng em đã làm cho căn phòng lớp em trở nên sáng sủa, khang trang hơn. Ai cũng cảm thấy vui thích khi hoàn thành xong công việc của mình.

Kể chuyện

Kể chuyện đã nghe, đã đọc

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng nói: Biết kể bằng lời của mình một câu chuyện đã được nghe, được đọc, nói về một người có tài. Hiểu được ý nghĩa của truyện.
- Rèn kĩ năng nghe: Nghe bạn kể và biết nhận xét lời kể của bạn.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn kể chuyện)

Đề bài: *Kể một câu chuyện mà em đã được nghe hoặc được đọc về một người có tài.*

Bài tham khảo

Hồi học lớp Hai, tôi đã được nghe cô giáo kể về chuyện *Sây-ba và con ngựa của vua I-ran*. Tôi thấy Sây-ba là một ông quan có tài xử kiện, mọi việc ông xử đều diễn ra rất nhẹ nhàng, có tình có lý, vì thế mọi người đều quý mến ông. Câu chuyện được bắt đầu như sau:

“Ngày xưa, ở đất nước I-ran, có một ông quan có tài xử kiện tên là Sây-ba.

Một hôm, nhà vua nói với các quan trong triều:

– Ta phải đích thân tới tận nơi thử xem Sây-ba tài giỏi như thế nào mà ai cũng ca ngợi!

Thế rồi, nhà vua cải trang thành một người dân thường cưỡi ngựa ra khỏi kinh thành. Dọc đường gặp một người đi bộ, mồ hôi nhễ nhại dưới ánh nắng mặt trời, nhà vua sốt sắng hỏi:

– Ông đi đâu đấy? Con ngựa của tôi thừa sức chở hai người, ông lên đây ngồi với tôi cho đỡ mệt.

Người kia nhảy ngay lên ngựa, ngồi sau lưng nhà vua. Tới gần chợ, hấn liền trở mặt đuổi nhà vua xuống. Nhà vua sững sốt cãi lại:

– Sao lại thế? Con ngựa này của tôi chứ?

Hấn cười nhạt nói:

– Ai bảo ông vậy? Ai làm chứng cho ông. Tài giỏi như Sây-ba cũng chẳng xử được.

Nhà vua tức giận mắng:

– Đồ vô ơn bội nghĩa, tôi thương ông đi bộ vất vả, cho ông đi nhờ ngựa, bây giờ ông trở mặt. Vậy chúng ta hãy cùng đến chỗ Sây-ba nhờ ông ta phán xử.

Hai người dắt nhau đến nhà Sây-ba. Ở đó cũng đang có mấy người chờ để được phán xử. Lúc ấy, đến lượt một người bán dầu và người mua dầu tranh nhau một gói bạc.

Người bán dầu thưa:

– Anh này giả vờ hỏi mua dầu. Nhìn thấy gói bạc của tôi, anh ta giật phắt lấy.

Người mua dầu cãi lại:

– Không gói bạc kia chính là của tôi. Tôi đến định mua dầu, vừa đưa ra anh ta đã nhận vơ là của mình.

Sây-ba nghe xong bảo:

– Hãy để gói bạc lại đây, sáng mai đến, tôi sẽ xử.

Nói xong ông ta quay sang hai người đang tranh nhau ngựa. Nghe đầu đuôi câu chuyện, ông ta bảo:

– Sau vườn có cái chuồng ngựa, các người dắt ngựa vào đó, sáng mai đến.

Sáng hôm sau, vua I-ran và người đi đường trở lại nhà Sây-ba, đã thấy hai người nọ ở đấy rồi.

Sây-ba trao gói bạc cho người mua dầu và phạt gã bán dầu hai mươi roi về tội tham lam, gian dối.

Đến chuyện con ngựa, ông bảo hai người cùng theo ra chuồng ngựa. Sây-ba vào ngay chuồng ngựa, dắt ngựa ra, trao cho nhà vua và bảo:

– Ngựa của ông! Còn anh này phạt bốn mươi roi về tội vong ơn bội nghĩa. Tội này còn nặng hơn cả tội tham lam chiếm đoạt của người khác.

Chờ đợi mọi người ra về hết, nhà vua mới hỏi:

– Tôi phục tài ông lắm! Làm sao ông biết được gói bạc là của người mua dầu?

Sây-ba thản nhiên trả lời:

– Tôi thả gói bạc trong một cái thau nước ấm, không thấy vầng dầu nổi lên. Rõ ràng gói bạc ấy chưa hề qua tay anh bán dầu. Như vậy, đó không phải tiền của anh ta!

Nhà vua thích thú quá kêu lên:

– Thật là tuyệt!... Thế còn con ngựa? Tại sao ông biết đó là ngựa của tôi?

Sây-ba nhún vai nói:

– Hai người đều nhận ngựa, nhưng nhìn ánh mắt ngựa tôi biết nó chỉ nhận có một mình ông thôi!”

Câu chuyện tôi vừa kể cho các bạn nghe nhằm ca ngợi ông quan thời xưa đã dùng tài xét đoán thông minh và óc quan sát tinh tế để xử kiện.

Tập đọc **Trống đồng Đông Sơn**

A. Mục tiêu bài học

- Đọc trôi chảy toàn bài, biết đọc diễn cảm bài văn.
- Hiểu nghĩa của các từ: *chính đáng, Văn hóa Đông Sơn, hoa văn, vũ công, nhân bản, chim Lạc, chim Hồng.*
- Hiểu ý nghĩa nội dung của bài: *Thể hiện niềm tự hào của người Việt Nam về bộ sưu tập trống đồng Đông Sơn.*

B. Tìm hiểu nội dung

Bài văn **Trống đồng Đông Sơn** chia làm hai đoạn:

- Đoạn 1 (Từ đầu đến “*hươu nai có gạc*”): Giới thiệu sự đa dạng của trống đồng Đông Sơn.
- Đoạn 2 (Đoạn còn lại): Hình ảnh con người và thiên nhiên được thể hiện trên trống đồng Đông Sơn.

I. Hướng dẫn luyện đọc

- Đọc đúng các từ **chính đáng, kích thước, thiên nhiên, vũ khí, nhân bản, muông thú,...**

- Đọc đúng các câu sau:

*Niềm tự hào **chính đáng** của chúng ta trong nền văn hóa Đông Sơn / chính là bộ sưu tập trống đồng **hết sức phong phú**.*

***Nổi bật** trên hoa văn trống đồng là hình ảnh con người hòa với thiên nhiên.// Con người **lao động, / đánh cá, / săn bắn.**// Con người **đánh trống, / thổi kèn.**// Con người **cầm vũ khí** bảo vệ quê hương và **tưng bừng** nhảy múa mừng chiến công hay cảm tạ thần linh...// Đó là con người **thuần hậu, / hiền hòa, / mang tính nhân bản** sâu sắc.//*

II. Tìm hiểu bài (Trả lời câu hỏi)

1. Trống đồng Đông Sơn đa dạng như thế nào?

Trống đồng Đông Sơn đa dạng về hình dáng, kích thước, phong phú về cách trang trí, sắp xếp hoa văn (giữa mặt trống là hình ngôi sao nhiều cánh tỏa ra, những hình tròn đồng tâm, hình vũ công nhảy múa, hình chèo thuyền, chim bay, hươu nai có gạc...).

2. Những hoạt động nào của con người được miêu tả trên trống đồng?

Những hoạt động của con người được như lao động, sản xuất, đánh cá, săn bắn, đánh trống, thổi kèn, cầm vũ khí bảo vệ quê hương, tung bừng nhảy múa mừng chiến công hay cảm tạ thần linh đều được miêu tả trên trống đồng.

3. Vì sao có thể nói hình ảnh con người chiếm vị trí nổi bật trên hoa văn trống đồng?

Có thể nói hình ảnh con người chiếm vị trí nổi bật trên hoa văn trống đồng vì:

- Trên hoa văn trống đồng đã phản ánh được nhiều sinh hoạt, lao động, vui chơi... của con người. Những hình ảnh khác như hươu nai, chim bay, cá lội tung tăng... góp phần thể hiện hoạt động của con người, làm tăng thêm mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên.

– Trên hoa văn trống đồng con người được thể hiện rõ nét nhất, giữ vai trò quan trọng, đó là con người thuần hậu, hiền hòa mang tính nhân bản sâu sắc.

4. Vì sao trống đồng là niềm tự hào chính đáng của người Việt Nam ta?

Trống đồng là niềm tự hào chính đáng của người Việt Nam vì nó đã phản ánh đa dạng cuộc sống của dân tộc ta, phản ánh trình độ văn minh của người Việt cổ xưa. Điều đó chứng tỏ rằng dân tộc ta có một nền văn hóa lâu đời, bền vững.

Tập làm văn

Miêu tả đồ vật

A. Mục tiêu bài học

Thực hành viết hoàn chỉnh một bài văn miêu tả đồ vật.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

1. *Tả chiếc cặp sách của em.*

Bài tham khảo

Đã bước vào năm học mới, em không có điểm phúc được khoác lên mình những bộ quần áo mới tinh, được đeo trên vai chiếc cặp bóng loáng như các bạn. Bởi vì em phải dùng lại chiếc cặp của chị Nga.

Nhưng không sao, dù đã cũ nhưng em vẫn thích nó. Trước kia nó có bộ xiêm y màu đỏ rực, nhưng theo thời gian nó chỉ còn là màu hồng nhạt. Cặp hình chữ nhật, bề ngang khoảng năm tấc, chiều cao hơn ba tấc. Trên nắp cặp có quai xách cong cong, nó gắn chặt với nắp cặp bằng bốn con đinh tán như những con mắt luôn luôn mở. Mặt cặp có hình hai chú nai dạo chơi bên bờ suối nhỏ. Ở phía dưới là hai chiếc khóa đã rỉ sét vì năm tháng. Phía sau là hai chiếc quai đeo rất dài, nó có thể thu ngắn hay kéo ra cho vừa tầm vóc của em. Khi bóp khóa, em nghe thấy tiếng tách tách nho nhỏ. Nhìn bề ngoài nhỏ nhắn của chiếc cặp, ai cũng nghĩ nó chỉ đựng được vài ba cuốn vở. Nhưng không, khi mở ra, nó lại rất rộng, có ba ngăn to nhỏ khác nhau: Hai ngăn lớn em để các “cô cậu” sách vở. Ngăn nhỏ em để dụng cụ học tập. Những lúc cho sách vở vào cặp, em thích nhất là được vuốt ve “làn da” mịn màng của nó. Ô kìa! Sao nó bị trầy xước thế kia?... À! Thì ra lúc còn bé, em tinh nghịch lấy kéo rạch trên mặt nó những đường dài ngắn khác nhau. Khi phát hiện, chị Nga đã khóc suốt mướt. Khó khăn lắm em mới làm huề được với chị Nga. Tuy mẹ đã tìm cách chắp vá, nhưng trên mặt nó vẫn còn hằn lại những kỉ niệm khó quên của thời thơ ấu.

Dù chiếc cặp đã cũ, nhưng nó vẫn cùng em sớm tối có nhau. Nó như người bạn thân thiết của em. Em sẽ giữ gìn chiếc cặp cẩn thận để dùng được lâu hơn.

2. *Tả cái thước kẻ của em.*

Bài tham khảo

Đầu năm học, mẹ mua cho em đủ thứ đồ dùng học tập trong đó có cây thước kẻ mà em đang dùng.

Cây thước được làm bằng nhựa cứng, màu vàng trong suốt, thân hình vuông, to bằng ngón tay giữa của em, có bốn mặt dài và thẳng. Trên một mặt thước có chia thành 20 khoảng cách theo đơn vị xăng-ti-mét, được đánh số từ 0 đến 20. Trong mỗi khoảng cách lại chia thành những vạch nhỏ theo đơn vị mi-li-mét. Những vạch khoảng cách trên thước giúp em đo đạc để vẽ được những hình rất chính xác. Ba mặt còn lại của thước đều nhẵn bóng, giúp em kẻ những đường thẳng tắp.

Cây thước là người bạn thân của em trong học tập. Bố em còn bảo rằng: “Thước kẻ cứng và thẳng. Làm người cũng cần phải cứng rắn, kiên cường và thẳng thắn như cây thước vậy con nhé!”

3. *Tả cây bút chì của em.*

Bài tham khảo

Bước vào năm học mới, mẹ mua cho em một cây bút chì, trông nó thật xinh xắn và dễ thương.

Cây bút còn thơm mùi gỗ và nước sơn. Nó dài hơn một gang tay em, thân bút tròn và to hơn chiếc đũa được sơn màu vàng óng. Trên màu vàng ấy, nổi bật một dòng chữ xanh: BÚT CHÌ HỒNG HÀ. Đầu bút chì có cái đai mạ kền sáng bóng bọc lấy một miếng tẩy nhỏ màu hồng phấn. Em quay đầu kia lên xem, thấy ruột bút chì nhỏ, tròn, đen nằm chính giữa chạy dài theo chiều gỗ.

Em lấy cái gọt bút chì gọt nhẹ và xoay tròn trên cây bút, lưỡi dao cắt những mảnh gỗ mỏng, nhỏ dài chạy ra để lộ ruột bút chì đen nhánh.

Em cầm bút vẽ thử một chú chuột Mickey trên trang giấy trắng. Nét bút đen, đậm nhạt theo nét vẽ hiện dần lên trông thật đẹp mắt.

Không biết từ lúc nào, chiếc bút chì đã trở thành người bạn thân thiết của em. Mỗi khi gạch bài, chữa bài hoặc vẽ xong, em đều cẩn thận cho bút vào hộp để khỏi bị gãy đầu bút chì.

4. *Tả cái bàn học ở lớp hoặc ở nhà của em.*

Bài tham khảo

Bàn học ở nhà của em được kê ở một góc yên tĩnh ngay bên cửa sổ nhìn ra vườn cây. Kể từ khi vào lớp Một, mẹ đã mua cho em chiếc bàn này.

Chiếc bàn ấy khá xinh xắn. Tuy chỉ bằng gỗ bình thường nhưng đã được đánh bóng và phủ lên bằng lớp véc-ni màu nâu trông rất đẹp. Bàn hình chữ nhật dài một mét, rộng hơn nửa mét. Trên mặt bàn đặt một tấm kính cũng màu nâu dày năm li, em lồng thời khóa biểu và mấy tấm ảnh của em cùng gia đình dưới tấm kính. Mọi thứ để trên bàn đều gọn gàng ngăn nắp. Phía bên phải em để cặp sách, ở giữa là lọ hoa hồng bằng ni lông màu đỏ tươi. Bàn có bốn chân vững chắc, không cao lắm, chỉ vừa tầm ngồi của em, nên ngồi viết rất thoải mái. Một ngăn kéo nhỏ bám theo phần dưới của mặt bàn, có núm tròn bằng sắt mạ bạc. Trong ngăn bàn, em để sách vở và đồ dùng học tập. Chân bàn và ngăn kéo đều được đánh véc-ni nhẵn bóng. Bên cạnh bàn là một chiếc ghế tựa có bốn chân, kích thước hài hòa với chiếc bàn trông cũng gọn gàng, đẹp mắt không kém. Nơi đây, em vừa ngồi học vừa nghe thấy tiếng chim hót ở ngoài vườn, tiếng gió thổi qua vườn cây xào xạc. Mỗi buổi ban mai, những tia nắng xuyên qua kẽ lá nhảy nhót trên bàn như đang nô đùa với em.

Em rất yêu chiếc bàn học, nó đã trở thành người bạn thân thiết cùng với em sớm tối học hành. Mỗi khi học xong, em đều lau chùi nó rất cẩn thận.

Luyện từ và câu

Mở rộng vốn từ: *Sức khỏe*

A. Mục tiêu bài học

Mở rộng và tích cực hóa vốn từ theo chủ điểm *Sức khỏe*, cung cấp thêm một số tục ngữ, thành ngữ liên quan đến sức khỏe.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

1. Tìm các từ ngữ:

a) Chỉ những hoạt động có lợi cho sức khỏe: *đi bộ, chạy, tập thể dục, bơi lội, nhảy dây, đá cầu, bóng bàn, chơi bóng đá, chơi cầu lông, nhảy cao, nhảy xa, chơi cướp cờ, chơi kéo co, chơi bịt mắt bắt dê,...*

b) Chỉ những đặc điểm của một cơ thể khỏe mạnh: *lực lưỡng, vạm vỡ, rắn rỏi, săn chắc, nở nang, cường tráng, dẻo dai, nhanh nhẹn, chắc nịch,...*

2. Kể tên những môn thể thao mà em biết:

bóng bàn, bóng rổ, bóng ném, bóng đá, bóng chuyền, bóng chuyền bãi biển, quần vợt, bóng bầu dục, bóng chày, khúc côn cầu, nhảy cao, nhảy xa, ném đĩa, bắn súng, bơi lội, đấu vật, đua ngựa, thể dục dụng cụ, cờ vua, cờ tướng, đua ô tô, đua xe mô tô,...

3. Tìm từ ngữ thích hợp với mỗi chỗ trống để hoàn chỉnh các câu sau:

- a) Khỏe như ...: Khỏe như **voi** / Khỏe như **trâu** / Khỏe như **hùm** (hổ),...
- b) Nhanh như ...: Nhanh như **cắt** / Nhanh như **gió** / Nhanh như **sóc** / Nhanh như **điện** / Nhanh như **chớp**,...

4. Câu tục ngữ sau nói lên điều gì?

Ăn được ngủ được là tiên

Không ăn không ngủ mất tiền thêm lo.

Câu tục ngữ trên muốn nói ăn ngủ được tức là sức khỏe tốt. Có sức khỏe tốt con người sẽ cảm thấy sung sướng chẳng kém gì tiên. Không ăn ngủ được sẽ bị bệnh tật phải tốn tiền mua thuốc, tâm trạng buồn phiền, lo lắng.

Tập làm văn

Luyện tập giới thiệu địa phương

A. Mục tiêu bài học

www.sachgiai.com

Nắm được cách giới thiệu những hoạt động của địa phương qua bài văn *Nét mới ở Vĩnh Sơn*. Biết trình bày những đổi mới nơi các em sinh sống.

B. Tìm hiểu nội dung (*Hướng dẫn làm bài tập*)

1. Đọc bài văn sau (*Nét mới ở Vĩnh Sơn* - SGK trang 19, 20) và trả lời câu hỏi:

- a) Bài văn giới thiệu những đổi mới của địa phương nào?

Bài văn giới thiệu những đổi mới của xã Vĩnh Sơn, một xã miền núi thuộc huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định, là xã có nhiều khó khăn, đói nghèo quanh năm.

- b) Kể lại những nét đổi mới nói trên.

– Người dân đã biết trồng lúa nước hai vụ một năm với năng suất cao. Bà con trong xã không những không lo thiếu ăn mà còn có lương thực để chăn nuôi.

– Phát triển nghề nuôi cá, nhiều ao hồ có sản lượng hàng năm tới hai tấn rưỡi trên một héc-ta. Ước muốn của người dân vùng cao chở cá ngược về miền xuôi bán đã trở thành hiện thực.

– Nhờ phát triển kinh tế mà đời sống của người dân được cải thiện rõ rệt. Trong xã cứ 10 hộ thì 9 hộ có điện dùng, 8 hộ có phương tiện nghe - nhìn, 3 hộ có xe máy, số học sinh đến trường năm học 2000 - 2001 tăng gấp rưỡi so với năm học 1999 - 2000.

2. Hãy kể về những đổi mới nơi xóm làng hoặc phố phường của em.

Gợi ý: Để thực hiện yêu cầu của câu hỏi này, các em cần chú ý:

– Các em phải nhận ra được những đổi mới ở xóm làng, phố phường nơi mình ở (phát triển phong trào trồng cây gây rừng, phát triển chăn nuôi, làm nghề phụ, giữ gìn xóm làng hay phố phường sạch đẹp...).

– Trong tất cả những sự đổi mới đó, em chọn lấy một hoạt động mà em thích nhất.

– Nếu không có đổi mới, các em có thể nêu ước mơ của mình về một sự đổi mới.

Bài tham khảo

Quê tôi là một phố huyện nhỏ thuộc tỉnh Đồng Nai. Dọc theo quốc lộ I. Từ thành phố Hồ Chí Minh ra Nha Trang, chắc hẳn các bạn sẽ đi qua Ngã ba Ông Đồn, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Đây chính là quê hương của tôi.

Quê tôi trước đây nghèo lắm, là một làng quê hẻo lánh, chỉ vài chục căn nhà lá thô sơ nằm rải rác ven đường quốc lộ. Nhưng mấy năm trở lại đây, quê tôi từng ngày đổi mới, nhờ phong trào trồng cây ăn quả, chả là đất quê tôi trồng các giống cây chôm chôm, sầu riêng rất hợp. Hơn nữa ở đây lại mọc lên một nhà máy khai thác đá xanh. Đi liền với nhà máy là nguồn nhân lực, nhân công dồi dào. Đời sống của người dân dần dần được cải thiện. Họ không những có nhiều thứ trái cây để ăn mà nơi đây còn là nguồn cung cấp hoa quả cho một số thành phố. Những ngôi nhà cao tầng, mái ngói đỏ tươi đã được mọc lên. Chợ búa trước đây ở mãi tận thị xã Long Khánh thì bây giờ chính nơi đây đã có một cái chợ sầm uất. Khách tứ phương đổ về rất đông, kẻ mua người bán, không khí sinh hoạt càng thêm rộn rã. Những ngôi trường cũ cũng được xây dựng lại khang trang, đẹp đẽ hơn. Trẻ con đến trường ngày một đông. Tiếng cười nói rộn ràng của trẻ càng làm cho nhịp sống ở đây ngày một từng bừng náo nhiệt.

Tôi rất yêu mảnh đất này, tôi ước mơ sau này lớn lên sẽ đem sức lực và tài trí của mình để làm cho quê hương ngày một đổi mới và giàu có.

Tập đọc

Anh hùng lao động Trần Đại Nghĩa

A. Mục tiêu bài học

- Đọc lưu loát, trôi chảy toàn bài. Đọc rõ các số chỉ thời gian và từ phiên âm tiếng nước ngoài.
- Hiểu nghĩa của các từ: *Anh hùng lao động, tiện nghi, cương vị, Cục Quân giới, cống hiến,...*
- Hiểu nội dung ý nghĩa của bài: *Ca ngợi anh hùng Trần Đại Nghĩa đã có nhiều cống hiến cho quốc phòng và nền khoa học trẻ Việt Nam.*

B. Tìm hiểu nội dung

Bài *Anh hùng lao động Trần Đại Nghĩa* chia làm bốn đoạn:

- Đoạn 1 (Từ đầu đến “*chế tạo vũ khí*”): Giới thiệu anh hùng lao động Trần Đại Nghĩa và tài năng của ông.
- Đoạn 2 (Tiếp... đến “*lô cốt của giặc*”): Những cống hiến của ông cho sự nghiệp quốc phòng.
- Đoạn 3 (Tiếp... đến “*kỹ thuật Nhà nước*”): Cống hiến của Trần Đại Nghĩa cho nền khoa học trẻ Việt Nam.
- Đoạn 4 (Đoạn còn lại): Những đánh giá của Nhà nước đối với ông.

I. Hướng dẫn luyện đọc

- Đọc diễn cảm toàn bài với giọng kể rõ ràng, chậm rãi, cảm hứng; ca ngợi nhà khoa học đã có nhiều cống hiến cho đất nước.
- Đọc đúng các từ sau: *cả ba ngành, thiêng liêng, miệt mài, vũ khí, ba-dô-ca, huân chương,...*
- Đọc diễn cảm đoạn văn sau:

Năm 1946, / nghe theo lời kêu gọi **thiên liêng** của Tổ quốc, ông **rời bỏ** cuộc sống đầy đủ tiện nghi ở nước ngoài, / theo Bác Hồ về nước. // Ông được Bác đặt tên mới là Trần Đại Nghĩa / và giao nhiệm vụ **nguyên cứu chế tạo vũ khí** phục vụ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. // Trên cương vị Cục trưởng Cục Quân giới, / ông đã cùng anh em **miệt mài** nghiên cứu, / chế ra **những loại vũ khí** có sức công phá lớn / như súng ba-dô-ca, / súng không giật, / bom bay tiêu diệt xe tăng và lô cốt của giặc. //

II. Tìm hiểu bài (*Trả lời câu hỏi*)

1. Em hiểu “*nghe theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc*” nghĩa là gì?

Em hiểu “*nghe theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc*” nghĩa là nghe theo tình cảm yêu nước mà trở về để xây dựng và bảo vệ đất nước.

2. Giáo sư Trần Đại Nghĩa đã có đóng góp gì lớn trong kháng chiến?

Giáo sư Trần Đại Nghĩa đã có đóng góp rất lớn trong kháng chiến. Trên cương vị Cục trưởng Cục quân giới, ông đã cùng anh em nghiên cứu, chế tạo ra những loại vũ khí có sức công phá lớn như súng ba-dô-ca, súng không giật, bom bay để tiêu diệt xe tăng và lô cốt của giặc.

3. Nêu những đóng góp của ông Trần Đại Nghĩa cho sự nghiệp xây dựng Tổ quốc?

Ông Trần Đại Nghĩa có công lớn trong việc xây dựng nền khoa học trẻ tuổi cho nước nhà. Nhiều năm liền ông giữ cương vị Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước.

4. Nhà nước đánh giá cao những cống hiến của ông Trần Đại Nghĩa như thế nào?

Nhà nước đánh giá rất cao những cống hiến của ông Trần Đại Nghĩa:

- Năm 1948 ông được phong Thiếu tướng.
- Năm 1952 ông được tuyên dương Anh hùng Lao động.
- Ông được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh và nhiều huân chương cao quý.

5. Theo em, nhờ đâu ông Trần Đại Nghĩa có được những cống hiến lớn như vậy?

Ông Trần Đại Nghĩa có được những cống hiến to lớn như vậy nhờ vào lòng yêu nước, tận tụy hết lòng với công việc, bằng một sự thông minh ham nghiên cứu, ham học hỏi. Hơn thế nữa ông là nhà khoa học xuất sắc.

Chính tả (*Nhớ - viết*) **Chuyện cổ tích về loài người**

A. Mục tiêu bài học

- Nhớ và viết lại đúng bốn khổ thơ trong bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người*.
- Làm đúng các bài tập có âm đầu và dấu thanh dễ lẫn: *r/d/gi*, *dấu hỏi/dấu ngã*.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn nhớ - viết

– Học thuộc lòng đoạn thơ từ *Mắt trẻ con sáng lắm...* đến *Hình tròn là trái đất* trong bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người*. Hiểu nội dung đoạn viết: *Trẻ em sinh ra cần nhiều thứ và mọi thứ trên trái đất đều là của trẻ em*.

– Viết đúng các từ: *trẻ con, chăm sóc, hiểu biết, biết nghĩ,...*

– Bài thơ theo thể thơ 5 chữ, viết thẳng cột các chữ đầu dòng thơ. Hết một khổ thơ cách dòng viết khổ thơ tiếp theo,...

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. Nhớ - viết: *Chuyện cổ tích về loài người* (Xem mục I).

2. a) Điền vào chỗ trống **r, d** hay **gi**?

Mưa giăng trên dòng

Uốn mềm ngọn lúa

Hoa xoan theo gió

Rải tím mặt đường

Nguyễn Bao

b) Đặt trên chữ in nghiêng **dấu hỏi** hay **dấu ngã**?

Mỗi cánh hoa giấy giống hệt một chiếc lá, chỉ có điều **mỏng** manh hơn và có màu sắc rực **rỡ**. Lớp lớp hoa giấy **rải** kín mặt sân, nhưng chỉ cần một làn gió **thoảng**, chúng liền **tản** mát bay đi mất.

3. Chọn những tiếng thích hợp trong ngoặc đơn để hoàn chỉnh bài văn sau:

Bài văn đã được hoàn chỉnh

Cây mai tứ quý

Cây mai cao trên hai mét, **dáng** thanh, thân thẳng như thân trúc. Tán tròn tự nhiên xòe rộng ở phần gốc, thu **dần** thành một **điểm** ở ngọn. Gốc lớn bằng bắp tay, cành vươn đều, nhánh nào cũng **rắn** chắc.

Mai tứ quý nở bốn mùa. Cánh hoa vàng **thắm** xếp làm ba lớp. Năm cánh dài dõ tía như ức gà chọi, đổ suốt từ đời hoa sang đời kết trái. Trái kết màu chín đậm, óng ánh như những hạt cườm dính trên tầng áo lá lúc nào cũng xum xuê một màu xanh chắc bền.

Đứng bên cây ngắm hoa, xem lá, ta thầm cảm phục cái mầu nhiệm của tạo vật trong sự hào phóng và lo xa: đã có mai vàng rực **rỡ** góp với muôn hoa ngày Tết, lại có cả mai tứ quý cần **mãn**, thịnh vượng quanh năm.

Theo Nguyễn Vũ Tiềm

A. Mục tiêu bài học

Nhận biết câu kể Ai thế nào?. Xác định được bộ phận chủ ngữ, vị ngữ trong câu. Biết viết một đoạn văn có dùng câu kể Ai thế nào?

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

I. Nhận xét

- 1. Đọc đoạn văn sau: (Học sinh đọc ở SGK cuối trang 23).
- 2. Tìm những từ ngữ chỉ đặc điểm, tính chất hoặc trạng thái của sự vật trong các câu ở đoạn văn trên.

Câu	Từ ngữ chỉ đặc điểm tính chất hoặc trạng thái của sự vật
Câu 1: Bên đường, cây cối xanh um .	xanh um
Câu 2: Nhà cửa thưa thớt dần .	thưa thớt dần
Câu 4: Chúng thật hiền lành .	hiền lành
Câu 6: Anh trẻ và thật khỏe mạnh .	trẻ và thật khỏe mạnh

3. Đặt câu hỏi cho các từ ngữ vừa tìm được:

- Câu 1: Bên đường cây cối **thế nào?**
- Câu 2: Nhà cửa **thế nào?**
- Câu 4: Chúng (đàn voi) **thế nào?**
- Câu 6: Anh (người quản tượng) **thế nào?**

4. Tìm những từ ngữ chỉ các sự vật được miêu tả trong mỗi câu:

Câu	Từ ngữ chỉ sự vật được miêu tả
- Câu 1: Bên đường, cây cối xanh um.	cây cối
- Câu 2: Nhà cửa thưa thớt dần.	Nhà cửa
- Câu 4: Chúng thật hiền lành.	Chúng
- Câu 6: Anh trẻ và thật khỏe mạnh.	Anh (người quản tượng)

5. Đặt câu hỏi cho các từ ngữ vừa tìm được:

- Câu 1: Bên đường **cái gì** xanh um?
- Câu 2: **Cái gì** thưa thớt dần?
- Câu 4: **Những con gì** thật hiền lành?
- Câu 6: **Ai** trẻ và thật khỏe mạnh?

II. Ghi nhớ (Đọc SGK)

III. Luyện tập

1. Đọc (HS đọc SGK trang 24) và trả lời câu hỏi:

- a) Tìm các câu kể *Ai thế nào?* trong đoạn văn trên.
- b) Xác định chủ ngữ của các câu vừa tìm được.
- c) Xác định vị ngữ của các câu vừa tìm được.

Tham khảo cách làm sau:

a) Câu kể <i>Ai thế nào?</i>	b) Chủ ngữ	c) Vị ngữ
1. Rồi những người con cũng lớn lên và lần lượt lên đường.	<i>Rồi những người con</i>	<i>cũng lớn lên và lần lượt lên đường.</i>
2. Căn nhà trống vắng.	<i>Căn nhà</i>	<i>trống vắng.</i>
3. Anh Khoa hồn nhiên, xởi lởi.	<i>Anh Khoa</i>	<i>hồn nhiên, xởi lởi.</i>
4. Anh Đức lăm lì, ít nói.	<i>Anh Đức</i>	<i>lăm lì, ít nói.</i>
5. Còn anh Tịnh thì đĩnh đạc, chu đáo	<i>Còn anh Tịnh</i>	<i>thì đĩnh đạc, chu đáo.</i>

2. Kể về các bạn trong tổ em, trong lời kể có sử dụng một số câu kể *Ai thế nào?*

Tham khảo cách kể sau:

Tổ em là tổ 2 của lớp 4A. Tổ em có 8 bạn: Tổ trưởng là bạn Nam. Nam học rất thông minh và chơi thể thao rất giỏi. Bạn Hùng học giỏi cũng chẳng kém bạn Nam. Hùng còn là một tay cờ vua của trường em. Trong kì thi đấu cờ toàn tỉnh, bạn đạt giải nhất. Mỹ và Thắng có tài bơi lội vì nhà các bạn ở gần sông nên ngay từ nhỏ, bố mẹ đã dạy các bạn bơi. Cô gái xinh đẹp nhất tổ là Vân Anh, học giỏi hát hay. Tuyết Mai, Sơn Khanh là những cô gái cần cù chăm chỉ, dịu dàng và tốt bụng. Chúng em chơi với nhau rất thân. Tổ của em là một gia đình hạnh phúc.

Kể chuyện Kể chuyện được chứng kiến hoặc tham gia

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng nói: Chọn một câu chuyện về một người có khả năng hoặc có sức khỏe đặc biệt.
- Rèn kĩ năng nghe: Nghe bạn kể, biết nhận xét lời kể của bạn.

B. Tìm hiểu nội dung (*Hướng dẫn kể chuyện*)

Đề bài: *Kể chuyện về một người có khả năng hoặc có sức khỏe đặc biệt mà em biết.*

Bài tham khảo 1

Câu chuyện tôi kể cho các bạn nghe là một câu chuyện có thật, chính mắt tôi nhìn thấy. Câu chuyện nói về khả năng đặc biệt của con người.

Đó chính là anh Bùi Văn Đông ở xã Hồng Giang, huyện Long Giang, tỉnh Bắc Giang.

Cũng như bao người dân khác ở trong xã, nhìn bề ngoài của anh trông không có một điểm gì đặc biệt. Thế nhưng anh lại có hàm răng rất khoẻ. Biệt tài của anh là có thể nhai nát bát đĩa, chén cốc bằng sành sứ. Trong khoảng thời gian ngắn, anh có thể nhai liền mấy cái đĩa và chén cốc. Khó tin phải không các bạn, bởi bình thường chúng ta ăn cơm, chẳng may nhai phải hạt sạn, ta cảm thấy đau răng và rợn người. Thế mà anh Bùi Văn Đông lại nhai nát vụn sành sứ thì quả là một người tài giỏi.

Việc ăn sành sứ chỉ là một trong những biệt tài của anh. Anh còn dùng hàm răng chắc khoẻ của mình mở nắp 35 chai bia liền một lúc trong vòng 42 - 43 giây trước sự chứng kiến đông đảo của bà con. Hôm đó, dân làng rất vui vì không những được chứng kiến tài năng của anh, mà sau đó họ còn được hả hê uống những chai bia do hàm răng của anh mở nắp. Thế nhưng chưa hết ngạc nhiên này họ lại chứng kiến ngạc nhiên khác. Đó là việc anh Bùi Văn Đông dùng hàm răng chắc khoẻ của mình để nhấc bổng một chiếc xe đạp nặng 10 kg và đi một đoạn đường dài là 67,2 mét.

Anh Bùi Văn Đông quả thật là một người có khả năng đặc biệt phải không các bạn. Nếu các bạn muốn tìm hiểu về những người có năng lực đặc biệt, các bạn hãy đến với các buổi phát hình của Đài truyền hình Việt Nam trên kênh VTV3 lúc 11 giờ 30 chủ nhật hàng tuần để chứng kiến những chuyện lạ Việt Nam. Câu chuyện mà tôi vừa kể cho các bạn nghe được Đài truyền hình Việt Nam quay trực tiếp và phát sóng vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 21 tháng 5 năm 2005 đấy các bạn ạ!

Bài tham khảo 2

Câu chuyện tiếp theo cũng nói về người có năng lực đặc biệt. Đó là anh Quốc Cường quê ở Bến Tre, anh có tài đặc biệt là ăn bóng đèn. Anh Đông nhai nát sành sứ, còn anh Quốc Cường lại nhai nát bóng đèn thuỷ tinh. Trong vòng thời gian mấy phút anh ăn hết 15 cái bóng đèn tròn. Nhìn anh nhai và nuốt, người ta tưởng như anh đang ăn kẹo. Không một vết xước, không một giọt máu nào trong miệng chảy ra. Có lẽ từ bé đến giờ tôi mới thấy một người tài giỏi như anh Quốc Cường. Anh giống như chàng khổng lồ trong những câu chuyện cổ tích.

Anh Cường còn có một biệt tài thứ hai là dùng ngón tay trỏ của mình để chọc thủng trái dừa khô. Các bạn cũng biết đấy, trái dừa khô thì vỏ nó rất cứng, ta phải dùng vật bằng sắt, nhọn mới đâm thủng trái dừa.

Thế mà anh chỉ dùng ngón tay trở của mình để làm điều đó, thời gian để anh chọc thủng hai trái dừa là một phút. Chắc hẳn ngón tay của anh ấy phải cứng lắm các bạn nhỉ?

Ngày 21 tháng 5 năm 2005, trước những người dân thủ đô Hà Nội và ống kính của đài truyền hình, anh ăn một lúc hết chục con rắn xanh (rắn lục) còn sống. Nhìn anh ăn, những người yếu tim và yếu bóng vía phải quay mặt đi chỗ khác, anh còn muốn ăn tiếp nhưng mọi người chứng kiến hôm đó bảo anh ngừng lại vì mọi người cảm thấy như tim mình ngừng đập. Chỉ cần nhìn mấy con rắn lục ngo ngoáy trên cổ anh thôi, người ta đã thấy rợn người rồi. Đằng này anh lại ăn sống. Anh nói rằng, anh xem phim nước ngoài, thấy họ ăn rắn, anh về bắt chước thử và một lần anh suýt bị chết vì rắn cắn. Anh định nuốt con rắn nhưng khi vào tới cổ, con rắn bèn cắn cuống họng của anh. Người nhà phải đưa anh đi cấp cứu ở bệnh viện Chợ Rẫy thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi khỏi, anh liền tập ăn rắn. Việc luyện tập của anh kéo dài gần 10 năm.

Anh Quốc Cường thật là một con người tuyệt vời phải không các bạn. Để có được những năng lực đặc biệt, anh đã phải dày công luyện tập để có thể ăn thủy tinh, dùng ngón tay chọc thủng trái dừa khô và ăn rắn sống. Chúng ta tin tưởng và hy vọng ở anh sẽ còn có nhiều năng lực đặc biệt khác. Con người quả thực là vĩ đại phải không các bạn?

Tập đọc

Bè xuôi sông La

A. Mục tiêu bài học

- Đọc trôi chảy lưu loát toàn bài, biết đọc diễn cảm bài thơ.
- Hiểu nội dung ý nghĩa bài thơ: *Ca ngợi vẻ đẹp của dòng sông La, đồng thời ca ngợi sức mạnh của con người Việt Nam trong công cuộc xây dựng đất nước.*

B. Tìm hiểu nội dung

Bài thơ ***Bè xuôi sông La*** chia làm ba đoạn:

- Đoạn 1 (4 dòng thơ đầu): Giới thiệu bè xuôi sông La mang theo những loại gỗ quý.
- Đoạn 2 (10 dòng tiếp theo): Vẻ đẹp của sông La.
- Đoạn 3 (8 dòng còn lại): Sức mạnh của con người Việt Nam trong công cuộc xây dựng đất nước.

I. Hướng dẫn luyện đọc

- Đọc diễn cảm toàn bài với giọng nhẹ nhàng, trù mẩn, nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả, gợi cảm: *trong veo, mươn mướt, lượn đàn, thông thả, lim dim, êm ả, long lanh, ngây ngất,...*

– Đọc đúng các từ: *táo mật, muông đen, lát chun, ánh mắt, ngây ngất, ngọt mát,...*

– Đọc đúng các dòng thơ sau:

*Sông la ơi sông La/
Trong veo / như ánh mắt /
Bờ tre xanh im mát /
Mươn mướt đôi hàng mi.//
Bè đi chiều thâm thì /
Gỗ lượn đàn thông thả /
Như bầy trâu **lim dim** /
Đắm mình / trong êm ả
Sóng long lanh vẩy cá /
Chim **hót** trên bờ đê. //*

II. Tìm hiểu bài (Trả lời câu hỏi)

1. Dòng sông La đẹp như thế nào?

Dòng sông La rất đẹp: Nước sông La trong veo như ánh mắt. Hai bên bờ những rặng tre xanh mướt in bóng xuống mặt sông. Sóng nước thì long lanh như vẩy cá. Chim hót rộn ràng trên bờ đê.

2. Chiếc bè gỗ được ví với cái gì? Cách nói ấy có gì hay?

Chiếc bè gỗ được ví với đàn trâu đang dầm mình thông thả trôi theo dòng sông. Cách nói so sánh như vậy rất hay vì đã gợi tả được hình ảnh bè trôi trên sông rất cụ thể nhưng cũng rất sinh động.

3. Vì sao trên bè, tác giả lại nghĩ đến mùi vôi xây, mùi lán cửa và những mái ngói hồng?

Trên bè, tác giả nghĩ đến mùi vôi xây, mùi lán cửa và những mái ngói hồng bởi tác giả mơ ước đến ngày mai, những bè gỗ quý này được đưa về xuôi góp phần xây dựng đất nước đang hoàng hơn, to đẹp hơn, bất chấp mọi bom đạn của kẻ thù.

4. Hình ảnh “*Trong đạn bom đổ nát; Bềnh trôi nọ ngói hồng*” nói lên điều gì?

Hình ảnh “*Trong đạn bom đổ nát; Bềnh trôi nọ ngói hồng*” nói lên tinh thần lạc quan, bất chấp bom đạn kẻ thù, với trí thông minh và đức can cù, nhân dân ta quyết xây dựng lại đất nước đẹp tươi và giàu mạnh hơn.

5. Học thuộc lòng bài thơ. (Học sinh học).

A. Mục tiêu bài học

Nhận thức đúng về lỗi trong bài văn miêu tả đồ vật khi đã được nghe thầy (cô) giáo chỉ rõ.

B. Thực hành (Hướng dẫn chữa bài)

- Biết sửa các lỗi đã được thầy (cô) yêu cầu cụ thể trong bài.
- Nhận thức được cái hay mà thầy cô đã chỉ ra.
- Tham khảo thêm một số bài văn hay của các bạn để học tập.
- Ghi vào sổ tay của mình những lỗi sai về chính tả, dùng từ, đặt câu... để lần sau không lặp lại nữa.

Luyện từ và câu

Vị ngữ trong câu kể Ai thế nào?

A. Mục tiêu bài học

Nắm được đặc điểm, ý nghĩa và cấu tạo của vị ngữ trong câu kể *Ai thế nào?*; xác định được vị ngữ và biết đặt câu đúng mẫu.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

I. Nhận xét

1. Đọc đoạn văn sau (SGK trang 29): (Học sinh đọc).
2. Tìm các câu kể *Ai thế nào?* trong đoạn văn.

- Các câu kể *Ai thế nào?* có trong đoạn văn:
- Câu 1: *Về đêm, cảnh vật thật im lìm*
 - Câu 2: *Sông trôi vỗ sóng dồn dập vô bờ như hồi chiều.*
 - Câu 4: *Ông Ba trầm ngâm.*
 - Câu 6: *Trái lại, ông Sáu rất sôi nổi.*
 - Câu 7: *Ông hết như Thần Thổ Địa của vùng này.*

3. Xác định chủ ngữ, vị ngữ của những câu vừa tìm được:

Chủ ngữ	Vị ngữ
Câu 1: Về đêm, cảnh vật	thật im lìm
Câu 2: Sông	thôi vỗ sóng dồn dập vô bờ như hồi chiều.
Câu 4: Ông Ba	trầm ngâm
Câu 6: Trái lại, ông Sáu	rất sôi nổi.
Câu 7: Ông	hết như Thần Thổ Địa của vùng này.

4. Vị ngữ trong các câu biểu thị nội dung gì? Chúng do những từ ngữ như thế nào tạo thành?

Câu	Vị ngữ trong câu biểu thị	Từ ngữ tạo thành
Câu 1	– trạng thái của sự vật (<i>cảnh vật</i>)	cụm tính từ
Câu 2	– trạng thái của sự vật (<i>sông</i>)	cụm động từ (ĐTừ: <i>thôi</i>)
Câu 4	– trạng thái của người (<i>ông Ba</i>)	cụm tính từ
Câu 6	– trạng thái của người (<i>ông Sáu</i>)	cụm tính từ
Câu 7	– trạng thái của người (<i>ông Sáu</i>)	cụm tính từ (TTừ: <i>hết</i>)

II. Ghi nhớ (Đọc SGK)

III. Luyện tập

1. Đọc và trả lời câu hỏi (HS đọc ở SGK trang 30):

a) Tìm các câu kể *Ai thế nào?* trong đoạn văn.

Các câu kể *Ai thế nào?* có trong đoạn văn:

- Câu 1: *Cánh đại bàng rất khỏe.*
- Câu 2: *Mỏ đại bàng dài và rất cứng.*
- Câu 3: *Đôi chân của nó giống như cái móc hàng của cần cẩu.*
- Câu 4: *Đại bàng rất ít bay.*

b) Xác định vị ngữ của các câu trên.

- Vị ngữ của câu 1: *rất khỏe.*
- Vị ngữ của câu 2: *dài và rất cứng.*
- Vị ngữ của câu 3: *giống như cái móc hàng của cần cẩu.*
- Vị ngữ của câu 4: *rất ít bay.*

c) Vị ngữ của các câu trên do những từ ngữ nào tạo thành?

- Câu 1: Vị ngữ do cụm tính từ (*rất khỏe*) tạo thành.
- Câu 2: Vị ngữ do hai tính từ (*dài và rất cứng*) tạo thành.
- Câu 3: Vị ngữ do cụm tính từ (*giống như cái móc hàng của cần cẩu*) tạo thành.
- Câu 4: Vị ngữ do cụm tính từ (*rất ít bay*) tạo thành.

2. Đặt 3 câu kể *Ai thế nào?* mỗi câu tả một cây hoa mà em yêu thích.

Bài tham khảo

Trong vườn, ông nội em trồng rất nhiều loại hoa: Hoa hồng đỏ thắm chói chang dưới ánh nắng mùa hè. Hoa huệ trắng tỏa một mùi hương tinh khiết. Hoa cúc đại đoá màu vàng ươm. Các loài hoa đua nhau khoe sắc cùng cô nàng mùa xuân...

Tập làm văn **Cấu tạo bài văn miêu tả cây cối**

A. Mục tiêu bài học

- Nắm được cấu tạo gồm 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài) của một bài văn tả cây cối.
- Biết lập dàn ý tả một cây ăn quả quen thuộc.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

I. Nhận xét

1. Đọc bài sau đây (*Bãi ngô* - SGK trang 30, 31). Xác định các đoạn văn và nội dung của từng đoạn:

Bài *Bãi Ngô* được chia làm ba đoạn và nội dung mỗi đoạn như sau:

- Đoạn 1 (Từ đầu đến “*manh mẽ, nồn nà*”): Giới thiệu bao quát về bãi ngô. Tả cây ngô từ lúc lấm tấm mạ non, nay thành một cây ngô dài, trở *manh mẽ, nồn nà*.
- Đoạn 2 (Tiếp... đến “*mỏng óng ánh*”): Tả hoa và búp ngô non giai đoạn đơm hoa kết trái.
- Đoạn 3 (Đoạn còn lại): Tả hoa và ngô giai đoạn có thể thu hoạch.

2. Đọc lại bài *Cây mai tứ quý* (sách Tiếng Việt 4, tập hai, trang 23). Trình tự miêu tả trong bài ấy có điểm gì khác bài *Bãi ngô* ?

Bài *Cây mai tứ quý*:

- Đoạn 1 (4 dòng đầu): Giới thiệu bao quát về cây mai (chiều cao, hình dáng, thân, tán cây, gốc, cành, nhánh,...)
- Đoạn 2 (4 dòng tiếp theo): Tả cánh hoa, kết trái.
- Đoạn 3 (còn lại): Nêu cảm xúc của người miêu tả.

Trình tự miêu tả trong bài *Cây mai tứ quý* khác với trình tự miêu tả trong bài *Bãi ngô* như sau:

- Bài *Cây mai tứ quý* tả từng bộ phận của cây.
- Bài *Bãi ngô* tả từng thời kì phát triển của cây.

3. Từ cấu tạo của hai bài văn trên, rút ra nhận xét về cấu tạo của bài văn miêu tả cây cối (xem phần ghi nhớ SGK trang 31).

II. Ghi nhớ (Đọc SGK).

III. Luyện tập

1. Đọc bài văn sau (*Cây gạo* - SGK trang 32) và cho biết cây gạo được miêu tả theo trình tự như thế nào?

Trình tự miêu tả của bài văn *Cây gạo*:

Tả theo từng thời kì phát triển của hoa gạo từ lúc hoa còn đỏ mọng đến lúc hết mùa hoa, những bông hoa gạo đã trở thành những quả gạo múp míp, đến khi những mảnh vỏ tách ra lộ những múi bông...

2. Lập dàn ý miêu tả một cây ăn quả quen thuộc, theo một trong hai cách đã học:

a) Tả lần lượt từng bộ phận của cây.

Lập dàn ý tả một cây đu đủ mà em trông thấy.

+ Mở bài: Giới thiệu cây đu đủ mà em trông thấy (Trồng ở đâu? Trồng đã được bao lâu?)

+ Thân bài:

- Tả bao quát: Hình dáng cây đu đủ (cao, thấp...) là loại đu đủ gì?
- Tả chi tiết:
 - Thân cây (thẳng hay cong, to hay nhỏ...)
 - Đu đủ có cành không?
 - Lá đu đủ như thế nào? Có thể so sánh với vật gì?
 - Quả đu đủ màu gì, hình thù ra sao? Quả đu đủ có nhựa không? So sánh với cái gì?
 - Hương vị đu đủ như thế nào?
 - Đu đủ thường được trồng ở đâu? Cách trồng như thế nào?
 - Nắng, mưa, chim chóc, ong bướm... có ảnh hưởng đến cây không?
- + Kết bài: Cảm nghĩ của em, ích lợi của cây đu đủ.

b) Tả lần lượt từng thời kì phát triển của cây.

Lập dàn ý tả một cây chuối đang có buồng (trồng ở vườn hoặc ở bãi).

+ Mở bài: Giới thiệu cây chuối đang có buồng (Trồng ở đâu? Thấy trong trường hợp nào?), là loại chuối gì?

+ Thân bài:

- Tả bao quát: Nó đứng một mình hay cả cụm, nét khác biệt với những cây khác. Nó cao mấy mét?
- Tả chi tiết:
 - Lúc đầu cây chuối ra buồng như thế nào? Thân cây có gì đặc biệt?
 - Những quả chuối phát triển ra sao?
 - Buồng chuối lớn dần, thân cây chuối bây giờ thế nào?
 - Nắng mưa, chim chóc... có ảnh hưởng gì đến cây không?
- + Kết bài: Cảm nghĩ của em và nêu ích lợi của chuối.

A. Mục tiêu bài học

- Đọc lưu loát, trôi chảy toàn bài. Biết đọc diễn cảm bài văn.
- Hiểu nghĩa của các từ ngữ: *mật ong già hạn, hoa đậu từng chùm, hao hao giống, mùa trái rộ, đam mê.*
- Hiểu được những điểm đặc sắc của cây sầu riêng và giá trị của nó.

B. Tìm hiểu nội dung

Bài văn **Sầu riêng** chia làm ba đoạn:

- Đoạn 1 (Từ đầu đến “*quyến rũ đến kì lạ*”): Giới thiệu giá trị của quả sầu riêng.
- Đoạn 2 (Tiếp... đến “*tháng năm ta*”): Giới thiệu hoa và quả sầu riêng.
- Đoạn 3 (Đoạn còn lại): Giới thiệu dáng cây sầu riêng và tình cảm của tác giả đối với cây sầu riêng.

I. Hướng dẫn luyện đọc

- Đọc diễn cảm toàn bài với giọng nhẹ nhàng, chậm rãi, nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả, gợi cảm: *thơm đậm, rất xa, lâu tan, ngào ngạt, thơm mùi thơm, béo cái béo, thơm mát, toả khắp vườn, lủng lẳng, khẳng khiu, cao vút, thẳng đuột, dáng cong, dáng nghiêng, ngạt ngào, đam mê,...*

- Đọc đúng các từ: *ngào ngạt, quện, toả khắp, lác đác, lủng lẳng, cao vút, thẳng đuột,...*

- Đọc đúng đoạn văn sau đây:

*Hoa sầu riêng trổ vào cuối năm.// Gió đưa hương **thơm ngát** như hương cau, / hương bưởi **toả khắp** khu vườn.// Hoa đậu **từng chùm**, / màu **tím ngất**.// Cánh hoa nhỏ như vẩy cá, / hao hao **giống** cánh sen con, / lác đác vài nhụy li ti giữa những cánh hoa.// Mỗi cuống hoa ra một trái.// Nhìn trái sầu riêng **lủng lẳng** dưới cành / trông giống như những tổ kiến.// Mùa trái rộ vào dạo tháng tư, / tháng năm ta.//*

II. Tìm hiểu bài (Trả lời câu hỏi)

1. Sầu riêng là đặc sản của vùng nào?

Sầu riêng là đặc sản của miền Nam.

2. Dựa vào bài văn, hãy miêu tả những nét đặc sắc của:

a) Hoa sầu riêng:

Hoa sầu riêng trổ vào cuối năm, thơm ngát như hương cau, hương bưởi. Đậu thành từng chùm, màu tím ngất, cánh hoa nhỏ như vảy cá, hao hao giống cánh sen con, lác đác vài nhụy li ti giữa những cánh hoa.

b) Quả sầu riêng:

Quả sầu riêng lủng lẳng dưới cành, trông như những tổ kiến, mùi thơm đậm, bay xa lâu tan trong không khí. Từ xa đã ngửi thấy mùi hương ngào ngạt, thơm mùi thơm của mít chín quyện với hương bưởi, béo cái béo của trứng gà, ngọt vị mật ong già hạn, vị ngọt đến đam mê.

c) Dáng cây sầu riêng:

Thân nó khẳng khiu, cao vút, cành ngang thẳng đuột. Lá nhỏ xanh vàng, hơi khép lại tưởng như héo.

3. Tìm những câu văn thể hiện tình cảm của tác giả đối với cây sầu riêng.

Những câu văn thể hiện tình cảm của tác giả đối với cây sầu riêng:

- *Sầu riêng là loại trái quý của miền Nam.*
- *Hương vị quyến rũ đến kì lạ.*
- *Đứng ngắm cây sầu riêng, tôi cứ nghĩ mãi về dáng cây kì lạ này.*
- *Vậy mà khi trái chín, hương tỏa ngát ngào, vị ngọt đến đam mê.*

Chính tả (Nghe - viết)

Sầu riêng

A. Mục tiêu bài học

- Nghe - viết đúng một đoạn trong bài *Sầu riêng*.
- Làm đúng các bài tập phân biệt tiếng có âm đầu và vần dễ nhầm lẫn: *l/n; ut/uc*.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn nghe - viết:

- Đọc lại bài *Sầu riêng* (từ *Hoa sầu riêng trổ vào cuối năm...* đến *tháng năm ta*).
- Hiểu nội dung đoạn văn: *Tả hoa và quả sầu riêng*.

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. **Nghe - viết:** *Sầu riêng* (từ *Hoa sầu riêng trổ vào cuối năm...* đến *tháng năm ta*) (**Xem mục I**).

2. Điền vào chỗ trống:

a) *l* hay *n*?

Bé Minh ngã sóng soài

Đứng dậy nhìn sau trước

Có ai mà hay biết

*Nên bé **n**ào thấy đau!*

Tối về mẹ xuýt xoa

*Bé òa lên **n**ức **n**ở*

Vết ngã giờ sức nhớ

Mẹ thương thì mới đau!

b) *ut* hay *uc*?

*Con dò lá **trúc** qua sông*

Trái mơ tròn trĩnh, quả bòng dung đưa

***Bút** nghiêng, lát phát hạt mưa*

***Bút** chao, gợn nước Tây Hồ lặn tẩn.*

3. Chọn tiếng thích hợp trong ngoặc đơn để hoàn chỉnh bài văn sau:

Bài văn đã hoàn chỉnh

Cái đẹp

Cuộc sống quanh ta thật đẹp. Cái đẹp của đất trời: **nắng** chan hoà như rót mật xuống quê hương, khóm **trúc** xanh rì rào trong gió sớm, những bông **cúc** vàng **lóng lánh** sương mai,... Có cái đẹp do bàn tay con người tạo **nên**: những mái chùa cong **vút**, những bức tranh rực rỡ sắc màu, những bài ca **náo nức** lòng người,... Nhưng đẹp nhất vẫn là vẻ đẹp của tâm hồn. Chỉ những người biết sống đẹp mới có khả năng thưởng thức cái đẹp và tô điểm cho cuộc sống ngày càng tươi đẹp hơn.

Luyện từ và câu Chủ ngữ trong câu kể Ai thế nào?

A. Mục tiêu bài học

- Nắm được ý nghĩa của chủ ngữ và cấu tạo chủ ngữ trong câu kể Ai thế nào?
- Viết được đoạn văn có dùng câu kể Ai thế nào?

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

I. Nhận xét

1. Tìm các câu kể Ai thế nào? trong đoạn văn sau (SGK trang 36):

Các câu kể Ai thế nào? trong đoạn văn:

- Câu 1: Hà Nội từng bừng màu đỏ.
- Câu 2: Cả một vùng trời bát ngát cờ, đèn và hoa.
- Câu 3: Các cụ già vẻ mặt trang nghiêm.
- Câu 4: Những cô gái thủ đô hơn hờ, áo màu rực rỡ.

2. Xác định chủ ngữ của những câu vừa tìm được:

Câu	Chủ ngữ	Vị ngữ
Câu 1	Hà Nội	<i>từng bừng màu đỏ.</i>
Câu 2	Cả một vùng trời	<i>bát ngát cờ, đèn và hoa.</i>
Câu 3	Các cụ già	<i>vẻ mặt trang nghiêm.</i>
Câu 4	Những cô gái thủ đô	<i>hón hờ, áo màu rực rỡ.</i>

3. Chủ ngữ trong các câu trên biểu thị nội dung gì? Chúng do những từ ngữ nào tạo thành?

Chủ ngữ của các câu trên đều chỉ sự vật có đặc điểm, tính chất được nêu ở vị ngữ.

- Ở câu 1: Chủ ngữ do danh từ riêng tạo thành (Hà Nội)
- Ở các câu 2, 3, 4: Chủ ngữ do cụm danh từ tạo thành.

II. Ghi nhớ (Đọc SGK).

III. Luyện tập

1. Tìm chủ ngữ của các câu kể *Ai thế nào?* trong đoạn văn dưới đây (SGK trang 37):

Câu	Chủ ngữ	Vị ngữ
2	Chú chuồn chuồn nước	<i>mới đẹp làm sao.</i>
3	Màu vàng trên lưng chú	<i>lấp lánh.</i>
4	Bốn cái cánh	<i>mỏng như giấy bóng.</i>
5	Cái đầu (và) hai con mắt	<i>tròn long lanh như thủy tinh.</i>
6	Thân chú	<i>nhỏ và thon vàng như màu vàng của nắng mùa thu.</i>
8	Bốn cánh	<i>khẽ rung rung như còn đang phân vân.</i>

2. Viết một đoạn văn khoảng 5 câu về một loại trái cây mà em thích trong đoạn văn có dùng một số câu kể *Ai thế nào?*

Đoạn văn tham khảo

Trong các loại trái cây, em thích nhất là quả măng cụt. Quả măng cụt chỉ to hơn nắm tay em một tí. Quả màu nâu sậm. Phía trên quả là một cái núm màu xanh. Khi cắt ra, bên trong có năm đến sáu múi màu trắng rất đẹp. Quả có vị ngọt thanh, ăn vào rất mát.

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng nói: Nghe thầy (cô) kể chuyện, biết sắp xếp lại theo đúng thứ tự các bức tranh. Kể lại được từng đoạn và toàn bộ câu chuyện. Hiểu được lời khuyên ở trong truyện.

– Rèn kĩ năng nghe: Nghe bạn kể, biết nhận xét lời kể của bạn.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn kể chuyện)

1. Sắp xếp lại thứ tự các tranh bên (SGK trang 37) cho đúng với cốt truyện Con vịt xấu xí mà em vừa được nghe kể?

Thứ tự các tranh đúng với cốt truyện Con vịt xấu xí là 3 – 1 – 2 – 4.

2. Dựa vào các tranh đã sắp xếp lại, kể từng đoạn câu chuyện.

Tham khảo cách kể sau:

Vịt con xấu xí

*** Tranh 1 (là tranh 3 ở SGK).**

Sắp đến mùa đông, vợ chồng thiên nga cùng đưa con nhỏ bay về phương Nam tránh rét. Vì đứa con quá nhỏ và yếu ớt nên chúng phải nghỉ lại dọc đường. May mắn ở chỗ dừng chân, chúng gặp một cô vịt đang chuẩn bị cho đàn con xuống ổ. Hai vợ chồng liền nhờ cô chăm sóc giùm thiên nga con và hứa sang năm sẽ quay lại đón con.

*** Tranh 2 (là tranh 1 ở SGK).**

Thiên nga con ở lại cùng đàn vịt. Nó buồn lắm vì không có bạn. Vịt mẹ thì bận bịu suốt ngày vì phải lo kiếm ăn, chăn dắt cả thiên nga lẫn mười một đứa con vừa rời ổ. Còn đàn vịt con thì luôn tìm cách hành hạ, hắt hủi thiên nga. Đối với chúng, thiên nga là con vịt vô tích sự và vô cùng xấu xí: cái cổ thì dài ngoẵng, thân hình thì gầy guộc, vụng về...

*** Tranh 3 (là tranh 2 ở SGK).**

Một năm sau, thiên nga bố mẹ trở lại tìm vịt mẹ. Cả hai vô cùng sung sướng khi thấy thiên nga con giờ đã cứng cáp, khôn lớn. Thiên nga con gặp lại bố mẹ vô cùng mừng rỡ. Nó quên luôn những ngày tháng cô đơn, buồn tẻ trước đây, quên cả cách cư xử của đàn vịt con. Nó chạy đến cảm ơn vịt mẹ và bịn rịn chia tay với các bạn vịt để còn kịp theo bố mẹ lên đường, bay tới những chân trời xa.

*** Tranh 4 (là tranh 4 ở SGK).**

Mãi đến lúc này, đàn vịt con mới biết con vịt xấu xí mà chúng thường chê bai, dè bĩu chính là thiên nga, loài chim đẹp nhất trong

vương quốc của những loài có cánh, đi bằng hai chân. Chúng rất xấu hổ và ân hận vì đã đối xử không phải với thiên nga.

3. Kể lại toàn bộ câu chuyện.

Học sinh liên kết 4 đoạn vừa kể ở trên sẽ được toàn bộ câu chuyện.

4. Câu chuyện này khuyên em điều gì?

Câu chuyện khuyên em phải biết nhận ra cái đẹp của người khác, biết yêu thương người khác. Không lấy mình làm mẫu khi đánh giá người khác.

Tập đọc

Chợ Tết (trích)

A. Mục tiêu bài học

- Đọc diễn cảm bài thơ, hiểu nghĩa của các từ: *ấp, the, đôi thoa son*.
- Hiểu nội dung bài: *Bài thơ nói về cuộc sống vui vẻ, hạnh phúc của những người dân quê ở miền trung du trong những ngày phiên chợ Tết.*

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn luyện đọc

- Đọc diễn cảm toàn bài với giọng chậm rãi, nhịp nhàng phù hợp với việc diễn tả bức tranh giàu màu sắc của con người miền trung du trong những ngày diễn ra phiên chợ Tết.

- Đọc đúng các từ ngữ: *dải mây, viên trắng, vui vẻ, lặng lẽ, ngộ nghĩnh, bình minh,...* Đọc đúng các dòng thơ sau:

*Dải mây trắng / **đỏ dần** trên đỉnh núi /
Sương hồng lam / **ôm ấp** nóc nhà gianh /
Trên con đường **viên trắng** mép đồi xanh /
Người các ấp **tưng bừng** ra chợ Tết /
Họ vui vẻ **kéo hàng** / trên cỏ biếc /
Những thằng cu áo đỏ / chạy **lon xon** /
Vài cụ già chống gậy / bước **lom khom** /
Cô yếm thắm / che môi cười **lặng lẽ** /*

II. Tìm hiểu bài (Trả lời câu hỏi)

1. Người các ấp đi chợ Tết trong khung cảnh đẹp như thế nào?

Người các ấp đi chợ Tết trong khung cảnh rất đẹp: Mặt trời lên làm đỏ những dải mây trắng, làm tan những giọt sương còn đọng lại trên mái nhà. Những tia nắng xuyên qua ruộng lúa. Núi rừng được phủ bằng một chiếc áo the, còn đồi thì rực hồng lên khi nhận ánh sáng buổi sớm.

2. Mỗi người đến chợ Tết với dáng vẻ riêng ra sao?

Mỗi người đến chợ Tết với một dáng vẻ riêng:

- Những thằng cu mặc áo đỏ chạy lon xon
- Các cụ già chống gậy bước lom khom.
- Các cô gái mặc yếm thắm, cười nói vui vẻ.
- Em bé nằm nép bên đầu yếm mẹ.
- Hai người gánh lợn chạy đi đầu, con bò vàng thì chạy đằng sau rất ngộ nghĩnh.

3. Bên cạnh những dáng vẻ riêng, những người đi chợ Tết có điểm gì chung?

Điểm chung của những người đi chợ Tết là họ rất vui vẻ, háo hức và phấn khởi.

4. Bài thơ là một bức tranh giàu màu sắc về chợ Tết. Em hãy tìm những từ ngữ đã tạo nên bức tranh giàu màu sắc ấy.

Tác giả đã sử dụng một số từ ngữ là tính từ gọi tả màu sắc: *trắng, đỏ, hồng lam, xanh, biếc, thắm, vàng, tía, son*. Ngay màu đỏ cũng thể hiện phép tăng cấp: *hồng, đỏ, tía, thắm, son*.

Chính những từ ngữ trên đã tạo nên bức tranh giàu màu sắc trong bài thơ.

5. Học thuộc lòng bài thơ. (Học sinh tự học).

Tập làm văn

Luyện tập quan sát cây cối

A. Mục tiêu bài học

- Biết quan sát cây cối theo một trình tự, kết hợp với các giác quan.
- Nhận ra được sự giống nhau và khác nhau giữa miêu tả một loài cây với miêu tả một cây cụ thể.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

1. Đọc lại ba bài văn tả cây cối mới học (*Sầu riêng, Bãi ngô, Cây gạo*) và nhận xét:

a) Tác giả mỗi bài văn quan sát cây theo trình tự như thế nào?

- Bài ***Sầu riêng*** tác giả quan sát từng bộ phận của cây.
- Bài ***Bãi ngô*** tác giả quan sát từng thời kì phát triển của cây.
- Bài ***Cây gạo*** tác giả quan sát từng thời kì phát triển của cây gạo.

b) Các tác giả quan sát cây bằng những giác quan nào?

– Bài ***Sầu riêng***:

+ Tác giả dùng thị giác để quan sát hoa, trái, dáng cây, thân cành, lá.

- + Tác giả dùng khứu giác (mũi) ngửi hương thơm của trái sầu riêng.
- + Tác giả dùng vị giác (lưỡi) để nếm vị ngọt của trái sầu riêng.
- Bài **Bãi ngô**:
 - + Tác giả dùng thị giác (mắt) để nhận ra cây, lá, búp, hoa bắp ngô, bướm trắng, bướm vàng.
 - + Tác giả dùng thính giác (tai) để nghe tiếng tu hú.
- Bài **Cây gạo**:
 - + Tác giả dùng thị giác để nhận ra cây, cành, hoa, quả gạo, chim chóc.
 - + Tác giả dùng thính giác (tai) để nghe tiếng chim hót.

c) Chỉ ra những hình ảnh so sánh và nhân hoá mà em thích. Theo em, các hình ảnh so sánh và nhân hoá này có tác dụng gì?

Bài	Hình ảnh so sánh	Hình ảnh nhân hoá	Tác dụng
Sầu riêng	– Hoa sầu riêng ngan ngát, như hương cau, hương bưởi. – Cánh hoa nhỏ như vảy cá, hao hao giống cánh sen con. – Trái lủng lẳng dưới cành trông như tổ kiến.		<i>Gắn gũi hấp dẫn đối với người đọc.</i>
Bãi ngô	– Cây ngô lúc nhỏ lấm tấm như mạ non. – Búp như kết bằng nhung và phấn. – Hoa ngô xơ xác như cỏ may.	– Búp ngô non núp trong cuống lá. – Bắp ngô chờ tay người đến bẻ.	<i>Làm cho bài văn sinh động, gần gũi với con người.</i>
Cây gạo	– Cánh hoa gạo đỏ rực quay tít như chong chóng. – Quả hai đầu thon vút như con thoi. – Cây như treo rung rinh hàng ngàn nỗi cơm gạo mới.	– Các múi bông gạo nở đều, chín như nỗi cơm chín đội vung mà cười . – Cây gạo già mỗi năm trở lại tuổi xuân . – Cây gạo trở về với dáng vẻ trầm tư, đứng im cao lớn, hiền lành , làm tiêu cho những con đò cập bến.	<i>Làm cho bài văn thêm gần gũi, hấp dẫn sinh động với người đọc.</i>

d) Trong ba bài văn trên, bài nào miêu tả một loài cây, bài nào miêu tả một cây cụ thể?

– Các bài văn miêu tả một loài cây: **Sầu riêng, Bãi ngô.**

– Bài văn miêu tả một cây cụ thể: **Cây gạo.**

e) Theo em, miêu tả một loài cây có điểm gì giống và điểm gì khác với miêu tả một cây cụ thể?

– **Điểm giống nhau:** đều phải quan sát và dùng các giác quan để quan sát. Tả các bộ phận của cây. Tả môi trường xung quanh cây. Dùng các biện pháp so sánh, nhân hoá làm cho sự vật thêm cụ thể, sinh động, gần gũi với người đọc. Người tả phải bộc lộ tình cảm.

– **Điểm khác nhau:** Tả một loài cây cần chú ý đặc điểm để phân biệt loài cây này với loài cây khác. Tả một cây cụ thể, cần chú ý đến đặc điểm riêng của cây đó để phân biệt với các cây cùng loại khác.

2. Quan sát một cây mà em thích trong khu vực trường em (hoặc nơi em ở) và ghi lại những gì em quan sát được.

Gợi ý: **Quan sát cây phượng vĩ.**

a) Trình tự quan sát hợp lí:

Quan sát từ xa đến gần (nhìn từ xa dáng cây phượng ra sao? Lại gần thì thấy thế nào?).

b) Em quan sát bằng các giác quan:

– Thị giác (mắt): nhìn hình dáng của cây, gốc cây, thân cây, cành, lá, hoa quả, chim chóc, nắng, học trò đùa giỡn dưới gốc cây, bóng cây.

– Tai (thính giác): nghe tiếng gió thổi, tiếng chim hót líu lo, tiếng ve kêu râm ran,...

c) Cây em quan sát có gì khác với những cây cho bóng mát khác cùng loài: So sánh cây em quan sát với cây phượng vĩ khác, với cây bàng, cây đa,...

Luyện từ và câu

Mở rộng vốn từ: *Cái đẹp*

A. Mục tiêu bài học

- Mở rộng hệ thống hoá vốn từ thuộc chủ điểm *Vẻ đẹp muôn màu.*
- Biết dùng các từ đã học để đặt câu.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

1. Tìm các từ:

a) Thể hiện vẻ bên ngoài của con người: *đẹp, xinh đẹp, xinh tươi, xinh xắn, thuốt tha, yêu kiều, rục rờ, lộng lẫy,...*

b) Thể hiện nét đẹp trong tâm hồn, tính cách của con người: *thùy mị, nét na, hiền dịu, hiền lành, chân tình, thẳng thắn, ngay thẳng, đôn hậu, lịch sự, tế nhị, dũng cảm, quả cảm, khẳng khái, cương trực, khí khái,...*

2. Tìm các từ:

a) Chỉ dùng để thể hiện vẻ đẹp của thiên nhiên, cảnh vật: *tươi đẹp, rục rờ, huy hoàng, mỹ lệ, tráng lệ, diễm lệ, hoành tráng, kì vĩ, vĩ đại,...*

b) Dùng để thể hiện vẻ đẹp của cả thiên nhiên, cảnh vật và con người: *duyên dáng, thuốt tha, mỹ miều, lộng lẫy, rục rờ, xinh đẹp, xinh tươi,...*

3. Đặt câu với một từ vừa tìm được ở bài tập 1 hoặc 2.

- Cô bé ấy thật **xinh xắn** và dễ thương.
- Dáng đi của cô ấy mới **thuốt tha** làm sao.
- Bộ quần áo của cô ấy thật **lộng lẫy**.
- Cảnh mặt trời mọc buổi sáng thật **tráng lệ**.
- Ngọn núi Ba Vì nhìn từ xa thật **hùng vĩ**.

4. Điền các thành ngữ hoặc cụm từ ở cột A vào chỗ thích hợp ở cột B (SGK trang 40):

- *Mặt tươi như hoa, em mỉm cười chào mọi người.*
- *Ai cũng khen chị Ba đẹp người, đẹp nét.*
- *Ai viết câu thả chặc chần chữ như gà bới.*

Tập làm văn

Luyện tập miêu tả các bộ phận của cây cối

A. Mục tiêu bài học

- Thấy được những đặc điểm đặc sắc trong cách quan sát và miêu tả các bộ phận của cây cối.
- Viết được một đoạn văn miêu tả.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

1. Dưới đây (SGK 41, 42) là một số đoạn văn tả lá, thân và gốc một số loài cây. Theo em, cách tả của tác giả trong mỗi đoạn có gì đáng chú ý?

Cách tả trong mỗi đoạn văn có những điểm đáng chú ý sau:

a) Tả lá cây (Bài **Lá bàng**): Tác giả tả sự thay đổi màu sắc của lá bàng theo thời gian bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông.

– Mùa xuân: *lá bàng mới nảy trông như những ngọn lửa xanh* (dùng phương pháp so sánh).

– Mùa hè: *lá lên thật dày, ánh sáng xuyên qua chỉ còn là màu ngọc bích*.

– Mùa thu: *mùa của lá rụng*.

– Mùa đông: *lá bàng đỏ như đồng* (phương pháp so sánh).

b) Tả thân cây và gốc cây (Bài **Cây sồi già**): Tác giả tả sự thay đổi của cây sồi già từ mùa đông sang mùa xuân.

– Mùa đông: *cây sồi nứt nẻ, đầy vết sẹo* (phương pháp nhân hoá).

– Mùa xuân: *tỏa rộng thành vòm lá xum xuê xanh tốt thắm màu*.

2. Viết một đoạn văn tả lá, thân hay gốc của một cây mà em yêu thích..

– Tả lá (lá bàng):

Lá bàng được thay đổi theo mùa. Mùa thu lá từ màu xanh sẫm chuyển sang màu vàng pha đỏ rồi màu nâu. Mùa đông lá bàng đỏ như màu chấu đồng rồi dần dần rụng hết. Xuân sang, chồi non mới nhú lên, những lá xanh non xòe khắp các cành trông như những đàn chim đang vỗ cánh bay. Sang hè lá lên thật dày trông như màu ngọc bích. Thỉnh thoảng những làn gió thổi qua khiến cành lá rung rinh xào xạc.

– Tả thân cây (thân cây dừa):

Thân dừa xám xịt, vỏ đầy dấu ấn của thời gian và nứt nhiều đường li ti. Càng lên cao, thân nó càng thu nhỏ lại và đâm thẳng lên trời. Từ gốc tới ngọn, dừa phải cao đến mười mét.

– Tả gốc cây (gốc cây phượng):

Gốc cây phượng trường em rất to, hai ba người ôm mới xuể, dưới gốc cây nổi lên những cái rễ lớn, ngoằn ngoèo, uốn lượn như những con trăn khổng lồ đang trườn tới. Ra chơi, chúng em thường ngồi dưới gốc cây trò chuyện vui vẻ.

Tập đọc

Hoa học trò

A. Mục tiêu bài học

- Biết đọc diễn cảm bài văn.
- Hiểu được nội dung của bài: *Cảm nhận được vẻ đẹp độc đáo của hoa phượng, ý nghĩa của hoa phượng - hoa học trò.*

B. Tìm hiểu nội dung

Bài văn ***Hoa học trò*** chia làm ba đoạn:

- Đoạn 1 (Từ đầu đến “*đậu khít nhau*”): Vẻ đẹp của mùa hoa phượng.
- Đoạn 2 (Tiếp... đến “*mà bất ngờ vậy*”): Tả lá phượng.
- Đoạn 3 (Đoạn còn lại): Tả sự thay đổi màu của hoa phượng.

I. Hướng dẫn luyện đọc

- Đọc diễn cảm toàn bài với giọng nhẹ nhàng suy tư, nhấn giọng ở các từ gợi tả, gợi cảm về vẻ đẹp của hoa phượng.
- Đọc đúng các từ: *đóa, tán hoa lớn, xòe ra, nổi niêm, bông phượng,...*
- Đọc đúng đoạn văn sau:

Phượng không phải là một đóa, / không phải vài cành; / phượng đây là cả một loạt, / cả một vùng, / cả một góc trời đỏ rực. // Mỗi hoa cũng chỉ là một phần tử của cả xã hội thắm tươi; / người ta quên đóa hoa, / chỉ nghĩ đến cây, / đến hàng, / đến những tán hoa lớn xòe ra như muôn ngàn con bướm thắm đậu khít nhau. //

II. Tìm hiểu bài (Trả lời câu hỏi)

1. Tại sao tác giả gọi hoa phượng là “*hoa học trò*”?

Tác giả gọi hoa phượng là “*hoa học trò*” vì đây là loài hoa rất gần gũi với tuổi học trò. Phượng được trồng nhiều ở sân trường. Khi hoa phượng nở cũng chính là lúc kì thi cuối năm của học sinh và sắp đến ngày được nghỉ hè. Cây phượng, hoa phượng gắn với nhiều kỉ niệm của tuổi học trò.

2. Vẻ đẹp của hoa phượng có gì đặc biệt?

Vẻ đẹp của hoa phượng rất đặc biệt:

- Hoa phượng có màu đỏ rực, đẹp không phải là một đóa, không phải vài cành, mà cả một loạt, cả một vùng, cả một góc trời như lửa.
- Hoa phượng gợi cảm giác buồn vui: Buồn vì năm học sắp kết thúc phải chia tay bạn bè, thầy cô, chia tay với mái trường thân yêu với nhiều kỉ niệm gắn bó. Vui vì được nghỉ hè, nghỉ ngơi sau một năm học vất vả.
- Hoa phượng nở nhanh đến bất ngờ. Làm cho thành phố bỗng rực lên như Tết.

3. Màu hoa phượng thay đổi như thế nào theo thời gian?

Lúc đầu màu hoa phượng là màu đỏ còn non, nếu có mưa lại càng tươi dịu; số hoa mỗi ngày một tăng dần lên, màu cũng đậm dần. Rồi hòa với mặt trời chói lọi màu hoa phượng cũng rực lên.

Chính tả (Nhớ - viết)

Chợ Tết

A. Mục tiêu bài học

- Nhớ - viết lại chính xác một đoạn trong bài thơ *Chợ Tết*.
- Làm đúng các bài tập tìm tiếng thích hợp có âm đầu hoặc vần dễ lẫn: *s/x*; *ưc/ưt*. Biết điền các từ thích hợp vào chỗ trống.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn nhớ - viết

- Học thuộc đoạn thơ từ *Dải mây trắng...* đến *ngộ nghĩnh đuổi theo sau* trong bài thơ *Chợ Tết*, hiểu nội dung đoạn viết: *Tả vẻ đẹp của phiên chợ Tết và niềm vui của những người đi chợ Tết.*
- Viết đúng các từ: *nhà gianh, viên trắng, vui vẻ, lon xon, lặng lẽ, ngộ nghĩnh,...*
- Viết hoa chữ đầu mỗi dòng thơ, các dòng thơ viết sát lề.

II. Hướng dẫn làm bài tập

- 1. Nhớ - viết:** Bài thơ *Chợ Tết* (từ *Dải mây trắng...* đến *ngộ nghĩnh đuổi theo sau*). (**Xem mục I**).
- 2. Tìm tiếng thích hợp với mỗi ô trống để hoàn chỉnh mẩu chuyện dưới đây** (SGK trang 44). Biết rằng ô số 1 chứa tiếng có âm đầu là *s* hay *x*, còn ô số 2 chứa tiếng có vần *ưc* hay *ưt*.

Mẩu chuyện đã hoàn chỉnh

Một ngày và một năm

Men-xen là một họa **sĩ** trứ danh của nước **Đức**, được rất nhiều người hâm mộ. Mỗi khi tranh của ông trưng bày là người ta tranh nhau mua.

Có một họa sĩ trẻ nói với ông rằng:

- Ngài thật quả là một người **sung** sướng. Còn tôi, không hiểu **sao** tranh rất khó bán. Nhiều **bức** tranh tôi vẽ mất cả ngày nhưng phải một năm mới bán được

Men-xen liền bảo:

- Anh hãy thử làm ngược lại xem sao! Nghĩa là hãy để cả một năm vẽ một **bức** tranh, rồi bán nó trong một ngày.

A. Mục tiêu bài học

- Nắm được tác dụng của dấu gạch ngang.
- Biết sử dụng dấu gạch ngang khi viết.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

I. Nhận xét

1. Tìm những câu có chứa dấu gạch ngang (dấu –) trong các đoạn văn sau (SGK trang 45):

- Những câu có chứa dấu gạch ngang (dấu –) trong đoạn a:

- *Cháu con ai?*
- *Thưa ông, cháu là con ông Thư.*

- Câu có chứa dấu gạch ngang (dấu –) trong đoạn b:

Cái đuôi dài – bộ phận khỏe nhất của con vật kinh khủng dùng để tấn công – đã bị trói xếp vào bên mạng sườn.

- Những câu có chứa dấu gạch ngang (dấu –) trong đoạn c:

– *Trước khi bật quạt, đặt quạt nơi chắc chắn để chân quạt tiếp xúc đều với nền.*

– *Khi điện đã vào quạt, tránh để cánh quạt bị vướng víu, quạt không quay được sẽ làm nóng chảy cuộn dây trong quạt.*

– *Hàng năm, tra dầu mỡ vào ổ trục, bộ phận điều khiển hướng quay của quạt, nhưng không nên tra quá nhiều, vì dầu mỡ sẽ chảy vào trong làm hỏng dây bên trong quạt.*

– *Khi không dùng, cất quạt vào nơi khô, mát, sạch sẽ, ít bụi bặm.*

2. Theo em, trong mỗi đoạn văn trên, dấu gạch ngang có tác dụng:

– *Đoạn a:* Các dấu gạch ngang có tác dụng đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói của nhân vật (ông khách và cậu bé) trong đoạn đối thoại.

– *Đoạn b:* Dấu gạch ngang có tác dụng đánh dấu phần chú giải (về cái đuôi dài của con cá sấu) trong câu văn.

– *Đoạn c:* Các dấu gạch ngang có tác dụng liệt kê các biện pháp cần thiết để sử dụng và bảo quản quạt điện được an toàn, bền lâu.

II. Ghi nhớ (Đọc SGK).

III. Luyện tập

1. Tìm dấu gạch ngang có trong mẫu chuyện dưới đây (chuyện *Quà tặng cha* SGK trang 46) và nêu tác dụng của mỗi dấu.

• Các dấu gạch ngang có trong mẫu chuyện **Quà tặng cha**:

– Câu 1: *Một bữa Pa-xcan đi đâu về khuya, thấy bố mình – một viên chức tài chính – vẫn cặm cụi trước bàn làm việc.*

– Câu 2: *“Những dãy tính cộng với hàng ngàn con số, một công việc buồn tẻ làm sao!” – Pa-xcan nghĩ thầm.*

– Câu 3: – *“Con hi vọng món quà nhỏ này có thể làm bố bớt nhức đầu vì những con tính” – Pa-xcan nói.*

• Tác dụng của dấu gạch ngang:

– Câu 1: Dấu gạch ngang có tác dụng đánh dấu phần chú thích trong câu (bố Pa-xcan là một viên chức tài chính).

– Câu 2: Dấu gạch ngang đánh dấu phần chú thích trong câu (đây là ý nghĩ của Pa-xcan).

– Câu 3: Dấu gạch ngang thứ nhất đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói của Pa-xcan. Dấu gạch ngang thứ hai đánh dấu phần chú thích (đây là lời Pa-xcan nói với bố).

2. Viết đoạn văn kể lại một cuộc nói chuyện giữa bố hoặc mẹ với em về tình hình học tập của em trong tuần qua, trong đó có dùng dấu gạch ngang để đánh dấu các câu đối thoại và đánh dấu phần chú thích.

Đoạn văn tham khảo

Như thường lệ, cứ vào buổi tối thứ bảy, gia đình tôi lại có dịp sinh hoạt đầm ấm bên nhau. Hôm nay cũng vậy, đầu tiên, bố tôi hỏi:

-- Con trai của ba, trong tuần qua, con học thế nào? Có thành tích gì không?

Tôi vội vàng trả lời:

– Thưa ba, tuần qua con được đến 4 điểm 10 cơ đấy!

– Thế ư? – Ba tôi vừa ngạc nhiên vừa mừng rỡ thốt lên.

Tôi thông thả nói:

– Đó là môn Toán con lên chữa bài, môn Luyện từ và câu, môn Vẽ và trả bài tập làm văn viết ba ạ.

Bố tôi nói tiếp:

– Thế thì ngày mai chủ nhật, ba sẽ thưởng cho con một chuyến đi chơi ở Suối Tiên, con đồng ý không?

Tôi thích chí cười tít cả mắt.

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng nói: Biết kể tự nhiên bằng lời của mình câu chuyện đã nghe, đã đọc có nội dung phản ánh cái đẹp hay phản ánh cuộc đấu tranh giữa cái đẹp và cái xấu, cái thiện với cái ác.

– Rèn kĩ năng nghe: Nghe bạn kể biết nhận xét lời kể của bạn.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn kể chuyện)

Đề bài: *Kể một câu chuyện em đã được nghe, được đọc ca ngợi cái đẹp hay phản ánh cuộc đấu tranh giữa cái đẹp và cái xấu, cái thiện với cái ác.*

Bài tham khảo

Câu chuyện mà tôi muốn kể cho các bạn nghe có cái tên “*Những bộ mặt treo trên tường*”, nói về hai người con gái, họ không giống nhau về hình thức và cũng chẳng giống nhau về tính tình. Vậy họ là ai? Các bạn hãy lắng nghe nhé!

Có hai chị em chung sống với nhau. Cô chị rất xinh đẹp, còn cô em thì rất xấu xí. Cô chị được các chàng trai trong vùng yêu thích, còn cô em xấu xí thì ngay cả những ông già cũng chẳng nhòm ngó đến. Thế nhưng cô em lại có trái tim vàng, còn cô chị xinh đẹp vừa xấu tính, vừa kiêu ngạo.

Một hôm nọ, cô em tự nhủ: “Chẳng có điều gì tốt lành dành cho ta ở đây. Ta sẽ lên núi dựng một túp lều ở đó. Như vậy chẳng có ai nhìn thấy mặt ta mà chê bai ta nữa.”

Hôm sau, cô bỏ làng lên núi, cô đi mãi, mãi rồi cả chân thì chột nhận thấy một làn khói từ dưới thung lũng bốc lên cao. Cô tới nơi thì thấy một bà già mù lòa ngồi trước một ngôi nhà nhỏ xinh xắn. Bà lão có mái tóc đã bạc, nhưng đôi môi thì lại đỏ chót, hàm răng trắng như ngọc. Kì quặc hơn nữa, bà lão có hai cái mặt, một đằng trước, một đằng sau.

Cô gái nghĩ bụng: “Chắc là phù thủy” nhưng cô vẫn lễ phép chào bà và hỏi thăm sức khỏe của bà.

Bà lão nói:

– Cám ơn, ta khỏe, có điều là mắt ta không còn sáng nữa. Cho nên ta muốn mượn một người ở. Người có muốn làm cho ta không? Ta sẽ trả lương tử tế, còn ăn thì thoải mái.

Cô gái đồng ý và nghĩ: “Sống ở đây cũng dễ chịu vì bà không nhìn thấy khuôn mặt xấu xí của mình”.

Từ ngày hôm đó, cô gái ở cùng bà lão. Cuộc sống của cô rất thoải mái, hàng ngày cô quét dọn nhà cửa, khâu vá quần áo. Thấm thoát thời gian một năm đã trôi qua. Một hôm, bà lão bảo cô gái:

– Con làm như thế là đủ rồi. Bây giờ con có thể trở về nhà.

Cô gái thốt lên:

– Ô không, con muốn ở đây với bà, vì mặt của con rất xấu xí, con về làng họ chê con, con chỉ muốn không bao giờ gặp lại họ nữa.

Bà lão đáp:

– Dù mặt con xấu xí nhưng con có một tấm lòng vàng. Ta sẽ giúp con. Bây giờ con hãy vào nhà sờ vào tấm gương treo trên tường.

Cô gái làm đúng như lời bà lão dặn, cô đưa tay sờ vào tấm gương. Tấm gương bỗng mở ra một cánh cửa và hiện ra một căn phòng khác, trên tường treo la liệt hàng trăm bộ mặt. Bà lão ra lệnh:

– Vào chọn bộ mặt mà con thích!

Cô gái cả mừng, chăm chú nhìn một lượt, cuối cùng chọn một bộ mặt xinh xắn, tươi cười, có đôi mắt to.

Cô vừa giơ tay chỉ bộ mặt ấy thì bà lão liền gỡ mặt cô gái ra treo trên tường và lắp vào khuôn mặt cô đã chọn. Nom cô bây giờ xinh xắn và đẹp làm sao!

– Bây giờ con hãy về nhà và sống bình yên.

Bà lão bảo như vậy và đưa cho cô một hộp đầy ắp những đồng tiền vàng. Từ đó, cô em vừa xinh đẹp, vừa giàu có. Cô chị không tin vào mắt mình nữa, cô chỉ nhận ra cô em qua tiếng nói. Nhưng sự thay đổi của cô em chẳng làm cô bằng lòng. Khi được biết vì sao em mình lại đẹp và giàu như vậy, cô nghĩ bụng: “Ta cũng sẽ lên núi và sẽ nhờ bà lão phù thủy làm cho ta đẹp hơn, ta phải đẹp nhất trần gian”.

Ngày hôm sau, cô lập tức lên đường, cô cũng tìm đến ngôi nhà nhỏ xinh xắn và gặp bà lão. Thấy bà, cô gái nghĩ bụng: “Con mụ phù thủy đấy!”, cô nhăn mặt kinh tởm, chẳng thềm hỏi thăm bà lão. Bà lão cũng nhận cô vào ở giúp việc.

Cô gái xinh đẹp làm ra vẻ bận rộn nhưng kì thực phần lớn thời gian là cô soi gương ngắm mình. Thời gian một năm cũng trôi qua.

Và một hôm bà lão bảo cô:

– Con làm cho ta thế là đủ rồi. Bây giờ con có thể trở về nhà.

Cô gái kêu lên:

– Con chỉ về nhà với một khuôn mặt mới thôi.

Bà lão đáp:

– Con muốn như vậy ư? Thế thì vào trong nhà sờ vào tấm gương treo trên tường.

Cô gái vội vào nhà, sờ tay vào tấm gương và cũng vào căn phòng có nhiều bộ mặt. Bà lão phù thủy ra lệnh:

– Nhắm mắt vào và chỉ được mở mắt ra khi nào nghe thấy ta bảo.

Nói rồi, bà gỡ cái khuôn mặt xinh đẹp của cô gái ra, rồi lắp cho cô khuôn mặt cũ của cô em, bà đưa cho cô cái hộp đựng tiền nhưng trong đó chỉ toàn rác rưởi và nói câu thần chú:

– Ta có hai mặt, cái gì có trong này hãy tăng lên hai lần.

Sau đó bà dắt cô gái ra cửa và bảo:

– Con có thể mở mắt ra được rồi và hãy về đi.

Cô gái chẳng chào cũng chẳng cảm ơn vội vàng chạy về làng. Cô đi đến đâu cũng nghe thấy những lời đàm tiếu của dân làng. Về nhà cô mới thấy rõ bộ mặt xấu xí của mình. Cô mở hộp ra cũng chẳng thấy tiền đâu mà chỉ toàn rác rưởi.

Cô xấu hổ quá, bỏ làng ra đi. Từ đó trong vùng không nghe thấy ai nhắc đến tên cô nữa. Còn cô em thì lấy một người chồng vừa đẹp người vừa giỏi giang và họ sống bên nhau hạnh phúc”.

Câu chuyện mà tôi vừa kể cho các bạn nghe nó mang một ý nghĩa là đừng nhìn bề ngoài mà đánh giá con người. Cái đẹp của con người là ở tính cách, nét đẹp trong tâm hồn. Đúng như câu tục ngữ mà ông cha ta đã nói “Tốt gỗ còn hơn tốt nước sơn”.

Khúc hát ru những em bé lớn lên trên lưng mẹ

(trích)

A. Mục tiêu bài học

- Biết đọc diễn cảm bài thơ.
- Hiểu ý nghĩa của bài thơ: *Ca ngợi lòng yêu nước cũng như tình yêu thương con của các bà mẹ miền núi, cần cù lao động góp sức vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.*

B. Tìm hiểu nội dung

Bài thơ *Khúc hát ru những em bé lớn lên trên lưng mẹ* chia làm 2 đoạn:

- Đoạn 1 (Từ đầu đến “*Vung chày lún sân*”): Mẹ già gạo nuôi bộ đội.
- Đoạn 2 (Đoạn còn lại): Mẹ tía bắp trên nương.

I. Hướng dẫn luyện đọc

- Đọc diễn cảm bài thơ với giọng âu yếm, dịu dàng thể hiện tình thương của mẹ đối với con.
- Đọc đúng các từ: *Cu Tai, già gạo, giấc ngủ, a-kay, trên lưng,...*
- Đọc đúng các dòng thơ sau:

Em cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi /

Em ngủ cho ngoan, / đừng rời lưng mẹ /

Mẹ già gạo / mẹ nuôi bộ đội /

*Nhịp **chày nghiêng**, / **giấc ngủ em nghiêng** /*

*Mồ hôi mẹ rơi / má em **nóng hổi** /*

*Vai mẹ gầy / **nhấp nhô** làm gối /*

Lưng đưa nôi / và tim hát thành lời: //

II. Tìm hiểu bài (Trả lời câu hỏi)

1. Em hiểu thế nào là “*những em bé lớn lên trên lưng mẹ*” ?

“*Những em bé lớn trên lưng mẹ*” có nghĩa là: Những người phụ nữ ở miền núi dù làm bất cứ việc gì cũng thường địu con theo, kể cả lúc bé ngủ cũng nằm trên lưng mẹ.

2. Người mẹ làm những công việc gì? Những công việc đó có ý nghĩa như thế nào?

- Người mẹ làm việc để nuôi con khôn lớn.
- Người mẹ già gạo nuôi bộ đội.

- Người mẹ tía bắp trên nương.

Những công việc này có ý nghĩa rất to lớn, đã góp phần vào công cuộc đánh thắng giặc Mĩ xâm lược.

3. Tìm những hình ảnh đẹp nói lên tình yêu thương và niềm hi vọng của người mẹ đối với con.

- Những hình ảnh đẹp nói lên tình yêu thương của người mẹ đối với con:
 - Vai mẹ gầy nháp nhô làm gối
 - Lưng đưa nôi và tim hát thành lời:
 - Mẹ thương a-kay.
 - Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng.
- Hình ảnh nói lên niềm hi vọng của người mẹ đối với con:

Mai sau con lớn vùng chày lún sân...

4. Theo em, cái đẹp thể hiện trong bài thơ này là gì?

Theo em, cái đẹp thể hiện trong bài thơ là tình yêu đất nước, yêu con của người mẹ miền núi.

5. Học thuộc lòng khổ thơ em thích. (Học sinh tự chọn và học).

Tập làm văn

SÁCH GIẢI
Luyện tập miêu tả
www.sachgiai.com

các bộ phận của cây cối

A. Mục tiêu bài học

- Thấy được những điểm đặc sắc trong cách quan sát và miêu tả các bộ phận của cây cối.
- Viết một đoạn miêu tả hoa hoặc quả.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

1. Đọc một số đoạn văn miêu tả hoa, quả dưới đây (SGK trang 50, 51) và nêu nhận xét về cách miêu tả của tác giả.

a) Tả hoa: *Hoa sầu đâu (Hoa xoan)*

- Tả cả chùm hoa (vì hoa sầu đâu nhỏ bé, nó có cái đẹp của từng chùm).
- Tả mùi thơm của hoa (*mùi thơm mát mẽ dịu dàng, hơn cả hương cau, hơn cả mùi hoa mộc*). Mùi thơm huyền diệu đó hài hòa với mùi của đất ruộng cây vờ ra, mùi đậu đã già, mùi mạ non, khoai sắn, rau cần. Dùng nhiều từ ngữ để thể hiện tình cảm của tác giả: *hoa nở như cười*,

bao nhiêu thứ đó, bấy nhiêu yêu thương, khiến người ta cảm thấy như ngây ngất, như say một thứ men gì.

b) Tả quả: ***Quả cà chua***

Tả cây cà chua từ lúc hoa rụng đến khi kết quả. Từ khi quả còn xanh đến quả chín.

Tả cây cà chua ra quả bằng các từ *xum xuê, chi chít, quả lớn, quả bé vui mắt như đàn gà mẹ đông con*. Dùng hình ảnh so sánh để miêu tả quả cà chua (*Mỗi quả cà chua chín là một mặt trời nhỏ hiền dịu*). Dùng hình ảnh nhân hóa để miêu tả quả cà chua (*quả leo nghịch ngợm lên ngọn làm ỏe cả những nhánh to nhất*).

2. Viết một đoạn văn tả một loài hoa hoặc một thứ quả mà em yêu thích.

– *Tả hoa hồng:*

Hoa hồng nở quanh năm. Lúc đầu nhiều nụ hồng mới ra búp nhỏ như những chiếc bóng đèn xinh xinh được ôm bằng đài hoa xanh biếc. Khi hoa nở, đài hoa bung ra nhưng vẫn ôm sát những cánh hoa cho khỏi rụng. Hoa hồng màu đỏ thắm, xếp lớp vào nhau, cánh hoa đầu tròn, mịn màng như nhung. Nhụy hoa nằm chính giữa, màu vàng. Hương hoa hồng thoang thoảng bay khắp vườn như mời gọi lũ ong, đàn bướm đến khoe sắc.

– *Tả hoa đại (hoa sứ):*

Hoa đại mọc thành từng chùm, những nụ hoa màu tím nâu cuộn chặt vào nhau xinh xinh như những ngón tay em bé. Khi hoa nở có năm cánh màu trắng trông như hoa huệ. Ở giữa năm cánh có màu vàng nhạt, người ta nói đó là nhụy hoa. Hoa đại có mùi thơm thoang thoảng và tinh khiết. Chính vì thế mà người ta thường trồng hoa đại ở trong khuôn viên các nhà chùa.

– *Tả buồng chuối:*

Một buồng chuối dài lê thê, nặng trĩu trĩu từ ngọn xuống kéo cây chuối oằn nghiêng. Những nải chuối úp vào nhau quả tròn lẳn như cổ tay em, dáng cong cong chen chúc nhau hết lớp này đến lớp khác. Những nải đầu, no tròn căng bóng. Những nải sau, nhỏ dần. Buồng chuối mỗi ngày một mấy cạnh đầy lên, có nải đã chín hong hong vàng, mấy chú chim sâu đi kiếm ăn ngửi thấy mùi hương thơm của chuối liền sà vào định ăn, chúng kêu lích chích,...

A. Mục tiêu bài học

- Làm quen với những câu tục ngữ liên quan đến *cái đẹp*.
- Tiếp tục mở rộng, hệ thống hóa vốn từ *cái đẹp*.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

1. Chọn nghĩa thích hợp với mỗi tục ngữ sau:

- Phẩm chất quý hơn vẻ đẹp bên ngoài. Đó là các câu:
 - *Tốt gỗ hơn tốt nước sơn*
 - *Cái nết đánh chết cái đẹp.*
- Hình thức thường thống nhất với nội dung. Đó là các câu:
 - *Người thanh nói tiếng cũng thanh*
Chuông kêu khê đánh bên thành cũng kêu.
 - *Trông mặt mà bắt hình dong*
Con lợn có béo thì lòng mới ngon.

2. Nêu một trường hợp có thể sử dụng một trong những tục ngữ nói trên.

+ Trường hợp dùng câu tục ngữ: *Tốt gỗ hơn tốt nước sơn*.

Em và mẹ vào một cửa hàng mua áo. Tại đây có rất nhiều kiểu áo đẹp. Em thích một chiếc áo mỏng mảnh nhưng kiểu dáng rất đẹp, em đòi mẹ mua. Mẹ nói: “Kiểu dáng này thì đẹp đấy nhưng chất liệu của vải và đường may kém lắm, con mặc chỉ vài ngày là rách thôi. Con phải nhớ câu tục ngữ: “*Tốt gỗ hơn tốt nước sơn*” chứ! Để mẹ mua chiếc áo khác đẹp và bền hơn cho con.”

+ Trường hợp dùng câu tục ngữ:

Người thanh nói tiếng cũng thanh

Chuông kêu khê đánh bên thành cũng kêu.

Em có một người bạn học rất giỏi lại hát hay, giọng nói của bạn nghe thánh thót như chim hót. Một lần bạn đến nhà em chơi và ngồi nói chuyện với mẹ. Lúc bạn về, mẹ nói với em:

– Bạn con thật ngoan và lễ phép. Đúng là:

“Người thanh nói tiếng cũng thanh

Chuông kêu khê đánh bên thành cũng kêu”.

+ Trường hợp dùng câu tục ngữ: *Cái nết đánh chết cái đẹp.*

Em học vào loại trung bình, nhưng trong cách sinh hoạt, em lại thích ăn mặc thật đẹp. Nhiều lúc em đứng trước gương ngắm vuốt rất lâu. Có lần mẹ nói:

– Con mặc đẹp là tốt, nhưng con phải chăm chỉ học hành, con người không những đẹp bên ngoài mà điều quan trọng nhất là nét đẹp bên trong. Con không nhớ câu tục ngữ: “*Cái nết đánh chết cái đẹp*” à? Mẹ hi vọng con sẽ hiểu được điều đó.

+ Trường hợp dùng câu tục ngữ:

Trông mặt mà bắt hình dong

Con lợn có béo thì lòng mới ngon.

Một lần em theo mẹ ra chợ. Hôm nay mẹ mua gà để cả nhà liên hoan sau một tuần làm việc và học tập vất vả. Cô bán gà chọn cho mẹ một con và nói:

– Chị xem đi, con gà này ngon lắm. Nhìn qua là biết ngay đấy! “*Trông mặt mà bắt hình dong. Con lợn có béo thì lòng mới ngon*”. Chị mua cho em nhé!

3. Tìm các từ ngữ miêu tả mức độ cao của cái đẹp.

Đó là các từ ngữ: *tuyệt đẹp, tuyệt vời, tuyệt diệu, tuyệt trần, mê hồn, mê li, không tưởng tượng được, không sao tả xiết, như tiên,...*

4. Đặt câu với một từ tìm được ở bài tập 3.

- Cô ấy đẹp *tuyệt vời*.
- Phong cảnh ở chùa Non Nước đẹp *tuyệt trần*.
- Cảnh ở Vịnh Hạ Long vào buổi sáng đẹp *mê hồn*.
- Động Phong Nha có một vẻ đẹp thần tiên *không sao tả xiết*.

Tập làm văn Đoạn văn trong bài văn miêu tả cây cối

A. Mục tiêu bài học

Dựa trên những hiểu biết về đoạn văn trong bài văn miêu tả cây cối, luyện tập nhận biết và xây dựng các đoạn văn miêu tả cây cối.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

I. Nhận xét

1. Đọc lại bài *Cây gạo* của nhà văn Vũ Tú Nam (SGK trang 32). (Học sinh đọc).

2. Tìm các đoạn trong bài văn nói trên (bài *Cây gạo*).

- Đoạn 1: Từ đầu đến *nom rất đẹp*.
- Đoạn 2: Tiếp... đến *về thăm quê mẹ*.
- Đoạn 3: Đoạn còn lại.

3. Cho biết nội dung chính của mỗi đoạn trên là gì?

Mỗi đoạn tả một thời kì của cây gạo. Nội dung chính của mỗi đoạn như sau:

- Đoạn 1: *Tả cây gạo thời kì ra hoa*.
- Đoạn 2: *Tả cây gạo lúc hết mùa hoa*.
- Đoạn 3: *Tả thời kì cây gạo ra quả*.

II. Ghi nhớ (Đọc SGK)

III. Luyện tập

1. Xác định các đoạn văn và nội dung chính của từng đoạn trong bài văn dưới đây (bài *Cây trám đen* - SGK trang 53).

Bài *Cây trám đen* chia làm bốn đoạn và nội dung chính từng đoạn như sau:

– Đoạn 1 (Từ đầu đến “*chứng một gang*”): Tả bao quát thân cây, cành cây, lá cây trám đen.

– Đoạn 2 (Tiếp... đến “*không chạm hạt*”): Giới thiệu hai loại trám đen: trám đen tẻ và trám đen nếp

– Đoạn 3 (Tiếp... đến “*xôi hay cơm*”): Ích lợi của quả trám đen

– Đoạn 4 (Đoạn còn lại): Tình cảm của tác giả đối với cây trám đen.

2. Hãy viết một đoạn văn nói về lợi ích của một loài cây mà em biết.

– *Đoạn văn nói về lợi ích của cây hoa hồng:*

Vườn hồng nhà em thật đẹp. Em thường dùng hoa hồng để tặng thầy, cô giáo và bạn bè trong những ngày lễ, sinh nhật. Ngày nào em cũng tưới nước và bắt sâu cho cây. Mỗi ban mai đứng ngắm hoa, em cảm thấy khoan khoái dễ chịu, sắc hoa như nâng đỡ em càng thêm yêu đời và học tập tốt hơn.

– *Đoạn văn nói về lợi ích của cây bàng:*

Cây bàng làm cho trường tôi thêm đẹp hơn. Nó không những đem lại bóng mát cho sân trường, đem đến màu xanh dễ chịu mà nó còn chứng kiến những kỉ niệm về lứa tuổi học trò với mái trường thân yêu.

Tập đọc

Vẽ về cuộc sống an toàn

A. Mục tiêu bài học

- Đọc trôi chảy, rõ ràng toàn bài. Biết đọc đúng một bản tin.
- Hiểu nghĩa của các từ: *UNICEF* (u-ni-xép), *thăm mĩ*, *nhận thức*, *khích lệ*, *ý tưởng*, *ngôn ngữ hội họa*.
- Hiểu nội dung của bản tin: *Cuộc thi vẽ với chủ đề “Em muốn sống an toàn” được thiếu nhi cả nước hưởng ứng. Tranh dự thi cho thấy các em có nhận thức đúng về an toàn giao thông và được thể hiện bằng ngôn ngữ hội họa.*

B. Tìm hiểu nội dung

Bản tin ***Vẽ về cuộc sống an toàn*** chia làm bốn đoạn:

- Đoạn 1 (6 dòng đầu): Tóm tắt những nội dung đáng chú ý của bản tin.
- Đoạn 2 (Từ “*Được phát động...*” đến “*Kiên Giang*”): Sự hưởng ứng của thiếu nhi cả nước về cuộc thi *Em muốn sống an toàn*.
- Đoạn 3 (Tiếp... đến “*12 tuổi, giải ba*”): Nhận thức của các em về cuộc thi.
- Đoạn 4 (Đoạn còn lại): Sự đánh giá của ban giám khảo về khả năng thăm mĩ của các em.

www.sachgiai.com

I. Hướng dẫn luyện đọc

- Đọc bản tin với giọng rõ ràng, vui, tốc độ đọc nhanh. Nhấn giọng ở các từ ngữ: *nâng cao*, *đông đảo*, *50.000*, *4 tháng*, *phong phú*, *tươi tắn*, *rõ ràng*, *hồn nhiên*, *trong sáng*, *bất ngờ*, *sâu sắc*,...

- Đọc đúng các đoạn văn sau:

• *UNICEF Việt Nam và báo Thiếu niên Tiền phong/vừa tổng kết cuộc thi vẽ tranh thiếu nhi với chủ đề “Em muốn sống an toàn”.*//

• *Các họa sĩ nhỏ chẳng những có nhận thức đúng về phòng tránh tai nạn/mà còn biết thể hiện bằng ngôn ngữ hội họa/sáng tạo đến bất ngờ.*//

II. Tìm hiểu bài (Trả lời câu hỏi)

1. Chủ đề của cuộc thi vẽ là gì?

Chủ đề của cuộc thi vẽ là: *Em muốn sống an toàn*.

2. Thiếu nhi cả nước hưởng ứng cuộc thi như thế nào?

Thiếu nhi cả nước hưởng ứng cuộc thi rất rầm rộ chỉ trong vòng 4 tháng đã có 50.000 bức tranh của thiếu nhi cả nước gửi về Ban tổ chức.

3. Điều gì cho thấy các em có nhận thức tốt về chủ đề cuộc thi?

Các em đã nhận thức đúng đắn về chủ đề cuộc thi *Em muốn sống an toàn*, qua tên một số tác phẩm cũng đủ thấy kiến thức của các em về an toàn, đặc biệt là an toàn giao thông, thật phong phú: *Đội mũ bảo hiểm là tốt nhất. Gia đình em được bảo vệ an toàn. Trẻ em không nên đi xe đạp trên đường. Chở ba người là không được...*

4. Những nhận xét nào thể hiện sự đánh giá cao khả năng thẩm mỹ của các em?

Khả năng thẩm mỹ của các em được nhận xét và đánh giá qua *màu sắc tươi tắn, bố cục rõ ràng, ý tưởng hồn nhiên, trong sáng mà sâu sắc. Các họa sĩ nhỏ tuổi chẳng những có nhận thức đúng về phòng tránh tai nạn mà còn biết thể hiện bằng ngôn ngữ hội họa sáng tạo đến bất ngờ.*

5. Những dòng in đậm ở đầu bản tin có tác dụng gì?

Tác dụng của những dòng in đậm ở đầu bản tin:

- Gây ấn tượng đối với người đọc
- Tóm tắt ngắn gọn những số liệu và những vấn đề cần thiết để giúp người đọc nắm chắc được bản tin.

Chính tả (Nghe - viết)

Họa sĩ Tô Ngọc Vân
www.sachgiai.com

A. Mục tiêu bài học

- Nghe - viết chính xác bài *Họa sĩ Tô Ngọc Vân*.
- Làm đúng các bài tập phân biệt tiếng có âm đầu hoặc dấu thanh dễ lẫn: *tr/ch, dấu hỏi/dấu ngã*.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn nghe - viết

- Đọc bài chính tả *Họa sĩ Tô Ngọc Vân* ở sách giáo khoa. Hiểu nội dung bài viết: *Giới thiệu người nghệ sĩ tài hoa Tô Ngọc Vân và sự nghiệp vẽ tranh của ông.*

- Viết đúng các từ: *nghệ sĩ tài hoa, nổi danh, hỏa tuyến, ngã xuống,...*
- Viết đúng các danh từ riêng: *Tô Ngọc Vân, Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương, Cách mạng tháng Tám, Ánh mặt trời, Thiếu nữ bên hoa huệ, Thiếu nữ bên hoa sen, Điện Biên Phủ.*

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. Nghe - viết: *Họa sĩ Tô Ngọc Vân. (Xem mục I).*

2. a) Điền **truyện** hay **chuyện** vào ô trống?

Kể **chuyện** phải trung thành với **truyện**, phải kể đúng các tình tiết của câu **chuyện**, các nhân vật có trong **truyện**. Đừng biến giờ kể **chuyện** thành giờ đọc **truyện**.

b) Đặt **dấu hỏi** hay **dấu ngã** vào chữ in nghiêng?

- **Mở** hộp thịt ra chỉ toàn thấy **mỡ**.
- Nó cứ tranh **cãi**, mà không lo **cải** tiến công việc.
- Anh không lo **ngỉ** ngơi, anh phải **ngĩ** đến sức khỏe chứ!

3. Em đoán xem đây là những chữ gì?

a) *Để nguyên – loại quả thơm ngon*
Thêm hỏi – co lại chỉ còn bé thôi.
Thêm nặng – mới thật lạ đời
Bỗng nhiên thành vết xoong nổi nhỏ nhem.

Đó là ba chữ: **nhỏ - nhỏ - nhỏ** (chữ **nhỏ** thêm dấu hỏi thành chữ **nhỏ**, thêm dấu nặng thành chữ **nhỏ**)

b) *Bình thường dùng gọi chân tay*
Muốn có bút vẽ: thêm ngay dấu huyền
Thêm hỏi – làm bạn với kim
Có dấu nặng, đứng người trên mình rồi

Đó là bốn chữ: **chi - chì - chỉ - chị** (chữ **chi** thêm dấu huyền thành chữ **chì**, thêm dấu hỏi thành chữ **chỉ**, thêm dấu nặng thành chữ **chị**)

Luyện từ và câu

Câu kể Ai là gì?

A. Mục tiêu bài học

- Hiểu cấu tạo và tác dụng của câu kể *Ai là gì?*
- Biết tìm và biết đặt câu kể *Ai là gì?*

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

I. Nhận xét

1. Đọc đoạn văn sau: (Học sinh đọc SGK trang 57).

2. Trong ba câu in nghiêng ở trên, những câu nào dùng để giới thiệu, câu nào nêu nhận định về bạn Diệu Chi?

- Câu in nghiêng 1: *Đây là Diệu Chi, bạn mới của lớp ta.*

- Câu in nghiêng 2: *Bạn Diệu Chi là học sinh cũ của trường Tiểu học Thành Công.*

- Câu in nghiêng 3: *Bạn ấy là một họa sĩ nhỏ đấy.*

Nhận xét:

- Câu 1 và câu 2 là câu giới thiệu về bạn Diệu Chi.
- Câu 3 là câu nêu nhận định về bạn Diệu Chi.

3. Trong các câu trên, bộ phận nào trả lời cho câu hỏi *Ai (cái gì, con gì)?*, bộ phận nào trả lời câu hỏi *Là gì (là ai, là con gì)?*

Bộ phận trả lời câu hỏi <i>Ai (cái gì, con gì)?</i>	Bộ phận trả lời câu hỏi <i>Là gì (là ai, là con gì)?</i>
- Đây	<i>là Diệu Chi, bạn mới của lớp ta.</i>
- Bạn Diệu Chi	<i>là học sinh cũ của trường Tiểu học Thành Công.</i>
- Bạn ấy	<i>là một họa sĩ nhỏ đấy.</i>

Ta có thể đặt câu hỏi cho ba câu trên như sau:

• Câu 1:

- **Ai** là bạn Diệu Chi, bạn mới của lớp ta? - **Đây** là Diệu Chi, bạn mới của lớp ta.

• Câu 2:

- **Ai** là học sinh cũ của trường Tiểu học Thành Công? - **Bạn Diệu Chi** là học sinh cũ của trường Tiểu học Thành Công.

- Bạn Diệu Chi **là ai?** - **Bạn Diệu Chi** là học sinh cũ của trường Tiểu học Thành Công.

• Câu 3:

- **Ai** là họa sĩ nhỏ? - **Bạn ấy** là một họa sĩ nhỏ đấy.

- Bạn ấy **là ai?** - Bạn ấy **là một họa sĩ nhỏ đấy.**

4. Kiểu câu trên khác hai kiểu câu đã học *Ai làm gì?*, *Ai thế nào?* ở chỗ nào?

Kiểu câu *Ai là gì?* ở trên khác hai kiểu câu *Ai làm gì?* và *Ai thế nào?* chủ yếu ở bộ phận vị ngữ trong câu.

- Kiểu câu <i>Ai làm gì?</i>	vị ngữ trả lời cho câu hỏi <i>làm gì?</i>
- Kiểu câu <i>Ai thế nào?</i>	vị ngữ trả lời cho câu hỏi <i>như thế nào?</i>
- Kiểu câu <i>Ai là gì?</i>	vị ngữ trả lời cho câu hỏi <i>là gì? (là ai? là con gì?)</i>

II. Ghi nhớ (Đọc SGK)

III. Luyện tập

1. Tìm câu kể *Ai là gì?* trong các câu dưới đây (SGK trang 57, 58) và nêu tác dụng của nó.

Tham khảo bảng dưới đây:

Câu	Câu kể <i>Ai là gì?</i>	Tác dụng
a)	– Thì ra đó là một thứ máy cộng trừ mà Pa-xcan đã đặt hết tình cảm của người con vào việc chế tạo. – Đó chính là chiếc máy tính đầu tiên trên thế giới, tổ tiên của những chiếc máy tính hiện đại.	Câu giới thiệu về thứ máy cộng trừ. Câu nêu nhận định về giá trị của chiếc máy tính đầu tiên.
b)	– Lá là lịch của cây – Cây lại là lịch của đất – Trăng lặn rồi trăng mọc Là lịch của bầu trời – Mười ngón tay là lịch – Lịch lại là trang sách.	Câu nêu nhận định (chỉ mùa). Câu nêu nhận định (chỉ vụ hoặc năm). Câu nêu nhận định (chỉ ngày đêm). Câu nêu nhận định (đếm ngày tháng). Câu nêu nhận định (năm học).
c)	– Sầu riêng là loại trái quý của miền Nam.	Chủ yếu nêu nhận định về giá trị của trái sầu riêng. Bao hàm cả ý giới thiệu về trái cây đặc biệt này của miền Nam.

2. Dùng câu kể *Ai là gì?* giới thiệu các bạn trong lớp em (hoặc giới thiệu từng người trong ảnh chụp của gia đình em).

– Giới thiệu các bạn trong lớp:

Lớp của em là lớp 4A Trường Tiểu học Hòa Bình. Lớp em có 40 bạn trong đó có 18 bạn gái và 22 bạn trai. Lớp trưởng là bạn Phạm Quốc Tuấn. Bạn Tuấn học giỏi và là một chân hậu vệ của đội bóng đá lớp. Lớp phó phụ trách học tập là bạn Vũ Thị Yến Nhi. Nhi có năng khiếu về bộ môn văn, vừa rồi bạn đạt giải nhì trong kì thi học sinh giỏi cấp thành phố. Bạn Nguyễn Hương Lan là lớp phó phụ trách văn thể mĩ. Hương Lan có giọng hát rất hay được mệnh danh là chim sơn ca của lớp...

– Giới thiệu từng người trong ảnh chụp gia đình em:

Tám ảnh chụp cả gia đình em gồm có sáu người. Ở hàng thứ nhất từ trái sang phải là ông nội, bà nội và bé Bi đang học mẫu giáo. Hàng thứ hai cũng từ trái sang phải là ba, mẹ và em. Bức ảnh chụp nhân ngày bé Bi được hai tuổi. Gia đình em mọi người rất yêu thương nhau.

Kể chuyện Kể chuyện được chứng kiến hoặc tham gia

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng nói: Kể một câu chuyện về một hoạt động mình đã tham gia để góp phần giữ xóm làng, đường phố xanh, sạch, đẹp.
- Rèn kĩ năng nghe: Nghe bạn kể biết nhận xét lời kể của bạn.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn kể chuyện)

Đề bài: *Em (hoặc người xung quanh) đã làm gì để góp phần giữ gìn xóm làng (đường phố, trường học) xanh, sạch, đẹp? Hãy kể lại câu chuyện đó.*

Bài tham khảo 1

Hôm nay ngày chủ nhật, khu phố tôi phát động phong trào “Làm sạch đường phố”.

Mới sáng sớm, khi ông mặt trời vừa nhô lên lơ lửng như một quả cầu lửa, tỏa tia nắng vàng dịu xuống vạn vật, thì nhà nào nhà nấy đã đổ ra đường để làm vệ sinh đường phố. Tôi cũng theo mẹ đi quét rác. Gia đình tôi được bác tổ trưởng phân công quét một đoạn đường. Mẹ và tôi chia nhau quét, tôi quét từ dưới lên, mẹ quét từ trên xuống. Tôi quét rất cẩn thận, moi từng cọng rác ở hai bên đường, quét đến đâu, tôi thu gom rác lại đến đó, rồi lấy mo hốt rác đổ vào thùng. Nhiều cọng rác “cứng đầu” bám chặt vào đất khiến tôi phải lấy bao tay đeo vào kéo nó lên, vừa làm tôi vừa lẩm bầm “cho mày chết này...”.

Chẳng mấy chốc, lũ rác ở đoạn đường do mẹ và tôi quét đã nằm gọn trong thùng rác. Con đường đã trở nên sạch đẹp. Bác tổ trưởng đi kiểm tra lại một lần, bác dừng lại trước cổng nhà tôi và khen tôi ngoan, tích cực lao động.

Tôi rất vui vì đã góp một phần sức lao động nhỏ bé của mình để bảo vệ môi trường sống sạch, đẹp.

Câu chuyện mà tôi kể cho các bạn nghe hôm nay là một câu chuyện có thật, chính mắt tôi đã chứng kiến một việc làm tốt để bảo vệ môi trường sống sạch và đẹp. Đó là câu chuyện về ông Tư ở xóm tôi.

“Sống ở trên đời, không phải chỉ nghĩ cho mình mà đôi lúc còn vì người khác nữa”. Đó là câu nói của ông Tư dạy đứa cháu nội, khi cả nhà ông cùng giậm vá để mặt đường khỏi lầy lội mỗi khi có cơn mưa đổ xuống.

Từ nhà đến trường, tôi phải đi qua một đoạn đường đất nhỏ nối liền đồng ruộng với xóm làng đông đúc. Trước đây, đoạn đường này đã bị xấn ngang để đặt ống đưa nước vào ruộng. Rồi đột nhiên những cơn mưa tầm tã, cùng lúc với mùa nước lên, chỗ đất đào bị xói dần, có chỗ đất bị lở ra tạo thành những hố và vũng nước.

Từ một tuần nay, đoạn đường đã bị ngập nước và nó trở thành nỗi lo lắng của chúng tôi. Mỗi lần qua đó, chúng tôi phải xấn quần cao tới tận đầu gối, rồi đi lặn từng bước một. Đây không phải là con đường chính nên không ai quan tâm.

Thế rồi, một buổi chiều nước cạn, tôi đi ngang qua nơi đây. Ừ! Ai đã gắn những cây to làm trụ hai bên đường đấy nhỉ? Lại có mấy tàu dừa chèn sát. Tôi mừng thầm, nghĩ rằng chính quyền địa phương huy động dân đắp lại đoạn đường bị lở này chăng?

Nhưng kìa, trên con lạch đầy ắp nước đỏ ngầu phù sa, dưới làn mưa lát phất, bóng ai chèo chiếc xuồng chở đất đang lao tới. Ông Tư! Chính ông Tư! Tôi bàng hoàng xúc động khi nhìn thấy làn da ông thâm đen vì lạnh, hai cánh tay gầy khuân những tảng đất to còn dính theo mấy bụi cỏ lác. Ông nhìn tôi mỉm cười:

– Ông ráng chở ba xuồng đất cứng này để tấn thêm vào hai bên hông rồi đến ngày mai ông chở thêm vài chuyến nữa là xong.

Sáng hôm sau, nước lại lên. Mấy xuồng đất hôm qua bị ngấm mất. Tôi đi qua, lòng cảm thấy ái ngại. Buổi chiều trở về, tôi thấy ông Tư đang hì hục đắp lại con đường. Cùng giậm cho dẽ mặt đường, là đứa cháu nội mười lăm tuổi. Thấy hai người làm việc say sưa, tôi vội treo cặp sách lên cành tre, xấn quần cùng làm việc với hai ông cháu. Đang làm thì một tốp học sinh đi học về, thấy thế, các bạn cũng xấn quần lao vào làm. Chẳng mấy chốc, chỗ lở đã được đắp cao. Nhìn con đường trở

nên bằng phẳng, ai cũng phấn khởi vô cùng. Lúc chúng tôi chuẩn bị ra về, ông Tư căn dặn:

– Sau này lớn lên, các cháu phải biết, sống ở trên đời, không phải chỉ nghĩ cho mình mà đôi lúc còn vì người khác nữa các cháu ạ!

Ông Tư quả là một người có tấm lòng nhân hậu, cao quý, ông không những vì mọi người mà đắp lại con đường này mà ông còn muốn đem lại cho xóm làng một con đường sạch, đẹp.

Tập đọc

Đoàn thuyền đánh cá

A. Mục tiêu bài học

- Biết đọc diễn cảm bài thơ.
- Hiểu ý nghĩa của bài thơ: *Ca ngợi vẻ đẹp lộng lẫy, huy hoàng của biển cả – vẻ đẹp của con người trong lao động.*

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn luyện đọc

- Đọc diễn cảm toàn bài với giọng nhẹ nhàng, khấn trương nhằm ca ngợi cuộc sống sôi động hào hứng của người dân chài. Nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả cảnh đẹp của biển vào lúc hoàng hôn: *hòn lửa, sập cửa, căng buồm, gõ thuyền, lóe rạng đông, đội biển, huy hoàng,...*
- Đọc đúng các từ: *cài then, sập cửa, căng buồm, vàng lóe, muôn dặm,...*
- Đọc đúng hai khổ thơ sau đây:

*Mặt trời xuống biển, / như hòn lửa /
Sóng đã cài then, / đêm sập cửa /
Đoàn thuyền đánh cá / lại ra khơi /
Câu hát căng buồm / cùng gió khơi. //*

*Hát rằng: // cá bạc Biển Đông lặng, /
Cá thu Biển Đông / như đoàn thoi /
Đêm dài biển biệt / muôn luồng sáng /
Đến dệt lưới ta, / đoàn cá ơi! //*

II. Tìm hiểu bài (Trả lời câu hỏi)

1. Đoàn thuyền đánh cá ra khơi vào lúc nào? Những câu thơ nào cho biết điều đó?

Đoàn thuyền đánh cá ra khơi vào lúc hoàng hôn. Những câu thơ thể hiện điều đó: “*Mặt trời xuống biển, như hòn lửa*”. “*Mặt trời xuống biển*” là lúc mặt trời lặn.

2. Đoàn thuyền đánh cá trở về vào lúc nào? Em biết điều đó nhờ những câu thơ nào?

Đoàn thuyền đánh cá trở về vào lúc bình minh. Những câu thơ cho em biết điều đó:

- *Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng.*
- *Mặt trời đội biển nhô màu mới*

“Sao mờ”, “Mặt trời đội biển nhô” là thời điểm bình minh, trời bắt đầu sáng, sao mờ dần. Ngắm nhìn mặt biển, ta có cảm tưởng mặt trời mọc từ đáy biển mọc lên giống như đội biển nhô lên.

3. Tìm những hình ảnh nói lên vẻ đẹp huy hoàng của biển.

Những hình ảnh nói lên vẻ đẹp huy hoàng của biển:

*Mặt trời xuống biển như hòn lửa
Sóng đã cài then, đêm sập cửa
Mặt trời đội biển nhô màu mới,
Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi.*

Tác giả đã sử dụng biện pháp so sánh để ví mặt trời lúc hoàng hôn có màu đỏ như lửa tạo một vẻ đẹp huy hoàng. Sử dụng biện pháp nhân hóa để miêu tả bóng tối đã bắt đầu lan dần, sóng đã trở nên êm ả. *Mặt trời đội biển* càng làm cho cảnh biển trở nên huyền ảo đầy sức sống, gây cảm giác hấp dẫn người đọc.

4. Công việc lao động của người đánh cá được miêu tả như thế nào?

Công việc lao động của người đánh cá được miêu tả rất chi tiết:

– Đoàn thuyền đánh cá ra khơi lúc hoàng hôn, mang theo cả tiếng hát tạo nên không khí vui tươi của nhịp sống người dân chài và chính tiếng hát này đã nâng đỡ cho những cánh buồm ra khơi: *Câu hát căng buồm cùng gió khơi.*

– Lời ca tiếng hát của họ thể hiện sự hào hứng, khí thế ra khơi làm chủ biển cả của những người dân chài: *Hát rằng: cá bạc Biển Đông lặng,... Nuôi lớn đời ta tự buổi nào.*

– Hoạt động kéo lưới với những mẻ cá đầy ắp được miêu tả rất đẹp:

*Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng
Vẩy bạc đuôi vàng lóe rạng đông
Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng.*

- Hình ảnh đoàn thuyền đánh cá khi trở về cũng rất đẹp:

Câu hát căng buồm với gió khơi

Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời.

Công việc lao động của người đánh cá cũng chạy đua với thời gian như vòng xoay của mặt trời, qua đó phản ánh không khí làm việc sôi động khẩn trương của họ.

5. Học thuộc lòng bài thơ. (Học sinh tự học).

Tập làm văn Luyện tập đoạn văn miêu tả cây cối

A. Mục tiêu bài học

Luyện tập viết một số đoạn văn miêu tả cây cối.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

1. Đọc dàn ý bài văn *tả cây chuối tiêu* dưới đây: (SGK trang 60, 61).

2. Dựa vào dàn ý trên, bạn Hồng Nhung dự kiến viết bốn đoạn văn, nhưng chưa viết được đoạn nào hoàn chỉnh. Em hãy giúp bạn viết hoàn chỉnh bốn đoạn văn này (viết vào chỗ có dấu [...]).

Gợi ý: Viết hoàn chỉnh bốn đoạn văn của bạn Hồng Nhung.

– Đoạn 1:

Trong vườn nội em trồng rất nhiều loại cây ăn trái. Em thích nhất một cây chuối tiêu sai quả trong bụi chuối ở góc vườn.

– Đoạn 2:

Nhìn từ xa, cây chuối như một chiếc ô xanh mát rượi. Thân cây cao hơn đầu người, mọc thẳng, không có cành, chung quanh là những cây con đứng sát lại thành bụi. *Đến gần, mới thấy thân chuối to như cột nhà. Sờ vào thân cây chuối đã có buồng, em cảm thấy ram ráp vì cây đã già, khô không còn bóng mượt nữa.*

– Đoạn 3:

Cây chuối có nhiều tàu lá, có tàu đã già khô, bị gió đánh rách ngang và rũ xuống gốc. Các tàu lá còn xanh thì liền tấm, to như cái máng nước úp sấp. Những tàu lá ở dưới màu xanh thẫm. Những tàu ở trên màu xanh mát, nhạt dần. *Đặc biệt, từ ngọn chuối trở ra một buồng chuối dài lê thê kéo cây chuối oằn nghiêng. Những nải chuối úp vào nhau quả tròn lẳn như cổ tay em, dáng cong cong chen chúc nhau hết lớp này đến lớp khác. Những nải chuối đầu, no tròn căng bóng. Những nải sau, nhỏ dần. Buồng chuối mỗi ngày một mấy cạnh đầy lên, có nải*

đã chín hong hong vàng, mấy chú chim sâu đi kiếm ăn ngửi thấy mùi hương thơm của chuối liền sà vào định ăn, chúng kêu lách cách. Nhưng em lấy túi nilông bọc lại rồi.

– Đoạn 4:

Quanh năm nhà em luôn có chuối ăn vì hết cây nọ ra buông lại đến cây khác. Em rất thích ăn loại chuối này vì nó ngọt lại có hương thơm. Chuối không những cho ta quả để ăn, thân chuối còn thái ra cho lợn ăn, hoa chuối còn làm nộm ăn rất ngon và bổ. Chuối có ích như thế nên bà em thường chăm bón cho chuối tốt tươi.

Luyện từ và câu Vị ngữ trong câu kể Ai là gì?

A. Mục tiêu bài học

- Nắm được vị ngữ trong câu kể Ai là gì?
- Xác định và đặt được câu kể Ai là gì?

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

I. Nhận xét

1. Đọc các câu sau: (Học sinh đọc ở SGK trang 61).

2. Trong các câu trên, câu nào có dạng Ai là gì?

Câu: “– Em là cháu bác Tự” là câu có dạng Ai là gì?

3. Xác định vị ngữ trong câu vừa tìm được.

- Câu “– Em là cháu bác Tự” vị ngữ: là cháu bác Tự.
- Trong câu này “là cháu bác Tự” là bộ phận trả lời câu hỏi là gì?

4. Những từ ngữ nào có thể làm vị ngữ trong câu Ai là gì?

Những từ ngữ có thể làm vị ngữ trong câu Ai là gì? là do danh từ hoặc cụm danh từ tạo thành.

II. Ghi nhớ (Đọc SGK)

III. Luyện tập

1. Tìm câu kể Ai là gì? trong những câu thơ sau (SGK trang 62). Xác định vị ngữ của những câu vừa tìm được:

Các câu kể Ai là gì? có trong những câu thơ. Xác định vị ngữ:

Chủ ngữ	Vị ngữ
a) Người	là Cha, là Bác, là Anh.
b) Quê hương	là chùm khế ngọt.
Quê hương	là đường đi học.

2. Ghép những từ ngữ thích hợp ở cột A với cột B để tạo thành câu kể Ai là gì?

Các câu kể Ai là gì? đã được ghép từ ngữ thích hợp:

A	B
Sư tử	là chúa sơn lâm.
Gà trống	là sứ giả của bình minh.
Đại bàng	là dũng sĩ của rừng xanh.
Chim công	là nghệ sĩ múa tài ba.

3. Dùng các từ ngữ dưới đây để đặt câu kể Ai là gì?

- a) Thành phố Hồ Chí Minh là một thành phố lớn.
- b) Bắc Ninh là quê hương của những làn điệu dân ca quan họ.
- c) Tố Hữu là một nhà thơ.
- d) Nguyễn Du là nhà thơ lớn của Việt Nam.

Tập làm văn

Tóm tắt tin tức

A. Mục tiêu bài học

Hiểu thế nào là tóm tắt tin tức. Bước đầu biết cách tóm tắt tin tức.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

I. Nhận xét

1. Đọc lại bản tin Về cuộc sống an toàn (SGK Trang 54, 55) và trả lời câu hỏi:

- a) Bản tin này gồm mấy đoạn? – Bản tin này gồm 4 đoạn.
- b) Xác định sự việc chính được nêu ở mỗi đoạn. Tóm tắt mỗi đoạn bằng một hoặc hai câu.

Đoạn	Sự việc chính ở mỗi đoạn	Tóm tắt mỗi đoạn
1	Nói về cuộc thi vẽ Em muốn sống an toàn vừa được tổng kết.	UNICEF và báo Thiếu niên Tiền phong vừa tổng kết cuộc thi Em muốn sống an toàn.
2	Nội dung và kết quả cuộc thi.	Trong 4 tháng có 50.000 bức tranh của thiếu nhi gửi đến.
3	Nhận thức của thiếu nhi thể hiện qua cuộc thi.	Tranh vẽ cho thấy kiến thức của thiếu nhi về an toàn rất phong phú.
4	Năng lực hội họa của thiếu nhi được bộc lộ qua kì thi.	Tranh dự thi có ngôn ngữ hội họa sáng tạo đến bất ngờ.

c) Tóm tắt toàn bộ bản tin:

UNICEF và báo Thiếu niên Tiền phong vừa tổng kết cuộc thi vẽ với đề tài “Em muốn sống an toàn”. Trong vòng 4 tháng đã có 50.000 bức tranh của thiếu nhi từ khắp nơi gửi đến. Các bức tranh cho thấy kiến thức của thiếu nhi về an toàn rất phong phú. Tranh dự thi có ngôn ngữ hội họa sáng tạo đến bất ngờ.

2. Từ bài tập trên, rút ra nhận xét:

a) Thế nào là tóm tắt tin tức.

b) Cách tóm tắt tin tức (Xem Ghi nhớ ở SGK trang 63).

II. Ghi nhớ (Đọc SGK)

III. Luyện tập

1. Tóm tắt bản tin sau đây (SGK trang 63, 64) bằng 3 hoặc 4 câu:

Tham khảo cách tóm tắt sau:

Vịnh Hạ Long được tái công nhận là di sản thiên nhiên thế giới

Ngày 17/11/1994, Vịnh Hạ Long được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới. Ngày 29/11/2000, UNESCO lại công nhận Vịnh Hạ Long là di sản thiên nhiên về địa chất, địa mạo. Chiều 11/12/2000 quyết định được công bố tại Hà Nội. Quyết định này cho thấy Việt Nam đã hết sức quan tâm bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa trên đất nước mình.

2. Dựa theo cách trình bày bài báo *Vẽ về cuộc sống an toàn* (SGK trang 54, 55), em hãy viết phần tóm tắt cho bài báo *Vịnh Hạ Long được tái công nhận là di sản thiên nhiên thế giới*.

- Ngày 17/11/1994, vịnh Hạ Long được công nhận là di sản thiên nhiên thế giới

- Ngày 29/11/2000, vịnh Hạ Long được công nhận là di sản thiên nhiên về địa chất, địa mạo.

- Việt Nam rất quan tâm bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa.

Tập đọc

Khuất phục tên cướp biển

A. Mục tiêu bài học

- Biết đọc diễn cảm bài văn. Phân biệt lời các nhân vật (lời tên cướp, lời bác sĩ Ly).
- Hiểu ý nghĩa câu chuyện: *Ca ngợi sự dũng cảm của bác sĩ Ly khi đối đầu với tên cướp. Khẳng định chính nghĩa thắng phi nghĩa.*

B. Tìm hiểu nội dung

Bài văn ***Khuất phục tên cướp biển*** chia làm ba đoạn:

- Đoạn 1 (Từ đầu... đến “*bài ca man rợ*”): Giới thiệu về tên cướp biển hung hãn.
- Đoạn 2 (Tiếp... đến “*trong phiên tòa sắp tới*”): Cuộc đối đầu giữa bác sĩ Ly và tên cướp hung hãn.
- Đoạn 3 (Đoạn còn lại): Tên cướp bị khuất phục.

I. Hướng dẫn luyện đọc

- Đọc toàn bài với giọng kể khoan thai, đồng dục phù hợp với diễn biến của câu chuyện. Phân biệt lời của tên cướp và lời của bác sĩ Ly. Lời tên cướp hung hãn, cục cằn. Lời bác sĩ Ly điềm tĩnh nhưng dứt khoát.
- Đọc đúng các từ: *cao lớn, vạm vỡ, lăm lăm chục đâm, nghiêm nghị, gườm gườm, như thóc,...*

- Đọc đúng đoạn đối thoại giữa hai nhân vật:

Chúa tàu nhìn bác sĩ, quát://

*- Có **câm mồm** không?//*

*Bác sĩ **điềm tĩnh** hỏi:*

- Anh bảo tôi phải không?//

*Khi tên chúa tàu cục cằn bảo “**phải**”, / bác sĩ nói://*

*- Anh cứ uống rượu mãi như thế / thì đến phải **tổng anh** đi nơi khác.//*

*Cơn tức giận của tên cướp thật **dữ dội**.// Hắn đứng **phất dậy**, / rút soạt dao ra, / **lăm lăm** chục **đâm**.// Bác sĩ Ly vẫn đồng dục và quả quyết:*

*- Nếu anh không cất dao, / tôi **quyết** làm cho anh bị **treo cổ** trong phiên tòa sắp tới.//*

II. Tìm hiểu bài (Trả lời câu hỏi)

1. Tính hung hãn của tên chúa tàu (tên cướp biển) được thể hiện qua những chi tiết nào?

Những chi tiết thể hiện tính hung hãn của tên chúa tàu:

- Cao lớn, vạm vỡ, trên má có nhiều vết sẹo chém dọc, trắng bệch (tả hình thức bên ngoài dữ dội của hắn).
- Đập tay xuống bàn quát mọi người (hành động thô bạo).
- Trùng mắt nhìn bác sĩ quát: “*Có cam mờ không?*” (diễn tả thái độ thô bỉ của hắn).
- Rút soạt dao ra lăm lăm chực đâm bác sĩ Ly (diễn tả hành động côn đồ của hắn).

Tóm lại: Chỉ bằng một vài nét khắc họa về hình dáng cũng như tính cách, hành động, tác giả đã miêu tả cho chúng ta thấy chân tướng của một tên cướp hung hãn và côn đồ.

2. Lời nói và cử chỉ của bác sĩ Ly cho ta thấy bác sĩ Ly là một người như thế nào?

Lời nói và cử chỉ của bác sĩ Ly cho ta thấy ông là người nhân hậu, điềm đạm nhưng rất cứng rắn, dũng cảm, dám đối đầu với tên cướp hung hãn và gian ác.

Những chi tiết thể hiện điều đó:

- *Một người nổi tiếng hiền lành nhân từ.*
- Lời nói thì ôn tồn nhưng cương quyết.
- Nói chuyện với tên cướp vẫn gọi hắn bằng *anh*.

3. Cặp câu nào khắc họa hình ảnh đối nghịch nhau của bác sĩ Ly và tên cướp biển?

Cặp câu khắc họa hình ảnh đối nghịch nhau của bác sĩ Ly và tên cướp biển:

“Một đằng thì đức độ, hiền từ mà nghiêm nghị - Một đằng thì nanh ác, hung hăng như con thú dữ nhốt chuồng.”

4. Vì sao bác sĩ Ly khuất phục được tên cướp biển hung hãn?

Chọn ý đúng: ý c) Vì bác sĩ bình tĩnh và cương quyết bảo vệ lẽ phải.

Chính tả (Nghe - viết) **Khuất phục tên cướp biển**

A. Mục tiêu bài học

- Nghe - viết chính xác một đoạn trong bài *Khuất phục tên cướp biển*.
- Làm đúng bài tập những tiếng có âm đầu và vần *r/d/gi; ên/ênh*.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn nghe - viết

- Đọc lại phần viết chính tả trong bài *Khuất phục tên cướp biển*, hiểu nội dung đoạn viết: *Cuộc đối đầu giữa bác sĩ Ly và tên cướp*.

– Viết đúng các từ: *con tức giận, dữ dội, phất dậy, đông dặc, quả quyết, nghiêm nghị,...*

– *Chú ý:* Lời nói của nhân vật phải đặt sau dấu hai chấm, xuống dòng gạch đầu dòng.

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. Nghe - viết: ***Khuất phục tên cướp biển*** (từ *Con tức giận...* đến như *con thú dữ nhốt chuồng*). (Xem mục I. Hướng dẫn nghe - viết).

2. a) Tìm những tiếng bắt đầu ***r, d*** hoặc ***gi*** thích hợp với mỗi ô trống:

Rừng đã bằng phẳng thu. Những thân cây cao lưng chừng trời khẽ khàng thả xuống một chiếc lá úa. Không ***gian*** tĩnh lặng nồng nàn mùi đất bốc hương và mùi lá lên men. Chẳng biết mưa từ bao ***giờ*** mà thân cây thông đại trắng mốc, nứt nẻ, ***dãi*** dầu, có những vệt nước chảy ngoằn ngoèo. Trời đứng ***gió***, nhưng đâu đó vẫn âm âm một thứ tiếng vang rền, không thật rõ ***ràng (rệt)***. Hay là gió đã nổi lên ở khu ***rừng*** phía bên kia.

b) Điền vào chỗ trống ***ên*** hay ***ênh***?

– Mẹ rằng: Quê mẹ, Bảo Ninh

Mên mông sóng biển ***lên*** ***ên*** ***ên*** mạn thuyền.

Sớm chiều nước xuống triều ***lên***

Cực thân từ thuở mới ***lên*** chín mười.

– Cái gì cao lớn ***lên*** ***ên*** ***ên***

Đứng mà không tựa ngã ***ên*** ngay ra? (Là cái thang)

Luyện từ và câu Chủ ngữ trong câu kể ***Ai là gì?***

A. Mục tiêu bài học

- Nắm được ý nghĩa và cấu tạo của chủ ngữ trong câu kể ***Ai là gì?***
- Xác định được chủ ngữ trong câu kể ***Ai là gì?*** Tạo được câu kể ***Ai là gì?***

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

I. Nhận xét: Đọc các câu sau: (SGK trang 68, 69)

1. Trong các câu trên, những câu nào có dạng ***Ai là gì?***

Những câu có dạng ***Ai là gì?***

a) • *Ruộng rẫy là chiến trường.*

• *Cuốc cày là vũ khí.*

• *Nhà nông là chiến sĩ.*

b) *Kim Đồng và các bạn anh là những đội viên đầu tiên của đội ta.*

2. Xác định chủ ngữ trong những câu vừa tìm được.

Chủ ngữ	Vị ngữ
Ruộng rẫy	<i>là chiến trường.</i>
Cuốc cày	<i>là vũ khí.</i>
Nhà nông	<i>là chiến sĩ.</i>
Kim Đồng và các bạn anh	<i>là những đội viên đầu tiên của đội ta.</i>

3. Chủ ngữ trong các câu trên do những từ ngữ như thế nào tạo thành?

Chủ ngữ trong các câu trên do các danh từ (*ruộng rẫy, cuốc cày, nhà nông*) và do cụm danh từ (*Kim Đồng và các bạn anh*) tạo thành.

II. Ghi nhớ (Đọc SGK).

III. Luyện tập

1. Đọc các câu sau: (SGK trang 69).

a) Tìm câu kể *Ai là gì?*

- Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận.
- Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy.
- Vừa buồn mà lại vừa vui mới thực là nỗi niềm bông phượng.
- Hoa phượng là hoa học trò.

b) Xác định chủ ngữ của các câu tìm được:

Chủ ngữ	Vị ngữ
<i>Văn hóa nghệ thuật</i>	<i>cũng là một mặt trận.</i>
<i>Anh chị em</i>	<i>là chiến sĩ trên mặt trận ấy.</i>
<i>Vừa buồn mà lại vừa vui</i>	<i>mới thực là nỗi niềm bông phượng.</i>
<i>Hoa phượng</i>	<i>là hoa học trò.</i>

2. Chọn từ ngữ thích hợp ở cột A ghép với từ ngữ ở cột B để tạo thành câu kể *Ai là gì?*

Các từ ngữ ở cột A đã được ghép với từ ngữ ở cột B để tạo thành câu kể *Ai là gì?*

A	B
<i>Trẻ em</i>	<i>là tương lai của đất nước.</i>
<i>Cô giáo</i>	<i>là người mẹ thứ hai của em.</i>
<i>Bạn Lan</i>	<i>là người Hà Nội.</i>
<i>Người</i>	<i>là vốn quý nhất.</i>

3. Đặt câu kể *Ai là gì?* với các từ ngữ sau làm chủ ngữ:

- **Bạn Bích Vân** là học sinh giỏi của lớp 4A.
- **Hà Nội** là thủ đô của nước Việt Nam.
- **Dân tộc ta** là dân tộc anh hùng.

Kể chuyện

Những chú bé không chết

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng nói: Dựa vào lời kể và tranh minh họa kể lại được câu chuyện *Những chú bé không chết*. Hiểu ý nghĩa của truyện
- Rèn kĩ năng nghe: Nghe bạn kể biết nhận xét lời kể của bạn.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn kể chuyện)

1. Dựa vào các tranh dưới đây (SGK trang 70), kể lại từng đoạn của câu chuyện mới được nghe cô giáo (thầy giáo) kể:

Tham khảo cách kể sau:

Những chú bé không chết

*** Tranh 1.**

Bọn phát xít Đức ồ ạt đưa quân xâm lược Liên Xô. Đến đâu chúng cũng cướp bóc, bắn giết tàn bạo. Buổi chiều nọ, chúng bất ngờ xông vào một ngôi làng. Khắp làng không một bóng người. Không gặp sự chống cự của du kích, chúng tưởng được yên thân. Nhưng trời vừa tối, một tiếng súng đã nổ ran. Bọn phát xít nhón nhác hỏi nhau: ‘Bắn ở đâu thế?’. Một tên lính hấp tấp chạy vào nói: “Bắn nhau ở cánh rừng kia kìa! Đã bắt được một tên du kích!”.

*** Tranh 2.**

Một lúc sau, mấy tên lính dẫn một chú bé đến trước mặt tên chỉ huy. Chú bé chừng mười ba, mười bốn tuổi, mặc áo sơ mi xanh có hàng cúc trắng. Tên sĩ quan hỏi:

- Mà này là ai?

Chú bé kiêu hãnh trả lời:

- Tao là du kích!

Tên sĩ quan quát:

- Đội du kích của chúng mày đâu?

Chú bé trả lời, giọng khinh bỉ:

- Tao không biết!

Tên sĩ quan nổi giận, ra lệnh cho bọn lính hành hạ, tra tấn chú bé rất dã man. Nhưng chú không nói nửa lời. Gần sáng bọn chúng đem chú ra bắn.

* Tranh 3.

Đêm ấy, du kích tấn công vào trại lính giặc. Kho tàng của bọn phát xít nổ tung. Nhưng chúng cũng bắt được một em nhỏ.

Tên sĩ quan kinh ngạc hỏi:

– Mày là ai?

Chú bé kiêu hãnh trả lời:

– Tao là du kích!

Tên sĩ quan không còn tin vào mắt mình nữa. Trước mặt hắn vẫn là cậu bé mặc áo sơ mi xanh có hàng cúc trắng mà hắn ra lệnh cho lính bắn chết đêm hôm qua. Tên sĩ quan rên rỉ:

– Ôi lạy chúa! Đất nước này thật là ma quỷ!

Rồi hắn gào lên:

– Treo cổ! Treo cổ nó lên!

* Tranh 4.

Sang đêm thứ ba, bọn phát xít càng không được ngủ yên. Đêm ấy, du kích đánh thẳng vào sở chỉ huy của địch, còn tên sĩ quan thì bị bắt sống đem về khu du kích. Khi người ta mở băng bó mắt, hắn nhìn thấy trước mặt là một người du kích đứng tuổi và bên cạnh bác ta lại là chú bé mặc áo sơ mi xanh có hàng cúc trắng. Hắn quỳ phục xuống chân cậu bé lảm nhảm như một kẻ loạn trí:

– Xin tha tội cho tôi! Tha tội cho tôi! Tôi đâu biết Ngài có thể chết đi sống lại như phù thủy thế này!

Người phiên dịch chỉ vào bác du kích đứng tuổi rồi bảo hắn:

– Đây là cha của hai đứa trẻ bị người giết đêm hôm kia và đêm hôm qua. Trước mặt ngươi là đứa con thứ ba của bác ấy.

Tên phát xít kêu lên một tiếng rồi gục xuống sát đất, không dám ngẩng đầu lên.

2. Kể lại toàn bộ câu chuyện:

Các em liên kết bốn đoạn vừa kể theo tranh ở trên sẽ được toàn bộ câu chuyện.

3. Câu chuyện ca ngợi phẩm chất gì ở các chú bé? Tại sao truyện có tên là *Những chú bé không chết*? Em thử đặt tên khác cho câu chuyện này.

Câu chuyện ca ngợi phẩm chất dũng cảm, sự hy sinh cao đẹp của các chiến sĩ nhỏ tuổi trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù bảo vệ Tổ Quốc.

– Truyện có tên là **Những chú bé không chết** vì:

+ Ba chú bé xuất hiện ở đây họ đều là anh em ruột, đều mặc quần áo giống nhau (chiếc áo xanh có hàng cúc trắng) chính vì thế mà tên sĩ quan tưởng lầm có một cậu bé chết đi sống lại.

+ Bọn phát xít giết chú bé này lại có chú bé khác xuất hiện.

+ Các chú bé này có phẩm chất dũng cảm, có tinh thần hi sinh cao cả vì sự thiêng liêng của Tổ Quốc nên được người dân mãi ca tụng

– Đặt tên khác cho câu chuyện:

- *Các chú bé dũng cảm.*
- *Những thiếu niên bất tử.*
- *Sự hi sinh cao đẹp của các chú bé.*
- *Có cái chết hóa thành bất tử.*

Tập đọc Bài thơ về tiểu đội xe không kính

A. Mục tiêu bài đọc

– Đọc diễn cảm bài thơ.

– Hiểu ý nghĩa của bài thơ: *Ca ngợi tinh thần dũng cảm, lạc quan của các chiến sĩ lái xe trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.*

B. Tìm hiểu nội dung

Bài thơ ***Bài thơ về tiểu đội xe không kính*** chia làm bốn đoạn:

– Đoạn 1 (Khổ thơ 1): Giới thiệu vì sao xe không có kính và phong cách của người lính lái xe ra mặt trận.

– Đoạn 2 (Khổ thơ 2): Ấn tượng, cảm giác của người lính lái xe khi nhìn thấy cảnh đẹp của con đường ra mặt trận.

– Đoạn 3 (Khổ thơ 3): Người lính lái xe bất chấp khó khăn gian khổ.

– Đoạn 4 (Khổ thơ 4): Tình đồng đội, đồng chí của các chiến sĩ lái xe.

I. Hướng dẫn luyện đọc

Đọc diễn cảm bài thơ với giọng vui, hóm hỉnh thể hiện tinh thần dũng cảm, lạc quan của các chiến sĩ lái xe.

– Đoạn 1 đọc giọng thông thả. Đoạn 2 nhấn giọng ở các từ chỉ những hình ảnh đẹp: *xoa mắt đắng, chạy thẳng vào tim, như sa, ủa ào*. Đoạn 3 nhấn giọng ở các từ chỉ sự coi thường gian khổ, khó khăn của các chiến sĩ: *ừ thì ướt áo, mưa tuôn, mưa xối, chưa cần thay, mau khô thôi*. Đoạn

4 đọc giọng nhẹ nhàng tình cảm nhấn giọng ở các từ chỉ tình đồng đội; đồng chí: *đã về đây, họp thành tiểu đội, gặp bạn bè, bắt tay nhau.*

– Đọc đúng các dòng thơ sau:

Không có kính, / không phải vì xe không có kính /

Bom giạt, / bom rung, / kính vỡ đi rồi /

Ung dung buồng lái ta ngồi /

Nhìn đất, nhìn trời, / nhìn thẳng. //

II. Tìm hiểu bài (trả lời câu hỏi)

1. Những hình ảnh nào trong bài thơ nói lên tinh thần dũng cảm và lòng hăng hái của các chiến sĩ lái xe?

Những hình ảnh trong bài thơ nói lên tinh thần dũng cảm và lòng hăng hái của các chiến sĩ lái xe:

– *Bom giạt, bom rung, kính vỡ đi rồi*

– *Ung dung buồng lái ta ngồi,*

– *Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.*

– *Không có kính, ừ thì ướt áo*

– *Mưa tuôn, mưa xối như ngoài trời*

– *Chưa cần thay, lái trăm cây số nữa*

– *Mưa ngừng, gió lùa mau khô thôi.*

2. Tình đồng chí, đồng đội của những người chiến sĩ được thể hiện qua những câu thơ nào?

Những câu thơ thể hiện tình đồng chí, đồng đội rất thấm thiết, keo sơn:

– *Gặp bạn bè suốt dọc đường đi tới*

– *Bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi.*

3. Hình ảnh những chiếc xe không có kính vẫn băng băng ra mặt trận giữa bom đạn của kẻ thù gợi cho em những cảm nghĩ gì?

Hình ảnh những chiếc xe không có kính vẫn băng băng ra mặt trận giữa bom đạn của kẻ thù gợi cho em những cảm giác sau:

– *Các chú bộ đội rất dũng cảm bất chấp mọi khó khăn, gian khổ.*

– *Các chú bộ đội rất lạc quan, yêu đời, tin tưởng ở chiến thắng.*

– *Sự khó khăn nguy hiểm của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đề cao vai trò những người lính lái xe ra mặt trận.*

4. Nêu ý nghĩa bài thơ. (Xem ở phần A. Mục tiêu bài học)

5. Học thuộc lòng bài thơ. (Học sinh tự học)

A. Mục tiêu bài học

Tiếp tục rèn luyện kĩ năng tóm tắt tin tức. Làm quen với việc viết tin, tóm tắt tin về các hoạt động học tập, sinh hoạt.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

1. **Đọc các tin sau:** (Học sinh đọc trong SGK trang 72, 73).

2. **Em hãy tóm tắt một trong các tin trên bằng một hoặc hai câu.**

– Tóm tắt tin a:

Liên đội trường Tiểu học Lê Văn Tám vừa trao 10 suất học bổng cho các bạn học sinh nghèo học giỏi và 12 phần quà cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt. Cũng trong dịp này, trường đã tặng hai suất học bổng cho các bạn ở Trường Tiểu học Tam Thăng.

– Tóm tắt b:

Trường quốc tế Liên Hiệp Quốc (Vạn Phúc - Hà Nội) tổ chức nhiều hoạt động bổ ích và lí thú cho học sinh thuộc nhiều màu da khác nhau.

3. **Dựa vào cách đưa tin như trên, em hãy viết một tin về hoạt động của chi đội, liên đội hay của trường mà em đang học (hoặc tin về hoạt động của thôn xóm, phường xã mà em đang ở); sau đó tóm tắt tin ấy bằng một hoặc hai câu.**

– Viết tin: Vừa qua Liên đội Trường Tiểu học Lê Văn Tám tổ chức một đợt phát động quyên góp ủng hộ các bạn học sinh ở vùng lũ lụt đồng bằng sông Cửu Long. Chỉ trong 3 ngày, Liên đội đã nhận được 1200 cuốn tập, 120 bộ sách giáo khoa, 500 bộ quần áo và 5.200.000đ của tất cả các bạn học sinh trong trường. Liên đội xin chân thành cảm ơn các tấm lòng “vàng” của các bạn.

– Tóm tắt tin: Liên đội Trường Tiểu học Lê Văn Tám xin được cảm ơn về sự đóng góp ủng hộ của các bạn trong toàn trường.

A. Mục tiêu bài học

– Mở rộng vốn từ thuộc chủ điểm *Dũng cảm*.

– Biết sử dụng các từ để tạo thành những cụm từ có nghĩa.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

1. **Tìm những từ cùng nghĩa với từ *dũng cảm* trong các từ dưới đây (SGK trang 73):**

Những từ cùng nghĩa với từ *dũng cảm*: gan dạ, anh hùng, anh dũng, can đảm, can trường, gan góc, gan lì, bạo gan, quả cảm.

2. Ghép từ *dũng cảm* vào trước hoặc sau từng từ ngữ dưới đây (SGK trang 74) để tạo thành cụm từ có nghĩa:

- | | |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> – Tinh thần <i>dũng cảm</i>. – Hành động <i>dũng cảm</i>. – <i>Dũng cảm</i> xông lên. – Người chiến sĩ <i>dũng cảm</i>. – Nữ du kích <i>dũng cảm</i>. – Em bé liên lạc <i>dũng cảm</i>. | <ul style="list-style-type: none"> – <i>Dũng cảm</i> nhận khuyết điểm. – <i>Dũng cảm</i> cứu bạn. – <i>Dũng cảm</i> chống lại cường quyền. – <i>Dũng cảm</i> trước kẻ thù. – <i>Dũng cảm</i> nói lên sự thật. |
|--|--|

3. Tìm từ (ở cột A) phù hợp với lời giải nghĩa (ở cột B):

Các từ ở cột A đã phù hợp với lời giải nghĩa ở cột B:

A	B
<i>Gan góc</i>	(chống chọi) kiên cường không lùi bước.
<i>Gan lì</i>	gan đến mức trơ ra, không còn biết sợ là gì.
<i>Gan dạ</i>	không sợ nguy hiểm.

4. Tìm từ ngữ trong ngoặc đơn hợp với mỗi chỗ trống ở đoạn văn sau:

(can đảm, người liên lạc, hiểm nghèo, tấm gương, mặt trận)

Đoạn văn đã được điền từ ngữ trong ngoặc đơn hợp với chỗ trống:

Anh Kim Đồng là một **người liên lạc** rất **can đảm**. Tuy không chiến đấu ở **mặt trận**, nhưng nhiều khi đi **liên lạc**, anh cũng gặp những giây phút hết sức **hiểm nghèo**. Anh đã hi sinh, nhưng **tấm gương** sáng của anh vẫn còn mãi mãi.

Tập làm văn

Luyện tập xây dựng mở bài trong bài văn miêu tả cây cối

A. Mục tiêu bài học

Nắm được hai cách mở bài trực tiếp và gián tiếp trong bài văn miêu tả cây cối. Biết vận dụng hai kiểu mở bài này.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

1. Dưới đây (SGK trang 75) là hai đoạn có thể dùng để mở đầu bài văn tả cây hồng nhung. Hai cách mở bài ấy có gì khác nhau?

– Đoạn a: Mở bài theo kiểu trực tiếp – Giới thiệu cây hoa cần tả (cây hồng nhung).

– Đoạn b: Mở bài theo cách gián tiếp – Giới thiệu mùa xuân, các loại hoa trong vườn rồi mới giới thiệu cây hoa cần tả (cây hồng nhung).

2. Dựa vào những gợi ý dưới đây, hãy viết đoạn mở bài (theo cách mở bài gián tiếp) cho bài văn tả cây phượng, cây hoa mai hoặc cây dừa.

a) Cây phượng vĩ trồng giữa sân trường em. (Mở bài gián tiếp):

Niềm vui nhất của tuổi học trò là mỗi khi mùa hè đến. Đâu đó rộn lên tiếng ve kêu ra rả và rồi những chùm hoa đỏ thắm nở rộ trên cành phượng vĩ được trồng giữa sân trường em.

b) Trước sân nhà, ba em trồng một cây hoa mai. (Mở bài gián tiếp):

Ba em là người rất yêu hoa, chẳng thế mà ba trồng trong vườn nhiều loài hoa khác nhau. Nhưng ba yêu quý nhất là cây hoa mai ghép 25 cánh được trồng trước sân nhà em.

c) Đầu xóm có một cây dừa. (Mở bài gián tiếp):

Bến Tre là quê của em, quê hương của phong trào Đồng Khởi. Nơi đây có những rặng dừa xanh tốt, những tàu lá dừa đan chen vào nhau tạo thành những chiếc lọng che mát những con đường. Trong vô số những cây dừa trên đất Bến Tre, em có ấn tượng nhất là một cây dừa được trồng ở đầu xóm em.

3. Quan sát một cây em yêu thích nhất và cho biết.

Gợi ý: Quan sát cây hoa hồng nhà em.

a) Cây đó là cây gì? (Cây đó là cây hoa hồng).

b) Cây được trồng ở đâu? (Cây được trồng trong một chậu kiếng đặt ở trước nhà em).

c) Cây do ai trồng, trồng vào dịp nào? (Cây do mẹ em trồng, trồng vào dịp Tết).

d) Ấn tượng chung của em khi nhìn thấy cây đó thế nào? (Ấn tượng chung của em khi nhìn thấy cây hoa hồng: Cây hoa hồng có nhiều gai, hoa có màu đỏ thắm như lửa. Cánh hoa mịn như nhung xếp lớp vào nhau. Hoa hồng có hương thơm dễ chịu, thoang thoảng dịu mát).

4. Dựa vào các câu trả lời ở trên, em hãy viết một đoạn văn mở bài, giới thiệu chung về cây định tả.

Mở bài tả cây hoa hồng:

– Mở bài 1:

Mọi người ai chẳng yêu hoa, mỗi loài hoa đều có một vẻ đẹp quyến rũ và một hương thơm làm say mê lòng người. Trong tất cả những loài hoa, em thích nhất là hoa hồng vì nó là “nữ hoàng” của các loài hoa.

– Mở bài 2:

Cây hoa hồng được trồng trong một chậu kiếng đặt trước cửa nhà em.

A. Mục tiêu bài học

– Đọc diễn cảm toàn bài, nhấn giọng ở các từ ngữ gợi tả, các từ tượng thanh để làm nổi bật sự dữ dội của cơn bão và ý chí quyết thắng của thanh niên xung kích.

– Hiểu nội dung của bài: *Ca ngợi ý chí quyết thắng, tinh thần dũng cảm của con người trong cuộc đấu tranh chống chọi với thiên nhiên.*

B. Tìm hiểu nội dung

Bài văn **Thắng biển** chia làm ba đoạn:

- Đoạn 1 (Từ đầu đến “*cá chim bé nhỏ*”): Cơn bão biển đe dọa.
- Đoạn 2 (Tiếp... đến “*quyết tâm chống giữ*”): Cơn bão biển tấn công.
- Đoạn 3 (Đoạn còn lại): Ý chí quyết tâm chiến thắng của con người.

I. Hướng dẫn luyện đọc

– Đọc diễn cảm bài văn với giọng đọc gấp gáp căng thẳng thể hiện sự dữ dội của cơn bão và quyết tâm chiến thắng của con người.

– Đoạn 1 với giọng đọc nhanh; đoạn 2 đọc giọng gấp gáp căng thẳng; đoạn 3 đọc giọng hồi hã. Câu kết đọc giọng khẳng định tự hào.

– Đọc đúng các từ ngữ: *thắng biển, mênh mông, mỏng manh, dữ dội, khoác vai, quăng dè,...*

– Đọc đúng đoạn văn sau:

Một tiếng ào dữ dội.// Như một đàn cá voi lớn, / sóng trào qua những cây vẹt cao nhất, / vụt vào thân dè rào rào, // một cuộc vật lộn dữ dội diễn ra.// Một bên là biển, / là gió, / trong một cơn giận dữ điên cuồng.// Một bên là hàng ngàn người, / với hai bàn tay và những dụng cụ thô sơ, / với tinh thần quyết tâm chống giữ.//

II. Tìm hiểu bài (Trả lời câu hỏi)

1. Cuộc chiến đấu giữa con người với cơn bão biển được miêu tả theo trình tự như thế nào?

Cuộc chiến đấu giữa con người với cơn bão biển được miêu tả theo trình tự sau: Biển đe dọa (đoạn 1) → Biển tấn công (đoạn 2) → Con người chiến thắng biển (đoạn 3).

2. Tìm những từ ngữ, hình ảnh (trong đoạn 1) nói lên sự đe dọa của cơn bão biển.

Gió bắt đầu mạnh → nước biển càng dữ → Khoảng mệnh mông âm ỉ → Biển cả như muốn nuốt tươi con dê mỏng manh, như con cá mập đớp con cá chim nhỏ bé.

Những từ ngữ, hình ảnh trong đoạn 1 miêu tả cơn bão biển theo cấp độ tăng dần thể hiện sự đe dọa của nó. Đặc biệt tác giả đã sử dụng hình ảnh so sánh (*như con cá mập đớp con cá chim nhỏ bé*) để diễn tả sự dữ dội và nguy hiểm của bão biển.

3. Cuộc tấn công dữ dội của cơn bão biển được miêu tả như thế nào ở đoạn 2?

Ở đoạn 2 cơn bão được miêu tả với một sức phá hủy tưởng như không gì có thể cản nổi: *Một tiếng ào dữ dội. Như một đàn cá voi lớn, sóng trào qua những cây vẹt cao nhất, vụt vào thân dê rào rào.*

Cuộc chiến đấu giữa con người và cơn bão diễn ra rất ác liệt: *Một bên là biển là gió trong cơn giận dữ điên cuồng. Một bên là hàng ngàn người với tinh thần quyết tâm chống giữ.*

4. Những từ ngữ, hình ảnh nào (trong đoạn 3) thể hiện lòng dũng cảm, sức mạnh và chiến thắng của con người trước cơn bão biển?

Hơn hai chục thanh niên vác củi vẹt chạy xuống dòng nước đang cuốn dữ. Khoác vai nhau thành sợi dây dài, lấy thân ngăn dòng nước. Họ ngụp xuống, trôi lên. Những bàn tay khoác vào nhau cứng như sắt. Tóc của các cô gái quấn vào cổ các chàng trai. Đám người không sợ chết.

Những từ ngữ, hình ảnh trong đoạn 3 thể hiện lòng dũng cảm, sức mạnh của những con người. Tuy nhỏ bé nhưng với ý chí quyết tâm và sự dũng cảm sẵn có họ quyết chiến thắng thiên nhiên. Những hình ảnh này gây ấn tượng mạnh mẽ.

Chính tả (Nghe - viết)

Thắng biển

A. Mục tiêu bài học

- Nghe viết chính xác một đoạn trong bài *Thắng biển*.
- Làm đúng các bài tập có âm đầu và vần dễ viết sai: *l/n ; in/inh*.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn nghe - viết

- Đọc lại đoạn 1 và 2 trong bài *Thắng biển*, hiểu nội dung đoạn viết: *Miêu tả sự tấn công dữ dội của cơn bão biển.*
- Viết đúng các từ ngữ: *thắng biển, mệnh mông, mỏng manh, dữ dội, điên cuồng,...*

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. Nghe - viết: *Thắng biển* (từ đầu đến quyết tâm chống giữ). (Xem mục I).

2. Điền vào chỗ trống:

a) *l* hay *n*:

Từ xa nhìn lại, cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ. Hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng tươi. Hàng ngàn búp **n**ón là hàng ngàn ánh **n**én trong xanh. Tất cả đều **l**óng **l**ánh, **l**ung **l**inh trong **n**ắng. Chào mào, sáo sậu. sáo đen, đàn đàn, **l**ũ **l**ũ, bay đi bay về, lượn lên lượn xuống.

b) Tiếng có vần *in* hay *inh*:

- lunh **linh**

– giữ **gìn**

– bình **tĩnh**

– nhường **nhịn**

– rung **rình**
- thâm **kín**

– lạng **thinh**

– học **sinh**

– gia **đình**

– thông **minh**

Luyện từ và câu

Luyện tập về câu kể *Ai là gì?*

A. Mục tiêu bài học

Tiếp tục luyện tập về câu kể *Ai là gì?* Xác định được chủ ngữ và vị ngữ trong câu đó. Viết đoạn văn dùng câu kể *Ai là gì?*

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

1. Tìm câu kể *Ai là gì?* và nêu tác dụng của mỗi câu (dùng để giới thiệu hay nhận định sự vật):

Học sinh đọc kĩ ba đoạn văn trong SGK trang 78:

Câu kể <i>Ai là gì?</i>	Tác dụng
a) - Nguyễn Tri Phương là người Thừa Thiên. - Cả hai ông đều không phải là người Hà Nội.	- Câu giới thiệu - Câu nhận định
b) - Ông Năm là dân ngụ cư của làng này.	- Câu giới thiệu
c) - Cần trục là cánh tay kì diệu của các chú công nhân.	- Câu nhận định

2. Xác định chủ ngữ, vị ngữ trong mỗi câu *Ai là gì?* em vừa tìm được.

Chủ ngữ	Vị ngữ
Nguyễn Tri Phương	là người Thừa Thiên.
Cả hai ông	đều không phải là người Hà Nội.
Ông Năm	là dân ngụ cư của làng này.
Cần trục	là cánh tay kì diệu của các chú công nhân.

3. Có lần, em cùng với một số bạn trong lớp đến thăm bạn Hà bị ốm. Em giới thiệu với bố mẹ bạn Hà từng người trong nhóm. Hãy viết một đoạn văn ngắn kể lại chuyện đó, trong đoạn văn có sử dụng câu kể *Ai là gì?*

Đoạn văn tham khảo

Hôm nay, tôi cùng một số bạn trong lớp 4A đến thăm bạn Hà bị ốm. Đến nơi, chúng tôi gặp bố mẹ của Hà. Tôi thay mặt nhóm giới thiệu với hai bác:

– Thưa hai bác, nghe tin bạn Hà bị ốm, chúng cháu đến thăm bạn và muốn chép hộ bài cho bạn. Đây là các thành viên trong lớp của chúng cháu (lần lượt chỉ từng bạn). Bạn Hương Lan là tổ trưởng của bạn Hà. Bạn Quang Dũng là tổ phó. Bạn Tuyết Anh là học sinh giỏi của lớp, bạn vừa đạt giải nhất trong cuộc thi học sinh giỏi văn của thành phố. Đây là bạn Tuấn Hải cán sự bộ môn Toán của lớp. Cuối cùng, cháu là Nguyễn Hoàng Nam lớp phó phụ trách về văn thể mĩ của lớp.

Kể Chuyện

Kể chuyện đã nghe, đã đọc

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng nói: Kể bằng lời của mình một câu chuyện đã nghe, đã đọc có cốt truyện nói về lòng dũng cảm.

– Rèn kĩ năng nghe: Nghe bạn kể biết nhận xét lời kể của bạn.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn kể chuyện)

Đề bài: *Kể lại một câu chuyện nói về lòng dũng cảm mà em đã được nghe hoặc được đọc.*

Bài tham khảo 1

Trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù xâm lược, dân tộc ta có biết bao những tấm gương dũng cảm, hi sinh vì sự nghiệp độc lập của đất nước, đã làm cho trang sử Việt Nam ngày càng chói lọi, vẻ vang. Một trong những tấm gương dũng cảm đó là Cù Chính Lan với chiến công đánh tan xe tăng giặc.

Cù Chính Lan đang sống yên vui với cha mẹ thì giặc Pháp kéo đến. Quê hương anh bị máy bay giặc ném bom và tàu giặc từ biển bắn pháo vào làm nhà cháy, người chết, đời sống nhân dân rất khổ cực. Anh vô cùng căm ghét quân xâm lược nên xin vào bộ đội.

Một lần, đơn vị anh được lệnh đi đón đánh xe tăng địch ở đường số 6. Anh và đồng đội đã đánh tan được cả đoàn xe địch, chỉ còn sót một

chiếc đang hoảng hốt vừa rút chạy vừa bắn đại bác sang phía quân ta. Anh em hỏi nhau:

– Làm thế nào bây giờ?

Anh chỉ vào chiếc xe tăng mà nói:

– Phải đánh bằng được chiếc xe này!

Nói xong, anh cùng đồng đội băng băng chạy theo xe tăng. Dạn dĩ bắn ra tới tấp như muốn chặn đường tiến công của các anh. Khi đến gần, nhanh như sóc, anh nhảy lên bám lấy đuôi xe, tìm cách bò lên. Xe chạy nhanh, mấy lần trượt ngã xuống, nhưng anh quyết leo bằng được lên thành xe. Hai lần ném lựu đạn vào thùng xe, nhưng đều bị hất trả lại.

Máy bay và đại bác địch bắn mỗi lúc một dữ dội. Các bạn đồng đội của anh đều bị thương. Càng căm thù giặc, anh càng quyết tâm đánh bằng được chiếc xe này.

Hết lựu đạn của mình, anh lấy lựu đạn của đồng đội bị thương, chạy tắt qua rừng, đón đầu chiếc xe tăng. Lần này là lần thứ năm anh lại nhảy lên xe. Tay trái anh cố mở nắp xe tăng, tay phải cầm lăm lăm lựu đạn và lấy răng cắn chốt. Nhưng anh không ném ngay vì sợ giặc ném trả lại như những lần trước. Anh cầm quả lựu đạn trong tay, lựu đạn xì khói. Anh tống luôn vào xe rồi nhảy xuống.

Lựu đạn nổ: “Oàng!...”. Ba tên giặc trong xe chết ngay, chiếc xe bốc cháy ngùn ngụt. Mừng quá anh la lớn:

– ... Cháy rồi! Xe tăng cháy rồi!

Sau trận đó, anh được thưởng huân chương và được phong tặng anh hùng quân đội.

Bài tham khảo 2

Trong nhịp sống hối hả của thành phố Hồ Chí Minh, mấy ai biết trong dòng người ngược xuôi kia là những Lê Thanh Liêm, Lý Đại Bằng, Nguyễn Văn Toàn và các trinh sát chống ma túy. Họ chiến đấu âm thầm vì sự yên bình của cộng đồng, vì tương lai của thế hệ trẻ.

500 ki-lô-gam hêrôin, hơn 60.000 viên ma túy tổng hợp, hàng tấn cần sa bị bắt giữ cùng với “trùm của những ông trùm” ma túy: Dũng “đui”, Lê “mập”, Chu Đức Hải, Kim Tuyến, Năm Tuyền,... là kết quả những ngày “nằm gai nếm mật” của các anh.

Tháng 10 năm 2000 Trung tá Lê Thanh Liêm được điều động về nhậm chức Trưởng phòng cảnh sát phòng chống ma túy ở Công an Thành phố

Hồ Chí Minh. Vụ án “chào sân” của anh và các đồng đội và vụ 4 - 5 bánh hêrôin, bắt được của vợ chồng Yến “ruồi”, để rồi án mở ra với Quách Ích Khương và Ngô Khải Minh cùng 8.000 viên ecstasy bị bắt quả tang.

Đang từ ăn bờ nằm bụi bắt cướp có vũ khí nay chuyển sang vai “cậu ấm” chuyên đi nhà hàng, vũ trường, bar, karaoke,... Liêm và nhiều trình sát khác cũng nhuộm đầu xanh, đầu đỏ, cũng mặc áo thun sát nách để khoe hình xăm dán trên bắp tay, đi đứng cũng điệu, nhưng vẫn chưa quen kiểu ăn chơi...

Vào một đêm, nhận được tin mật báo, nhóm trình sát của Liêm phải theo dõi một đường dây ma túy cỡ bự mà cầm đầu là tên trùm Trần Văn Lệ, tự Lệ “mập”, Nguyễn Văn Hải, tự Hải “luận” và Hạnh “cầm” bị truy nã từ năm 1995, người ta tưởng hắn đã chết nhưng y vẫn còn sống và mua bán ma túy ở Sài Gòn táo bạo hơn xưa. Liêm “chết điếng” khi nhìn thấy ảnh Lệ “mập”, trình sát chống ma túy của huyện Tương Dương (Nghệ An) trước đây. Chính y đã tham gia “hốt ồ” nhà trùm ma túy Bùi Thanh Hường ở Nghệ An - một gia đình gồm 7 người thì đã có 5 người bị án tử hình vì buôn bán ma túy. Liêm thở dài tiếc cho Lệ “mập”, vừa lo ngại các trình sát của anh sẽ gặp khó khăn khi truy bắt bọn này, thậm chí có thể xảy ra thương vong, bởi y từng là trình sát nên biết rất rõ quy luật đánh án, lại rất giỏi võ và là tay thiện xạ, bắn súng giỏi cả hai tay. Liêm cũng chọn ba tay súng tài giỏi không kém Lệ “mập”. Ấp vào nhà bằng cửa sổ như cơn lốc, hai trình sát vật Lệ “mập” xuống, còng tay khi hắn chưa kịp nổ phát súng nào. *“Chúng mày đối xử với ‘đồng đội’ tẹ như chó thế này à? Ông từng bắt người giúp mày đấy...”*. Tức điên người, Liêm rít lên: *“Đến lúc này mà còn nói được những câu vô sỉ thế, quay súng bắn lại anh em vì tiền thì mày đã là kẻ thù rồi, đồng đội gì bọn chúng mày...”*. Chiếc khăn tay được tống vào mồm Lệ “mập” vừa để hắn “tắt đài” vừa để tránh hắn tự tử. Các trình sát lục tìm khắp căn nhà lôi ra hàng chục kí lô gam ma túy và một “kho” vũ khí. Theo lời khai của Lệ “mập” thì từ năm 2000 đến nay, chúng buôn bán hơn 2000 bánh hêrôin.

Chuyên án nối tiếp chuyên án, anh không còn đủ thời gian để lo cho gia đình. Cuộc chiến đấu của anh tuy thâm lặng nhưng đòi hỏi phải kiên trì và dũng cảm, anh luôn phải đối phó với tội phạm nguy hiểm, sự sống và cái chết chỉ cách nhau trong gang tấc. Trung tá Lê Thanh Liêm và đồng đội mãi mãi là tấm gương để cho thế hệ trẻ học tập, phải noi theo.

A. Mục tiêu bài học

- Đọc rõ ràng, trôi chảy toàn bài. Đọc đúng tên riêng nước ngoài, phân biệt lời các nhân vật.
- Hiểu ý nghĩa của bài: *Ca ngợi lòng dũng cảm của chú bé Ga-vrốt.*

B. Tìm hiểu nội dung

Bài văn ***Ga-vrốt ngoài chiến lũy*** chia làm ba đoạn:

- Đoạn 1 (Từ đầu đến “*dưới làn mưa đạn*”): Thông báo của Ăng-giôn-ra về việc nghĩa quân sắp hết đạn.
- Đoạn 2 (Tiếp... đến “*Ga-vrốt nói*”): Ga-vrốt ra ngoài chiến lũy nhặt đạn.
- Đoạn 3 (Đoạn còn lại): Sự dũng cảm của Ga-vrốt.

I. Hướng dẫn luyện đọc

- Đọc bài văn với giọng rõ ràng, thể hiện rõ lời nói của từng nhân vật, nhấn giọng ở các từ miêu tả sự dũng cảm của Ga-vrốt ngoài chiến lũy.

– Đọc đúng các từ ngữ: *Ga-vrốt, Ăng-giôn-ra, Cuộc-phây-rắc, chiến lũy, thấp thoáng, dốc bảy tám, phốc ra, thiên thần,...*

- Đọc đúng các đoạn đối thoại sau:

- *Cậu làm trò gì đấy? // - Cuộc-phây-rắc hỏi. /*

- *Em **nhặt cho đầy** giỏ đây! //*

- *Cậu không thấy đạn **réo à?** //*

Ga-vrốt trả lời:

- *Có chứ, / nó rơi **như mưa**. // Nhưng làm sao **nào?** //*

*Cuộc-phây-rắc **thét lên:** //*

- *Vào ngay! //*

- ***Tí ti** thôi! Ga-vrốt nói. //*

II. Tìm hiểu bài (Trả lời câu hỏi)

1. Ga-vrốt ra ngoài chiến lũy để làm gì?

Nghe Ăng-giôn-ra thông báo nghĩa quân sắp hết đạn, nên Ga-vrốt lao ra ngoài chiến lũy để nhặt đạn, giúp nghĩa quân tiếp tục chiến đấu.

2. Những chi tiết nào thể hiện lòng dũng cảm của Ga-vrốt?

Những chi tiết thể hiện lòng dũng cảm của Ga-vrốt: “*người ta thấy thấp thoáng ngoài đường phố, dưới làn mưa đạn*”; “*nó rơi như mưa*”;

“khói lửa mịt mù”; “ẩn vào một góc cửa rồi lại phốc ra, tới lui...”; “Em chơi trò ú tim với cái chết một cách thật ghê rợn”.

Dưới làn mưa đạn của địch, Ga-vrốt không sợ nguy hiểm, dũng cảm ra ngoài chiến lũy để nhặt đạn cho nghĩa quân.

3. Vì sao tác giả nói Ga-vrốt là một thiên thần?

Tác giả nói Ga-vrốt là một thiên thần vì cậu bé ẩn hiện trong làn mưa đạn, như một người tàng hình. Cậu chạy nhanh hơn là đạn bắn ra, Ga-vrốt bất chấp nguy hiểm, lao ra chiến lũy để nhặt đạn, cậu bé như có một phép lạ.

4. Nêu cảm nghĩ của em về nhân vật Ga-vrốt.

- Ga-vrốt là người lính dũng cảm, gan dạ.
- Dám hi sinh mình để mong muốn kháng chiến thắng lợi.
- Học tập gương dũng cảm của Ga-vrốt.

Tập làm văn

Luyện tập xây dựng kết bài trong bài văn miêu tả cây cối

A. Mục tiêu bài học

Nắm được hai kiểu kết bài (không mở rộng, mở rộng) trong bài văn tả cây cối.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

1. Có thể dùng các câu sau (SGK trang 82) để kết bài không? Vì sao?

Học sinh đọc kĩ hai đoạn văn ở SGK trang 82.

Có thể dùng các câu a và b để kết bài. Vì:

- Câu a: Nói về tình cảm của người tả đối với cây.
- Câu b: Nêu lợi ích của cây và tình cảm của người tả đối với cây.

2. Quan sát một cây mà em yêu thích và cho biết:

a) Cây đó là cây gì?

(Cây đu đủ).

b) Cây có ích lợi gì?

(Cây đu đủ có quả ăn rất bổ (nhiều vitamin A và D)).

c) Em yêu thích và gắn bó với cây như thế nào? Em có cảm nghĩ gì về cây?

(Em chăm sóc cây, mong cây mau lớn để ra quả. Hàng ngày đi học về em đều ra ngắm cây).

3. Dựa vào các câu trả lời trên, hãy viết một kết bài mở rộng cho bài văn.

Kết bài mở rộng về cây đu đủ:

Em rất yêu cây đu đủ mà mẹ em trồng. Hàng ngày đi học về, em thường tưới nước cho cây, bắt sâu và vun gốc cho cây. Em mong cây mau lớn, ra quả để em được thưởng thức vị ngọt mát và hương thơm của nó.

4. Em hãy viết kết bài mở rộng cho một trong các đề tài dưới đây:

a) **Cây tre ở làng quê** (Kết bài mở rộng):

Cây tre mãi mãi là hình ảnh quen thuộc của làng quê Việt Nam. Tre tượng trưng cho lòng dũng cảm, ngay thẳng, đùm bọc và yêu thương nhau. Dù có đi đâu xa, em cũng luôn nhớ về làng quê với những rặng tre xanh, rì rào gió thổi.

b) **Cây tràm ở quê em** (Kết bài mở rộng):

Cây tràm là hình ảnh của quê em. Cây tràm mạnh mẽ trong bão táp, mưa sa. Nói đến cây tràm là nói đến hình ảnh người Nam Bộ dũng cảm, gan dạ trong chiến đấu nhưng cũng ngọt ngào tình đồng chí, tình anh em, tình nghĩa xóm làng. Em tự hào bởi cây tràm quê em.

c) **Cây đa cổ thụ ở đầu làng** (Kết bài mở rộng):

Cây đa ở làng em đã chứng kiến nhiều biến đổi của thời gian và không gian, nó cũng là hình ảnh quen thuộc của làng quê Việt Nam. Nó gợi cho những người đi xa nhớ về quê hương của mình, nơi mình đã sinh ra và lớn lên, nơi đã để lại cho mình biết bao kỉ niệm của một thời thơ ấu.

Luyện từ và câu Mở rộng vốn từ: **Dũng cảm**

A. Mục tiêu bài học

- Tiếp tục mở rộng vốn từ thuộc chủ điểm **Dũng cảm**.
- Biết một số thành ngữ gắn với chủ điểm.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

1. Tìm những từ cùng nghĩa và những từ trái nghĩa với từ **dũng cảm**:

- Những từ cùng nghĩa với từ **dũng cảm**: can đảm, can trường, gan dạ, gan góc, gan lì, táo bạo, bạo gan, anh hùng, anh dũng, quả cảm,...
- Những từ trái nghĩa với từ **dũng cảm**: hèn nhát, nhát gan, hèn hạ, bạc nhược, nhu nhược, khiếp nhược,...

2. Đặt câu với một trong các từ tìm được.

- Ga-vrốt là cậu bé *can trường/gan dạ/gan lì*.
- Các chiến sĩ sẵn bắt cướp thật *dũng cảm*.
- Quân đội nhân dân Việt Nam *anh hùng*.
- Nguyễn Bá Ngọc, một thiếu nhi Việt Nam *can đảm*.
- Mọi kẻ thù xâm lược đều phải *khiếp nhược* trước sức mạnh đoàn kết của dân tộc Việt Nam.
- Anh ta là con người rất *bạc nhược/nhu nhược*.

3. Chọn từ thích hợp trong các từ sau đây để điền vào chỗ trống: *anh dũng, dũng cảm, dũng mãnh*.

- *dũng cảm* bênh vực lẽ phải
- khí thế *dũng mãnh*
- hi sinh *anh dũng*

4. Trong các thành ngữ sau, những thành ngữ nào nói về lòng *dũng cảm*?

Ba chìm bảy nổi; Vào sinh ra tử; Cày sâu cuốc bẫm; Gan vàng dạ sắt; Nhường cơm sẻ áo; Chân lấm tay bùn.

- Những thành ngữ nói về lòng *dũng cảm*:
 - *Gan vàng dạ sắt*: gan dạ, không nao núng trước hiểm nguy.
 - *Vào sinh ra tử*: trải qua nhiều nguy hiểm, kề cận cái chết.
- Còn các thành ngữ khác không phải nói về lòng *dũng cảm*:
 - *Ba chìm bảy nổi*: sống phiêu bạt, nay đây mai đó, chịu nhiều khổ sở, vất vả.
 - *Cày sâu cuốc bẫm*: làm ăn cần cù (nghề nông).
 - *Nhường cơm sẻ áo*: đùm bọc, giúp đỡ, nhường nhịn, san sẻ cho nhau lúc hoạn nạn, khó khăn.
 - *Chân lấm tay bùn*: chỉ sự lao động vất vả, cực nhọc (ở nông thôn).

5. Đặt câu với một trong các thành ngữ vừa tìm được ở bài tập 4.

- Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ đã xuất hiện những con người *vào sinh ra tử* cho Tổ quốc.
- “Bát khuát” là tác phẩm văn học phản ánh những con người *gan vàng dạ sắt*.
- Dân tộc ta vốn có truyền thống đoàn kết *nhường cơm sẻ áo* cho nhau.
- Người nông dân Việt Nam *chân lấm tay bùn*.

A. Mục tiêu bài học

Tập viết hoàn chỉnh một bài văn miêu tả cây cối.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

Đề bài: *Tả một cây có bóng mát (hoặc cây ăn quả, cây hoa) mà em yêu thích.*

Bài tham khảo 1

Tả cây dừa (Cây ăn quả)

Nhà em trồng rất nhiều dừa, nhưng em thích nhất là cây dừa có gốc cong cong, đứng sừng sững ở bờ ao sau nhà.

Thoạt nhìn, nó giống như cây chổi lông khổng lồ. Gốc cong cắm chặt vào bờ ao, phình ra như bụng cái trống chầu, đâm ngang từ bờ ra mặt ao, tạo nên một hình ảnh cố định là dừa lúc nào cũng đang soi mình trên mặt nước. Thân dừa xám xịt, vỏ đầy dấu ấn của thời gian và nứt nhiều đường li ti. Càng lên cao, thân nó càng thu nhỏ lại và đâm thẳng lên trời. Từ gốc đến ngọn, dừa phải cao đến mười mét. Ngọn tua tua một chùm tàu lá xanh tươi, tỏa ra hàng chục bẹ, mỗi bẹ dài khoảng hai thước. Hai bên mép bẹ tỏa ra hai hàng lá dài, màu xanh đậm đều đặn, đối xứng nhau, in rõ trên nền trời những đường răng lược to lớn. Có vài tàu lá khô rũ xuống lòng thông. Giữa những nách bẹ nhét đầy những chùm dừa sai trái treo lủng lẳng. Quả dừa lúc đầu nhỏ hơn nắm tay rồi to dần, nay đã no tròn, xanh bóng trông như những chú heo con bụ bẫm. Hái một trái dừa, phạt ngang đầu trái, ta có một thứ nước giải khát ngọt ngào hương vị quê hương, làm mát dịu ruột gan giữa những trưa hè oi bức. Cơm dừa màu trắng, béo ngậy, ăn sống cũng ngon mà để làm bánh, làm mứt cũng ngon. Những món bánh, mứt tuyệt vời ấy em đã thưởng thức nhiều lần do đôi bàn tay khéo léo của bà nội làm.

Ở làng quê, cây dừa cũng như cây chuối, toàn thân nó đều phục vụ cho đời sống con người: lá để lợp nhà, cùi dừa để làm mứt, làm xà phòng trong công nghiệp... Hiện nay, xơ dừa được dùng làm tấm lợp bền chắc và mát, được dệt thành thảm để xuất khẩu đem lại cho con người nguồn lợi lớn. Từ Bình Định đổ vào, đâu đâu cũng thấy những rặng dừa. Xứ dừa quê em giàu đẹp biết bao!

Đối với em, cây dừa này là một kỉ niệm sâu sắc của một thời thơ ấu. Mỗi dịp theo mẹ về quê, trưa nào em cũng ra vắt vẻo trên cái gốc cong

phình như bụng trống chầu, đâm ngang từ bờ ra mặt ao, ngồi đọc sách, câu cá và tâm sự với dừa để dừa không cảm thấy cô đơn. Dừa soi bóng xuống ao và bóng em cũng soi rọi xuống ao, cả hai cùng lung linh giữa đất trời êm ả.

Tô Quốc Tuấn

Bài tham khảo 2

Tả cây phượng vĩ (Cây cho bóng mát)

Nếu có dịp, bạn hãy ghé thăm trường tôi vào những ngày hè, khi cây phượng vĩ nở rộ những đóa hoa đỏ thắm và tiếng ve kêu râm ran suốt ngày đêm thì tôi tin chắc rằng bạn sẽ thích thú lắm!

Cây phượng vĩ ở trường tôi trồng từ bao giờ tôi không biết, chỉ nhớ rằng khi tôi mới đặt chân vào trường đã thấy cây đang ở đây hiên ngang như một chàng dũng sĩ.

Cây phượng này đã già lắm rồi, thân cây chuyển sang màu nâu xám có nhiều đốm trắng bạc có lẽ vì năm tháng qua đi. Cây giương ra những cánh tay che chở cho chúng tôi khỏi những tia nắng gay gắt của mặt trời. Phía trên là những tán lá như cái lọng màu xanh to lớn. Tôi không biết ai đã đan những cành cây lại với nhau mà thành cái lọng khéo đến như vậy. Những chú ve thường ẩn mình trong vòm lá phượng cùng nhau cất lên một bản hòa tấu ca ngợi mùa hè làm nức lòng lũ học trò chúng tôi.

Giữa khoảng trời mênh mông, những đóa hoa phượng đỏ rực nổi lên mang một sắc thái riêng biệt hết sức kiều sa, rạo rực và dễ thương. Vào giờ ra chơi, những cánh hoa phượng được các bạn gái tách ra làm thành những chú bướm xinh xinh. Còn các bạn trai thì lấy những nhụy hoa thi nhau móc ngoéo. Sau những trận mưa rào, cánh hoa phượng rơi rải rác khắp sân trường tựa như mặt sân được trải lên bằng một tấm thảm màu đỏ tươi ánh lên dưới tia nắng mặt trời.

Cây phượng này thay đổi quanh năm: mùa đông, cây rụng hết lá, khẳng khiu. Nhưng sang xuân, chồi non lại nhú ra phủ một màu xanh tươi mát cho cây. Mỗi lần như thế, dường như tuổi thanh xuân lại trở về với cây phượng, xóa đi sự già nua đã in hằn lên thân hình nó. Sau đó không bao lâu, ở sân trường, hình ảnh của mùa hè lại được vẽ lên một cách rõ rệt bằng những chùm hoa phượng đỏ thắm. Nó đem lại niềm vui sướng, háo hức cho tuổi học trò.

Mùa hè đã đến, giã từ những cánh phượng thắm để bước vào một kì nghỉ lí thú sau những tháng ngày học tập vất vả. Những cánh bướm làm bằng hoa phượng vẫn cứ bay lượn trong cuốn lưu bút của tuổi học trò chúng tôi.

Bài tham khảo 3

Tả hoa đào (Tả cây hoa)

Năm nào cũng vậy, cứ đến hai mươi bảy tháng chạp, hai bố con tôi lại lên Nhật Tân để xem các vườn đào nổi tiếng của Hà Nội và cũng là để mua hoa về chưng Tết.

Hôm đó, khí trời lành lạnh, thỉnh thoảng những cơn gió bắc thổi từ sông Hồng lên hất vào mặt khiến tôi run lên vì lạnh. Dọc hai bên đường là những luống đào chạy dài thẳng tắp, đâu đâu cũng chỉ thấy hoa đào, bạt ngàn một màu đỏ rực.

Cây đào không cao lắm, chỉ bằng người tôi thôi, có cây lớn hơn một chút. Thân cây màu nâu xám và bóng. Cách mặt đất khoảng ba, bốn tấc, đào chia ra làm nhiều nhánh, mỗi nhánh tỏa ra nhiều cành. Cành đào vẫn là màu nâu xám nhưng nhạt và sáng bóng hơn. Mỗi cây đào mang một dáng vẻ khác nhau: có cây khum khum đan tròn vào nhau trông rất đẹp mắt, có cây lại được tỉa tốt, uốn lượn thành hình con công, con hạc đang xoè đuôi, xoè cánh để khoe “bộ lông” rực rỡ của mình. Người ta gọi những cây đó là đào thế. Cũng như mai vàng, trước Tết một tháng, đào được vặt trụi lá. Nhưng chỉ sau hai tuần, mỗi nhánh đã chi chít những nụ đào nhỏ xíu và một màu hồng tươi đã bắt đầu lộ dạng. Đâu đó những bông hoa mới nở đậu chên vênh trên các cành. Hoa đào năm cánh, mảnh mai như đang khoe sắc trước nắng xuân. Sắc hoa đào màu hồng tươi, càng rét hoa đào càng nhuận sắc.

Lúc này, ánh nắng đã trải khắp vườn đào, làm tan đi những giọt sương đêm còn đọng trên cành lá khiến cho những nụ hoa như sáng hơn, tươi đẹp hơn. Người đi xem hoa mỗi lúc một đông. Áo quần đủ màu đủ sắc, tiếng nói, tiếng cười rộn ràng khiến cho vườn đào càng trở nên rực rỡ và náo nhiệt.

Hoa đào cũng như các loài hoa khác, góp phần tô điểm cho cuộc sống của con người. Mỗi khi Tết đến, ai ai cũng muốn có một cành đào trong nhà và cầu mong mọi sự tốt đẹp sẽ đến với mình.

Tập đọc

Dù sao trái đất vẫn quay!

A. Mục tiêu bài học

- Đọc rõ ràng, trôi chảy toàn bài. Đọc đúng tên riêng nước ngoài.
- Hiểu nghĩa của các từ: *Cô-péc-ních*, *thiên văn học*, *tà thuyết*, *Ga-li-lê*, *chân lí*.
- Hiểu nội dung của bài: *Ca ngợi những nhà khoa học chân chính đã dũng cảm, kiên trì bảo vệ chân lí khoa học.*

B. Tìm hiểu nội dung

Bài văn ***Dù sao trái đất vẫn quay*** chia làm ba đoạn:

- Đoạn 1 (Từ đầu đến “*phán bảo của chúa trời*”): Cô-péc-ních dũng cảm bác bỏ ý kiến sai lầm và tuyên bố phát minh mới.
- Đoạn 2 (Tiếp... đến “*gần bảy chục tuổi*”): Ga-li-lê bị xét xử.
- Đoạn 3 (Đoạn còn lại): Sự dũng cảm của nhà bác học Ga-li-lê.

I. Hướng dẫn luyện đọc

- Đọc diễn cảm toàn bài với giọng kể chậm rãi, nhấn mạnh vào những từ ngữ chỉ sự dũng cảm bảo vệ chân lí khoa học của hai nhà khoa học Cô-péc-ních và Ga-li-lê. Đọc đúng các từ: *Ga-li-lê*, *Cô-péc-ních*, *vũ trụ*, *xung quanh*, *vẫn quay*,...

- Đọc đúng đoạn văn sau:

*Xưa kia,/ người ta cứ nghĩ rằng trái đất là **trung tâm** của vũ trụ,/ **đứng yên** một chỗ,/ còn mặt trời,/ mặt trăng và muôn ngàn vì sao phải quay xung quanh cái tâm này.// Người đầu tiên **bác bỏ** ý kiến **sai lầm** đó là nhà thiên văn học Ba Lan Cô-péc-ních.// Năm 1953,/ Cô-péc-ních cho xuất bản một cuốn sách chứng minh rằng/ chính trái đất mới là một hình tinh quay xung quanh mặt trời.// Phát hiện của nhà thiên văn học làm mọi người **sửng sốt**,/ thậm chí còn bị coi là **tà thuyết**,/ vì nó ngược với những lời **phán bảo** của Chúa trời.//*

II. Tìm hiểu bài (trả lời câu hỏi)

1. Ý kiến của Cô-péc-ních có điểm gì khác ý kiến chung lúc bấy giờ?

Lúc bấy giờ, người ta cho rằng trái đất là trung tâm của vũ trụ và đứng yên một chỗ, còn mặt trời, mặt trăng và muôn ngàn các vì sao phải quay xung quanh cái tâm này. Nhưng Cô-péc-ních lại nghĩ ngược

lại và chứng minh rằng *chính trái đất mới là một hành tinh quay xung quanh mặt trời*.

2. Ga-li-lê viết sách nhằm mục đích gì? Vì sao toà án lúc ấy xử phạt ông?

Ga-li-lê viết sách nhằm mục đích ủng hộ quan điểm khoa học của Cô-péc-ních và cổ vũ cho ý kiến của Cô-péc-ních.

Tòa án lúc ấy xử phạt ông vì cho rằng ông đã đi ngược với những lời phán bảo của Chúa trời.

3. Lòng dũng cảm của Cô-péc-ních và Ga-li-lê thể hiện ở chỗ nào?

Họ là những người dũng cảm, dám đi ngược với lời phán bảo của Chúa trời tức là đối lập với quan điểm của Giáo hội lúc bấy giờ. Họ sẵn sàng hi sinh tính mạng của mình để bảo vệ chân lí khoa học.

Chính tả (Nhớ - viết) Bài thơ về tiểu đội xe không kính

A. Mục tiêu bài học

- Nhớ - viết ba khổ thơ cuối của bài *Bài thơ về tiểu đội xe không kính*.
- Làm đúng các bài tập có âm, vần dễ lẫn: s / x, dấu hỏi / dấu ngã.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn nhớ - viết

- Học thuộc ba khổ thơ cuối của *Bài thơ về tiểu đội xe không kính*.
- Hiểu nội dung đoạn viết: *Ca ngợi tinh thần dũng cảm, lạc quan của các anh bộ đội lái xe*.
- Viết đúng các từ: *xoa mắt đắng, tim, cánh chim, buồn lúi, mưa tuôn, vỡ rồi,...* Viết thẳng hàng các chữ đầu mỗi dòng thơ. Hết một khổ thơ cách một dòng viết tiếp khổ thơ thứ hai, thứ ba,...

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. Nhớ - viết: *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* (ba khổ thơ cuối).

(Xem mục I. Hướng dẫn nhớ - viết).

2. a) – Tìm 3 trường hợp chỉ viết **s** không viết **x**:

sai, sãi, sản, sạn, sạt, sức, sấm, sẫm, sậm, sân, sần, sấn, soái, soạt, suốt, suy, suyễn, sư, sự, sưởi, sườn,...

– Tìm 3 trường hợp chỉ viết **x** không viết **s**:

xem, xẻng, xẻo, xéo, xoay, xoáy, xoắn, xoắn, xối, xỏm, xốp, xơi, xới, xua, xuân, xuôi, xuống, xứng,...

b) – Tìm 3 tiếng không viết **dấu ngã**:

ảnh, ảo, ẩu, bảnh, bản, dẻo, dửng, đảm, đảo, khảm, khăn, khẳng, khăn, khỏe, thăm, thản, vều, vẻo, yềng, yếu,...

– Tìm 3 tiếng không viết **dấu hỏi**:

cỡ, cõn, cưỡn, diễn, diễm, đũa, giãy, giỗ, hãm, hãnh, hoẵng, miễn, muỗi, muỗm, muống, ngỗ, nhão, nhiễm, vũng,...

3. Chọn các tiếng thích hợp trong ngoặc đơn để hoàn chỉnh câu văn (SGK trang 87).

Các câu văn đã được hoàn chỉnh

a)

Sa mạc đỏ

Ở lục địa Ô-xtrây-li-a có một **sa** mạc màu đỏ. Trên trời dưới đất đều có những mảng màu hồng, màu đỏ **xen** kẽ rất kì lạ. Khi trời mưa nhỏ, các loại động vật màu đỏ thi nhau ngóc đầu dậy.

b)

Thế giới dưới nước

Đáy **biển** cũng có núi non, thung **lũng** và đồng bằng như trên mặt đất. Người ta đã quan sát được một rặng núi chạy thẳng từ Bắc Băng Dương xuống trung tâm Đại Tây Dương và kéo dài tới tận Nam Cực.

Luyện từ và câu

Câu khiến

A. Mục tiêu bài học

- Nắm được tác dụng và cấu tạo của *câu khiến*.
- Biết nhận diện *câu khiến* và đặt *câu khiến*.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

I. Nhận xét

1. Câu in nghiêng dưới đây (SGK trang 87):

- *Mẹ mời sứ giả vào đây cho con!* Gióng dùng để nhờ mẹ gọi sứ giả vào.

2. Cuối câu in nghiêng có dấu gì?

Cuối câu in nghiêng có dấu chấm than (!)

3. Em hãy nói với bạn bên cạnh một câu để mượn quyển vở. Viết lại câu ấy:

- *Cho tớ mượn quyển vở của cậu đi!*
- *Cho tớ mượn quyển vở này với!*

II. Ghi nhớ (Đọc SGK).

III. Luyện tập

1. Tìm câu khiến trong những đoạn trích sau (SGK trang 88):

Những câu khiến có trong các đoạn trích:

- a) *Hãy gọi người hàng hành vào cho ta!*
- b) *Lần sau, khi nhảy múa phải chú ý nhé! Đừng có nhảy lên boong tàu!*
- c) *Nhà vua hoàn gươm lại cho Long Vương!*
- d) *Con đi chặt cho đủ một trăm đốt tre, mang về đây cho ta!*

2. Tìm 3 câu khiến trong sách giáo khoa Tiếng Việt hoặc Toán của em.

- Bài **Ga-vrốt ngoài chiến lũy** (sách Tiếng Việt 4, tập 2) có câu:
 - Vào ngay!
- Bài **Chị em tôi** (sách Tiếng Việt 4, tập 1) có câu:
 - Ở, nhớ về sớm nghe con!
- Bài **Điều ước của vua Mi-đát** (sách Tiếng Việt 4, tập 1) có câu:
 - Xin thần cho mọi vật tôi chạm đến đều hóa thành vàng!
 - Xin thần tha tội cho tôi! Xin Người lấy lại điều ước để cho tôi được sống!

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

3. Hãy đặt một câu khiến để nói với bạn, với anh chị hoặc với cô giáo (thầy giáo).

- Nói với bạn: *Mình và cậu đi chơi bóng đi!*
- Nói với chị: *Chị cho em cái cặp này nhé!*
- Nói với cô giáo: *Thưa cô, cho em vào lớp ạ!*

Kể chuyện Kể chuyện được chứng kiến hoặc tham gia

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng nói: Kể được một câu chuyện nói về lòng dũng cảm đã được chứng kiến hoặc tham gia.
- Rèn kĩ năng nghe: Nghe bạn kể biết nhận xét lời kể của bạn.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn kể chuyện)

Đề bài: *Kể lại một câu chuyện về lòng dũng cảm mà em được chứng kiến hoặc tham gia.*

Bài tham khảo

Hôm qua trong chương trình "Người đương thời" của đài truyền hình Việt Nam có bài phóng sự về hình ảnh của chị Kiều Hải, một thương binh hạng nặng đã đi xe đạp suốt từ Nam ra Bắc để viếng lăng Bác.

Chị Kiều Hải là một nữ biệt động Sài Gòn, chị bị giặc bắt năm chị mới mười sáu tuổi. Thấy chị là một cán bộ nguy hiểm, bọn giặc đã tuyên án và đày chị ra Côn Đảo. Tại đây, chị bị tra tấn rất dã man, nhiều khi chết đi sống lại. Tuổi trẻ của chị bị chôn vùi bởi đòn roi, bởi cái ngục tù khủng khiếp này.

Đất nước giải phóng, chị được trở về trong vòng tay của những người thân yêu. Nhưng thân xác chị đã không còn nguyên vẹn, bệnh tật hành hạ chị và rồi căn bệnh ung thư đang đe dọa tính mạng của chị. Với nghị lực và sức sống tiềm tàng vốn có, chị muốn trước khi nhắm mắt, trước khi từ giã cuộc sống tươi đẹp này chị muốn được ra thăm Bác Hồ, được thăm thủ đô yêu dấu, được đi trên những con đường của Tổ quốc thân yêu. Thế là cuộc hành trình của chị bắt đầu. Trước hết chị phải tập đi xe đạp bằng một tay vì một cánh tay của chị đã bị liệt. Sau khi đã đi thạo rồi, chị chuẩn bị đồ dùng cá nhân, đồ ăn thức uống. Chặng đường đi của chị kéo dài hàng mấy tháng ròng. Ngày nắng cũng như ngày mưa, một mình trên một chiếc xe chị gò lưng đạp. Những ngôi nhà hoang ở bên đường, những trạm gác là nơi nghỉ của chị. Có những hôm, chị đi suốt từ sáng đến chiều không gặp một ngôi nhà nào cả, thế là tảng đá bên đường, những dòng suối cũng trở thành chỗ nghỉ của chị. Nhiều lúc chị cũng gặp được những người dân tốt bụng, những đơn vị làm đường, họ đều tiếp đón chị ân cần, họ đều kinh ngạc trước ý chí và nghị lực của chị, họ luôn cầu chúc cho chuyến đi của chị mọi điều tốt đẹp và mong có ngày gặp lại chị. Đoạn đường mà chị trải qua thật khó khăn gian khổ. Những đoạn đường có dốc cao, những đoạn đường bị sụt lở, chị phải đẩy xe bằng tất cả sức lực của mình. Sức người yếu ớt lại bệnh tật, người ta tưởng rằng chị sẽ phải gục ngã. Nhưng không, chị vẫn vượt qua. Con đường Trường Sơn đã hiện ra trước mắt chị, nó như tiếp thêm nghị lực cho chị, nó như mạch bảo, thôi thúc chị phải cố gắng nhiều nữa. Và rồi vào một ngày đẹp trời chị đã đến thủ đô Hà Nội, chị được vào thăm lăng Bác, được nói với Bác ý nguyện của mình. Chị được gặp lại những người bạn chiến đấu ở trong tù, ở Côn Đảo trong đó có chị Võ Thị Thắng. Chị được những người dân Hà Nội tiếp đón nồng hậu, họ cảm động về tấm lòng, ý chí và nghị lực của chị. Có bác sĩ đã ngoài tám mươi tuổi đã nhận chăm sóc sức khỏe của chị trong những ngày chị ở Hà Nội.

Tạm biệt Bác, tạm biệt Hà Nội chị quay trở về Thành phố Hồ Chí Minh bằng xe đạp của mình. Đi đến đâu chị cũng được mọi người tiếp

đón ân cần. Cuộc hành trình trở về này cũng đầy khó khăn gian khổ chẳng kém gì cuộc hành trình ban đầu.

Được chứng kiến cảnh chị Kiều Hải đạp xe, với vết thương ở ngực rỉ máu, tôi không sao cầm nổi nước mắt, tôi kính trọng tinh thần dũng cảm của chị, một người phụ nữ giàu nghị lực chứa đựng một sức sống tiềm tàng. .

Tấm gương của chị mãi mãi là bài ca bất tận để cho thế hệ trẻ chúng tôi noi theo.

Tập đọc

Con sẻ

A. Mục tiêu bài học

- Đọc diễn cảm đoạn văn, chuyển giọng linh hoạt cho phù hợp với diễn biến của câu chuyện.
- Hiểu nghĩa của các từ: *tuồng như, khăn đặc, náu, bối rối, kính cẩn*.
- Hiểu nội dung, ý nghĩa của bài: *Ca ngợi hành động dũng cảm, cứu sẻ non của sẻ già*.

B. Tìm hiểu nội dung

Bài văn **Con sẻ** chia làm ba đoạn:

- Đoạn 1 (Từ đầu đến rơi “*từ trên tổ xuống*”): Sẻ non gặp nguy hiểm.
- Đoạn 2 (Tiếp... đến “*cuốn nó xuống đất*”): Hành động dũng cảm, xả thân cứu con của sẻ mẹ.
- Đoạn 3 (Đoạn còn lại): Sự bối rối của con chó và sự kính phục của tác giả đối với sẻ mẹ.

I. Hướng dẫn luyện đọc

- Đọc diễn cảm toàn bài. Đoạn 1 đọc với giọng kể khoan thai. Đoạn 2 giọng đọc nhanh hơn, nhấn mạnh vào các từ tả sự dũng cảm của sẻ mẹ khi cứu con. Đoạn 3 giọng đọc với sự ngưỡng mộ, chậm rãi, thán phục.
- Đọc đúng các từ ngữ: *vào vườn, tuồng như, vàng óng, thảm thiết, khăn đặc, náu,...*

- Đọc đúng đoạn văn sau:

*Con chó chậm rãi lại gần.// Bỗng/ từ trên cây cao gần đó,/ một con sẻ già có bộ ức đen nhánh **lao xuống**/ như hòn đá,/ rơi **trước mõm** con chó.// **Lông sẻ già** dựng ngược,/ miệng **rit lên** tuyệt vọng và **thảm thiết**.// Nó nhảy hai ba bước về phía cái mõm **há rộng đầy răng** của con chó.//*

*Sẻ già **lao đến** cứu con,/ lấy thân mình **phủ kín** sẻ con.// Giọng nó **yếu ớt** nhưng hung dữ và **khăn đặc**.//*

Trước mắt nó, / con chó như một con quỷ **không lồ**.// Nó sẽ **hi sinh**//
Nhưng một sức mạnh vô hình vẫn **cuốn nó** xuống đất.//

II. Tìm hiểu bài (Trả lời câu hỏi)

1. Trên đường đi, con chó thấy gì? Theo em, nó định làm gì?

Trên đường đi, con chó đánh hơi thấy một con sẻ non rơi từ trên tổ xuống, nó chậm rãi tiến lại gần chú sẻ non.

2. Việc gì đột ngột xảy ra khiến con chó dừng lại?

Con chó dừng lại vì có một con sẻ già đột ngột lao tới cứu con. Dáng vẻ của nó rất hung dữ (*lông dựng ngược, miệng rít lên*) khiến con chó phải dừng lại vì nó cảm thấy trước mặt nó có một sức mạnh phi thường. Sức mạnh này có thể tiêu diệt được nó.

3. Hình ảnh con sẻ mẹ dũng cảm lao xuống cứu con được miêu tả như thế nào?

Con sẻ già lao xuống như hòn đá rơi trước mõm con chó, lông dựng ngược, miệng rít lên tuyệt vọng và thảm thiết. Nó nhảy hai ba bước về phía cái mõm há rộng đầy răng của con chó. Sẻ già lao đến cứu con, lấy thân mình phủ kín sẻ con.

Những hình ảnh trên cho thấy con sẻ mẹ tuy nhỏ bé, nhưng với sức mạnh của tình mẫu tử, sẻ mẹ đã dũng cảm dám đối đầu với con chó hung dữ, quyết chiến với nó để bảo vệ an toàn tính mạng cho con mình.

4. Vì sao tác giả bày tỏ lòng kính phục với con sẻ nhỏ bé?

Tác giả bày tỏ lòng kính phục con sẻ nhỏ vì nó đã dũng cảm cứu con, bất chấp sự nguy hiểm, bất chấp với con vật to, khỏe hơn và hung dữ hơn mình.

Hành động của sẻ mẹ là hành động đáng kính trọng, khiến con người cũng phải cảm phục.

Tập làm văn

Miêu tả cây cối

A. Mục tiêu bài học

Viết hoàn chỉnh một bài văn miêu tả cây cối.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

Đề bài: *Tả một luống rau hoặc vườn rau.*

Bài tham khảo

Đằng sau nhà em có một vườn rau trồng đủ các loại: xà lách, cải ngọt, cải rổ, rau răm, hành, ớt, mướp và bầu. Đây là khoảng đất giáp bờ ao được rào kín để đề phòng sự phá phách của gà và vịt.

Khu vườn không rộng lắm. Các loại rau được trồng thành từng luống thẳng tắp trông rất đẹp mắt. Giống xà lách có thân cây mọc thẳng, lá kết thành từng lớp mềm mại lúc đầu có màu xanh lơ, về sau lá chuyển sang màu xanh đậm, xoè che kín cả mặt đất. Cải ngọt thân cao hơn xà lách, có từng bẹ to, cuống lá màu trắng nõn nà, lá màu xanh đậm nổi bật những đường gân trắng. Rau răm cây nhỏ, thân mảnh khảnh và có từng ngấn trắng đỏ trên thân, lá nhỏ màu xanh lục. Hành mọc thẳng, lá đâm lên tua tủa nhọn như những bàn chông, lá xanh mượt tươi tốt. Lác đác trong đám hành có vài cây đang ra hoa. Hoa hành nhỏ màu xanh mọc ngay trên đầu lá, cánh nhỏ mịn xếp lớp vào nhau. Giáp gần ao là một giàn mướp, giây leo và lá chằng chịt lấp kín ô giàn nửa. Trái mướp quả dài lòng thông nặng nề đu đưa theo từng cơn gió. Hoa mướp màu vàng nổi bật trên giàn lá xanh đậm.

Vườn rau nhà em toàn một màu xanh, nhìn thật thích mắt. Hàng ngày đi học về em thường tưới nước và bắt sâu cho cây.

Đứng ngắm vườn rau em cảm thấy rất vui vì đây là kết quả lao động của cả gia đình em. Em sẽ cùng ba mẹ chăm sóc tốt hơn để vườn rau mãi mãi xanh tươi.



Luyện từ và câu

Cách đặt câu khiến

A. Mục tiêu bài học

Nắm được cách đặt câu khiến. Biết đặt câu khiến trong các tình huống khác nhau.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

I. Nhận xét

Cho câu kể sau đây:

Nhà vua hoàn gươm lại cho Long Vương.

Hãy chuyển câu kể thành câu khiến bằng một trong những cách sau:

- Thêm *hãy, đừng, chớ, nên, phải,...* vào trước một động từ:

Nhà vua *hãy* (*nên / phải / đừng / chớ*) hoàn gươm lại cho Long Vương.

- Thêm *đi, thôi, nào,...* vào cuối câu:

Nhà vua hoàn gươm lại cho Long Vương *đi* (*thôi / nào*).

- Thêm *đề nghị, xin, mong,...* vào đầu câu:

Xin (Mong / Đề nghị) nhà vua hoàn gươm lại cho Long Vương.

- Thay đổi giọng điệu. Nhấn giọng ở cuối câu:
 - + *Xin* nhà vua *hãy* hoàn gươm lại cho Long Vương!
 - + Nhà vua *hãy* hoàn gươm lại cho Long Vương *đi!*
 - + *Xin* nhà vua *hãy* hoàn gươm lại cho Long Vương *đi!*

II. Ghi nhớ (Đọc SGK).

III. Luyện tập

1. Chuyển các câu kể sau thành câu khiến:

Câu kể	Câu khiến
- Nam đi học.	- <i>Nam phải đi học!</i> - <i>Nam đi học đi!</i> - <i>Nam hãy đi học đi!</i> - <i>Nam đi học nào!</i> - <i>Đề nghị Nam đi học!</i> - <i>Nam chớ (đừng) đi học! (Nam bị ốm)</i>
- Thanh đi lao động.	- <i>Thanh phải đi lao động!</i> - <i>Thanh nên đi lao động!</i> - <i>Thanh đi lao động thôi nào!</i> - <i>Xin Thanh hãy đi lao động!</i>
- Ngân chăm chỉ.	- <i>Ngân hãy chăm chỉ lên!</i> - <i>Ngân hãy chăm chỉ nào!</i> - <i>Mong Ngân hãy chăm chỉ hơn!</i>
- Giang phấn đấu học giỏi.	- <i>Giang hãy phấn đấu học giỏi lên!</i> - <i>Giang phải phấn đấu học giỏi!</i> - <i>Giang cần phấn đấu học giỏi!</i> - <i>Mong Giang phấn đấu học giỏi!</i>

2. Đặt câu khiến phù hợp với các tình huống sau (SGK trang 93):

- Đặt câu khiến cho tình huống a)
 - *Lan cho tớ mượn bút của cậu với!*
 - *Tớ mượn cậu cái bút này nhé!*
 - *Làm ơn cho tớ mượn cái bút này nhé!*

- Đặt câu khiến cho tình huống b)
 - *Xin phép bác cho cháu nói chuyện với bạn Hùng ạ!*
 - *Thưa bác, bác cho cháu nói chuyện với bạn Hùng ạ!*
 - *Bác ơi, nhờ bác chuyển máy cho cháu nói chuyện với bạn Hùng ạ!*
- Đặt câu khiến cho tình huống c)
 - *Xin chú chỉ giùm giúp cháu nhà bạn Hương ạ!*
 - *Nhờ chú chỉ giúp cháu nhà bạn Hương ạ!*
 - *Chú làm ơn chỉ giúp cháu nhà bạn Hương ạ!*

3. Đặt câu khiến theo những yêu cầu dưới đây:

- a) Câu khiến có *hãy* ở trước động từ:
- *Bạn **hãy** giúp mình giải bài toán này với!*
 - *Xin bạn **hãy** giúp mình giải bài toán này đi!*
 - ***Hãy** bảo (chỉ) giúp mình giải bài toán này đi!*
- b) Câu khiến có *đi* hoặc *nào* ở sau động từ:
- *Chúng ta cùng học bài **đi**!*
 - *Chúng ta cùng nhau viết bài này **nào**!*
- c) Câu khiến có *xin* hoặc *mong* ở trước chủ ngữ:
- ***Xin** bố mẹ cho con đi chơi với bạn!*
 - ***Mong** bạn hãy cố gắng học tập!*

4. Nêu tình huống có thể dùng các câu khiến nói trên.

- Khi nhờ bạn hướng dẫn cho mình cách giải một bài toán khó.
- Khi rủ bạn cùng làm một việc gì đó.
- Xin phép bố mẹ để làm một việc gì đó.

Tập làm văn Trả bài văn miêu tả cây cối

A. Mục tiêu bài học

- Nhận ra lỗi trong bài của mình và của các bạn khi được thầy (cô) chỉ rõ. Biết sửa lỗi chung về bố cục, cách dùng từ, đặt câu, chính tả,...
- Nhận thức được cái hay trong bài làm của mình và các bạn.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn chữa bài)

- Tự sửa chữa bài làm của mình khi đã được thầy (cô) chỉ rõ.
- Tham khảo thêm các bài văn hay của các bạn trong lớp để học tập và rút kinh nghiệm cho bản thân.

TUẦN 28

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

Tiết 1

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng.

Đọc trôi chảy các bài tập đọc đã học từ đầu học kì II. Phát âm rõ, tốc độ đọc tối thiểu 120 chữ/phút, biết ngừng nghỉ sau các dấu câu, giữa các cụm từ, biết đọc diễn cảm thể hiện đúng văn bản nghệ thuật.

2. Tóm tắt vào bảng sau nội dung các bài tập đọc là truyện kể đã học trong chủ điểm *Người ta là hoa đất*.

Tên bài	Nội dung chính	Nhân vật
Bốn Anh tài	Ca ngợi sức khỏe, tài năng lòng nhiệt thành làm việc nghĩa của bốn anh em Cầu Khây.	Cầu Khây, Năm Tay Đóng Cọc, Lấy Tai Tát Nước, Móng Tay Đục Máng, yêu tinh, bà lão chặn bò.
Anh hùng lao động Trần Đại Nghĩa	Ca ngợi anh hùng lao động Trần Đại Nghĩa đã có những cống hiến to lớn cho sự nghiệp quốc phòng và xây dựng nền khoa học trẻ của đất nước.	Trần Đại Nghĩa.

Tiết 2

1. Chính tả (Nghe - viết): *Hoa giấy*.

– Đọc lại bài ***Hoa giấy*** ở SGK trang 95, hiểu nội dung bài viết: *Tả vẻ đẹp của cây hoa giấy*.

– Viết đúng các từ ngữ: *rực rỡ, trắng muốt, tinh khiết, bốc bay lên, lang thang, tản mát,...*

2. Đặt một vài câu đề:

a) Kể về các hoạt động vui chơi của em và các bạn trong giờ nghỉ giữa buổi học ở trường (*Câu kể Ai làm gì?*).

Bài tham khảo

Tiếng trống báo hiệu giờ ra chơi đã đến, học sinh các lớp ùa ra sân trường như chim sỏ lông và nhanh chóng bày ra các trò chơi. Ở giữa sân, các bạn nữ đang chơi nhảy dây. Vòng dây quăng lên, tung xuống nhịp nhàng, với đôi chân dẻo dai, các bạn nhảy rất khéo léo. Ở một góc

sân, các bạn nam đang chơi bắn bi. Những hòn bi tròn nhỏ, màu xanh, màu đỏ đua nhau lăn trên đất. Với bàn tay điêu nghệ của mình các viên bi bắn vào nhau, lăn tòm xuống lỗ. Dưới gốc cây hoa sứ, em và Lan đang nhặt những bông hoa rụng, xâu thành từng chuỗi làm vòng đeo cổ và vòng đeo tay trông rất đẹp...

b) Tả các bạn trong lớp em (tính tình, dáng vẻ...) (Câu kể Ai thế nào?).

Bài tham khảo

Lan là bạn gái xinh nhất lớp, dáng Lan thanh mảnh. Lan có mái tóc khá dài nhưng bao giờ bạn cũng tết thành hai dải sam trông rất đẹp và gọn. Đôi mắt Lan to và đen nổi bật trên khuôn mặt trái xoan. Với cái mũi cao nhưng hơi hếch khiến cho khuôn mặt của Lan càng thêm ưa nhìn. Lan có nụ cười rất tươi, mỗi khi nhoẻn miệng cười để lộ đôi má đồng tiền sâu như hai cái hố... Tính tình Lan vui vẻ hoà nhã. Lan đã từng một năm đưa đón bạn Hiền đi học vì Hiền bị tai nạn gãy chân lúc còn nhỏ. Cả lớp ai cũng đều yêu quý Lan.

c) Giới thiệu từng bạn trong tổ của em với chị phụ trách mới của liên đội (Câu kể Ai là gì?).

Bài tham khảo

Em xin giới thiệu với chị tổ em có các thành viên sau: Em tên Nguyễn Mạnh Hùng tổ trưởng, sở thích của em là nghe nhạc và đá bóng. Em là chân hậu vệ cừ tài trong đội bóng của lớp. Nguyễn Lan Hương là tổ phó, Hương rất duyên dáng, tính tình nhỏ nhẹ dễ thương. Ngồi cạnh Hương là Nguyễn Thị Mĩ Trang cô học sinh giỏi văn của lớp. Trang có giọng đọc rất hay, chả thế mà giờ tập đọc nào cô giáo cũng đề nghị Trang đọc cho cả lớp nghe. Tiếp đến là bạn Bùi Xuân Nam, một tay đàn của lớp và là trưởng ban văn nghệ. Bạn Nguyễn Tấn Phát nhà khoa học của lớp, Tấn Phát ham đọc sách, hiểu nhiều và biết nhiều. Cuối cùng là bạn Phạm Tú Nguyệt "con chim sơn ca" của lớp. Nguyệt có giọng hát rất tuyệt. Vừa qua bạn đạt giải nhất trong đêm hội diễn văn nghệ của trường.

Tiết 3

- 1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng** (xem câu 1 tiết 1).
- 2. Nêu tên các bài tập đọc thuộc chủ điểm *Vẻ đẹp muôn màu*. Cho biết nội dung chính của mỗi bài là gì?**

Tên và nội dung chính các bài tập đọc thuộc chủ điểm *Vẻ đẹp muôn màu*:

Tên bài	Nội dung chính
<i>Sầu riêng</i>	Giá trị và vẻ đặc sắc của sầu riêng – loại cây ăn quả đặc biệt ở miền Nam.
<i>Chợ Tết</i>	Tả chợ Tết ở miền trung du giàu màu sắc và sinh động để nêu lên cuộc sống nhộn nhịp ở nông thôn vào dịp Tết.
<i>Hoa học trò</i>	Ca ngợi vẻ đẹp của hoa phượng – một loài hoa gắn liền với tuổi học trò.
<i>Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ</i>	Ca ngợi lòng yêu nước, yêu con của người phụ nữ Tây Nguyên, cần cù trong lao động, góp sức làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.
<i>Vẽ về cuộc sống an toàn</i>	Qua cuộc thi vẽ với chủ đề <i>Em muốn sống an toàn</i> cho thấy: Thiếu nhi Việt Nam có nhận thức đúng về an toàn, biết thể hiện nhận thức của mình bằng ngôn ngữ hội họa sáng tạo bất ngờ.
<i>Đoàn thuyền đánh cá</i>	Ca ngợi vẻ đẹp huy hoàng của biển cả, vẻ đẹp trong lao động của người dân biển.

3. Chính tả (nghe - viết): *Cô Tấm của mẹ*.

- Đọc bài thơ *Cô Tấm của mẹ* trong SGK trang 96, hiểu nội dung bài viết: *Khen ngợi cô bé ngoan giống cô Tấm trong quả thị bước ra.*
- Viết đúng các từ: *ngỡ, xuống trần, lặng thầm, nét na,...*
- Viết hoa tên riêng *Tấm*.

Tiết 4

1. Ghi lại các từ ngữ đã học trong tiết *Mở rộng vốn từ* theo chủ điểm:

Người ta là hoa đất	Vẻ đẹp muôn màu	Những người quả cảm
- tài giỏi, tài hoa, tài năng, tài nghệ, tài đức, tài nguyên, tài ba... - vạm vỡ, lực lưỡng, cường tráng, rắn rỏi, rắn chắc... - tập luyện, tập thể dục, đi bộ, nhảy dây, chơi đá cầu, nhảy cao...	- đẹp, đẹp đẽ, xinh, xinh đẹp, xinh xắn, xinh tươi, tươi tắn... - thủy mị, dịu dàng, hiền dịu, đầm thắm, đôn hậu, bộc trực, cương trực, khảng khái... - tươi đẹp, sắc sỡ, trắng lệt, hoành tráng... - đẹp tuyệt vời, đẹp tuyệt diệu, đẹp tuyệt trần, đẹp vô cùng, đẹp như tiên, không tả xiết...	- gan dạ, anh hùng, anh dũng, can đảm, can trường, gan lì, táo bạo, quả cảm... - nhát, hèn nhát, nhát gan, nhu nhược, khiếp nhược... - tinh thần dũng cảm, hành động dũng cảm, dũng cảm cứu bạn, dũng cảm xông lên, dũng cảm nói lên sự thật...

2. Ghi lại một thành ngữ hoặc tục ngữ trong mỗi chủ điểm nói trên.

Người ta là hoa đất	Vẻ đẹp muôn màu	Những người quả cảm
- Người ta là hoa đất. - Nước lũ mà vã nên hồ Tay không mà nổi cơ đồ mới ngoan. - Chuông có đánh mới kêu Đèn có khêu mới tỏ. - Khỏe như vâm (voi, trâu, bò, hổ) - Nhanh như cắt (chóp, điện, sóc) - Ăn được ngủ được là tiên Không ăn không ngủ mất tiền thêm lo.	- Mặt tươi như hoa. - Đẹp người đẹp nết. - Chũ như gà bới. - Tốt gỗ hơn tốt nước sơn. - Người thanh nói tiếng cũng thanh / Chuông kêu khê đánh bên thành cũng kêu. - Cái nết đánh chết cái đẹp. - Trông mặt mà bắt hình dong Con lợn có béo cổ lòng mới ngon.	- Vào sinh ra tử. - Gan vàng dạ sắt.

3. Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn, điền vào chỗ trống:

- a) - Một người **tài đức** vẹn toàn.
- Nét chạm trổ **tài hoa**.
- Phát hiện và bồi dưỡng những **tài năng** trẻ.
- (tài năng, tài đức, tài hoa)

- b) - Ghi nhiều bàn thắng **đẹp mắt**.
- Một ngày **đẹp trời**.
- Những kỉ niệm **đẹp đẽ**.
- (đẹp trời, đẹp đẽ, đẹp mắt)

- c) - Một **dũng sĩ** diệt xe tăng.
- Có **dũng khí** đấu tranh.
- **Dũng cảm** nhận khuyết điểm.
- (dũng khí, dũng sĩ, dũng cảm)

Tiết 5

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng (xem câu 1 tiết 1).
2. Tóm tắt vào bảng sau nội dung bài học là truyện kể đã học trong chủ điểm **Những người quả cảm**:

Tên bài	Nội dung chính	Nhân vật
<i>Khuất phục tên cướp biển</i>	Ca ngợi hành động dũng cảm của bác sĩ Ly trong cuộc đối đầu với tên cướp nguy hiểm, khiến hắn phải khuất phục.	- Bác sĩ Ly, - Tên cướp biển.

<i>Ga-vrốt ngoài chiến lũy</i>	Ca ngợi hành động dũng cảm của chú bé Ga-vrốt, bất chấp hiểm nguy ra ngoài chiến lũy nhặt đạn tiếp tế cho nghĩa quân.	- Ga-vrốt, - Ăng-giôn-ra, - Cuốc-phây-rắc.
<i>Dù sao trái đất vẫn quay!</i>	Ca ngợi hai nhà khoa học dũng cảm Cô-péc-ních và Ga-li-lê đã kiên trì bảo vệ chân lí khoa học.	- Cô-péc-ních, - Ga-li-lê.
<i>Con sẽ</i>	Ca ngợi hành động dũng cảm của mẹ đã xả thân cứu con.	- Sẻ mẹ, sẻ con. - Nhân vật "tôi". - Con chó săn.

Tiết 6

1. Phân biệt 3 kiểu câu kể (bằng cách nêu định nghĩa, ví dụ về từng kiểu câu):

	<i>Ai làm gì?</i>	<i>Ai thế nào?</i>	<i>Ai là gì?</i>
Định nghĩa	- Chủ ngữ trả lời câu hỏi: <i>Ai (con gì)?</i> - Vị ngữ trả lời câu hỏi: <i>Làm gì?</i> - Vị ngữ là động từ, cụm động từ.	- Chủ ngữ trả lời câu hỏi: <i>Ai (cái gì, con gì)?</i> - Vị ngữ trả lời câu hỏi: <i>Thế nào?</i> - Vị ngữ là tính từ, động từ, cụm tính từ và cụm động từ	- Chủ ngữ trả lời câu hỏi: <i>Ai (cái gì, con gì)?</i> - Vị ngữ trả lời câu hỏi: <i>Là gì?</i> - Vị ngữ là danh từ, cụm danh từ
Ví dụ	<i>Các bạn học sinh rủ nhau học bài.</i>	<i>Con mèo rất ngoan.</i>	<i>Cô Dung là giảng viên trường sư phạm.</i>

2. Tìm 3 kiểu câu kể nói trên trong đoạn văn sau (SGK trang 98). Nói rõ tác dụng của từng kiểu câu kể.

Câu	Kiểu câu	Tác dụng
- Câu 1. <i>Bấy giờ tôi còn là một chú bé lên mười.</i>	<i>Ai là gì?</i>	Giới thiệu nhân vật "tôi".
- Câu 2. <i>Mỗi lần đi cắt cỏ, bao giờ tôi cũng tìm bứt một nắm cây mía đất, khoan khoái nằm xuống cạnh sọt cỏ đã đầy và nhấm nháp từng cây một.</i>	<i>Ai làm gì?</i>	Kể về các hoạt động của nhân vật "tôi".
- Câu 3. <i>Buổi chiều ở làng ven sông yên tĩnh một cách lạ lùng.</i>	<i>Ai thế nào?</i>	Kể về đặc điểm trạng thái của buổi chiều ở làng ven sông.

3. Hãy viết một đoạn văn ngắn về bác sĩ Ly trong truyện *Khuất phục tên cướp biển*. Trong đoạn văn, có sử dụng 3 kiểu câu kể nói trên.

Đoạn văn tham khảo

Bác sĩ Ly là một người nổi tiếng nhân hậu. Trước mặt tên cướp biển, ông rất bình tĩnh và cương quyết. Ông cũng rất dũng cảm. Vì vậy ông đã khuất phục được tên cướp biển.

Tiết 7

BÀI LUYỆN TẬP

A. Đọc thầm: Bài *Chiếc lá* (Học sinh đọc ở SGK trang 99).

B. Dựa theo nội dung bài đọc, chọn ý đúng trong các câu trả lời dưới đây (SGK trang 99-100):

1. Trong câu chuyện trên có những nhân vật nào nói với nhau?

Câu trả lời đúng: ý c) *Chim sâu, bông hoa và chiếc lá.*

2. Vì sao bông hoa biết ơn chiếc lá?

Câu trả lời đúng: ý b) *Vì lá đem lại sự sống cho cây.*

3. Câu chuyện muốn nói với em điều gì?

Câu trả lời đúng: ý a) *Hãy biết quý trọng những người bình thường.*

4. Trong câu *Chim sâu hỏi chiếc lá*, sự vật nào được nhân hóa?

Câu trả lời đúng: ý c) *Cả chim sâu và chiếc lá đều được nhân hóa.*

5. Có thể thay từ *nhỏ nhoi* trong câu *Suốt đời, tôi chỉ là một chiếc lá nhỏ nhoi bình thường* bằng từ nào dưới đây?

Câu trả lời đúng: ý c) *Nhỏ bé.*

6. Trong câu chuyện trên có những loại câu nào em đã học?

Câu trả lời đúng: ý c) *Có cả câu hỏi, câu kể, câu khiến.*

7. Trong câu chuyện trên có những kiểu câu kể nào?

Câu trả lời đúng: ý c) *Có cả ba kiểu câu kể Ai làm gì? Ai thế nào? Ai là gì?*

8. Chủ ngữ trong câu *Cuộc đời tôi rất bình thường* là:

Câu trả lời đúng: ý b) *Cuộc đời tôi.*

Tiết 8

BÀI LUYỆN TẬP

A. Chính tả (Nhớ - viết): *Đoàn thuyền đánh cá* (3 khổ thơ đầu).

– Học thuộc 3 khổ thơ đầu trong bài *Đoàn thuyền đánh cá*, hiểu nội dung đoạn viết: *Tả vẻ đẹp huy hoàng của biển và công việc lao động của người đánh cá.*

– Viết đúng các từ ngữ: *đoàn thuyền, cài then, căng buồm, đoàn thoi, buổi nào,...*

B. Tập làm văn:

Cho hai đề như sau:

1. *Tả một đồ vật em thích.*

2. *Tả một cây cho bóng mát, cây hoa hoặc cây ăn quả.*

Em hãy chọn một đề bài và:

a) Viết lời mở bài theo kiểu gián tiếp.

b) Viết một đoạn văn tả một bộ phận của đồ vật hoặc của cây.

Hướng dẫn làm bài

1. *Tả một đồ vật em thích.*

www.sachgiai.com

a) Viết lời mở bài theo kiểu gián tiếp:

Tả đồ chơi

Em có rất nhiều thứ đồ chơi do bố mẹ mua cho, nhưng thứ em thích nhất là món đồ chơi mà anh của em vừa làm tặng em trong chủ nhật vừa rồi. Đó là một chiếc xe ô tô được làm bằng vỏ hộp sữa.

b) Viết một đoạn văn tả một bộ phận của đồ vật hoặc của cây:

Tả đồ chơi

Chỉ bằng vài thứ vật liệu thật đơn giản, anh của em đã làm ra một chiếc ô tô giống hệt như thật, màu sắc rực rỡ và ngộ nghĩnh. Cũng đầy đủ thùng xe, bánh xe, mui xe, đèn xe và cũng chạy được hần hoi. Thân xe được làm bằng vỏ một hộp sữa, các mặt trên gấp lại thành mui xe. Ở mặt bên sườn của vỏ hộp có đục hai lỗ nhỏ từ sườn bên này sang sườn bên kia. Hai que tre xuyên qua hai lỗ ấy làm thành trục bánh xe. Bốn bánh xe được làm bằng bốn nút chai. Nút chai được đục lỗ ở giữa và

xuyên que tre vào. Đầu que tre có bôi một ít keo dính để giữ bánh xe khỏi rơi ra ngoài. Hai cái cúc áo nhỏ gắn ở phía trước làm thành đèn. Cuối cùng, một sợi dây được gắn vào đầu xe để có thể kéo chạy được. Cuối cùng thì em cũng có được một chiếc xe như xe thật.

2. Tả một cây cho bóng mát, cây hoa hoặc cây ăn quả.

a) Viết lời mở bài theo kiểu gián tiếp:

Tả cây phượng

Trưa mùa hè nắng như đổ lửa. Cái nắng lung linh chảy tràn khắp nơi. Nắng óng ả hôn lên mọi vật, hôn lên cả cây phượng nở hoa đỏ rực cả góc sân trường.

b) Viết một đoạn văn tả một bộ phận của đồ vật hoặc của cây:

Tả cây bàng

Cây bàng trước sân nhà em, mỗi khi hè đến, hết tầng lá nọ đến tầng lá kia che kín không cho một tia nắng nhỏ rơi xuống đất để cho em và bạn bè chơi đùa. Mùa hè này, những cái lá to của nó toàn một màu xanh ngắt, màu xanh mát mẻ biết bao nhiêu.

Sang cuối thu, lá của nó ngả thành màu tía và bắt đầu rụng xuống. Cái màu tía kì diệu không thể thấy ở một cây nào khác và càng nhìn càng đẹp. Đố anh họa sĩ nào pha được đúng cái màu tía ấy của lá bàng cuối thu! Những lá bàng rụng xuống mỗi ngày một nhiều. Em cứ đi học về là ra nhặt sạch từng cái, xếp thành từng chồng to ra to, nhỏ ra nhỏ, để gọn lại vào góc nhà.

Qua mùa đông, cây bàng trụi không còn một cái lá, cành như khô lại, in trên nền trời đục. Trong những ngày rét nhất, đám tàn trơ trụi đó như cố co mình vào để cho qua cái rét buốt của mùa đông.

Nhìn những cành trơ trụi ấy, em và các bạn nhỏ gần nhà thấy thương xót trong lòng. Bọn em nghĩ mình có áo mặc mà còn rét, những cánh bàng trụi lá kia chắc là rét lắm!

Cho tới mùa xuân, chỉ một đêm thôi, chồi xanh li ti đã điểm hết cành to, cành nhỏ. Và rồi từng ngày, từng ngày, những chồi xanh lớn nhanh như thổi, mỗi ngày một khác, hầu như mỗi lúc mỗi khác nữa kia. Mùa xuân của cây bàng cũng như tuổi thơ của chúng em vậy.

A. Mục tiêu bài học

- Đọc diễn cảm bài văn thể hiện sự ngưỡng mộ, niềm vui của du khách trước vẻ đẹp hùng vĩ của Sa Pa.
- Hiểu nghĩa của các từ: *Sa Pa, Rừng cây âm âm, Hmông, Tu Dí, Phù Lá, hoàng hôn, áp phiên*.
- Hiểu nội dung ý nghĩa của bài: *Ca ngợi vẻ đẹp độc đáo của Sa Pa, tình cảm yêu thích ngưỡng mộ của khách du lịch đối với cảnh đẹp của đất nước.*

B. Tìm hiểu nội dung

Bài văn **Đường đi Sa Pa** chia làm ba đoạn:

- Đoạn 1 (Từ đầu đến “*lướt thướt liễu rủ*”): Phong cảnh đường lên Sa Pa.
- Đoạn 2 (Tiếp... đến “*sương núi tím nhạt*”): Phong cảnh một thị trấn trên đường lên Sa Pa.
- Đoạn 3 (Đoạn còn lại): Cảnh đẹp Sa Pa.

I. Hướng dẫn luyện đọc

- Đọc diễn cảm toàn bài với giọng đọc nhẹ nhàng thể hiện sự ngưỡng mộ, niềm vui, ngỡ ngàng của khách du lịch trước cảnh đẹp của Sa Pa.
- Đọc đúng các từ ngữ: *chênh vênh, bông bênh, huyền ảo, áp phiên, dập dùi, khoáng khắc, long lanh, thiên nhiên,...*
- Đọc đúng đoạn văn sau:

*Xe chúng tôi leo **chênh vênh** trên dốc cao của con đường xuyên tỉnh.// Những đám mây trắng nhỏ **sà xuống** cửa kính ô tô/ tạo nên cảm giác **bông bênh** huyền ảo.// Chúng tôi đang đi bên những thác **trắng xoá** tựa mây trời,/ những rừng cây **âm âm**,/ những bông hoa chuối **rực lên** như ngọn lửa.// Tôi lim dim mắt ngắm mấy con ngựa đang ăn cỏ trong một khu vườn đào ven đường.// Con **đen huyền**,/ con **trắng tuyết**,/ con **đỏ son**,/ chân **dịu dàng**,/ chùm đuôi con **lướt thướt** liễu rủ. //*

II. Tìm hiểu bài (Trả lời câu hỏi)

1. Mỗi đoạn trong bài là một bức tranh đẹp về cảnh, về người. Hãy miêu tả những điều em hình dung được về mỗi bức tranh.

– *Miêu tả đoạn 1:*

Con đường lên Sa Pa với một độ dốc cao, ngồi trong xe có cảm giác như đang xuyên qua những đám mây trắng trôi bồng bênh. Hai bên đường là những rừng cây âm âm, những bông hoa chuối đỏ rực giữa khoảng trời trong xanh. Lác đác có những con ngựa đủ màu sắc đang thung thăng gặm cỏ.

– *Miêu tả đoạn 2:*

Xe dừng lại ở một thị trấn nhỏ. Lúc này nắng đã đổ vàng hoe. Ở đây có rất nhiều những em bé người dân tộc cổ đeo móng hổ, quần áo sặc sỡ đang chơi đùa trước một cửa hàng. Mặc dù chỉ là áp phiên của một phiên chợ nhưng người, ngựa ở đây vẫn dập dìu càng làm cho cảnh phố huyện thêm tưng bừng, náo nhiệt.

– *Miêu tả đoạn 3:*

Phong cảnh ở Sa Pa thật đẹp, trong một ngày liên tục có sự thay đổi mùa: thoát một cái là lá vàng rơi trong khoảnh khắc mùa thu. Thoát một cái, trắng long lanh một cơn mưa tuyết trên những cành đào, lê, mận và thoát một cái gió xuân hây hây nồng nức với những bông hoa lay ơn màu nhung đen hiếm quý.

Sa Pa quả thực là món quà kì diệu mà thiên nhiên đã trao tặng.

2. Những bức tranh bằng lời trong bài thể hiện sự quan sát rất tinh tế của tác giả. Hãy nêu một chi tiết thể hiện sự quan sát tinh tế ấy.

Sự quan sát tinh tế của tác giả khi miêu tả cảnh đẹp Sa Pa:

– *Những đám mây trắng nhỏ sà xuống cửa kính ô tô tạo nên cảm giác bồng bênh huyền ảo.*

– *Thác trắng xóa tựa mây trời.*

– *Những bông hoa chuối rực lên như ngọn lửa.*

– *Những con ngựa ăn cỏ trong một vườn đào ven đường: con đen huyền, con trắng tuyết, con đỏ son, chân dịu dàng, chùm đuôi cong lướt thướt liễu rủ.*

– *Nắng phố huyện vàng hoe.*

– *Người, ngựa dập dìu trong sương núi tím nhạt.*

– *Thoát cái, lá vàng rơi trong khoảnh khắc mùa thu. Thoát cái, trắng long lanh một cơn mưa tuyết trên những cành đào, lê, mận. Thoát cái, gió xuân hây hây nồng nức với những bông hoa lay ơn màu nhung đen hiếm quý!*

3. Vì sao tác giả gọi Sa Pa là "món quà tặng kì diệu" của thiên nhiên?

Tác giả gọi Sa Pa là "món quà tặng kì diệu" của thiên nhiên vì phong cảnh ở Sa Pa rất đẹp và rất thơ mộng, hơn nữa ở Sa Pa có sự thay đổi mùa trong một ngày rất kì lạ, hiếm có.

4. Bài văn thể hiện tình cảm của tác giả đối với cảnh đẹp Sa Pa như thế nào?

Bài văn thể hiện sự háo hức, ngưỡng mộ, thích thú của tác giả trước cảnh đẹp kì lạ của Sa Pa, một món quà kì diệu mà thiên nhiên đã trao tặng cho đất nước ta.

5. Học thuộc lòng 2 đoạn cuối. (Học sinh học).

Chính tả (Nghe – viết) Ai đã nghĩ ra các chữ số 1, 2, 3, 4...?

A. Mục tiêu bài học

- Nghe – viết chính xác bài *Ai đã nghĩ ra các chữ số 1, 2, 3, 4...?*
- Làm đúng các bài tập có âm đầu, vần dễ lẫn: *tr/ch; êt/êch*.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn nghe - viết

– Đọc lại bài *Ai đã nghĩ ra các chữ số 1, 2, 3, 4...?* Hiểu nội dung bài viết: *Giải thích các chữ số không phải do người A-rập nghĩ ra mà do một nhà thiên văn Ấn Độ nghĩ ra.*

– Viết đúng các từ và tên riêng nước ngoài: *A-rập, Bát-đa, Ấn Độ, thiên văn, dâng tặng, quốc vương, truyền bá,...*

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. **Nghe – viết:** *Ai đã nghĩ ra các chữ số 1, 2, 3, 4...?*

2. **Tìm tiếng có nghĩa:** (SGK trang 104)

a) Các âm đầu **tr, ch** có thể ghép với những vần nào ở bên phải để tạo thành những tiếng có nghĩa? Đặt câu với những tiếng vừa tìm được.

Ghép âm đầu tr, ch với những vần ở bên phải tạo thành tiếng có nghĩa:	Đặt câu:
tr: – <i>trai, trái, trải, trại</i> – <i>tràm, trám, trảm, trạm</i> – <i>tràn, trán</i> – <i>trâu, trầu, trấu, trẩu</i> – <i>trăng, trắng</i> – <i>trên, trần, trăn, trện</i>	– Học sinh đi cắm <i>trại</i> . – Mùa hè có quả <i>trám</i> đen. – <i>Trán</i> của anh ấy rất bóng. – Chị ấy tằm <i>trầu</i> rất khéo. – Ánh <i>trăng</i> vàng nhạt. – Quê tôi là một thị <i>trần</i> nhỏ.

ch: – <i>chai, chài, chái, chải, chãi</i> – <i>chàm, chạm</i> – <i>chan, chân, chạn</i> – <i>châu, châu, chấu, chẫu, chậu</i> – <i>chăng, chằng, chẳng, chặng</i> – <i>chân, chân, chẵn</i>	– Đoàn thuyền <i>chài</i> ra khơi. – Anh ấy <i>chạm</i> vào người tôi. – Cái <i>chạn</i> bát nhà tôi rất to. – Con <i>châu chấu</i> nhảy tung lên. – <i>Chằng</i> đường gian nan vất vả. – Bác sĩ <i>chẩn</i> đoán bệnh cho mẹ.
---	--

b) Các vần **ê*t***, **ê*ch*** có thể ghép với những âm đầu nào ở bên trái để tạo thành các tiếng có nghĩa? Đặt câu với một trong những tiếng vừa tìm được.

Ghép vần ê<i>t</i> , ê<i>ch</i> với âm đầu bên phải tạo thành tiếng có nghĩa:	Đặt câu:
ê<i>t</i>: – <i>bết, bệt</i> – <i>chết</i> – <i>dết, dệt</i> – <i>hết, hệt</i> – <i>kết</i> – <i>tết</i> ê<i>ch</i>: – <i>bạch</i> – <i>chéch, chệch</i> – <i>héch</i> – <i>kéch (xù), kệch (cỡm)</i> – <i>téch</i>	– Quần áo nó <i>bết</i> đất. – Anh ấy đã <i>chết</i> rồi. – Chị ấy <i>dệt</i> vải. – Màn kịch đã <i>hết</i> . – Chị ấy <i>kết</i> với anh tôi. – Ngày <i>Tết</i> đến rất vui. – Mặt nó trắng <i>bạch</i> vì sợ. – Mặt trời <i>chéch</i> bóng. – Vân Anh có cái mũi <i>héch</i> . – Nó là một người <i>kệch</i> cỡm. – Con chó <i>téch</i> đuôi chạy mất.

3. Tìm những tiếng thích hợp có thể điền vào mỗi ô trống để hoàn chỉnh mẩu chuyện dưới đây. Biết rằng, các ô số 1 chứa tiếng có âm đầu *tr* hay *ch*, còn các ô số 2 chứa tiếng có vần *ết* hay *éch*.

Mẩu chuyện đã hoàn chỉnh:

Trí nhớ tốt

Sơn vừa **nghech** mắt nhìn lên tấm bản đồ vừa nghe chị Hương kể chuyện Cô-lôm-bô tìm ra **châu** Mỹ. Chị Hương say sưa kể rồi **kết** thúc:

– Chuyện này đã xảy ra từ 500 năm trước.

Nghe vậy, Sơn bỗng **ngghet** mặt ra rồi **trâm** trò:

– Sao mà chị có **trí** nhớ tốt thế?

Mở rộng vốn từ: *Du lịch - Thám hiểm*

A. Mục tiêu bài học

- Mở rộng vốn từ theo chủ điểm *Du lịch, thám hiểm*.
- Biết một số từ chỉ địa danh, phản ứng nhanh với trò chơi *Du lịch trên sông*.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

1. Những hoạt động nào được gọi là *du lịch*? Chọn ý đúng để trả lời:

Ý đúng: ý b) *Đi chơi xa để nghỉ ngơi, ngắm cảnh*.

2. Theo em, *thám hiểm* là gì? Chọn ý đúng để trả lời:

Ý đúng: ý c) *Thăm dò, tìm hiểu những nơi xa lạ, khó khăn, có thể nguy hiểm*.

3. Em hiểu câu *Đi một ngày đàng học một sàng khôn* nghĩa là gì?

Nghĩa câu này là:
Đi xa mở rộng tầm hiểu biết sẽ khôn ngoan, trưởng thành hơn.

4. Trò chơi *Du lịch trên sông*: Chọn tên các con sông trong ngoặc đơn để giải các câu đố dưới đây.

www.sachgiai.com
Giải câu đố

a) Sông gì đỏ nặng phù sa?	- sông Hồng
b) Sông gì lại hóa được ra chín rồng?	- sông Cửu Long
c) Làng quan họ có con sông Hỏi dòng sông ấy là sông tên gì?	- sông Cầu
d) Sông tên xanh biếc sông chi?	- sông Lam
e) Sông gì tiếng vó ngựa phi vang trời?	- sông Mã
g) Sông gì chẳng thể nổi lâu Bởi tên của nó gắn liền dưới sâu?	- sông Đáy
h) Hai dòng sông trước sông sau Hỏi hai sông ấy ở đâu? Sông nào?	- sông Tiền , sông Hậu
i) Sông nào nơi ấy sóng trào Vạn quân Nam Hán ta đào mồ chôn?	- sông Bạch Đằng

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng nói: Dựa vào lời kể của giáo viên và tranh minh họa kể lại được câu chuyện *Đôi cánh của ngựa trắng*.
- Rèn kĩ năng nghe: Nghe bạn kể biết nhận xét lời kể của bạn.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn kể chuyện)

1. Dựa vào các bức tranh (SGK trang 106) kể lại câu chuyện đã được nghe.

Tham khảo cách kể sau

Đôi cánh của Ngựa Trắng

* **Tranh 1:** Hai mẹ con ngựa trắng quăn quýt bên nhau.

Ngày xưa, có một chú ngựa trắng, trắng nõn nà như một đám mây bông bồng trên nền trời xanh thẳm. Mẹ chú ta yêu chú ta nhất, lúc nào cũng căn dặn:

- Con phải ở cạnh mẹ đây. Con hãy hí to khi mẹ gọi nhé!

Ngựa mẹ gọi con suốt ngày. Tiếng ngựa con hí thật đáng yêu.

Ngựa mẹ sung sướng lắm nên thích dạy con tập hí hơn là luyện cho vó con phi dẻo dai hoặc đá hậu thật mạnh mẽ.

* **Tranh 2:** Ước mơ của ngựa trắng.

Gần nhà Ngựa có anh Đại Bàng Núi. Đó là một con chim non nhưng sải cánh đã vững vàng. Mỗi lúc nó liệng vòng, cánh không động, khẽ nghiêng bên nào là chao bên ấy, bóng cứ loang loáng trên bãi cỏ.

Ngựa Trắng mê quá, cứ ước ao được như Đại Bàng.

- Anh Đại Bàng ơi! Làm thế nào để có cánh như anh?

Đại Bàng cười:

- Phải đi tìm! Cứ quanh quẩn cạnh mẹ, biết bao giờ mới có cánh!

* **Tranh 3:** Ngựa Trắng xin phép mẹ được đi xa cùng Đại Bàng.

Thế là Ngựa Trắng xin phép mẹ lên đường cùng Đại Bàng. Thoáng cái đã xa lắm... Chưa thấy "đôi cánh" đâu nhưng Ngựa Trắng đã gặp bao nhiêu cảnh lạ. Chỉ phiền là mỗi lúc trời một tối, và thấp thoáng đâu đó lấp lánh những đốm sao.

* **Tranh 4:** *Sói Xám ngang đường Ngựa Trắng.*

Bỗng có tiếng "hú...ú...ú" văng lên mỗi lúc một gần. Rồi từ trong bóng tối hiện ra một con Sói Xám đứng sừng sững ngang đường. Ngựa Trắng meo meo gọi mẹ. Sói Xám cười man rợ và nhẩy chồm đến.

* **Tranh 5:** *Đại Bàng cứu Ngựa Trắng thoát nạn.*

– Ồi!...

Không phải tiếng Ngựa Trắng thét mà là tiếng của Sói Xám rống to. Một cái gì từ trên cao giáng rất mạnh xuống giữa trán Sói làm nó hốt hoảng cúp đuôi chạy mất. Ngựa Trắng mở mắt thấy loang loáng bóng Đại Bàng Núi. Thì ra đúng lúc Sói Xám vồ Ngựa Trắng, Đại Bàng Núi từ trên cao đã lao xuống kịp thời.

* **Tranh 6:** *Ngựa Trắng chạy như bay theo Đại Bàng Núi.*

Ngựa Trắng lại khóc gọi mẹ. Đại Bàng Núi dỗ dành:

– Đừng khóc, anh đưa em về với mẹ!

– Nhưng mà em không có cánh!

Đại bàng cười và chỉ vào bốn chân Ngựa Trắng:

– Cánh của em ở đây chứ đâu! Nếu phi nước đại, em còn "bay" nhanh hơn cả anh nữa ấy chứ!

Đại Bàng Núi sai cánh. Ngựa Trắng chồm lên và thấy bốn chân mình thật sự bay như Đại Bàng Núi.

2. Trao đổi với bạn về ý nghĩa câu chuyện.

Câu chuyện khuyên ta phải mạnh dạn đi đây đi đó để mở rộng tầm hiểu biết của mình thì mới mau khôn lớn, vững vàng.

Tập đọc

Trăng ơi... từ đâu đến?

A. Mục tiêu bài học

- Đọc diễn cảm bài thơ. Hiểu các từ ngữ trong bài thơ.
- Hiểu nội dung bài thơ: *Sự khám phá của nhà thơ về vẻ đẹp kì lạ của trăng.*

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn luyện đọc

- Đọc diễn cảm bài thơ với giọng đọc tha thiết êm ả. Nhấn giọng ở những câu hỏi thể hiện sự ngạc nhiên, thân ái, ngưỡng mộ của nhà thơ trước vẻ đẹp của trăng.

– Đọc đúng các từ: *cánh đồng, biển xanh, hành quân, vàng góc sân, khắp mọi miền,...*

– Đọc đúng các khổ thơ:

Trăng ơi... // từ đâu đến?//

Hay từ cánh đồng xa/

*Trăng **hồng như** quả chín/*

Lững lơ lên trước nhà.//

Trăng ơi... // từ đâu đến?//

Hay biển xanh diệu kì/

*Trăng **tròn như** mắt cá/*

Chẳng bao giờ chớp mí.//

II. Tìm hiểu bài (trả lời câu hỏi)

1. Trong hai khổ thơ đầu, trăng được so sánh với những gì?

Trong hai khổ thơ đầu trăng được so sánh với những vật như quả chín, mắt cá.

Câu thơ thể hiện: – **Trăng hồng như quả chín.**

– **Trăng tròn như mắt cá.**

2. Vì sao tác giả nghĩ trăng đến từ cánh rừng xa, từ biển xanh?

– Tác giả nghĩ trăng đến từ cánh rừng xa vì trăng hồng như quả chín treo lơ lửng trước nhà.

– Tác giả nghĩ trăng đến từ biển xanh vì trăng tròn như mắt cá không bao giờ chớp mí.

3. Trong mỗi khổ thơ tiếp theo vầng trăng gắn với một đối tượng cụ thể. Đó là những gì, những ai?

Trong mỗi khổ thơ tiếp theo vầng trăng gắn với một đối tượng cụ thể: Đó là *sân chơi, quả bóng, lời mẹ ru, chú Cuội, đường hành quân, chú bộ đội, góc sân.*

Những sự vật mà tác giả nêu lên là những món đồ chơi, những hình ảnh gần gũi với tuổi thơ của tác giả, những câu chuyện, những con người thân thiết với tác giả.

4. Bài thơ thể hiện tình cảm của tác giả đối với quê hương, đất nước như thế nào?

Bài thơ thể hiện sự yêu trăng và lòng tự hào về quê hương đất nước của tác giả.

5. Học thuộc lòng bài thơ. (Học sinh học).

A. Mục tiêu bài học

Tiếp tục luyện tập tóm tắt tin tức.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)**1. Tóm tắt một trong các tin sau bằng một hoặc hai câu: (SGK trang 109).**

– Tóm tắt bản tin a):

Tại Vát-te-rát, Thụy Điển có một khách sạn treo trên ngọn cây sồi cao 13 mét dành cho những người muốn nghỉ ngơi ở những chỗ khác lạ. Giá một phòng nghỉ khoảng hơn sáu triệu đồng một ngày.

– Tóm tắt bản tin b):

Để đáp ứng nhu cầu của những người đi du lịch muốn dẫn theo một vài con vật, một phụ nữ Pháp vừa mở khu cư xá đầu tiên dành cho các vị khách du lịch bốn chân.

2. Đặt tên cho bản tin mà em đã chọn để tóm tắt.

– Tên bản tin a: **Khách sạn trên cây sồi.**

– Tên bản tin b: **Khách sạn cho loài vật.**

3. Đọc một tin trên báo *Nhi Đồng* hoặc *Thiếu niên Tiền phong* và tóm tắt tin đó bằng một vài câu.

(Phần này các em tìm đọc trên báo và tóm tắt lại bằng một vài câu).

Luyện từ và câu**Giữ phép lịch sự khi bày tỏ yêu cầu, đề nghị****A. Mục tiêu bài học**

- Hiểu thế nào là lời yêu cầu, đề nghị lịch sự.
- Biết nói lời yêu cầu, đề nghị lịch sự.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)**I. Nhận xét****1. Hãy đọc mẫu chuyện sau: (Học sinh đọc ở SGK trang 110).****2. Tìm những câu nêu yêu cầu, đề nghị trong mẫu chuyện trên.**

Những câu nêu yêu cầu, đề nghị có trong mẫu chuyện trên:

- *Bơm cho cái bánh trước. Nhanh lên nhé, trễ giờ học rồi.*
- *Vậy cho mượn cái bơm, tôi bơm lấy vậy.*
- *Bác ơi, cho cháu mượn cái bơm nhé.*
- *Nào để bác bơm cho.*

3. Nhận xét về cách nêu yêu cầu, đề nghị của hai bạn Hùng và Hoa.

Cách nêu yêu cầu, đề nghị	Lời của ai?	Nhận xét
– Bơm cho cái bánh trước. Nhanh lên nhé, trễ giờ học rồi.	Hùng nói với bác Hai.	Yêu cầu bất lịch sự.
– Vậy cho mượn cái bơm, tôi bơm lấy vậy.	Hùng nói với bác Hai.	Yêu cầu bất lịch sự.
– Bác ơi, cho cháu mượn cái bơm nhé.	Hoa nói với bác Hai.	Yêu cầu lịch sự.
– Nào để bác bơm cho.	Bác Hai nói với Hoa.	Yêu cầu lịch sự.

4. Theo em như thế nào là lịch sự khi yêu cầu, đề nghị?

Theo em, lịch sự khi yêu cầu đề nghị là lời yêu cầu, đề nghị phải phù hợp với quan hệ giữa người nói và người nghe. Có cách xưng hô phù hợp, lễ độ.

Lời yêu cầu, đề nghị của Hùng đối với bác Hai mất lịch sự, nói năng cộc lốc, không tôn trọng người lớn tuổi. Lời yêu cầu đề nghị của Hoa lễ phép, thể hiện thái độ kính trọng đối với người lớn tuổi. Hoa gọi *bác* và xưng là *cháu*, cách nói năng lễ độ “*Cho cháu mượn cái bơm nhé*”.

II. Ghi nhớ (Đọc SGK).



III. Luyện tập

1. Khi muốn mượn bạn cái bút, em có thể chọn cách nói nào?

Cách chọn đúng: ý b và ý c.

2. Khi muốn hỏi giờ một người lớn tuổi, em có thể chọn những cách nói nào?

Cách chọn đúng: ý b, ý c và ý d.

3. So sánh từng cặp câu khiến dưới đây về tính lịch sự. Hãy cho biết vì sao những câu ấy giữ hoặc không giữ được phép lịch sự.

- a) – *Lan ơi, cho tớ về với!* → Lời đề nghị lịch sự có cặp từ xưng hô *Lan - tớ* và từ *ơi* thể hiện quan hệ thân mật.
- *Cho đi nhờ một cái!* → Lời đề nghị bất lịch sự, nói trống không, thiếu cặp từ quan hệ.
- b) – *Chiều nay chị đón em nhé!* → Lời yêu cầu, đề nghị lịch sự thể hiện tình cảm thân mật giữa *chị* và *em* có từ *nhé* ở cuối câu.
- *Chiều nay, chị phải đón em đấy!* → Từ *phải* mang tính bắt buộc, khô khan, ít tình cảm.
- c) – *Đừng có mà nói như thế!* → Câu mệnh lệnh, khô khan, thiếu tình cảm.

– Theo tớ, cậu không nên nói như thế! → Câu nói lịch sự, thân mật, có sức thuyết phục, mang tính khuyên bảo. Có cặp từ quan hệ *tớ - cậu*.

d) – *Mở hộ cháu cái cửa!* → Thiếu cặp từ chỉ quan hệ nên tạo ra cách nói cộc lốc.

– *Bác mở giúp cháu cái cửa này với!* → Lời yêu cầu lịch sự, thể hiện mối quan hệ *bác - cháu* tình cảm.

4. Đặt câu cầu khiến phù hợp với các tình huống sau:

a) Em muốn xin tiền bố mẹ để mua một quyển sổ ghi chép.

– *Bố ơi, bố cho con tiền để con mua một cuốn sổ ghi chép bố nhé!*

– *Mẹ ơi, mẹ có thể cho con tiền để con mua một cuốn sổ ghi chép được không ạ?*

– *Con xin bố cho con tiền để con mua một cuốn sổ ghi chép được không ạ?*

b) Em đi học về nhà, nhưng nhà em chưa có ai về, em muốn ngồi nhờ bên nhà hàng xóm để chờ bố mẹ về.

– *Bác ơi, bác cho cháu ngồi nhờ bên nhà bác một lúc được không ạ?*

– *Xin bác cho cháu ngồi nhờ một lúc bên nhà bác được không ạ?*

– *Bác ơi, bác cho cháu ngồi nhờ bên nhà bác một lúc bác nhé!*

Tập làm văn . Cấu tạo của bài văn miêu tả con vật

A. Mục tiêu bài học

- Nắm được cấu tạo ba phần của một bài văn miêu tả con vật.
- Biết lập dàn ý cho bài văn miêu tả con vật.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

I. Nhận xét

1. Đọc bài sau: **Bài Con Mèo Hung** (SGK trang 112, 113).

2 và 3. Phân đoạn bài văn trên và nội dung chính của mỗi đoạn:

• **Mở bài** (đoạn 1): Từ đầu đến *với tôi đây*: Giới thiệu con mèo sẽ tả.

• **Thân bài**:

a) (đoạn 2): Từ *Chà, nó có bộ lông* đến *trông thật đáng yêu*: Tả hình dáng con mèo.

b) (đoạn 3): Từ *Có một hôm* đến *dùa với chú một tí*: Tả hoạt động và thói quen của mèo.

• **Kết bài** (đoạn 4): *Con mèo của tôi là thế đấy!*: Nêu cảm nghĩ về con mèo.

4. Từ bài văn trên nhận xét về cấu tạo bài văn miêu tả con vật:

Bài văn miêu tả con vật thường có 3 phần:

- Mở bài: Giới thiệu con vật sẽ tả.
- Thân bài:
 - + Tả hình dáng
 - + Tả thói quen, hoạt động chính của con vật
- Kết bài: Nêu cảm nghĩ đối với con vật.

II. Ghi nhớ (đọc SGK).

III. Luyện tập

Lập dàn ý chi tiết tả một con vật nuôi trong nhà (gà, chim, chó, lợn, trâu, bò...).

* Lập dàn ý chi tiết: **Tả con chó.**

1. **Mở bài:** Giới thiệu con chó nhà em (Nuôi hồi nào? Tại sao nuôi?).

- Con chó có tên gọi là Bin. Khi về nhà mới được hai tháng tuổi.
- Mục đích là để trông nhà, bắt trộm.

2. **Thân bài:**

a) Hình dáng tổng quát:

- Lông: màu đen tuyền, có chùm lông trắng trên đỉnh đầu.
- Cao hơn đầu gối cô chủ.

b) Các bộ phận:

- Đầu: to gần bằng trái bưởi.
- Tai: hình tam giác thường cụp xuống mang tai.
- Mắt: to, tròn, màu nâu sẫm, con ngươi quét từ chỗ này sang chỗ khác trông đáng sợ.
- Mũi: ươn ướt, đánh hơi giỏi.
- Mồm: dài, mỗi khi ngoác miệng ra để lộ những chiếc răng nhọn hoắt trắng ớn.
- Chân: bốn chân cao, có móng dài, nhọn.
- Đuôi: thường xoắn tròn và hay ngoe nguẩy mỗi khi gặp người quen.

c) **Hoạt động:**

Bước đi hùng dũng, đuôi ngúc ngoắc, liếm tay liếm chân người trong nhà, khách vào thì sủa vang, biết giữ nhà, bắt trộm và coi vườn không cho gà vào phá.

3. **Kết bài:**

Là con vật trung thành, là người bạn thân thiết của gia đình. Chăm sóc, yêu mến.

Tập đọc **Hơn một nghìn ngày vòng quanh trái đất**

A. Mục tiêu bài học

- Đọc rõ ràng, trôi chảy toàn bài, đọc đúng tên riêng nước ngoài và các chữ số chỉ ngày, tháng, năm.
- Hiểu ý nghĩa của câu chuyện: *Ca ngợi Ma-gien-lăng và đoàn thám hiểm đã dũng cảm hi sinh vượt qua bao khó khăn, mất mát để khẳng định trái đất hình cầu và phát hiện Thái Bình Dương và các vùng đất mới.*

B. Tìm hiểu nội dung

Bài văn ***Hơn một nghìn ngày vòng quanh trái đất*** chia làm 5 đoạn.

- Đoạn 1 (Từ đầu đến *những vùng đất mới*): Giới thiệu Ma-gien-lăng và đoàn thám hiểm.
- Đoạn 2 (Tiếp... đến *“Thái Bình Dương”*): Đoàn thám hiểm phát hiện ra Thái Bình Dương.
- Đoạn 3 (Tiếp... đến *công việc mình làm*): Những khó khăn gian khổ mà đoàn thám hiểm phải trải qua và sự hi sinh dũng cảm của Ma-gien-lăng.
- Đoạn 4 (Tiếp... *“đến biển Tây Ban Nha”*): Đoàn thám hiểm sống sót trở về.
- Đoạn 5 (Đoạn còn lại): Kết quả đã đạt được của đoàn thám hiểm.

I. Hướng dẫn luyện đọc

- Đọc diễn cảm bài văn với giọng đọc rõ ràng, chậm rãi, cảm hứng ca ngợi đoàn thám hiểm và Ma-gien-lăng.
- Đọc đúng tên riêng nước ngoài: *Xê-vi-la, Ma-gien-lăng, Ma-tan, Tây Ban Nha*. Các số: *ngày 20 tháng 9 năm 1519, ngày 8 tháng 9 năm 1552, 1083 ngày*.
- Đọc đúng các từ ngữ: *giong buồm, mồm cực nam, giày, thám hiểm, chiếc thuyền,...*
- Đọc đúng các đoạn văn sau:

Thái Bình Dương bát ngát, / đi mãi chẳng thấy bờ.// Thức ăn cạn, / nước ngọt hết sạch.// Thuỷ thủ phải uống nước tiểu, / ninh nhừ giày và thắt lưng da để ăn.// Mỗi ngày có vài ba người chết phải ném xác xuống biển.// May sao, gặp một hòn đảo nhỏ, / được tiếp tế thức ăn và nước ngọt, / đoàn thám hiểm ổn định được tinh thần.//

Chuyến đi vòng quanh đầu tiên thế giới của Ma-gien-lăng kéo dài 1083 ngày, / mất bốn chiếc thuyền lớn, / với gần hai trăm người bỏ

mạng dọc đường.// Nhưng đoàn thám hiểm đã **hoàn thành sứ mạng**,/
khẳng định trái đất hình cầu,/**phát hiện Thái Bình Dương** và
những vùng đất mới.//

II. Tìm hiểu bài (Trả lời câu hỏi)

1. Ma-gien-lăng thực hiện cuộc thám hiểm với mục đích gì?

Ma-gien-lăng thực hiện cuộc thám hiểm với mục đích là khám phá con đường trên biển dẫn đến những vùng đất mới.

2. Đoàn thám hiểm đã gặp những khó khăn gì dọc đường?

Đoàn thám hiểm gặp rất nhiều khó khăn dọc đường như thức ăn cạn, nước ngọt dự trữ đã hết. Đoàn thám hiểm phải uống cả nước tiểu, ninh nhừ giày và thắt lưng để ăn. Mỗi ngày có khoảng vài ba người chết phải ném xác xuống biển, phải giao tranh với dân đảo. Do những khó khăn này mà đoàn thám hiểm đã bị thiệt hại: Ra đi với 5 chiếc thuyền lớn, khi về chỉ còn một chiếc, gần hai trăm người bỏ mạng dọc đường trong đó có Ma-gien-lăng. Chỉ còn lại có 18 thủy thủ sống sót trở về.

3. Hạm đội của Ma-gien-lăng đã đi theo hành trình nào? Chọn ý đúng:

Hạm đội của Ma-gien-lăng đã đi theo hành trình: *châu Âu (Tây Ban Nha) – Đại Tây Dương – châu Mỹ (Ma-tan) – Thái Bình Dương – châu Á – Ấn Độ Dương – châu Âu (Tây Ban Nha)*. Chọn ý c) là đúng.

4. Đoàn thám hiểm đã đạt những kết quả gì?

Đây là chuyến đi đầu tiên vòng quanh thế giới kéo dài 1083 ngày, đã khẳng định trái đất hình cầu, phát hiện ra Thái Bình Dương và những vùng đất mới.

5. Câu chuyện giúp em hiểu những gì về các nhà thám hiểm?

Câu chuyện giúp em hiểu các nhà thám hiểm là những người dũng cảm, vượt qua khó khăn thử thách để đạt được mục đích đề ra. Các nhà thám hiểm là những người ham hiểu biết, thích tìm tòi, khám phá ra những điều bí mật của thế giới. Các nhà thám hiểm là những người có nhiều cống hiến vĩ đại cho loài người.

Chính tả (Nhớ – viết)

Đường đi Sa Pa

A. Mục tiêu bài học

- Nhớ - viết một đoạn trong bài *Đường đi Sa Pa*.
- Làm đúng các bài tập phân biệt âm đầu dễ lẫn: *r/d/gi; v/d/gi*.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn nhớ - viết

- Học thuộc đoạn cuối trong bài *Đường đi Sa Pa*. Hiểu nội dung đoạn viết: *Cảnh đẹp của Sa Pa thay đổi trong một ngày.*
- Viết đúng các từ: *thoắt cái, khoảng khắc, long lanh, mưa tuyết, hây hây, nồng nàn, thiên nhiên.*
- Viết hoa danh từ riêng *Sa Pa*.

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. Nhớ - viết: *Đường đi Sa Pa* (từ *Hôm sau...* đến hết)

2. Tìm những tiếng có nghĩa ứng với mỗi ô trống dưới đây:

a) Các ô trống đã được tìm tiếng có nghĩa ứng với mỗi ô:

	a	ong	ông	ưa
r	ra, ra bộ, ra chiều, ra công, ra dáng, ra điều, ra tay, ra mặt...	rong chơi, rong biển, rong rêu, ròng rã, ròng rọc, ròng ròng, bán hàng rong...	nhà rông, rông rần, rồng không, rộng lớn, rồng tuếch, rộng lượng, rộng rãi...	rửa, rũa, rựa...
d	da, da chì, da dẻ, da liều, da non, dã chiến, dã man, dã tràng, dạ dày, dạ hội, dạ con, dạ hương...	cây dong, dòng nước, dong dỏng...	cơn đông...	dưa, dừa, dứa...
gi	gia, gia đình, tham gia, giá bát, giá đỗ, giã chày, giả dối...	giọng buồn, giọng cờ, giọng tre, giọng nói, giọng trâu, giống hàng...	giống, nòi giống...	giữa chừng, ở giữa...

b) Các ô trống đã được tìm tiếng có nghĩa ứng với mỗi ô:

	a	ong	ông	ưa
v	va, va chạm, va vấp, vá víu, và, vả, vả lại, vạ, vạ vật, ăn vã...	vong, vong ân, vong hồn, vong linh, vong quốc, vòng bi, vòng cung, vòng quanh, vòng vèo, vông, vọng...	cây vông, vông cải, cao vổng...	vừa, vữa, vựa lúa...
d	da, da thịt, da dẻ, da trời, giả da...	cây dong, dòng nước, dong dỏng...	cơn đông...	dưa, dừa, dứa...
gi	gia đình, tham gia, giá sách, giá đỗ, giả dối, giã giò...	giọng, giống hàng, giọng nói, giống tai...	nòi giống, giống như, con giống...	ở giữa, giữa chừng...

3. Tìm những tiếng thích hợp ứng với mỗi ô trống dưới đây (SGK trang 116):

a) Tiếng bắt đầu bằng **r**, **d** hay **gi**:

– Hồ nước ngọt lớn nhất thế **giới** là hồ Thượng ở giữa Ca-na-đa và Mĩ. Nó **rộng** trên 80 000 ki-lô-mét vuông.

– Trung Quốc là nước có biên **giới** chung với nhiều nước nhất – 13 nước. Biên **giới** của nước này **dài** 23 840 ki-lô-mét.

b) Tiếng bắt đầu bằng **v**, **d**, hay **gi**:

– Ở Thư **viện** Quốc gia Luân Đôn hiện nay còn lưu **giữ** một cuốn sách nặng hơn 100 ki-lô-gam. Cuốn sách có bìa làm bằng vàng và đá quý, bên trong có 50 chữ cũng làm bằng **vàng**.

– Gần ba phần tư trái đất được biển bao phủ. Thái Bình Dương là đại **dương** lớn nhất và bao phủ gần nửa thế **giới**.

Luyện từ và câu Mở rộng vốn từ: **Du lịch – Thám hiểm**

A. Mục tiêu bài học

- Tiếp tục mở rộng từ theo chủ điểm *du lịch, thám hiểm*.
- Biết viết một đoạn văn nói về du lịch hoặc thám hiểm.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

1. Tìm những từ ngữ liên quan đến hoạt động du lịch:

a) Đồ dùng cần cho chuyến du lịch: *túi du lịch, va li, lều trại, quần áo, giày, mũ, dụng cụ thể thao, thiết bị nghe nhạc, đàn ghi-ta, điện thoại di động, đồ ăn, nước uống,...*

b) Phương tiện giao thông và những sự vật có liên quan đến phương tiện giao thông: *ô tô, tàu hỏa, tàu thủy, máy bay, xe máy, xe đạp, đường sá, cầu cống, bến xe, bến tàu, sân bay, nhà ga, vé xe, vé tàu,...*

c) Tổ chức nhân viên phục vụ du lịch: *công ty du lịch, hướng dẫn viên, khách sạn, phòng trọ, nhà nghỉ, tua du lịch,...*

d) Địa điểm tham quan, du lịch: *bãi biển, lên núi, đền, chùa, di tích lịch sử, bảo tàng, nhà lưu niệm, phố cổ, cảnh đẹp non nước,...*

2. Tìm những từ ngữ liên quan đến hoạt động thám hiểm:

a) Đồ dùng cần cho cuộc thám hiểm: *ba lô, lều trại, thiết bị an toàn, la bàn, điện thoại di động (bộ đàm), đèn pin, dao, kéo, bật lửa, vũ khí,...*

b) Những khó khăn nguy hiểm cần vượt qua: *bão, mưa gió, bão tuyết, sóng thần, núi cao, vực thẳm, rừng rậm, sa mạc, thú dữ, đói, khát, cô đơn,...*

c) Những đức tính cần thiết của người tham gia đoàn thám hiểm: *dũng cảm, kiên trì, bền chí, táo bạo, nhanh nhẹn, sáng suốt, hiếu kì, mạo hiểm, thích khám phá, ưa tìm tòi, không ngại gian khổ,...*

3. Viết đoạn văn nói về hoạt động du lịch hay thám hiểm trong đó có một số từ ngữ em vừa tìm được ở bài tập 1 hoặc bài tập 2.

Đoạn văn tham khảo

Hôm nay, nhân ngày thành lập Đội Thiếu niên Tiền Phong Hồ Chí Minh, lớp em có tổ chức một buổi du lịch đi trên sông nước ở Thanh Đa.

Mới sáng sớm, các bạn đã có mặt đông đủ ở trường. Bạn nào bạn nấy ăn mặc gọn gàng với bộ đồng phục thể thao. Phía sau lưng đeo ba lô, đầu đội mũ trắng trông thật đẹp mắt. Bên cạnh những đồ dùng cá nhân, lớp còn chuẩn bị lều trại, nồi niêu bát đĩa, bếp cơ động, đồ ăn thức uống đầy đủ. Bạn lớp phó văn nghệ còn mang theo cả một cây đàn ghi-ta. Lan Anh, Mai Hương mang theo cả héc-phôn nữa. Đúng 7 giờ, đoàn xe chở chúng em bắt đầu lăn bánh...

Kể chuyện

Kể chuyện đã nghe, đã đọc

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng nói: Kể một câu chuyện đã nghe, đã đọc về du lịch hay thám hiểm có cốt truyện, bằng lời kể của mình.
- Rèn kĩ năng nghe: Nghe bạn kể, biết nhận xét lời kể của bạn.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn kể chuyện)

Đề bài: *Kể một câu chuyện em đã được nghe, được đọc về du lịch hay thám hiểm.*

Bài tham khảo

Từ xưa ông cha ta thường dạy con cháu:

"Đi cho biết đó biết đây,
Ở nhà với mẹ biết ngày nào khôn".

Đi để tăng thêm sự hiểu biết của mình, để khám phá, tìm hiểu những điều bí mật ở trong nước cũng như thế giới. Câu chuyện mà tôi sẽ kể cho các bạn nghe, nói về một cuộc thám hiểm do đô đốc Ma-gien-lăng, người Bồ Đào Nha chỉ huy với hơn hai trăm thủy thủ. Câu chuyện được bắt đầu như sau:

Ngày 20 tháng 9 năm 1919 từ cửa biển Xê-vin nước Tây Ban Nha, có năm chiếc thuyền lớn giống buồm tiến ra khơi. Đó là hạm đội do đô đốc Ma-gien-lăng chỉ huy với hơn hai trăm thủy thủ.

Vượt qua Đại Tây Dương thuận buồm xuôi gió, Ma-gien-lăng yên ổn đặt chân lên châu Mỹ, mặc dù trên đường đi, bọn Các-ta-hen đã gây cho ông khá nhiều rắc rối. Từ đây lại bắt đầu một cuộc hành trình gian khổ. Ở chỗ nào có đường biển xuyên qua châu Mỹ để sang Thái Bình Dương, chưa hề ai biết đến. Đoàn thuyền của Ma-gien-lăng phải mò mẫm trong tất cả những vịnh dọc bờ biển Nam châu Mỹ. Mùa đông đến với những đợt rét dữ dội của Nam bán cầu. Thủy thủ đã chán nản lại thêm bị đói, cực nhọc liên miên. Năm tháng trời trôi qua. Những thử thách gay go vẫn nối tiếp nhau diễn ra... Chiếc thuyền lớn nhất va phải mỏm đá vỡ tan. Thủy thủ đều thoát nạn nhưng hao hụt một phần lớn lương ăn dự trữ.

Cuối cùng, đoàn thám hiểm cũng đạt được mục đích: phát hiện ra eo biển nối liền Đại Tây Dương với Thái Bình Dương.

Eo biển đó nằm ở cực nam châu Mỹ, sau này được đặt tên là eo biển Ma-gien-lăng để ghi công nhà hàng hải đầu tiên đi vòng quanh trái đất.

Tuy vậy con đường đi mới được một nửa, phải vượt qua Thái Bình Dương mới đến được châu Á. Những ngày gian khổ vẫn còn nhiều. Bình thường ở Thái Bình Dương sóng gió êm hơn nhưng lại luôn luôn có những cơn bão dữ dội nổi lên, đe dọa nhấn chìm cả đoàn thuyền xuống đáy biển. Lại thêm một chiếc thuyền nữa mất tích. Ma-gien-lăng không hề nao núng, vẫn kiên quyết thực hiện ý định của mình. Ông hình dung đoạn đường vượt qua Thái Bình Dương cũng không dài hơn đoạn đường vượt qua Đại Tây Dương, chỉ độ hai ngàn dặm biển là cùng (khoảng 3 – 4 ngàn km). Nhưng lần này Ma-gien-lăng ước đoán sai. Thái bình Dương bát ngát, đi mãi vẫn chưa thấy bờ. Lương ăn cạn, nước ngọt hết sạch, thủy thủ có lúc uống cả nước tiểu. Giày cũ, thắt lưng da đều cho vào nồi nấu làm thức ăn.

Rồi thì mọi thứ cũng hết. Mỗi ngày ít ra cũng vài ba người chết, phải ném xác xuống biển. Nhưng đoàn thám hiểm của Ma-gien-lăng vẫn cứ thẳng tiến. May sao đoàn thám hiểm gặp một hòn đảo nhỏ. Được tiếp tế thức ăn và nước ngọt, đoàn thám hiểm lại tiếp tục lên đường. Đoạn đường từ đó trở đi có nhiều đảo hơn, không còn phải lo thiếu thốn thức ăn nước uống nhưng lại bắt đầu xảy ra những khó khăn trong sự giao tiếp với dân cư trên các đảo.

Vì giữ lời hứa với người đứng đầu đảo Xê-bu, Ma-gien-lăng tham gia vào một trận đánh giữa dân cư đảo Xê-bu với một đảo khác. Ông đã bỏ mình trong cuộc giao tranh không kịp nhìn thấy kết quả công việc mình làm.

Đoàn thủy thủ còn lại tiếp tục đi về phía tây, tìm đường về châu Âu. Số người sống sót mỗi ngày một hao hụt thêm. Họ phải vật lộn với sóng

gió. Cuối cùng về tới bờ biển Tây Ban Nha chỉ còn lại một chiếc thuyền với mười tám thủy thủ.

Thế là chuyến đi đầu tiên vòng quanh thế giới của Ma-gien-lăng từ châu Âu, qua Đại Tây Dương sang châu Mỹ qua Thái Bình Dương đến châu Á, qua Ấn Độ Dương trở về châu Âu. Bắt đầu ngày 20 tháng 9 năm 1519 và kết thúc ngày 8 tháng 9 năm 1522. Tính ra 1083 ngày. Mất bốn chiếc thuyền và gần hai trăm người chết dọc đường.

Mặc dù cuộc thám hiểm phải trả giá đắt nhưng tên tuổi Ma-gien-lăng và tinh thần dũng cảm của những thủy thủ ấy sẽ mãi mãi được ghi trong lịch sử tiến bộ của loài người.

Tập đọc

Dòng sông mặc áo

A. Mục tiêu bài học

- Đọc diễn cảm bài thơ thể hiện niềm vui và sự bất ngờ của tác giả khi phát hiện ra sự đổi sắc muôn màu của dòng sông quê hương.
- Hiểu ý nghĩa của bài thơ: *Ca ngợi vẻ đẹp của dòng sông quê hương.*

B. Tìm hiểu nội dung

Bài thơ ***Dòng sông mặc áo*** chia làm hai đoạn:

- Đoạn 1 (8 dòng thơ đầu): Màu của dòng sông vào các buổi sáng, trưa, chiều, tối.
- Đoạn 2 (6 dòng còn lại): Màu của dòng sông lúc đêm khuya, trời sáng.

I. Hướng dẫn luyện đọc

- Đọc diễn cảm bài thơ với giọng vui, dịu dàng và dí dỏm thể hiện niềm vui, sự ngỡ ngàng của tác giả trước vẻ đẹp muôn màu của dòng sông.
- Đọc đúng các từ: *mặc áo, điệu, thướt tha, ráng vàng, vàng trắng, ngân nga,...*
- Nghỉ hơi đúng giữa các dòng thơ:

*Khuya rồi, / sông mặc áo đen/
Ngủ trong rừng buổi/ lặng yên đôi bờ...//
Sáng ra/ thơm đến **ngân nga**/
Dòng sông đã **mặc** bao giờ **áo hoa**/
Ngược lên/ bỗng gặp **la đà**/
Ngàn hoa buổi/ đã **nở nhòa** áo ai...//*

II. Tìm hiểu bài (Trả lời câu hỏi)

1. Vì sao tác giả nói dòng sông "điệu"?

Tác giả nói dòng sông "điệu" vì dòng sông luôn thay đổi sắc màu giống con người luôn thay đổi màu áo.

2. Màu sắc của dòng sông thay đổi như thế nào trong một ngày?

Màu sắc của dòng sông thay đổi liên tục trong một ngày:

- Buổi sáng khi nắng lên dòng sông mặc áo lụa đào thướt tha.
- Buổi trưa sông mặc áo màu xanh.
- Buổi chiều mặc áo hây hây rắng vàng.
- Buổi tối màu áo nhung tím thêu trăm ngàn vì sao.
- Đêm khuya sông mặc áo đen.
- Sáng sớm sông mặc áo hoa.

3. Cách nói "dòng sông mặc áo" có gì hay?

Cách nói "dòng sông mặc áo" là cách nói rất hay. Tác giả sử dụng biện pháp nhân hóa để con sông gần gũi với con người và làm nổi bật vẻ đẹp của dòng sông quê hương.

4. Em thích những hình ảnh nào trong bài? Vì sao?

- Em thích hình ảnh *Nắng lên mặc áo lụa đào thướt tha* - Vì gợi cảm giác mềm mại thướt tha của dòng sông.
- Em thích hình ảnh *Áo xanh sông mặc như là mới may* - Vì gợi màu xanh thể hiện sự êm dịu, nhẹ nhàng của dòng sông.
- Em thích hình ảnh *Cải lên màu áo hây hây rắng vàng* - Vì gợi vẻ đẹp của dòng sông khi hoàng hôn buông xuống.
- Em thích hình ảnh *Trên nền nhung tím trăm ngàn sao lên* - Vì lúc này dòng sông như một tấm gương, soi rõ cảnh trăng vàng và những vì sao lấp lánh giống như một bức tranh đẹp lung linh huyền ảo.

5. Học thuộc lòng bài thơ. (Học sinh học).

Tập làm văn **Luyện tập quan sát con vật**

A. Mục tiêu bài học

Biết quan sát con vật, chọn lọc các chi tiết để tả.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

1. Đọc bài văn sau: *Đàn ngan mới nở* (SGK trang 119, 120).

2. Để miêu tả đàn ngan, tác giả bài văn đã quan sát những bộ phận nào của chúng? Ghi lại những câu miêu tả mà em cho là hay.

- Để miêu tả đàn ngan, tác giả đã quan sát các bộ phận của chúng như:
 - Hình dáng: *chỉ to hơn cái trứng một tí.*
 - Bộ lông: *vàng óng, như màu của những con tơ nồn mới giồng.*

– Đôi mắt: *chỉ bằng hạt cườm, đen nhánh hạt huyền, long lanh đưa đi đưa lại như có nước.*

– Cái mỏ: *màu nhung hươu, vừa bằng ngón tay đứa bé mới đẻ, mọc gần gần đằng trước.*

– Cái đầu: *xinh xinh, vàng nuột.*

– Hai cái chân: *lùn chùn, bé tí, màu đỏ hồng.*

• Ghi lại những câu miêu tả em cho là hay:

– *Một màu vàng đáng yêu như màu của những con tơ nồn mới guồng.* (Dùng phương pháp so sánh để miêu tả bộ lông của đàn ngan).

– *Đôi mắt chỉ bằng hạt cườm, đen nhánh hạt huyền, lúc nào cũng long lanh đưa đi đưa lại như có nước, làm hoạt động hai con người bóng mờ.* (Dùng phương pháp so sánh làm cho đôi mắt được cụ thể hơn, tinh nhanh và đẹp hơn).

3. Quan sát và miêu tả các đặc điểm ngoại hình của con mèo (hoặc con chó) nhà em hoặc của nhà hàng xóm.

Tả ngoại hình con mèo

Ôi! Chú mèo mới xinh xắn làm sao. Miu thuộc giống mèo tam thể, trên mình nó khoác bộ áo lông màu vàng pha trắng đốm đen. Thân hình chú nhỏ, thon như chiếc gối ôm của em bé. Cái đầu tròn và nhỏ như trái banh lông. Còn hai tai thì như hai cái nắm cứ vểnh lên. Đôi mắt chú tròn xoe, sáng xanh như hai viên ngọc. Mũi nhỏ bé hồng hồng lúc nào cũng ươn ướt. Miệng chú lúc bình thường trông rất dễ thương, thế mà mỗi lần chú ngáp những chiếc răng sắc nhọn chìa ra trông thật đáng sợ. Cái đuôi dài trắng mịn luôn luôn ngoe nguẩy. Bốn chân chú ngắn với những bộ móng vuốt sắc để cào và vồ mồi.

Tả ngoại hình con chó

Mi-nô là cái tên gọi và cũng là giống chó săn của Đức. Khi mới về nhà, chú chỉ mới hai tháng tuổi, đến nay đã hai mùa Giáng Sinh. Chú ta trông có vẻ chững chạc ra dáng "thanh niên" lắm. Mi-nô cao đến đầu gối tôi. Đầu chú to bằng trái bưởi, đôi tai lớn hình tam giác, thường cụp xuống. Nhưng mỗi khi nghe ngóng một điều gì, đôi tai ấy lại vểnh lên, dựng đứng. Toàn thân khoác chiếc áo màu đen tuyền, nhưng lại có một dải trắng chạy suốt từ đầu cho đến đuôi, người ta thường bảo đó là con rắn trắng chạy trên lưng chó. Đôi mắt tròn, to, màu nâu sẫm. Cái mũi ngắn, màu nâu lúc nào cũng ươn ướt nhưng lại đánh hơi rất giỏi. Mồm chú to và dài, mỗi khi ngoác ra để lộ những răng nanh nhọn hoắt. Bốn chân cao, có những móng dài nhọn. Đuôi dài thường luôn xoắn tròn và hay ngoe nguẩy.

4. Quan sát và miêu tả các hoạt động thường xuyên của con mèo (hoặc chó) nói trên.

Tả hoạt động con chó

...Mỗi khi tôi đi học về, chú thường chào đón bằng cách nhảy lên liếm tay. Lúc ấy tôi có cảm giác ram ráp và rờn rợn. Những sợi ria mép dài, cứng còn làm cho tôi thấy nhồn nhột ở tay, nhưng tôi vẫn thích thú. Mi-nô thích nằm phơi nắng ở đầu nhà, chú thường dùng lưỡi vuốt ve bộ lông bóng mượt của mình. Trong nhà này, chú ghét nhất là mấy chú gà trống hay phá phách ngoài vườn, thỉnh thoảng lại thấy chú dồn bọn gà trống chạy toán loạn miệng sủa vang gâu! gâu! Chú thích nằm ngủ giữa phòng khách giống như anh lính đứng canh bảo vệ nhà...

Luyện từ và câu

Câu cảm

A. Mục tiêu bài học

- Nắm được cấu tạo và tác dụng của câu cảm.
- Biết nhận diện và biết đặt câu cảm.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

I. Nhận xét

1. Những câu sau dùng để làm gì?

- *Chà, con mèo có bộ lông mới đẹp làm sao!*: Câu này dùng để biểu lộ cảm xúc ngạc nhiên, thích thú trước bộ lông của con mèo.
- *A! Con mèo này khôn thật!*: Câu này dùng để biểu lộ cảm xúc thán phục trước sự khôn ngoan của con mèo.

2. Cuối các câu trên có dấu gì?

Cuối các câu trên (câu cảm) thường có dấu chấm than (!).

3. Rút ra kết luận về câu cảm:

a) Câu cảm dùng để làm gì?

Câu cảm dùng để bộc lộ cảm xúc (*vui, buồn, thán phục, đau xót, ngạc nhiên,...*) của người nói.

b) Trong câu cảm thường có những từ ngữ nào?

Trong câu cảm thường có những từ ngữ: *ôi, chao, chà, trời, quá, lắm, thật...* Khi viết, cuối câu cảm thường có dấu chấm than (!).

II. Ghi nhớ (Đọc SGK).

III. Luyện tập

1. Chuyển các câu kể sau thành câu cảm.

Câu kể	Câu cảm
a) Con mèo này bắt chuột giỏi.	<i>Trời! Con mèo này bắt chuột giỏi quá!</i>
b) Trời rét.	<i>Chao ôi! Trời rét quá!</i>
c) Bạn Ngân chăm chỉ.	<i>Bạn Ngân chăm chỉ thật!</i>
d) Bạn Giang học giỏi.	<i>Chà, bạn Giang học giỏi quá!</i>

2. Đặt câu cảm cho các tình huống sau (SGK trang 121):

- Đặt câu cho tình huống a:
 - Bạn giỏi quá!*
 - Chà, bạn giỏi quá!*
 - Bạn giỏi cực kì!*
 - Bạn thật là tuyệt vời!*
- Đặt câu cho tình huống b:
 - Ôi! Cậu vẫn nhớ đến ngày sinh nhật của tớ à!*
 - Chà! Bạn làm tớ cảm động quá!*
 - Bạn thật là người bạn tuyệt vời!*

3. Những câu cảm sau đây bộc lộ những cảm xúc gì?

- a) *Ôi, bạn Nam đến kìa!* – Bộc lộ sự mừng rỡ, ngạc nhiên.
- b) *Ồ, bạn Nam thông minh quá!* – Bộc lộ cảm xúc thán phục.
- c) *Trời, thật là kinh khủng!* – Bộc lộ cảm xúc ghê sợ.

Tập làm văn **Điền vào giấy tờ in sẵn**

A. Mục tiêu bài học

- Biết điền đúng nội dung vào chỗ trống trong giấy tờ in sẵn.
- Biết tác dụng của việc khai báo tạm trú, tạm vắng.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

1. Em cùng mẹ đến chơi nhà họ hàng ở tỉnh khác và ở lại đó vài ngày. Mẹ em bảo: “*Con hãy giúp mẹ điền vào phiếu khai báo tạm trú*”. Em hãy làm giúp mẹ theo mẫu dưới đây (SGK trang 122):

Đây là bài tập nêu tình huống giả thiết (em hoặc mẹ đến chơi nhà một người bà con ở tỉnh khác) vì vậy khi ghi vào giấy tờ điền sẵn cần lưu ý:

- Ở mục *Địa chỉ* em phải ghi địa chỉ của người họ hàng mà em và mẹ đến ở.

- Ở mục *Họ và tên chủ hộ* phải ghi tên chủ nhà nơi hai mẹ con em ở.
- Ở mục 1 *Họ và tên* em phải ghi tên họ của mẹ em.
- Ở mục 6 *Ở đâu đến hoặc đi đâu* em khai nơi mẹ con em ở đâu đến (không khai đi đâu, vì hai mẹ con khai *tạm trú*, không khai *tạm vắng*).
- Ở mục 9 *Trẻ em dưới 15 tuổi đi theo* phải ghi họ tên của chính em.
- Ở mục 10. Em điền ngày, tháng, năm.
- Mục cán bộ đăng kí là mục dành cho cán bộ (công an) quản lí khu vực tự kí và viết họ tên. Cạnh đó là mục dành cho *Chủ hộ* (người họ hàng của em) tự kí và viết họ tên.

* Tham khảo cách điền vào mẫu sau:

Địa chỉ	Họ và tên chủ hộ
Số nhà 415, đường Âu Cơ,	Nguyễn Văn Chuẩn
phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, Hà Nội	
Điểm khai báo tạm trú, tạm vắng số 1, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.	
PHIẾU KHAI BÁO TẠM TRÚ, TẠM VẮNG	
1. Họ và tên: Nguyễn Thị Kim Dung	
2. Sinh ngày: 26 tháng tháng 10 năm 1969	
3. Nghề nghiệp và nơi làm việc: Giảng viên trường Đại học Sài Gòn.	
4. CMND số: 022268614 cấp ngày 17 tháng 5 năm 2010.	
5. Tạm trú, tạm vắng từ ngày 1 tháng 9 đến ngày 5 tháng 9 năm 2015.	
6. Ở đâu đến hoặc đi đâu: 5/52 Nguyễn Huệ - Thành phố Hồ Chí Minh.	
7. Lí do: Thăm bố mẹ	
8. Quan hệ với chủ hộ: Con gái	
9. Trẻ em dưới 15 tuổi đi theo: Hồ Thị Vân Anh (10 tuổi)	
10. Ngày 1 tháng 9 năm 2015	
Cán bộ đăng kí	Chủ hộ
	(Hoặc người trình báo)
(Kí ghi rõ họ tên)	Nguyễn Văn Chuẩn

2. Điền xong, em đưa cho mẹ. Mẹ hỏi: "Con có biết tại sao phải khai báo tạm trú, tạm vắng không?". Em sẽ trả lời như thế nào?

Phải khai báo tạm trú, tạm vắng để chính quyền địa phương quản lí được những người đang có mặt hoặc vắng mặt tại nơi ở, những người ở nơi khác mới đến. Khi có việc gì xảy ra, các cơ quan nhà nước có căn cứ, có cơ sở để điều tra, xem xét.

A. Mục tiêu bài học

- Đọc diễn cảm bài văn, đọc đúng tên riêng nước ngoài.
- Hiểu nghĩa của các từ: *kiến trúc, điêu khắc, thốt nốt, kì thú, muồm, thâm nghiêm*.
- Hiểu nội dung của bài: *Ca ngợi Ăng-co Vát, một công trình kiến trúc và điêu khắc tuyệt vời của nhân dân Cam-pu-chia.*

B. Tìm hiểu nội dung

Bài văn **Ăng-co Vát** chia làm ba đoạn:

- Đoạn 1 (Từ đầu đến “*thế kỉ XII*”): Giới thiệu Ăng-co Vát một công trình kiến trúc và điêu khắc tuyệt diệu của nhân dân Cam-pu-chia.
- Đoạn 2 (Tiếp... đến “*như xây gạch vữa*”): Giới thiệu kiến trúc của đền Ăng-co Vát.
- Đoạn 3 (Đoạn còn lại): Phong cảnh của Ăng-co Vát lúc hoàng hôn.

I. Hướng dẫn luyện đọc

- Đọc đúng các từ: *Ăng-co Vát, điêu khắc, tuyệt diệu, nhẵn bóng, kín khít, gạch vữa, thốt nốt, muồm, thâm nghiêm*.
- Đọc đúng đoạn văn sau: www.sachgiai.com

*Toàn bộ khu đền quay về hướng tây.// Lúc hoàng hôn,/ Ăng-co Vát thật **huy hoàng**.// Mặt trời lặn,/ ánh sáng **chiếu soi vào** bóng tối của đền.// Những ngọn tháp **cao vút** ở phía trên,/ **lấp lánh** giữa những chùm lá thốt nốt xòa tán tròn/ vượt lên hẳn những hàng muồm già cổ kính.// Ngôi đền cao với những thêm đá **rêu phong**,/ **uy nghi** kì lạ,/ càng **cao** càng **thâm nghiêm** dưới ánh trời vàng,/ khi đàn dơi bay tỏa ra từ các ngách.//*

II. Tìm hiểu bài (Trả lời câu hỏi)

1. Ăng-co Vát được xây dựng ở đâu và từ bao giờ?

Ăng-co Vát được xây dựng ở Cam-pu-chia từ đầu thế kỉ mười hai (XII).

2. Khu đền chính đồ sộ như thế nào?

Khu đền chính rất đồ sộ, gồm ba tầng với những ngọn tháp lớn, các hành lang dài gần 1500 mét và 398 gian phòng.

3. Khu đền chính được xây dựng kì công như thế nào?

Khu đền chính với những cây tháp lớn được dựng bằng đá ong và bọc ngoài bằng đá nhẵn. Những bức tường buông nhẵn bóng như mặt ghế

đá, hoàn toàn được ghép bằng những tảng đá lớn đẽo gọt vuông vức ghép vào nhau kín khít như xây gạch vữa.

4. Phong cảnh khu đền vào lúc hoàng hôn có gì đẹp?

Lúc hoàng hôn, phong cảnh khu đền Ăng-co Vát thật huy hoàng. Ánh sáng chiếu soi vào bóng tối trước cửa đền. Những ngọn tháp cao vút lấp loáng giữa những chùm lá thốt nốt và tán lá tròn. Ngôi đền cao với những thềm đá rêu phong uy nghi, kì lạ. Càng cao càng thâm nghiêm dưới ánh nắng vàng.

Quả thật vào thăm đền Ăng-co Vát như lạc vào thế giới nghệ thuật chạm khắc và kiến trúc cổ đại, vì thế Ăng-co Vát được thế giới công nhận là một kì quan.

Chính tả (Nghe – viết)

Nghe lời chim nói

A. Mục tiêu bài học

- Nghe - viết chính xác bài *Nghe lời chim nói*.
- Làm đúng các bài tập có âm đầu và dấu thanh dễ lẫn: *l/n, thanh hỏi / thanh ngã*.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn nghe - viết

- Đọc bài ***Nghe lời chim hót*** ở SGK. Hiểu nội dung bài viết: *Bầy chim nói về những cảnh đẹp, những thay đổi của đất nước*.
- Viết đúng các từ: *lắng nghe, chim nói, cánh đồng, tầng cao, mắt lá, trời xanh, thanh khiết, thiết tha*.
- Trình bày đúng, đẹp bài thơ 5 chữ. Các chữ cái đầu dòng thơ viết hoa và viết thẳng hàng, lùi vào lề 1 ô.

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. Nghe - viết: *Nghe lời chim hót*.

2. a) – Tìm 3 trường hợp chỉ viết ***l*** không viết ***n***: *lạch, làm, lảm, lã, lãnh, lâu, lẫu, lẹm, liếm, liểu, lim, lìm, lịm, loe, lóe,...*

– Tìm 3 trường hợp chỉ viết ***n*** không viết ***l***: *này, nằm, nắn, nấu, nếm, nệm, nếu, nện, nín, nước, nuối,...*

b) – Tìm 3 từ lấy bắt đầu bằng tiếng có ***thanh hỏi***: *lẩn lút, lẩn mẩn, lẩn quẩn, lẩn thẩn, lầy bầy, lẻ tẻ, lỏng chỏng, lủi thủi, lũng củng, nể nã,...*

– Tìm 3 từ lấy bắt đầu bằng tiếng có ***thanh ngã***: *lầy lũng, lỏa xỏa, lãng nhãng, lũn bũn, nhẽ nhại, không nhẽo, lỏng thông, ẻo ợt,...*

3. Chọn các tiếng cho trong ngoặc đơn để hoàn chỉnh đoạn văn (SGK trang 125).

a)

Băng trôi

Núi băng trôi **lớn** nhất trôi khỏi **Nam** Cực vào **năm** 1956. Nó chiếm một vùng rộng 31 000 ki-lô-mét vuông. Núi băng **này** lớn bằng nước Bỉ.

b)

Sa mạc đen

Ở nước Nga có một sa mạc màu đen. Đá trên sa mạc này **cũng** màu đen. Khi bước vào sa mạc, người ta có **cảm** giác biến thành màu đen và **cả** thế giới đều màu đen.

Luyện từ và câu

Thêm trạng ngữ cho câu

A. Mục tiêu bài học

Hiểu thế nào là trạng ngữ. Nhận diện và đặt câu có trạng ngữ.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

I. Nhận xét

1. Đọc cặp câu sau và cho biết chúng có gì khác nhau?

a) I-ren trở thành nhà khoa học nổi tiếng.

b) *Nhờ tinh thần ham học hỏi, sau này,* I-ren trở thành nhà khoa học nổi tiếng.

www.sachgiai.com

Điểm khác nhau ở hai câu a và b là câu b có thêm phần in nghiêng (Câu b có thêm trạng ngữ: *Nhờ tinh thần ham học hỏi, sau này*).

2. Đặt câu hỏi cho phần in nghiêng ở câu b.

- Vì sao I-ren trở thành nhà khoa học nổi tiếng?
- Nhờ đâu I-ren trở thành nhà khoa học nổi tiếng?
- Khi nào I-ren trở thành nhà khoa học nổi tiếng?
- Bao giờ I-ren trở thành nhà khoa học nổi tiếng?

3. Mỗi phần in nghiêng bổ sung cho câu b ý nghĩa gì?

Mỗi phần in nghiêng bổ sung cho câu b một ý nghĩa:

– Phần in nghiêng (*Nhờ tinh thần ham học hỏi*) chỉ nguyên nhân I-ren trở thành nhà khoa học nổi tiếng.

– Phần in nghiêng (*sau này*) chỉ thời gian để I-ren trở thành nhà khoa học nổi tiếng.

II. Ghi nhớ (Đọc SGK).

III. Luyện tập

1. Tìm trạng ngữ trong các câu sau:

- a) *Ngày xưa*, Rùa có một cái mai láng bóng. (Trạng ngữ: *Ngày xưa*).
- b) *Trong vườn*, muôn loài hoa đua nở. (Trạng ngữ: *Trong vườn*).
- c) *Từ tờ mờ sáng*, cô Thảo đã dậy sớm sửa đi về làng. Làng cô ở cách làng Mỹ Lý hơn mười lăm cây số. *Vì vậy, mỗi năm* cô chỉ về làng chừng hai ba lượt. (Trạng ngữ: *Từ tờ mờ sáng* và *Vì vậy, mỗi năm*).

2. Viết một đoạn văn ngắn từ 3 đến 5 câu kể về một lần em đi chơi xa, trong đó có ít nhất một câu dùng trạng ngữ.

Đoạn văn tham khảo

Để giúp em thư giãn sau đợt kiểm tra học kì I vừa qua, mẹ đã đưa em đi thăm bà ngoại ở Trà Vinh. **Buổi sáng**, khí trời se se lạnh, gió thoảng qua khẽ lay động cây liễu rủ trước nhà. Cả nhà vội vàng thu dọn hành lí để ra bến xe...

Kể chuyện Kể chuyện được chứng kiến hoặc tham gia

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng nói: Kể về một cuộc du lịch hoặc cắm trại mà em được tham gia bằng lời kể tự nhiên.
- Rèn kĩ năng nghe: Nghe bạn kể biết nhận xét lời kể của bạn.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn kể chuyện)

Đề bài: Kể chuyện về một cuộc du lịch hoặc cắm trại mà em được tham gia.

Bài tham khảo

Kể về một cuộc du lịch

Thanh bình và yên tĩnh thì phải nói tới làng quê. Để giúp tôi thư giãn sau đợt kiểm tra học kì I vừa qua, mẹ đã đưa tôi đi thăm bà ngoại ở Trà Vinh. Chuyến đi để lại cho tôi nhiều kỉ niệm tốt đẹp.

Buổi sáng, khí trời se se lạnh, gió thoảng qua khẽ lay động cây liễu rủ trước nhà. Cả nhà tôi vội thu dọn hành lí để ra bến xe. Rất may ra đến nơi, gia đình tôi vừa kịp đón chuyến xe đầu tiên đi Trà Vinh. Chiếc xe từ từ lăn bánh. Tôi chỉ thấy những tòa nhà vút qua vùn vụt. Đi được một quãng, nhà cửa hai bên đường có vẻ thưa dần, thay vào đó là những bụi tre, hàng dừa mọc lên lố nhố. Ngồi hơn hai tiếng đồng hồ, tôi hỏi mẹ:

- Mẹ ơi! Sao lâu đến nơi thế ạ?

Mẹ mỉm cười rồi nói:

– Sắp đến rồi con ạ! Chỉ còn hơn ba mươi cây số nữa thôi!

Quả đúng như lời mẹ nói, xe chạy chừng gần một tiếng đồng hồ nữa rồi dừng lại một bên vắng người. Vừa đặt chân xuống đất, tôi cảm thấy ngạc nhiên. "Trà Vinh là nơi đây ư? Quê ngoại của mình như thế này ư? Sao vắng vẻ thế? Chẳng giống thành phố nơi tôi ở, suốt ngày xe cộ qua lại đông đúc, náo nhiệt lắm cơ!". Bao nhiêu câu hỏi, bao nhiêu suy nghĩ cứ liên tục hiện lên trong đầu tôi. Nếu không nghe thấy tiếng gọi của mẹ cắt ngang dòng suy nghĩ thì tôi đã đứng ở đây cho đến tối rồi. Thế là tôi cùng mẹ đi bộ đến nhà ngoại mà trong lòng vẫn còn day dứt.

– Đến nơi rồi đây, ta vào đi thôi! Tiếng mẹ tôi nói.

Đến lúc này, tôi càng sửng sốt hơn. Giữa chốn làng quê này một ngôi nhà rất to, cao ba tầng lầu được sơn màu xanh nước biển nổi bật trong một khu vườn rộng lớn. Đang mãi ngắm ngôi nhà, chợt tôi nghe thấy tiếng gọi của ngoại:

– Vào đây đi cháu!

Ngoại tôi đã già rồi, khoảng ngoài bảy mươi tuổi. Lưng ngoại nay đã còng, nhưng khuôn mặt của ngoại vẫn hồng hào và ánh mắt vẫn còn tinh nhanh. Tôi chạy vào ôm chầm lấy ngoại, ngoại xoa đầu khen tôi dạo này chóng lớn quá. Suốt ngày hôm đó, tôi ở nhà nói chuyện với ngoại.

Ngày hôm sau, mẹ xin phép ngoại sang thăm nhà cậu Hai ở gần đó. Vì không quen đường xá nên cái Lan phải đưa mẹ con tôi đi. Vừa đến nơi, đã thấy cậu Hai đứng ở cổng, tươi cười mời mẹ con tôi vào nhà. Trong khi mẹ ngồi nói chuyện với cậu, tôi và cái Lan ra vườn ngồi chơi banh dứa. Đang chơi bỗng có tiếng ai lanh lảnh vang lên: "Xin chào! xin chào!". Tôi ngó trước sau chả thấy ai cả, chỉ có một chiếc lồng chim treo trên cây mít trong đó có một con vẹt. Thấy tôi ngơ ngác, cái Lan nhanh nhẹn giải thích:

– Cậu Hai mê chơi chim lắm, con vẹt được xem là "con cưng" của cậu đấy! Nó nói được tiếng người, thấy ai quen nó nói suốt ngày. Nhưng đôi lúc nó cũng lì lăm, bảo mãi nó cũng chẳng thêm nói.

Nghe cái Lan nói ra một tràng về con vẹt, tôi bèn tặc lưỡi khen:

– Dù sao nó nói được tiếng người là hay lắm rồi!

Ngồi chơi với con vẹt không được bao lâu, cái Lan rủ tôi lên đồi sim chơi. Ở đây bạt ngàn là sim. Cây nào cây nấy đều ra rất nhiều quả. Quả nhỏ, tròn tím thẫm. Tôi đánh no một bụng đầy sim. Sau đó hái một túi đầy về làm quà cho mọi người.

Ngày kế tiếp, tôi và cái Lan đi vào xóm chơi. Ở đây, nhà nào cũng đẹp, vườn rộng với nhiều cây ăn trái. Không khí thoáng đãng mát mẻ. Tôi lẩm bẩm một mình: "Giá như ở thành phố có một khu vườn như thế này thì thích phải biết". Cái Lan còn muốn rủ tôi đi nhiều nơi nữa, nhưng sáng mai tôi phải về rồi, tôi phải ở nhà chơi với ngoại vì chẳng biết đến bao giờ, tôi mới được trở lại đây. Suốt đêm đó, tôi chẳng thể nào chợp mắt được. Ánh trăng vàng len qua cửa sổ như muốn cùng tôi trò chuyện.

Sáng hôm sau, cả nhà ngoại đưa hai mẹ con tôi ra bến xe. Cái Lan cũng theo ra, nó sụt sịt khóc. Tôi cảm thấy lòng băng khuâng, mắt cũng cay xè. Thấy thế mẹ liền nói:

– Thôi nào! Sang năm mẹ lại cho xuống thăm ngoại.

Chia tay, tôi leo lên xe. Xe chạy, tôi vẫn cố ngoái lại nhìn mọi người đến khi cảnh vật khuất hẳn phía xa.

Mặc dù đã về đến nhà, nhưng dư âm của một cuộc du lịch về làng quê êm ả mãi mãi in đậm trong tâm trí của tôi.

Bài tham khảo 2

Kể về một cuộc cắm trại

Nhân dịp kỉ niệm ngày thành lập Đoàn hai mươi sáu tháng ba, trường em có tổ chức một buổi cắm trại cho học sinh lớp Bốn và lớp Năm tại khu du lịch: "Sài Gòn Water World".

Ngay từ sáng sớm, các bạn học sinh đã có mặt đầy đủ. Ai nấy đều mặc quần áo mới, mang trên vai một ba lô với đầy đủ tiện nghi cho một cuộc du lịch cắm trại. Bên ngoài, những chiếc xe buýt đủ màu sắc đang sẵn sàng chờ chúng tôi lên đường.

Sau khi ổn định tổ chức, thầy phụ trách hướng dẫn từng lớp lên xe theo quy định. Bảy giờ, xe bắt đầu chuyển bánh hòa vào dòng người trên đường. Buổi sáng, gió nhẹ nhẹ, những tia nắng ban mai như đang nháy nhót, len lỏi trên các mái nhà và thậm chí chui vào cả trong xe. Qua nhiều chặng đường, chúng tôi đã đến nơi cắm trại. Cổng của công viên nước đã hiện ra, chúng tôi đều cảm thấy lòng phấn chấn hẳn lên. Xe vừa dừng, các bạn đã ồa xuống, ai nấy đều muốn nhảy ngay xuống nước mà tắm mà đùa cho thỏa thích. Bỗng một hiệu lệnh vang lên, chúng tôi nhanh chóng trở về vị trí của mình. Sau khi nghe mục đích, ý nghĩa, chương trình của buổi sinh hoạt tập thể toàn trường ôn lại truyền thống vẻ vang của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong một không khí nghiêm trang và tự hào. Sau đó là các cuộc thi. Mở đầu, các lớp thi dựng trại. Một tiếng còi vừa dứt, các lớp hối hả dựng trại của mình. Tuy

có sự phân công và tập dượt nhiều lần, nhưng chúng tôi vẫn cảm thấy bối rối, lúng túng. Cuối cùng lều của chúng tôi cũng được dựng lên. Các bạn nữ chẳng những dây hoa được kết rất đẹp. Ảnh Bác Hồ được treo chính giữa, phía dưới ảnh là một chiếc bàn được phủ bằng một tấm rèm hoa, trên bàn một lọ hoa hồng màu đỏ rực rỡ. Trước trại là một tấm biển ghi tên lớp với chủ đề "Măng non". Chúng tôi vừa trang trí xong thì cũng là lúc ba hồi còi vang lên báo hiệu giờ dựng trại đã hết. Lớp tôi xếp thành hai hàng chỉnh tề chờ Ban chỉ huy Liên Đội đến chấm điểm.

Đến giờ nghỉ trưa, cả lớp quây quần trong lều. Mặc dù bữa ăn chỉ có bánh mì với trái cây, nước lọc nhưng mọi người đều ăn rất ngon lành, vừa ăn vừa nói chuyện vui vẻ. Đúng hai giờ chiều lại diễn ra các cuộc thi: thi nghi thức đội, thi kéo co, thi nhảy bao bố, thi đi xe đạp chậm... Tiếng hò, tiếng hét làm vang động cả công viên nước. Cuối cùng tại một gò đất cao nơi được dùng để làm sân khấu thi biểu diễn văn nghệ. Từng tràng vỗ tay vang lên cổ vũ, tán thưởng những giọng ca hay, những điệu múa đẹp...

Thời gian trôi qua một cách nhanh chóng, trời đã về chiều, hoàng hôn buông xuống cũng là lúc buổi cắm trại kết thúc. Thay mặt cho toàn trường, chị Bí thư Đoàn lên công bố kết quả và phát thưởng cho những cá nhân và đơn vị đoạt giải. Không khí lúc này lại náo động hẳn lên, tiếng hò, tiếng reo không ngớt. Lớp nào cũng có phần thưởng. Chúng tôi thu dọn lều trại chuẩn bị ra về.

Buổi cắm trại hôm nay thật là vui, chúng tôi được tận hưởng một không khí sinh hoạt tập thể đầy thú vị. Tôi hi vọng sang năm lại có một buổi cắm trại vui như thế này.

Tập đọc

Con chuồn chuồn nước

A. Mục tiêu bài học

- Đọc diễn cảm bài văn, hiểu các từ ngữ có trong bài.
- Hiểu nội dung bài: *Ca ngợi vẻ đẹp, sinh động của chú chuồn chuồn nước, đồng thời bộc lộ tình cảm của tác giả với đất nước, quê hương.*

B. Tìm hiểu nội dung

Bài văn ***Con chuồn chuồn nước*** chia làm hai đoạn:

- Đoạn 1 (Từ đầu đến “*phân vân*”): Tả hình dáng chú chuồn chuồn nước.
- Đoạn 2 (Đoạn còn lại): Theo cánh bay của chú chuồn chuồn, tác giả tả vẻ đẹp của thiên nhiên đất nước.

I. Hướng dẫn luyện đọc

– Đọc diễn cảm bài văn với giọng nhẹ nhàng, thể hiện sự ngạc nhiên trước vẻ đẹp của chú chuồn chuồn và cảnh đẹp của quê hương đất nước.

– Đọc đúng các từ ngữ: *chuồn chuồn nước, lấp lánh, giấy bóng, tung cánh bay vọt lên, lướt nhanh, menh mông, lũy tre, cánh đồng,...*

– Đọc đúng đoạn văn sau:

Chao ôi!!! Chú chuồn chuồn nước mới đẹp làm sao!!! **Màu vàng trên lưng** chú lấp lánh.// **Bốn cái cánh** mỏng như giấy bóng.// **Cái đầu tròn** và **hai con mắt** long lanh như **thủy tinh**,// **Thân chú** nhỏ và thon vàng như **màu vàng của nắng mùa thu**.// **Chú đậu trên một cành lộc vừng** ngã dài trên mặt hồ.// **Bốn cánh** khẽ rung rung như **đang còn phân vân**.//

II. Tìm hiểu bài (Trả lời câu hỏi)

1. Chú chuồn chuồn nước được miêu tả bằng những hình ảnh so sánh nào?

Chú chuồn chuồn nước được miêu tả bằng những hình ảnh so sánh sau:

(1) *Bốn cái cánh mỏng như giấy bóng.*

(2) *Cái đầu tròn và hai con mắt long lanh như thủy tinh.*

(3) *Thân chú nhỏ và thon vàng như màu của nắng mùa thu.*

(4) *Bốn cánh khẽ rung rung như đang còn phân vân.*

2. Em thích những hình ảnh so sánh nào? Vì sao?

– Em thích hình ảnh so sánh (1) và (2) vì nó giúp em hình dung được đôi cánh mỏng manh và đôi mắt sáng của chú chuồn chuồn nước.

– Em thích hình ảnh so sánh (3) vì nó giúp em hình dung rõ hơn về hình dáng và màu sắc của nó.

– Em thích hình ảnh so sánh (4) vì nó giúp em thấy được sự chuyển động nhẹ nhàng của chú chuồn chuồn nước.

3. Cách miêu tả chú chuồn chuồn bay có gì hay?

Cách miêu tả chú chuồn chuồn bay rất hay; hình dáng chú và hình ảnh tung cánh bay vọt lên kết hợp với biện pháp so sánh để làm nổi bật vẻ đẹp khi bay của chú chuồn chuồn nước. Theo dõi cánh của chú, tác giả tả vẻ đẹp thanh bình, êm ả của làng quê Việt Nam một cách sinh động.

4. Tình yêu quê hương, đất nước của tác giả được thể hiện qua những câu văn nào?

Những câu tả cảnh đẹp làng quê dưới cánh bay của chuồn chuồn thể hiện tình yêu quê hương đất nước của tác giả:

- Mặt hồ trải rộng mênh mông và lặng sóng.
- Dưới tầm cánh chú bây giờ là lũy tre xanh rì rào trong gió, là bờ ao với những khóm khoai nước rung rinh.
- Cánh đồng với những đàn trâu thung thăng gặm cỏ.
- Dòng sông với những đoàn thuyền ngược xuôi.
- Trên tầng cao là đàn cò đang bay, là trời xanh trong cao vút.

Tập làm văn

Luyện tập miêu tả các bộ phận của con vật

A. Mục tiêu bài học

- Luyện tập quan sát các bộ phận của con vật.
- Biết tìm các từ ngữ miêu tả làm nổi bật các đặc điểm của con vật.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

1. Đọc đoạn văn sau: **Con ngựa** (Học sinh đọc SGK trang 128).

2. Đoạn văn trên (**Con ngựa**) tả những bộ phận nào của con ngựa? Hãy ghi lại những đặc điểm chính của mỗi bộ phận ấy.

Những bộ phận của con ngựa được tả trong đoạn văn và những đặc điểm chính của những bộ phận ấy:

- Hai tai: to dựng đứng trên cái đầu rất đẹp.
- Hai lỗ mũi: ươn ướt, động đập hoài.
- Hai hàm răng: trắng muốt.
- Bờm: được cắt rất phẳng.
- Ngực: nở.
- Bốn chân: khi đứng cũng cứ giậm lộp cộp trên đất.
- Cái đuôi: dài, ve vẩy hết sang phải lại sang trái.

3. Quan sát các bộ phận của con vật mà em yêu thích và tìm những từ ngữ miêu tả đặc điểm của các bộ phận đó.

Ví dụ: **Quan sát và tả về màu sắc của con gà trống.**

- Bộ lông: đỏ pha xanh đen, màu đỏ tía.
- Mào: đỏ chót, đỏ như cờ.
- Mắt: đen lay láy, long lanh như thủy tinh.
- Mỏ: vàng cứng, vàng ươn khoằm xuống như mỏ diều hâu.
- Đôi cánh: xòe ra trông như cái quạt ngũ sắc.
- Đôi chân: màu vàng nghệ, vàng ươn.

Luyện từ và câu Thêm trạng ngữ chỉ nơi chốn cho câu

A. Mục tiêu bài học

- Hiểu trạng ngữ chỉ nơi chốn trong câu.
- Nhận diện và thêm được trạng ngữ chỉ nơi chốn trong câu.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

I. Nhận xét

1. Tìm trạng ngữ trong những câu sau và cho biết chúng bổ sung ý nghĩa gì cho câu?

a) *Trước nhà*, mấy cây hoa giấy nở tưng bừng.

b) *Trên các hè phố, trước cổng các cơ quan, trên mặt đường nhựa, từ khắp năm cửa ô trở vào*, hoa sấu vẫn nở, vẫn vương vãi khắp thủ đô.

- Trạng ngữ là các từ được in nghiêng trong câu.

- Tác dụng của các trạng ngữ trên là bổ sung ý nghĩa chỉ nơi chốn cho câu.

2. Đặt câu hỏi cho các trạng ngữ tìm được trong những câu trên.

a) *Ở đâu*, mấy cây hoa giấy nở tưng bừng?

b) *Ở đâu*, hoa sấu vẫn nở, vẫn vương vãi khắp thủ đô?

II. Ghi nhớ (Đọc SGK).

III. Luyện tập

1. Tìm trạng ngữ chỉ nơi chốn trong các câu sau:

- *Trước rạp*, người ta dọn dẹp sạch sẽ, sắp một hàng ghế dài.

- *Trên bờ*, tiếng trống càng thúc giục dữ dội.

- *Dưới những mái nhà ẩm nước*, mọi người vẫn thu mình trong giấc ngủ mệt mỏi.

Trạng ngữ là các từ được in nghiêng trong câu.

2. Thêm các trạng ngữ chỉ nơi chốn cho các câu sau:

a) *Ở nhà*, em giúp bố mẹ làm những công việc gia đình.

b) *Ở lớp*, em rất chăm chú nghe giảng và hăng hái phát biểu.

c) *Trước nhà (ngoài vườn)*, hoa đã nở.

3. Các câu dưới đây chỉ mới có trạng ngữ chỉ nơi chốn. Hãy thêm những bộ phận cần thiết để hoàn chỉnh những câu ấy.

a) *Ngoài đường*, xe cô đi lại tấp nập.

b) *Trong nhà*, mọi người đang nói chuyện vui vẻ.

c) *Trên đường đến trường*, có những cây phượng nở hoa đỏ thắm.

d) *Ở bên kia sườn núi*, mọi người đang lom khom hái những búp trà.

Luyện tập xây dựng đoạn văn miêu tả con vật

A. Mục tiêu bài học

Biết thể hiện kết quả quan sát các bộ phận con vật, sử dụng các từ ngữ miêu tả để viết đoạn văn.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

1. Bài *Con chuồn chuồn nước* có mấy đoạn văn? Tìm ý chính của mỗi đoạn.

Bài *Con chuồn chuồn nước* gồm 2 đoạn và ý chính mỗi đoạn như sau:

– Đoạn 1 (Từ đầu đến... “*như đang còn phân vân*”): Tả ngoại hình chú chuồn chuồn nước.

– Đoạn 2 (Đoạn còn lại): Tả chú chuồn chuồn nước lúc tung cánh bay, kết hợp tả cảnh đẹp của thiên nhiên theo cánh bay của chú chuồn chuồn.

2. Sắp xếp các câu sau (SGK trang 130) thành một đoạn văn.

(Sắp xếp theo thứ tự b - a - c là đúng)

Con chim gáy hiền lành béo nục. Đôi mắt nâu trầm ngâm ngơ ngác nhìn xa, cái bụng mìn mượt, cổ yếm quàng chiếc tạp dề công nhân đầy hạt cườm lấp lánh biêng biếc. Chàng chim gáy nào giọng càng trong, càng dài thì quanh cổ càng được đeo nhiều vòng cườm đẹp.

3. Hãy viết một đoạn văn có chứa câu mở đoạn như sau:

Chú gà nhà em đã ra dáng một chú gà trống đẹp.

Đoạn văn tham khảo

Chú gà nhà em đã ra dáng một chú gà trống đẹp. Cái vẻ đĩnh đạc của chú được tô điểm bởi bộ lông đầy hấp dẫn với nhiều màu sắc: nào đỏ nâu, nào xanh đen. Đầu của chú to bằng nắm tay của em. Chiếc mào đỏ chót đội trên đầu như mũ miện của các chàng hoàng tử. Đôi mắt đen láy, luôn đưa qua đưa lại. Cái mỏ nhọn vàng ươm, khoằm xuống như mỏ diều hâu. Chú ăn rất nhanh không thua kém gì các chú gà khác. Chân chú có màu vàng nghệ, bốn ngón xòe ra làm bước đi của chú thêm vững chắc. Chiếc cựa cứng và sắc chứng tỏ chú đã trưởng thành. Nổi bật nhất là chùm lông đuôi, cong lên và rũ xuống rất tự nhiên trông giống như một cái cầu vồng...

Tập đọc

Vương quốc vắng nụ cười

A. Mục tiêu bài học

- Đọc diễn cảm bài văn. Biết phân biệt lời các nhân vật (người dẫn truyện, vị đại thần, viên thị vệ, nhà vua).
- Hiểu nội dung câu chuyện (phần đầu): *Cuộc sống thiếu tiếng cười sẽ tẻ nhạt và buồn chán.*

B. Tìm hiểu nội dung

Bài văn **Vương quốc vắng nụ cười** chia làm ba đoạn:

- Đoạn 1 (Từ đầu đến “*chuyên về môn cười*”): Giới thiệu vương quốc không có tiếng cười và mối nguy cơ của nó.
- Đoạn 2 (Tiếp... đến “*nhưng học không vào*”): Việc vua cử người đi du học nhưng đều thất bại.
- Đoạn 3 (Đoạn còn lại): Hi vọng mới của triều đình.

I. Hướng dẫn luyện đọc

– Đọc diễn cảm bài văn với giọng chậm rãi, nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả sự buồn chán, âu sầu của quốc vương không có tiếng cười. Đoạn 3 đọc với giọng nhanh hơn, háo hức hi vọng. Chú ý lời thoại của các nhân vật (người dẫn truyện, vua, vị đại thần và viên thị vệ).

– Đọc đúng các từ ngữ: *vắng nụ cười, buồn chán, lạo xạo, thất vọng, sừng sượt, ảo não, cười sằng sặc,...*

– Đọc đúng đoạn văn sau:

*Ngày xưa ngày xưa,/ có một vương quốc **buồn chán kinh khủng** chỉ vì dân cư ở đó **không ai biết cười**./ Nói chính xác là chỉ có rất ít trẻ con cười được,/ còn người lớn thì hoàn toàn không./ Buổi sáng,/ mặt trời **không muốn dậy**,/ chim **không muốn hót**,/ hoa trong vườn **chưa nở đã tàn**./ Ra đường gặp toàn những gương mặt **rầu rĩ**,/ **héo hon**./ Ngay kinh đô là nơi nhộn nhịp cũng chỉ nghe thấy tiếng **ngựa hí**,/ tiếng sỏi đá **lạo xạo** dưới bánh xe,/ tiếng gió **thở dài** trên những mái nhà... Nhà vua,/ may sao,/ vẫn **còn tỉnh táo** để nhận ra **mối nguy cơ đó**./ Ngài họp triều đình và cử ngay một viên đại thần **đi du học**,/ **chuyên về môn cười**./*

II. Tìm hiểu bài (Trả lời câu hỏi)

1. Tìm những chi tiết cho thấy cuộc sống ở vương quốc nọ rất buồn.

Những chi tiết cho thấy cuộc sống ở vương quốc nọ rất buồn:

– Mặt trời không muốn dậy, chim không muốn hát, hoa trong vườn chưa nở đã tàn.

– Gương mặt mọi người râu rĩ, héo hon.

– Ngay kinh đô là nơi nhộn nhịp nhưng cũng chỉ nghe thấy tiếng ngựa hí, tiếng sỏi đá lạo xạo dưới bánh xe, tiếng gió thổi dài trên những mái nhà.

2. Vì sao cuộc sống ở vương quốc ấy buồn chán như vậy?

Cuộc sống ở vương quốc ấy buồn chán vì cư dân ở đó không ai biết cười.

3. Nhà vua đã làm gì để thay đổi tình hình?

Để thay đổi tình hình nhà vua đã cử một viên đại thần đi du học, chuyên về môn cười.

4. Kết quả việc làm của nhà vua ra sao?

Sau một năm, vị đại thần đó đã cố gắng hết sức nhưng học không vào. Các quan trong triều đình thì ỉu xiu còn nhà vua thở dài thườn thượt, không khí của triều đình thật là ảo não.

Chính tả (Nghe – viết) Vương quốc vắng nụ cười

A. Mục tiêu bài học

- Viết đúng một đoạn (đoạn 1) trong bài *Vương quốc vắng nụ cười*.
- Làm đúng các bài tập phân biệt âm đầu: s/x, âm chính: o/ô/ơ.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn nghe - viết

– Đọc đoạn 1 trong bài *Vương Quốc vắng nụ cười*. Hiểu nội dung đoạn viết: *Cuộc sống ở vương quốc vô cùng buồn chán vì vắng tiếng cười.*

– Viết đúng các từ: *vương quốc, kinh khủng, biết cười, nhộn nhịp, lạo xạo.*

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. Nghe - viết: *Vương quốc vắng nụ cười* (từ đầu đến trên những mái nhà).

2. Tìm những chữ bị bỏ trống để hoàn chỉnh các mẩu chuyện dưới đây (SGK trang 133, 134). Biết rằng:

a) Những chữ bị bỏ trống trong mẩu chuyện sau bắt đầu bằng **s** hoặc **x**:

Chúc mừng năm mới sau một... thế kỉ.

Ngày 4/1/1889, ông Cô-lin từ Ô-xtrây-li-a gửi một tấm thiệp chúc mừng

năm mới cho cô Uôn-đrốp ở thành phố A-béc-đin, nước Anh. Không hiểu vì **sao** mãi đầu năm 2001 tức là 112 năm **sau**, tấm bưu thiếp mới đến được A-béc-đin. Các nhân viên bưu điện **xứ** sở sương mù đang găng **sức** tìm con cháu của cụ Uôn-đrốp để trao tấm thiếp và **xin** lỗi vì **sự** chậm trễ này.

b) Những chữ bỏ trống trong mẫu chuyện sau chứa **o** hoặc **ô**:

Không biết cười

Nhà văn Mỹ nổi tiếng Mác Tuên rất có khiếu khôi hài. Ai đã dự những buổi nói chuyện của ông thì không thể nào không bật cười vì những câu nói dí **dỏm**, những mẫu chuyện **hóm** hỉnh. Nhưng trong một lần gặp gỡ **công** chúng, Mác Tuên rất ngạc nhiên thấy một ông già suốt buổi không hề nhếch mép, mặc dù ai nấy cười ngả nghiêng. Mãi đến lúc ra về, Mác Tuên mới biết ông già đó bị điếc từ mấy năm nay rồi. Ông đến dự buổi **nói** chuyện chỉ vì muốn biết mặt nhà văn **nổi** tiếng.

Luyện từ và câu Thêm trạng ngữ chỉ thời gian cho câu

A. Mục tiêu bài học

Hiểu được trạng ngữ chỉ thời gian trong câu. Nhận biết và thêm được trạng ngữ chỉ thời gian trong câu.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

I. Nhận xét

1. Tìm trạng ngữ có trong các câu dưới đây:

Không khí của triều đình thật là ảo não. **Đúng lúc đó**, một viên thị vệ hốt hải chạy vào:

– Tàu bệ hạ! Thần vừa tóm được một kẻ đang cười sằng sặc ngoài đường.

(Trạng ngữ: **Đúng lúc đó**)

2. Trạng ngữ vừa tìm được bổ sung ý nghĩa gì cho câu?

Trạng ngữ **Đúng lúc đó** bổ sung ý nghĩa thời gian cho câu.

3. Đặt câu hỏi cho loại trạng ngữ nói trên.

- **Mấy giờ**, anh đi học?
- Bác Hồ mất **khi nào**?
- **Khi nào**, không khí mát mẻ, dễ chịu?
- **Khi nào** cả nhà quây quần trong phòng khách xem ti vi?

II. Ghi nhớ (Đọc SGK).

III. Luyện tập

1. Tìm trạng ngữ chỉ thời gian trong các câu sau:

a) **Buổi sáng hôm nay**, mùa đông đột nhiên đến, không báo cho biết trước. **Vừa mới ngày hôm qua**, trời hãy còn nắng ấm và hanh, cái nắng về cuối tháng mười làm nứt nẻ đất ruộng và làm giòn khô những chiếc lá rơi. Thế mà **qua một đêm mưa rào**, trời bỗng đổi gió bắc, rồi cái lạnh ở đâu đến làm cho người ta tưởng đang ở giữa mùa đông rét mướt.

(Trạng ngữ là các bộ phận được in đậm).

b) **Từ ngày còn ít tuổi**, tôi đã thích những tranh lợn, gà, chuột, ếch, tranh cây dừa, tranh tổ nữ của làng Hồ. **Mỗi lần Tết đến, đứng trước những cái chiếu bày tranh làng Hồ giải trên các lễ phố Hà Nội**, lòng tôi lại thấm thía một nỗi biết ơn đối với những người nghệ sĩ tạo hình của nhân dân.

(Trạng ngữ là các bộ phận được in đậm)

2. Thêm trạng ngữ cho trong ngoặc đơn vào chỗ thích hợp để đoạn văn được mạch lạc.

a) Cây gạo bên bờ làm việc đêm ngày, chuyên cần lấy từ đất, nước và ánh sáng nguồn sinh lực và sức trẻ vô tận. **Mùa đông**, cây chỉ còn những cành trơ trụi, nom như cành cỗi. Nhưng không, dòng nhựa trẻ đang rạo rức khắp thân cây. Xuân đến, lập tức cây gạo già lại trở lộc nảy hoa, lại gọi chim chóc tới, cành cây đầy tiếng hót và màu đỏ thắm. **Đến ngày đến tháng**, cây lại nhờ gió phân phát đi khắp chốn những múi bông trắng nuột nà.

(Trạng ngữ: đến ngày đến tháng, mùa đông)

b) Ở Trường Sơn, mỗi khi trời nổi gió, cảnh tượng thật là dữ dội. Những cây đại thụ có khi cũng bị bật gốc cuốn tung xuống vực thẳm. **Giữa lúc gió đang gào thét ấy**, cánh chim đại bàng vẫn bay lượn trên nền trời. Có lúc chim cụp cánh lao vút đi như một mũi tên. **Có lúc** chim lại vẫy cánh, đập gió vút lên cao.

(Trạng ngữ: có lúc, giữa lúc gió đang gào thét ấy)

Kể chuyện

Khát vọng sống

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng nói: Dựa vào lời kể của giáo viên và tranh minh họa, kể lại được câu chuyện *Khát vọng sống* bằng lời kể của mình.
- Rèn kĩ năng nghe: Nghe bạn kể biết nhận xét lời kể của bạn.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn kể chuyện)

1. Dựa vào các tranh minh họa dưới đây (SGK trang 136), hãy kể lại từng đoạn câu chuyện em đã nghe cô giáo (thầy giáo) kể.

Tham khảo cách kể sau:

Khát vọng sống

* **Tranh 1:**

Giôn và Bin khập khểnh đi xuống bờ suối. Mỗi người mang một khẩu súng trường và một bó chăn trên vai. Cả hai đều mệt mỏi sau những ngày gian khổ dài đằng đẵng. Giôn bỗng trượt chân suýt ngã. Anh thốt lên một tiếng kêu đau đớn:

– Bin! Mình bị trật khớp rồi.

Bin vẫn lao đảo lộn qua dòng nước. Giôn vẫn gọi nhưng Bin không quay đầu lại. Giôn nhìn Bin mãi cho đến khi anh ta vượt qua đỉnh đồi, rồi mất hút.

* **Tranh 2:**

Giôn nén đau trèo lên đỉnh đồi. Đã mấy ngày nay anh chẳng có gì để ăn. Thỉnh thoảng anh cúi xuống hái những quả dại ăn. Đêm đến khi không lê bước nổi nữa, anh mới dừng lại để ngủ.

Mỗi sáng khi cái đói cào xé ruột gan khiến đầu óc anh mụ mẫm, tình cờ anh bắt gặp một con chim đang ngủ quên. Nó giật mình lao vút lên, đâm vào mặt anh. Thỉnh thoảng anh cũng bắt được vài con cá nhỏ trong vũng nước. Anh nhai chúng rất cẩn thận vì biết rằng phải cố ăn để mà sống.

* **Tranh 3:**

Một ngày kia, khi đang lê bước, anh đột nhiên nhẩy lùi lại. Trước mặt anh là một con gấu lớn. Anh vừa đưa súng lên vai thì sực nhớ là súng đã hết đạn. Anh hạ súng, rút con dao sẵn, mắt chăm chăm nhìn con vật. Con gấu bật ra một tiếng gầm thẳm dò. Nếu bỏ chạy nó sẽ đuổi theo nên anh đứng im như một pho tượng cho đến lúc cơn nguy hiểm đi qua.

* **Tranh 4:**

Vào một ngày, Giôn nằm bất động trên một mỏm đá, chậm rãi đưa mắt nhìn theo dòng sông uốn khúc đang đổ ra một vùng biển rực rỡ nắng vàng. Anh chợt thấy một con tàu đang buông neo. Đúng lúc đó, có tiếng thở, có tiếng phì phò phía sau, anh nhận ra cái đầu xám của một con sói. Đầu nó rũ xuống, hình như nó bị bệnh. Nó thở phì phò và húng hắng ho.

Mặc dù đã quá yếu, anh vẫn cố bình tĩnh tiếp tục chuyển đi khủng khiếp để tìm tới con tàu. Giờ thì anh không thể đứng dậy được nữa. Anh bắt đầu bò bằng hai tay và đầu gối.

*** Tranh 5:**

Một lần, sau một cơn ngất, anh tỉnh lại bởi tiếng khò khè sát bên tai. Anh cảm thấy cái lưỡi của con sói đang quẹt trên bàn tay anh. Những cái nanh ép nhẹ nhàng, rồi mạnh dần. Con sói nỗ lực dùng chút sức lực cuối cùng cắm răng vào tảng thức ăn mà nó đã chờ đợi từ lâu. Nhưng con người cũng đã chờ đợi lâu rồi. Cả hai bàn tay giập nát của con người đã bóp lấy hàm nó. Con sói chống lại một cách yếu ớt. Mấy phút sau, toàn bộ sức nặng của cơ thể con người đã đè lên mình con sói.

*** Tranh 6:**

Trên boong tàu, có một nhóm người tìm thấy một vật lạ ở trên bờ đang chuyển động ra phía biển. Họ trèo lên một chiếc thuyền nhỏ để vào bờ xem. Giôn đã được cứu sống khi anh chỉ còn biết vịn mình bò trên mặt đất như một con sâu khổng lồ.

Bây giờ Giôn đang nằm trên giường, nước mắt chảy ròng trên hai gò má gây guộc. Anh kể bằng những lời rời rạc về lai lịch của mình, về những chuyện đã trải qua.

2. Kể lại toàn bộ câu chuyện.

Các em liên kết 6 đoạn vừa kể ở trên sẽ được toàn bộ câu chuyện.

3. Trao đổi với bạn về ý nghĩa của câu chuyện.

Câu chuyện ca ngợi khát vọng sống mãnh liệt của con người đã chiến thắng đói, khát, thú dữ và cái chết.

Tập đọc

Ngắm trăng - Không đề

A. Mục tiêu bài học

- Đọc diễn cảm hai bài thơ, thể hiện phong thái lạc quan yêu đời của Bác trong mọi hoàn cảnh.
- Hiểu nghĩa các từ: *hững hờ, không đề, bương.*
- Hiểu nội dung và ý nghĩa hai bài thơ: *Ca ngợi tinh thần lạc quan yêu đời, yêu cuộc sống, bất chấp mọi hoàn cảnh khó khăn. Từ đó thể hiện lòng khâm phục, kính trọng và học tập Bác.*

B. Tìm hiểu nội dung

Bài 1. Ngắm trăng

I. Hướng dẫn luyện đọc

- Đọc diễn cảm bài thơ với giọng ngâm nga, thư thái thể hiện tinh thần lạc quan yêu đời của Bác.
- Đọc đúng các từ: *ngắm trăng, hững hờ, nhòm,...*
- Ngắt đúng nhịp các dòng thơ:

*Trong tù không rượu/ cũng không hoa/
Cảnh đẹp đêm nay,/ hờ hững hờ/
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ/
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.*

II. Tìm hiểu bài (Trả lời câu hỏi)

1. Bác Hồ ngắm trăng trong hoàn cảnh nào?

Bác Hồ ngắm trăng trong hoàn cảnh bị giam giữ trong tù. Đây là nhà tù của bọn Tưởng Giới Thạch, chúng bắt và giam giữ Bác hơn một năm trời khi Bác trên đường sang Trung Quốc.

2. Hình ảnh nào nói lên tình cảm gắn bó giữa Bác với trăng?

Đó là hình ảnh: *Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.*

3. Bài thơ nói lên điều gì về Bác Hồ?

Bài thơ đã nói lên tinh thần lạc quan yêu đời, yêu cuộc sống của Bác. Dù bị giam giữ ở trong ngục, dù bị tra tấn đến cùng cực, dù bị đói khát nhưng nhà tù của bọn Tưởng Giới Thạch không giam hãm được ý chí của Bác. Trái lại Bác vẫn thể hiện tình yêu với cuộc sống, thả hồn trước vẻ đẹp của thiên nhiên. Qua đó ta thấy Bác là người cách mạng vĩ đại, ở Bác có một phong thái ung dung, lạc quan yêu đời.

4. Học thuộc lòng bài thơ. (Học sinh tự học).

Bài 2. Không đề

I. Hướng dẫn luyện đọc

- Đọc diễn cảm bài thơ với giọng ngâm nga, thư thái, vui vẻ.
- Đọc đúng nghĩa các từ: *khách, tung bay, chim ngàn, việc quân, bàn, xách bọc, dất trẻ,...*

– Đọc đúng nhịp của bài thơ:

*Đường non/ khách tới/ **hoa đây**/*
*Rừng sâu quân đến,/ **tung bay** chim ngàn/*
Việc quân,/ việc nước đã bàn/
***Xách bương,/ dắt trẻ** ra vườn tưới rau.//*

– Hiểu nghĩa của từ: *ngàn* có nghĩa là rừng; *chim ngàn*: chim rừng.

II. Tìm hiểu bài (Trả lời câu hỏi)

1. Bác Hồ sáng tác bài thơ này trong hoàn cảnh nào? Những từ ngữ nào cho biết điều đó?

Bác Hồ sáng tác bài thơ này trong hoàn cảnh khi Bác đang ở chiến khu Việt Bắc trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp.

Những từ ngữ cho biết điều đó: *đường non, rừng sâu quân đến, tung bay chim ngàn.*

Chiến khu Việt Bắc là căn cứ địa cách mạng, nơi trung ương Đảng và chính phủ sống và làm việc. Đây cũng là giai đoạn đầy khó khăn gian khổ.

2. Tìm những hình ảnh nói lên lòng yêu đời, phong thái ung dung của Bác.

- Hình ảnh khách đến thăm Bác đi trên con đường non nở đầy hoa.
- Quân đến trong rừng sâu, chim rừng tung bay.
- Bàn việc quân xong, Bác xách bương, dắt trẻ ra vườn tưới rau.

Qua việc miêu tả của Bác, ta thấy cảnh chiến khu Việt Bắc thật đẹp, thật mộng mơ. Giữa việc quân, việc nước, bẽ bộn nhưng Bác vẫn sống ung dung giản dị, lạc quan yêu đời.

3. Học thuộc lòng bài thơ. (Học sinh tự học).

Tập làm văn

Luyện tập xây dựng đoạn văn miêu tả con vật

A. Mục tiêu bài học

Tiếp tục củng cố kiến thức về đoạn văn. Thực hành viết đoạn văn.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

1. Đọc bài văn sau (*Con tê tê* - SGK trang 139) và trả lời câu hỏi:

a) Phân đoạn bài văn trên và nêu nội dung chính từng đoạn:

Bài văn *Con tê tê* chia làm 6 đoạn và nội dung chính từng đoạn như sau:

- Đoạn 1 (Từ đầu đến “*đào thủng núi*”): Giới thiệu chung về con tê tê.
- Đoạn 2 (Tiếp... đến “*mút chồm đuôi*”): Miêu tả bộ vẩy con tê tê.

– Đoạn 3 (Tiếp... đến “kì hết mới thôi”): Miêu tả miệng, hàm, lưỡi con tê tê và cách săn mồi của nó.

– Đoạn 4 (Tiếp... đến “trong lòng đất”): Miêu tả chân, bộ móng và cách đào đất của con tê tê.

– Đoạn 5 (Tiếp... đến “ngoài miệng lỗ”): Miêu tả nhược điểm của con tê tê.

– Đoạn 6 (Đoạn còn lại): Nêu ích lợi và việc bảo vệ con tê tê.

b) Tác giả chú ý đến đặc điểm nào khi miêu tả hình dáng bên ngoài của con tê tê?

Khi miêu tả hình dáng bên ngoài của con tê tê, tác giả đã chú ý đến đặc điểm **bộ vảy của tê tê** và có cách so sánh rất đặc biệt: *Giống như vảy cá gáy, nhưng cứng và dày hơn nhiều. Bộ vảy như một bộ giáp sắt.*

c) Những chi tiết cho thấy tác giả quan sát hoạt động của con tê tê rất tỉ mỉ và chọn lọc được nhiều đặc điểm lí thú:

– Cách tê tê bắt mồi (bắt kiến): *Nó thè cái lưỡi dài, nhỏ như chiếc đũa, xẻ làm ba nhánh, đục thủng tổ kiến rồi thò lưỡi vào sâu bên trong. Đợi kiến bầu kín lưỡi, tê tê rút lưỡi vào mồm, tóp tép nhai cả lũ kiến xấu số.*

– Cách tê tê đào đất: *Nó dũi đầu xuống đào nhanh như một cái máy, chỉ cần chừng nửa phút đã ngấp nửa thân mình nó. Khi ấy dù có ba người lực lưỡng túm lấy đuôi nó kéo ngược cũng không ra. Trong chớp nhoáng, tê tê đã ẩn mình trong lòng đất.*

2. Quan sát ngoại hình của một con vật mà em yêu thích và viết một đoạn văn miêu tả ngoại hình của con vật đó.

Bài tham khảo 1: Tả về đôi mắt và cái mũi của mèo.

Hai mắt mèo tròn và quắc như đôi hòn bi ve để dưới ánh mặt trời. Hấn không có môi song hấn có cái mũi đo đỏ đẹp như cặp môi son hồng của một cô gái mười tám đương thì. Đàn bà thì không ưa cái mũi đỏ ấy. Người ta bảo mèo mũi đỏ là hay ăn vụng.

(Tô Hoài)

Bài tham khảo 2: Miêu tả con gà trống.

Một con gà trống ở phía nhà bếp nổi gáy. Tiếng nó lanh lảnh. Tôi biết đó là con gà của anh Bốn Linh. Con gà này có bộ lông mã tía, cổ bạch, màu hạt dâu. Tiếng nó dong dạc nhất xóm. Nó thường làm tôi chú ý. Nó nhón chân, bước từng bước oai vệ, ngực ưỡn ra đằng trước. Nó có gan nhảy lên lưng trâu Bình, vỗ cánh phành phạch rồi gáy như thét vào tai trâu...

(Võ Quảng)

BD VĂN - TIẾNG VIỆT 4/2

3. Quan sát hoạt động của một con vật mà em yêu thích và viết một đoạn văn miêu tả hoạt động của con vật đó.

Bài tham khảo: *Quan sát và tả hoạt động của chú mèo.*

Chú mèo của tôi rất thích nằm sưởi nắng, mỗi khi nằm nghỉ ngơi chú thường dùng chiếc lưỡi bé nhỏ của mình liếm láp bộ lông bóng mượt. Chú bắt chuột cũng rất giỏi. Mặc dù có lúc chú đang ngủ, nhưng chỉ cần nghe thấy tiếng "chít... chít..." chú giật mình tỉnh dậy, lục lọi tìm kiếm khắp nơi trong nhà. Ô, một con chuột! Chú nấp vào một xó, ngồi thu người lại, chăm chú quan sát con chuột đang mon men đến đĩa thức ăn đặt trên bàn. Thoắt một cái, "chít" con chuột đã nằm gọn trong những chiếc móng vuốt sắc nhọn của chú và những tiếng "gừ" "gừ" trong cổ được phát ra...

Luyện từ và câu

Thêm trạng ngữ chỉ nguyên nhân cho câu

A. Mục tiêu bài học

- Hiểu tác dụng của trạng ngữ chỉ nguyên nhân.
- Nhận biết trạng ngữ và thêm trạng ngữ chỉ nguyên nhân cho câu.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

I. Nhận xét

1. Trạng ngữ được in nghiêng trong câu sau trả lời câu hỏi gì?

Vì vắng tiếng cười mà vương quốc nọ buồn chán kinh khủng.

Trạng ngữ *Vì vắng tiếng cười* trả lời cho câu hỏi *Vì sao?*

2. Loại trạng ngữ trên bổ sung cho câu ý nghĩa gì?

Loại trạng ngữ trên bổ sung ý nghĩa nguyên nhân cho câu.

Trạng ngữ *Vì vắng tiếng cười* trả lời câu hỏi *Vì sao vương quốc nọ buồn chán kinh khủng?*

- Ý nghĩa của các trạng ngữ chỉ nguyên nhân trong câu:

Trạng ngữ chỉ nguyên nhân trong câu dùng giải thích rõ nguyên nhân của sự việc hoặc tình trạng nêu ra trong câu đó.

- <i>Vì</i> trời mưa tôi không đi học. - <i>Tại</i> trời mưa tôi không đi xem phim được. - <i>Do</i> cầu thả, sách vở của Loan lúc nào cũng nhàu nát.	→ Ngụ ý nguyên nhân dẫn đến hậu quả xấu (<i>Vì, Tại, Do</i>).
- <i>Nhờ</i> chăm chỉ, tất cả các bài học của Nam đều đạt điểm giỏi.	→ Ngụ ý nguyên nhân dẫn đến kết quả tốt (<i>Nhờ</i>).

II. Ghi nhớ (Đọc SGK).

III. Luyện tập

1. Tìm trạng ngữ chỉ nguyên nhân trong những câu sau:

- Chỉ ba tháng sau, **nhờ siêng năng, cần cù**, cậu vượt lên đầu lớp.
- Vì rét**, những cây lan trong chậu sắt lại.
- Tại Hoa** mà tổ không được khen.

Trạng ngữ là các từ được in đậm.

2. Điền từ **nhờ**, **vì** hoặc **tại vì** vào chỗ trống:

- Vì** học giỏi, Nam được cô giáo khen.
- Nhờ** bác lao công, sân trường lúc nào cũng sạch sẽ.
- Tại vì** mãi chơi, Tuấn không làm bài tập.

3. Đặt một câu có trạng ngữ chỉ nguyên nhân.

Đặt câu:

- **Tại lười học**, Nam bị điểm kém.
- **Vì mãi chơi**, Hải không làm bài.
- **Bởi vì gió to**, cây phượng già đã đổ.
- **Nhờ chăm chỉ**, Lan ngày càng học giỏi.

www.sachgiai.com

Tập làm văn Luyện tập xây dựng mở bài, kết bài trong bài văn miêu tả con vật

A. Mục tiêu bài học

Ôn lại kiến thức về đoạn mở bài và kết bài trong bài văn miêu tả con vật. Thực hành viết mở bài, kết bài.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

1. Đọc bài văn sau (*Chim công múa* - SGK trang 141, 142) và trả lời câu hỏi ở bên dưới:

a) Tìm đoạn mở bài và kết bài (trong bài văn *Chim công múa*)

– Đoạn mở bài:

Mùa xuân trăm hoa đua nở, ngàn lá khoe sức sống mơn mớn. Mùa xuân cũng là mùa công múa.

– Đoạn kết bài:

Quả không ngoa khi người ta ví chim công là những nghệ sĩ múa của rừng xanh.

b) Các đoạn trên giống những cách mở bài, kết bài nào mà em đã học?

– Đoạn mở bài trên theo kiểu *mở bài gián tiếp*.

– Đoạn kết bài trên theo kiểu *kết bài mở rộng*.

c) Em có thể chọn những câu nào trong bài văn đề:

– Mở bài theo cách trực tiếp:

Chọn câu: *Mùa xuân là mùa công mùa (bỏ từ "cũng").*

– Kết bài theo cách không mở rộng:

Chọn câu: *Chiếc ô màu sắc đẹp đến kì ảo xập xòe uốn lượn dưới ánh nắng xuân ấm áp.*

2. Viết đoạn mở bài cho bài văn tả con vật em vừa làm trong tiết tập làm văn trước theo cách mở bài gián tiếp.

Tham khảo các đoạn mở bài gián tiếp sau:

– Trong nhà, bà nội là người "cưng" tôi nhất. Mùa xuân nào khi nội về thăm đều mang cho tôi một món quà nho nhỏ. Năm nay, món quà tặng của nội rất lạ, đó chính là một chú gà trống Tàu rất đẹp.

– Nếu bạn đã từng say mê theo dõi những bộ phim nói về các chú chó thông minh, láu lỉnh bảo vệ chủ, săn bắt cướp... thì hẳn các bạn sẽ ngạc nhiên, thích thú khi nghe tôi kể về chú chó của nhà tôi.

3. Viết đoạn kết bài cho bài văn tả con vật em vừa làm trong tiết tập làm văn trước theo cách kết bài mở rộng.

Tham khảo các đoạn kết bài mở rộng sau:

– Tôi rất yêu chú gà, chú là người bạn thân thiết của tôi và là chiếc đồng hồ báo thức cho cả xóm tôi. Ngày hai lần, tôi cho chú ăn để chú khỏe và mau lớn.

– Cả nhà tôi đều rất yêu quý Mi-nô, nhờ có nó mà gia đình tôi không sợ bị mất trộm và có những giấc ngủ ngon. Mi-nô luôn trung thành và bảo vệ chủ. Để thưởng công, ba tôi đã cho Mi-nô đi học một lớp huấn luyện về nuôi dạy chó của trường nghiệp vụ thành phố.

Tập đọc

Vương quốc vắng nụ cười (tiếp theo)

A. Mục tiêu bài học

– Đọc diễn cảm bài văn. Biết phân biệt lời của các nhân vật (người dẫn truyện, nhà vua, cậu bé).

– Hiểu nội dung ý nghĩa của truyện (phần tiếp theo): *Tiếng cười đã làm thay đổi cuộc sống ở vương quốc, thoát khỏi nguy cơ tàn lụi. Câu chuyện nói lên sự cần thiết của tiếng cười đối với cuộc sống con người.*

B. Tìm hiểu nội dung

Bài văn **Vương quốc vắng nụ cười** (tiếp theo) chia làm ba đoạn:

– Đoạn 1 (Từ đầu đến “*Nói đi ta trọng thưởng*”): Cả triều đình đang háo hức muốn biết vì sao cậu bé lại cười.

– Đoạn 2 (Tiếp... đến “*đứt dải rút ạ*”): Cậu bé đang chỉ ra những chuyện buồn cười ở trong cung.

– Đoạn 3 (Đoạn còn lại): Tiếng cười đã làm thay đổi cuộc sống của quốc vương.

I. Hướng dẫn luyện đọc

– Đọc diễn cảm toàn bài với giọng vui, đầy bất ngờ, hào hứng. Lời của vua ngạc nhiên, tò mò. Lời cậu bé hóm hỉnh.

– Đọc đúng các từ: *háo hức, ngọt ngào, lau miệng, bụm miệng cười, vườn ngự uyển, lom khom,...*

– Đọc đúng đoạn văn sau:

*Triều đình được mẻ **cười vỡ bụng**.// Tiếng cười thật **đề lân**.// Ngày hôm đó, vương quốc nọ như có **phép màu** làm thay đổi.// Đến đâu cũng gặp những gương mặt **tươi tỉnh, rạng rỡ**.// Hoa **bắt đầu nở**.// Chim **bắt đầu hát**.// Còn những tia nắng mặt trời/ thì **nhảy múa** và sỏi đá cũng biết **reo vang** dưới những bánh xe.// Vương quốc u buồn đã **thoát khỏi** nguy cơ tàn lụi.//*

II. Tìm hiểu bài (Trả lời câu hỏi)

1. Cậu bé phát hiện ra những chuyện buồn cười ở đâu?

Cậu bé phát hiện ra những chuyện buồn cười ở xung quanh cậu:

– Nhà vua *quên lau miệng* bên mép vẫn dính một hạt cơm.

– Quan coi vườn ngự uyển trong túi căng phồng *một quả táo đang cắn dở*.

Ở chính cậu bé:

- Khi cậu bé bị quan thị vệ đuổi *cuống quá... nên đứt dải rút quần.*

2. Vì sao những chuyện ấy buồn cười?

Những chuyện ấy buồn cười vì đó là những chuyện bất ngờ và rất hài hước: Vua quên lau miệng nên bên mép vẫn còn dính một hạt cơm. Quan coi vườn đang cần dỡ một quả táo và còn giấu ở trong túi áo. Cậu bé thì đứng lom khom vì bị đứt dải rút quần.

3. Tiếng cười thay đổi cuộc sống ở vương quốc u buồn như thế nào?

Tiếng cười như có phép màu đã làm thay đổi cuộc sống ở vương quốc u buồn: những gương mặt tươi tỉnh, rạng rỡ, hoa nở, chim hót, tia nắng mặt trời nhảy múa, sỏi đá cũng biết reo vang. Vương quốc thoát khỏi nguy cơ tàn lụi.

4. Phân vai đọc lại toàn bộ câu chuyện *Vương quốc vắng nụ cười.*

(Học sinh phân vai và đọc).

Chính tả (Nhớ – viết)

Ngắm trăng - Không đề

A. Mục tiêu bài học

- Nhớ - viết hai bài thơ *Ngắm trăng* và *Không đề*.
- Làm đúng các bài tập có âm đầu và vần dễ lẫn: *tr/ch; iu/iêu*.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn nhớ - viết

- Học thuộc hai bài thơ ***Ngắm trăng*** và ***Không đề***, hiểu nội dung hai bài viết: *Ca ngợi tinh thần lạc quan, phong thái ung dung của Bác ở bất cứ mọi hoàn cảnh nào.*

- Viết đúng các từ ngữ: *Ngắm trăng, hững hờ, ngoài, nhòm* (trong bài ***Ngắm trăng***), *khách, chim ngàn, xách bọc, dất trẻ, vườn* (trong bài ***Không đề***).

Cách trình bày bài thơ:

- Bài *Ngắm trăng* viết thẳng hàng các chữ đầu dòng thơ và viết hoa.
- Bài *Không đề* dòng 6 chữ lùi vào 3 ô li, dòng 8 chữ lùi vào 1 ô.

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. Nhớ - viết: *Ngắm trăng; Không đề*

2. Tìm những tiếng có nghĩa ứng với các ô trống dưới đây:

a) Các ô trống đã được tìm tiếng có nghĩa ứng với mỗi ô:

	a	am	an	ang
tr	tra, tra cứu, tra hỏi, trá, trà, trà mi, trả, trả phép, trả thù, trả miếng, trả giá,...	tràm, trảm, trảm quyết, trám, trạm, trạm xá,...	tràn, tràn cung mây, tràn đường, tràn lan, tràn ngập, tràn trề, trán,...	trang sách, trang điểm, trang bị, trang hoàng, trang lúa, trang nghiêm, trang nhả, trang phục, trang sức, trang trải, trang trọng, tráng kiệt, tráng lệ, tráng miệng, tráng sĩ, tràng hạt, trạng nguyên, trạng thái,...
ch	cha, cha anh, cha chả, cha chủ sự, cha cố, cha đỡ đầu, cha nội, cha xứ, chà, chà đạp, chà xát, chả, chả chìa, chả lụa, chạ,...	chạm, chạm cốc, chạm mặt, chạm ngõ, chạm trán, chạm trổ, chạm nọc,...	chan, chan chứa, chan hòa, chán, chán chê, chán chường, chán ngắt, chán phèo, chạn,...	chang chang, chàng, chàng hăng, chàng hui, chàng làng, chàng ràng, chạng vạng,...

b) Các ô trống đã được tìm tiếng có nghĩa ứng với mỗi ô:

	d	ch	nh	th
iêu	diều, diều, diều bình, diệu, diệu kế, diệu vợi,...	chiêu, chiêu an, chiêu bài, chiêu binh, chiêu đãi, chiêu đề, chiêu hàng, chiêu hồn, chiêu mộ, chiêu sinh, chiếu, chiếu bóng, chiếu chỉ, chiếu cố, chiếu điện, chiếu thư, chiêu, chiều chuộng, chiều hướng, chiều tà, chiều ý,...	nhiều, nhiều khô, nhiều, nhiều chuyện, nhiều, nhiều hại, nhiều sự, khăn nhiều, nhiều sóng, ...	thieu, thieu đốt, thieu cháy, thieu thân, thieu quang, thieu, thieu não, thieu số, thieu, thieu điều, thieu hạt, thieu nhi, thieu niên, thieu phụ, thieu tá, thieu sinh quân, thieu sót, thieu gì, thieu thốn, thieu thời, thieu úy,...
iu	dìu, dìu dặt, dìu dịu, dịu, dịu dàng, dịu ngọt, dúi,...	chịu, chịu ăn, chịu chết, chịu đựng, chịu khó, chịu lời, chịu nhiệt, chịu tải, chịu tang,...	nhịu, nhịu mắt, nói nhịu,...	thiu, thiu ngủ,...

3. Thi tìm nhanh:

a) – Các từ láy trong đó tiếng nào cũng bắt đầu bằng âm **tr**: *trà trộn, trã trệt, tràn trụa, trắc trở, trặc trệu, trầm trồ, trăn trở, trần trọc, trắng trẻo, trắng trợn, trắng trối, trầm trồ, trầm trệ, trăn trăn, trăn trối, trắng tráo, trập trùng, trầy trät, trẻ trung, trầy trụa, trẽ tràng, trêu tráo,...*

– Các từ láy trong đó tiếng nào cũng bắt đầu bằng âm **ch**: *cha chả, cham chăm, chan chát, chán chê, chán chường, chang chang, chèo chèo, chèo chèo, chát chúa, chạy chọt, chắc chắn, chăm chỉ, chăm chú, chằng chịt, chậm chạp, chân chừ, chập cheng, chập choạng, chấp chới,...*

b) – Các từ láy trong đó tiếng nào cũng mang vần **iêu**: *liêu xiêu, liêu liêu, thiêu thiêu, liễu liễu, chiều chiều,...*

– Các từ láy trong đó tiếng nào cũng mang vần **iu**: *liu riu, liu tiu, diu diu, chiu chiu,...*

Luyện từ và câu Mở rộng vốn từ: **Lạc quan - Yêu đời**

A. Mục tiêu bài học

- Mở rộng hệ thống hóa vốn từ về tinh thần lạc quan yêu đời.
- Biết thêm một số tục ngữ, khuyên con người nên lạc quan, bền gan không nản chí trước khó khăn.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

1. Trong mỗi câu dưới đây (SGK trang 145) từ **lạc quan** được dùng với nghĩa nào?

Câu	Luôn tin tưởng ở tương lai tốt đẹp	Có triển vọng tốt đẹp
Tình hình đội tuyển rất lạc quan.		x
Chú ấy sống rất lạc quan.	x	
Lạc quan là liều thuốc bổ.	x	

2. Xếp các từ có tiếng **lạc** cho trong ngoặc đơn thành hai nhóm:

(*lạc quan, lạc hậu, lạc điệu, lạc đề, lạc thú*)

- a) Những từ trong đó **lạc** có nghĩa là "vui mừng": *lạc quan, lạc thú.*
- b) Những từ trong đó **lạc** có nghĩa là "rớt lại, sai": *lạc hậu, lạc điệu, lạc đề.*

3. Xếp các từ có tiếng **quan** cho trong ngoặc đơn thành ba nhóm:

(*lạc quan, quan quân, quan hệ, quan tâm*)

- a) Những từ trong đó **quan** có nghĩa là "quan lại": *quan quân.*

- b) Những từ trong đó **quan** có nghĩa là "nhìn xem": *lạc quan*.
 c) Những từ trong đó **quan** có nghĩa là "liên hệ, gắn bó": *quan hệ, quan tâm*.

4. Các câu tục ngữ sau khuyên người ta điều gì?

a) *Sông có khúc, người có lúc*.

- Lời khuyên: Lúc gặp khó khăn không nên nản chí, buồn phiền.

b) *Kiến tha lâu cũng đầy tổ*.

- Lời khuyên: Kiên trì và nhẫn nại ắt thành công.

Kể chuyện

Kể chuyện đã nghe, đã đọc

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng nói: Biết kể bằng lời của mình một câu chuyện đã nghe, đã đọc nói về tinh thần lạc quan, yêu đời.
- Rèn kĩ năng nghe: Nghe bạn kể biết nhận xét lời kể của bạn.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn kể chuyện)

Đề bài: *Kể một câu chuyện em đã được nghe hoặc được đọc về tinh thần lạc quan, yêu đời.*



Có những phút làm nên lịch sử
 Có cái chết hóa thành bất tử
 Có những lời hơn mọi bài ca
 Có con người như chân lí sinh ra...

Vâng! Con người như chân lí sinh ra chính là những người anh hùng đã hi sinh vì sự nghiệp tự do, độc lập của nước nhà. Câu chuyện mà tôi kể cho các bạn nghe nói về một người thợ điện Sài Gòn đã đặt bom giết tên bộ trưởng Mac-na-ma-ra.

Nguyễn Văn Trỗi sinh ra và lớn lên ở Quảng Nam. Ở tuổi đôi mươi anh vào Sài Gòn kiếm sống. Hàng ngày anh phải chứng kiến cảnh bọn lính Mĩ đi lại nghênh ngang trên đất Sài Gòn, ăn chơi phè phỡn trong các quán bar. Cảnh những người dân cực khổ chết chóc dưới làn bom rơi lửa đạn. Anh rất căm thù bọn chúng và anh đã tình nguyện tham gia vào một tổ chức cách mạng của học sinh, sinh viên miền Nam.

Hồi ấy, bộ trưởng Mac-na-ma-ra sang thăm Sài Gòn, anh Trỗi được giao nhiệm vụ đặt bom trên cầu Công Lý nhằm giết chết tên bộ trưởng quốc phòng này. Nhưng do sơ hở, quả bom không nổ, tên bộ trưởng

thoát nạn, anh bị bắt. Chúng như điên như dại tra tấn anh hết sức dã man. Trước khí tiết hiên ngang của anh, chẳng có dụng cụ tra tấn nào có thể khuất phục nổi, bọn chúng đã đưa anh ra tòa án và kết án tử hình.

Đúng ngày 15 tháng 10 năm 1964, bọn chúng đưa anh ra pháp trường tại nhà lao Chí Hòa. Với bộ quần áo trắng tinh khiết, anh hiên ngang bước ra trường bắn. Bọn giặc bịt mắt anh, anh giật phăng tấm vải đen che mắt. Cố đạo đòi rửa tội cho anh, anh thét lớn: "Tôi không có tội, người có tội chính là bọn đế quốc Mĩ và chính quyền tay sai miền Nam". Trước giây phút thiêng liêng, anh mở mắt nhìn bầu trời xanh cao rộng, anh hi vọng đất nước sẽ có một ngày giải phóng, bọn đế quốc Mĩ phải rút khỏi nước ta và cũng chính giờ khắc này anh đã gọi tên Bác đến ba lần:

- Hồ Chí Minh muôn năm!
- Hồ Chí Minh muôn năm!
- Hồ Chí Minh muôn năm!

Viên đạn của kẻ thù đã cắt ngang lời hô của anh. Anh hi sinh khi tuổi đời còn rất trẻ. Anh đã cống hiến cả đời mình cho sự nghiệp giải phóng đất nước. Tuy anh Trời đã mất đi, nhưng tên tuổi của anh mãi mãi ghi sâu trong tâm hồn của thế hệ trẻ Việt Nam. Nguyên noi gương anh, chúng tôi quyết học tập, và tu dưỡng đạo đức tốt để trở thành người có ích cho nước nhà.

Tập đọc

Chim chiến chiến

A. Mục tiêu bài học

- Đọc diễn cảm bài thơ với giọng hồn nhiên vui tươi.
- Hiểu nghĩa của các từ: *cao hoài, cao vợi, thì, lúa tròn bụng sữa.*
- Hiểu ý nghĩa bài thơ: *Hình ảnh con chim chiến chiến tự do bay lượn trên bầu trời cao rộng, trong khung cảnh thiên nhiên thanh bình là hình ảnh của cuộc sống ấm no hạnh phúc.*

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn luyện đọc

- Đọc diễn cảm toàn bài thơ với giọng nhẹ nhàng, vui tươi, nhấn mạnh vào những từ miêu tả tiếng hót của con chim trên bầu trời cao, thanh bình: *ngọt ngào, cao hoài, cao vợi, long lanh, sương chói, chan chứa,...*

– Đọc đúng các từ: *chiền chiện, bay vút, trời xanh, long lanh, tròn bụng sữa,...*

– Đọc đúng các khổ thơ sau:

Con chim chiền chiện/

***Bay** vút/ vút cao/*

***Lòng** đầy yêu mến/*

*Khúc hát **ngọt ngào**./*

*Cánh đập **trời xanh**/*

***Cao** hoài,/ cao vợi/*

*Tiếng hót **long lanh**./*

Như cành sương chói./

II. Tìm hiểu bài (Trả lời câu hỏi)

1. Con chim chiền chiện bay lượn giữa khung cảnh thiên nhiên như thế nào?

Chim chiền chiện bay lượn trên cánh đồng lúa giữa khung cảnh thiên nhiên với một không gian cao, rộng và thanh bình.

2. Những từ ngữ và chi tiết nào vẽ lên hình ảnh chim chiền chiện tự do bay lượn giữa không gian cao, rộng?

– Những chi tiết vẽ lên hình ảnh chim chiền chiện tự do bay lượn giữa không gian cao, rộng: *lúc thì sà xuống cánh đồng, lúc thì bay vút cao.*

– Những từ ngữ thể hiện hình ảnh chim chiền chiện tự do bay lượn giữa không gian cao, rộng: *Bay vút, vút cao/ Cao hoài, cao vợi/ Cánh đập trời xanh/ Chỉ còn tiếng hót/ Làm xanh da trời,...*

3. Hãy tìm những câu thơ nói về tiếng hót của chim chiền chiện.

Những câu thơ nói về tiếng hót của chim chiền chiện:

– Khổ thơ 1: *Khúc hát ngọt ngào.*

– Khổ thơ 2: *Tiếng hót long lanh / Như cành sương chói.*

– Khổ thơ 3: *Chim ơi, chim nói / Chuyện chi, chuyện chi?*

– Khổ thơ 4: *Tiếng ngọc trong veo / Chim gieo từng chuỗi.*

– Khổ thơ 5: *Đồng quê chan chứa / Những lời chim ca.*

– Khổ thơ 6: *Chỉ còn tiếng hót / Làm xanh da trời.*

4. Tiếng hót của chim chiền chiện gợi cho ta những cảm giác như thế nào?

– Tiếng hót của chim chiền chiện gợi cuộc sống ấm no, thanh bình.

– Tiếng hót của chim chiền chiện gợi cuộc sống tự do, hạnh phúc.

– Tiếng hót của chim chiền chiện gợi tình yêu quê hương, yêu cuộc sống, yêu mọi người hơn.

5. Học thuộc lòng bài thơ. (Học sinh học).

A. Mục tiêu bài học

Thực hành viết bài văn miêu tả con vật.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

Đề bài 1. Tả một con vật nuôi trong nhà.

Bài tham khảo

Tả con gà trống

Trong nhà, bà nội là người "cứng" tôi nhất. Mùa xuân nào khi nội về thăm đều mang cho tôi một món quà nho nhỏ. Năm nay món quà tặng của nội rất lạ, đó chính là một chú gà trống Tàu rất đẹp.

Tính đến nay chú gà của tôi đã gần một năm tuổi. Nhìn vẻ bên ngoài của chú, có ai ngờ chú nặng tới hai ki-lô-gam. Với dáng vẻ mập mạp, rắn rỏi, chú gà tinh nghịch của tôi luôn luôn làm "le" với mấy cô gà mái hàng xóm bằng cách cứ huênh hoang đi qua đi lại để khoe cái bộ mã bảnh trai của mình. Cái vẻ đom dáng của chú lại được tô điểm thêm bằng bộ lông đầy sức hấp dẫn với đủ màu sắc: nào đỏ nâu, nào xanh đen. Đối với các cô gà mái, chú như một ông vua vì mỗi lần tìm được giun là chú chia cho mấy cô gà mái tham ăn. Mà đã là vua thì phải có vương miện chứ? Cái vương miện ấy chính là cái mào đỏ chót được gắn trên đầu của chú. Để tìm giun và các loại côn trùng, chú cần một đôi mắt tinh nhanh, linh hoạt. Đôi mắt của chú tròn, đen láy, long lanh, ướt ướt như có chứa nước cứ đưa qua đưa lại. Mấy con giun chú bới lên chỉ cần mỗ một phát là tiêu đời. Phát mỗ ấy được thực hiện bởi một chiếc mỏ màu vàng, cứng, cực kì sắc bén. Tai của nhỏ, nằm úp sau lớp lông dày. Lông cổ của chú có màu đỏ tía, óng mượt. Mỗi khi giận dữ hoặc muốn ra oai với đồng loại chú vươn cao cổ, ưỡn cái ức đầy thịt ra đằng trước ngạo nghễ và thị uy. Đôi cánh của chú mạnh mẽ, mỗi khi xòe ra trông như hai cái quạt màu ngũ sắc. Khi xếp lại, đôi cánh úp vào hai bên sườn trông gọn và đẹp mắt. Cái đuôi của chú mới đẹp làm sao! Chùm lông dài thượt đủ màu sắc cong vồng lên giống như một chiếc lược hái càng tạo cho chú vẻ oai phong lẫm liệt. Để bới đất tìm giun, bộ phận quan trọng nhất là móng chân. Móng chân chú nhọn hoắt nên khi bới đất là đất đua nhau bắn lên tung tóe. Lâu lâu mấy con gà trống khác muốn gây sự, chú không hề ngần ngại mà đưa ngay chiếc cựa sắc nhọn ra "chiến đấu" với chúng.

Sáng nào chú cũng nhảy tót lên đồng rơm trước nhà để gáy. Chú vươn cổ, vỗ cánh phành phạch rồi cất tiếng gáy thật to: "ò... ó... o...o!". Tiếng gáy của chú vang xa đánh thức mọi người cùng dậy.

Em rất thích chú gà trống Tàu này. Chú là chiếc đồng hồ báo thức cho cả xóm em. Ngày hai lần, em cho chú ăn để chú khỏe mạnh và mau lớn.

Đề bài 2. Tả một con vật nuôi ở vườn thú.

Bài tham khảo

Tả con thỏ

Hôm nay ngày chủ nhật, mẹ đưa em và bé Bi vào Sở thú chơi. Từ xa em đã nhìn thấy một tấm biển treo cao, trên đó có hàng chữ: "NƠI Ở CỦA CÁC CHÚ THỎ CON", em và bé Bi dắt tay chạy vội đến xem.

Đây là vương quốc của các loài thỏ, có rất nhiều loài thỏ khác nhau, con thì tai rất dài, có con tai lại ngắn. Có con màu nâu lại có con màu trắng, màu vàng, rồi đốm trắng, đốm đen... Nhưng em thích nhất là chú thỏ có bộ lông trắng nõn như bông. Cái mõm của chú nhón nhón luôn động đậy. Cái mũi đỏ lúc nào cũng ươn ướt, luôn luôn hít hít, thở thở. Bộ ria mọc ở hai bên mép cũng trắng như cước. Đôi mắt đỏ tròn xoe như hai hòn bi trông rất hiền, rất khôn. Hai tai nó to như hai cái lá doi lúc nào cũng vểnh lên. Thầy giáo em bảo: "Thỏ là giống vật nghe rất tinh, rất xa". Có một điều đặc biệt là khi muốn bắt thỏ chỉ cần cầm hai tai xách bổng lên là nó co cả mình và bốn chân lại. Làm như thế rất dễ xem thỏ béo hay gầy.

Chú thỏ trắng này có vẻ bạo dạn lắm. Người chăm sóc vườn thú vừa mới tung bó rau vào là chú đã sà ngay vào ăn. Vừa ăn vừa tròn xoe đôi mắt nhìn mọi người. Những sợi ria mép vểnh lên, cụp xuống theo nhịp thỏ ăn trông rất nghịch. Hai tai động đậy như lắng nghe những tiếng động ở mọi nơi. Một mẩu đuôi ngắn tí tẹo luôn ngo ngoe.

Mãi đứng ngắm bên chuồng thỏ, em không nghe thấy tiếng mẹ gọi. Đến khi một bàn tay đập nhẹ vào vai, em giật mình, hóa ra mọi người đang chuẩn bị đi xem các con thú khác.

Ra về, hình ảnh của các chú thỏ con xinh đẹp, đáng yêu vẫn lộn vộn ở trong tâm trí em. Em sẽ nói với mẹ cho em nuôi một chú thỏ xinh đẹp như chú thỏ ở trong Sở thú.

Đề bài 3: Tả một con vật em chợt gặp trên đường.

Bài tham khảo

Tả con vịt

Lâu lắm rồi em mới có dịp về Củ Chi chơi. Nơi đó là quê ngoại của em. Bên con đường làng, có một cái đầm rộng trong đó là lũ vịt bầu đang lặn ngụp, bơi lội tung tăng kiếm mồi.

Chẳng biết bầy vịt này là của ai, trông chúng mập mạp, rất đáng yêu. Con nào con ấy lông trắng toát. Riêng một chú vịt hình như đã ăn no đứng rĩa lông, rĩa cánh ở trên bờ. Cái mỏ của chú vàng nhạt, dẹp và dài luôn hếch qua hếch lại. Cái đầu xinh xinh, phía trên có một chóp lông dựng đứng trông giống như chiếc mũ lông công của người da đỏ. Đôi mắt nhỏ chỉ bằng hạt cườm đen nhánh, lúc nào cũng lóng lánh đưa qua đưa lại như có nước.

Sau một hồi rĩa lông, chú lạch bạch đi lại trên bờ, đuôi chú ngúc ngoắc trông thật buồn cười. Hai chân chú ngắn ngủn. Bàn chân màu vàng có màng để bơi.

Chợt mắt chú sáng rực lên, hình như chú đã phát hiện một con cá đang bơi dưới nước. Chú lật đật sà xuống đầm, đôi chân bơi nhanh, đẩy thân mình lướt trên mặt nước và cặp ngay chú cá con vào mỏ. Tội nghiệp con cá đang quẫy đành đạch. Sau đó chú xốc xốc mấy cái rồi nuốt chửng chú cá con vào bụng.

Ở trên bờ, chú đi lại rất chậm chạp thế nhưng khi xuống nước chú bơi rất nhanh giống như một chiếc thuyền lướt trên mặt nước. Thỉnh thoảng chú lại chống ngược đuôi lên trời, đầu cắm xuống nước để bắt mồi. Khi ăn no, chú vươn mình vỗ đôi cánh phành phạch, miệng kêu "cạc... cạc".

Vịt là loài gia cầm dễ nuôi, đẻ nhiều và cũng là một tay bơi lội cừ tài.

Luyện từ và câu Thêm trạng ngữ chỉ mục đích cho câu

A. Mục tiêu bài học

- Hiểu tác dụng của trạng ngữ chỉ mục đích.
- Nhận biết và thêm trạng ngữ chỉ mục đích cho câu.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

I. Nhận xét

1. Trạng ngữ được in nghiêng trong mẫu chuyện dưới đây (*Con cáo và chùm nho* – SGK trang 150) trả lời câu hỏi gì?

Trạng ngữ: *Để dẹp nổi bức mình* trả lời cho câu hỏi **Để làm gì?**

2. Loại trạng ngữ trên bổ sung cho câu ý nghĩa gì?

Loại trạng ngữ trên bổ sung ý nghĩa mục đích cho câu.

II. Ghi nhớ (Đọc SGK).

III. Luyện tập

1. Tìm trạng ngữ chỉ mục đích trong những câu sau:

a) **Để tiêm phòng dịch cho trẻ em**, tỉnh đã cử nhiều đội y tế về bản.

b) **Vì Tổ quốc**, thiếu niên sẵn sàng!

c) **Nhằm giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh**, các trường đã tổ chức nhiều hoạt động thiết thực.

Trạng ngữ chỉ mục đích là các từ được in đậm.

2. Tìm các trạng ngữ thích hợp chỉ mục đích để điền vào chỗ trống:

a) *Để lấy nước tưới cho đồng ruộng*, xã em vừa đào một con mương.

b) *Vì tương lai của Tổ quốc*, chúng em quyết tâm học tập và rèn luyện thật tốt.

c) *Để có sức khỏe tốt*, em phải **năng tập thể dục**.

3. Thêm chủ ngữ, vị ngữ vào chỗ trống để có các câu hoàn chỉnh (SGK trang 151):

a) (...). *Để mài cho răng mòn đi*, **chuột thường gặm các vật cứng**.

Chủ ngữ: *chuột*; vị ngữ: *thường gặm các vật cứng*

b) (...). *Để tìm thức ăn*, **chúng dùng cái mũi và mồm đặc biệt đó để dũi đất**. (...).

Chủ ngữ: *chúng*; vị ngữ: *dùng cái mũi và mồm đặc biệt đó để dũi đất*.

Tập làm văn

Điền vào giấy tờ in sẵn

A. Mục tiêu bài học

- Hiểu các yêu cầu trong thư chuyển tiền.
- Biết điền nội dung cần thiết vào một mẫu thư chuyển tiền.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

1. Em cùng mẹ ra bưu điện gửi tiền về quê biếu bà. Hãy giúp mẹ điền những điều cần thiết vào mẫu *Thư chuyển tiền* dưới đây.

* Tham khảo cách điền sau:

Tập đọc

Tiếng cười là liều thuốc bổ

A. Mục tiêu bài học

Đọc lưu loát, rõ ràng toàn bài. Hiểu được nội dung bài báo muốn nói: *Tiếng cười làm cho con người hạnh phúc, sống lâu. Con người phải có ý thức tạo ra xung quanh mình cuộc sống vui vẻ, đầy ắp tiếng cười.*

B. Tìm hiểu nội dung

Bài báo ***Tiếng cười là liều thuốc bổ*** có cấu tạo gồm ba đoạn:

- Đoạn 1 (Từ đầu đến “*mỗi ngày cười 400 lần*”): Tiếng cười làm cho con người khác động vật.
- Đoạn 2 (Tiếp... đến “*làm hẹp mạch máu*”): Tiếng cười là liều thuốc bổ.
- Đoạn 3 (Đoạn còn lại): Người có tính hài hước sẽ sống lâu hơn.

I. Hướng dẫn luyện đọc

- Đọc rõ ràng, rành mạch một văn bản phổ biến khoa học, nhấn giọng ở những từ ngữ nói về tác dụng của tiếng cười.
- Đọc đúng các từ ngữ: *biết cười, thư giãn, thoải mái, sảng khoái, thỏa mãn, nổi giận...* Đọc đúng đoạn văn sau:

Tiếng cười là liều thuốc bổ// Bởi vậy khi cười,/ tốc độ thở của con người lên đến 100 ki-lô-mét một giờ,/ các cơ mặt được thư giãn thoải mái/ và não, thì tiết ra một chất làm người ta có cảm giác sảng khoái,/ thỏa mãn.// Ngược lại,/ khi người ta ở trong trạng thái nổi giận hoặc căm thù,/ cơ thể sẽ tiết ra một chất làm hẹp mạch máu.//

II. Tìm hiểu bài (Trả lời câu hỏi)

1. Phân tích cấu tạo của bài báo trên (***Tiếng cười là liều thuốc bổ*** – SGK trang 153). Nêu ý chính của từng đoạn văn.

(Xem phần B. Tìm hiểu nội dung).

2. Vì sao nói tiếng cười là liều thuốc bổ?

Tiếng cười là liều thuốc bổ vì khi cười tốc độ thở của con người tăng lên đến 100 ki-lô-mét một giờ, các cơ mặt được thư giãn, não tiết ra một chất làm người ta có cảm giác sảng khoái, thỏa mãn.

3. Người ta tạo ra tiếng cười cho bệnh nhân để làm gì?

Người ta tạo ra tiếng cười cho bệnh nhân để rút ngắn thời gian điều trị, tiết kiệm tiền cho bệnh nhân và nhà nước.

4. Em rút ra được điều gì qua bài văn này? Hãy chọn ý đúng nhất (SGK trang 154).

Ý đúng nhất là ý b) Cần biết sống một cách vui vẻ.

A. Mục tiêu bài học

- Nghe - viết đúng chính tả bài *Nói ngược*.
- Làm đúng các bài tập có âm đầu và dấu thanh dễ lẫn: *r/d/gi*; *dấu hỏi / dấu ngã*.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn nghe - viết

- Đọc lại bài *Nói ngược* trong SGK trang 154, hiểu nội dung bài viết: *Bài thơ nói ra những chuyện phi lí, ngược đời, không thể nào xảy ra nên gây cười.*
- Viết đúng các từ ngữ: *liếm lông, nậm rượu, lao đao, trúm, đổ, vô, điều hâu...* Cách viết thơ lục bát:
 - Dòng 6 chữ lùi vào 3 ô li so với lề.
 - Dòng 8 chữ lùi vào 1 ô li so với lề.

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. Nghe - viết: Nói ngược

2. Chọn những chữ viết đúng chính tả trong ngoặc đơn để hoàn chỉnh đoạn văn sau:

Vì sao ta cười khi bị người khác cù?

Để **giải** đáp câu hỏi này, một nhà nghiên cứu ở Đại Học Luân Đôn, nước Anh, đã cho người máy cù 16 người tham **gia** thí nghiệm và **dùng** một thiết bị theo **dõi** phản ứng trong bộ **não** của từng người. Kết **quả** cho thấy bộ **não** phân biệt rất chính xác cái cù lạ với cái cù quen. Khi một người tự cù thì bộ **não** sẽ làm cho người đó mất vui bằng cách báo trước thứ tự động tác cù. Còn khi bị người khác cù, do không **thể** đoán trước thứ tự của hoạt động, ta sẽ bị bất ngờ và bật lên tiếng cười như là phản ứng tự vệ.

Luyện từ và câu Mở rộng vốn từ: Lạc quan - Yêu đời

A. Mục tiêu bài học

Tiếp tục mở rộng, hệ thống hóa vốn từ về chủ điểm *Lạc quan, yêu đời*. Biết đặt câu với những từ đó.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

1. Sau đây là một số từ phức chứa tiếng vui: vui chơi, vui lòng, góp vui, vui mừng, vui nhận, vui sướng, vui thích, vui thú, vui tính, mua vui, vui tươi, vui vẻ, vui vui. Hãy xếp các từ ấy vào 4 nhóm sau:

a) Từ chỉ hoạt động: *vui chơi, góp vui, mua vui.*

- b) Từ chỉ cảm giác: *vui thích, vui mừng, vui sướng, vui lòng, vui thú, vui vui.*
- c) Từ chỉ tính tình: *vui tính, vui nhộn, vui tươi.*
- d) Từ vừa chỉ tính tình, vừa chỉ cảm giác: *vui vẻ.*

2. Từ mỗi nhóm trên, chọn ra một từ và đặt câu với từ đó.

- Các bạn học sinh đang *vui chơi* trên sân trường. (chỉ hoạt động)
- Cả nhà *vui mừng* đón cậu con trai mới ở nước ngoài về. (chỉ cảm giác)
- Tính tình của anh ấy rất *vui nhộn*. (chỉ tính tình)
- Cả nhà vừa xem ti-vi vừa nói chuyện thật *vui vẻ*. (chỉ cảm giác)

3. Thi tìm các từ miêu tả tiếng cười và đặt câu với mỗi từ.

Các từ miêu tả tiếng cười	Đặt câu
<i>Cười ha ha</i>	Nó khoái chí <i>cười ha ha</i> .
<i>Cười khanh khách</i>	Tiếng <i>cười khanh khách</i> của nó giòn tan.
<i>Cười rúc rích</i>	Mấy cô gái <i>cười rúc rích</i> , có vẻ thích lắm.
<i>Cười hì hì</i>	Nó <i>cười hì hì</i> trông thật dễ thương.
<i>Cười hí hí</i>	Trong lớp học bỗng phát ra một tiếng <i>cười hí hí</i> .
<i>Cười khúc khích</i>	Mấy đứa con gái ngồi nói chuyện <i>cười khúc khích</i> .
<i>Cười hô hô</i>	Nó có tiếng <i>cười hô hô</i> nghe thật là ghét.
<i>Cười hơ hớ</i>	Tiếng <i>cười hơ hớ</i> nghe thật vô duyên.
...	...

Kể chuyện Kể chuyện được chứng kiến hoặc tham gia

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng nói: Biết kể một câu chuyện về một người vui tính.
- Rèn kĩ năng nghe: Nghe bạn kể biết nhận xét lời kể của bạn.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn kể chuyện)

Đề bài: *Kể chuyện về một người vui tính mà em biết.*

Bài tham khảo

Ở gần nhà tôi có ông Nam là người rất vui tính.

Năm nay ông Nam đã ngoài sáu mươi tuổi, tuy ông đã về hưu nhưng ông vẫn còn hăng hái với công việc vì thế ủy ban phường đã mời ông ra làm việc với cương vị là phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường.

Một lần mẹ đưa tôi lên phường để nộp giấy sinh hoạt hè cho chị phụ trách Đội. Tình cờ tôi nhìn thấy ông Nam đang vui vẻ giải quyết về việc hai căn hộ tranh chấp nhau về đất đai. Nhìn cách nói và vẻ mặt

"khôi hài" cùng với tính chất nghiêm túc của công việc, tôi vô cùng ngạc nhiên trước sự giải quyết của ông. Với cách nói dí dỏm và thấu tình đạt lý của ông, cả hai gia đình đã bắt tay nhau hòa giải. Ông Nam là người rất vui tính, đặc biệt ai nghe thấy tiếng cười của ông đều cảm thấy vui lây. Ông thường bảo mọi người: "Sống phải vui, phải hay cười thì mới sống lâu được. Một tiếng cười bằng mười viên thuốc bổ đấy!"

Tối về, ông thường bảo tôi sang nhà ông cùng với mấy đứa cháu của ông học đánh đàn. Trước đây khi còn trẻ, ông là tay đàn ghi ta cừ khôi của nhạc viện thành phố. Tiếng đàn của ông trong trẻo, réo rắt, len lỏi vào tâm hồn con người, khiến người ta quên hết mệt mỏi, thêm yêu cuộc sống.

Cả phường tôi đều rất yêu quý ông Nam. Hễ gia đình nào có mâu thuẫn, ông đều tìm đến hòa giải. Ông còn làm cho mọi người trong gia đình cười một phen "bể bụng" vì những câu chuyện khôi hài của ông.

Riêng tôi, tôi rất kính trọng ông Nam. Tuy già nhưng ông rất vui tính, ông đã làm cho những người dân ở phường tôi thêm yêu thương nhau hơn và đặc biệt ở mọi nơi lúc nào cũng có những tiếng cười vui vẻ.

Tập đọc

Ăn "mâm đá"

A. Mục tiêu bài học

– Đọc diễn cảm bài văn: Biết phân biệt lời các nhân vật trong truyện (người dẫn truyện, Trạng Quỳnh, chúa Trịnh).

– Hiểu nội dung câu chuyện: *Ca ngợi Trạng Quỳnh thông minh vừa biết cách làm cho chúa ăn ngon miệng vừa khéo răn chúa: No thì chẳng có gì vừa miệng đâu ạ.*

B. Tìm hiểu nội dung

Bài văn **Ăn "mâm đá"** chia làm bốn đoạn:

- Đoạn 1 (Từ đầu đến "*bênh vực dân lành*"): Giới thiệu về Trạng Quỳnh.
- Đoạn 2 (Tiếp... đến "*hai chữ đại phong*"): Câu chuyện giữa chúa Trịnh và Trạng Quỳnh.
- Đoạn 3 (Tiếp... đến "*không thì khó tiêu*"): Chúa đói.
- Đoạn 4 (Đoạn còn lại): Bài học dành cho chúa.

I. Hướng dẫn luyện đọc

– Đọc diễn cảm bài văn với giọng hóm hỉnh, vui. Phân biệt lời các nhân vật trong truyện: Giọng Trạng Quỳnh lúc đầu lễ phép, câu cuối đọc với hàm ý răn đe. Giọng chúa Trịnh lúc đầu phàn nàn, sau háo hức rồi ngạc nhiên, vui vẻ vì được ăn ngon.

– Đọc đúng đoạn văn sau:

Thấy chiếc lọ đề hai chữ "đại phong",/ chúa lấy làm lạ,/ bèn hỏi://

- Mắm "đại phong" là mắm gì mà ngon thế?//

*- Bẩm,/ là **tương** ạ!!!*

- Vậy người đề hai chữ "đại phong" là nghĩa làm sao?//

*- Bẩm,/ "đại phong" là **gió lớn**.// Gió lớn thì **đổ chùa**,/ đổ chùa thì **tượng lo**,/ tượng lo là **lọ tương** ạ.//*

*Chúa **bật cười**://*

*- Lâu nay ta không ăn,/ **quên** cả vị.// Sao tương **ngon thế**?//*

*- Bẩm chúa,/ lúc **đói** ăn **cơm muối** cũng ngon,/ **no** thì **chẳng** có gì **vừa** miệng đâu ạ.//*

II. Tìm hiểu bài (Trả lời câu hỏi)

1. Vì sao chúa Trịnh muốn ăn món "mắm đá"?

Vì chúa Trịnh ăn gì cũng không thấy ngon miệng. Nghe Trạng Quỳnh nói món "mắm đá" là món ăn lạ nên chúa rất muốn ăn.

2. Trạng Quỳnh chuẩn bị món ăn cho chúa như thế nào?

Trạng Quỳnh cho người đi lấy đá đem về ninh, còn mình thì về nhà kiếm một lọ tương thật ngon đem giấu trong phủ chúa và bên ngoài đề hai chữ "đại phong". Trạng bắt chúa phải chờ cho đến lúc đói mềm cả người.

3. Cuối cùng chúa có ăn được món "mắm đá" không? Vì sao?

Cuối cùng chúa cũng không được ăn món "mắm đá" vì làm gì có cái món "mắm đá", đó là do Trạng Quỳnh "bịa" ra.

4. Vì sao chúa ăn tương vẫn thấy ngon miệng?

Chúa ăn tương vẫn thấy ngon miệng vì lúc này chúa đã đói đến là người mà đói thì ăn gì chả ngon.

5. Em có nhận xét gì về nhân vật Trạng Quỳnh?

– Trạng Quỳnh là người hóm hỉnh, thông minh.

– Trạng Quỳnh đã dạy cho chúa bài học: "No thì chẳng có gì vừa miệng".

Tập làm văn

Trả bài văn miêu tả con vật

A. Mục tiêu bài học

– Nhận ra được những thành công và lỗi của mình.

– Biết sửa lỗi chung về bố cục, về ý, cách dùng từ, đặt câu, lỗi chính tả.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn chữa bài)

– Tự sửa chữa bài của mình theo nhận xét của thầy cô giáo.

– Tham khảo các bài văn hay của các bạn trong lớp để học tập.

Luyện từ và câu Thêm trạng ngữ chỉ phương tiện cho câu

A. Mục tiêu bài học

- Hiểu tác dụng của các trạng ngữ chỉ phương tiện cho câu.
- Nhận biết và biết thêm trạng ngữ chỉ phương tiện cho câu.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

I. Nhận xét

1. Những trạng ngữ được in nghiêng trong các câu sau (SGK trang 160) trả lời câu hỏi gì?

a) *Bằng món "mâm đá" độc đáo*, Trạng Quỳnh đã giúp chúa Trịnh hiểu vì sao chúa thường ăn không ngon miệng.

- Trạng ngữ: *Bằng món "mâm đá" độc đáo* trả lời cho câu hỏi:

Bằng cái gì, Trạng Quỳnh giúp chúa Trịnh hiểu được vì sao chúa thường ăn không ngon miệng?

b) *Với một chiếc khăn bình dị*, nhà ảo thuật đã tạo nên những tiết mục rất đặc sắc.

- Trạng ngữ: *Với một chiếc khăn bình dị* trả lời cho câu hỏi:

Với cái gì, nhà ảo thuật đã tạo nên những tiết mục rất đặc sắc?

2. Loại trạng ngữ trên bổ sung ý nghĩa gì cho câu?

Loại trạng ngữ trên bổ sung ý nghĩa phương tiện cho câu.

II. Ghi nhớ (Đọc SGK).

III. Luyện tập

1. Tìm trạng ngữ chỉ phương tiện trong các câu sau:

a) *Bằng một giọng thân tình*, thầy khuyên chúng em gắng học bài, làm bài đầy đủ.

(Trạng ngữ chỉ phương tiện: *Bằng một giọng thân tình*)

b) *Với óc quan sát tinh tế và đôi bàn tay khéo léo*, người họa sĩ dân gian đã sáng tạo nên những bức tranh làng Hồ nổi tiếng.

(Trạng ngữ chỉ phương tiện: *Với óc quan sát tinh tế và đôi bàn tay khéo léo*)

2. Viết một đoạn văn ngắn tả con vật mà em yêu thích, trong đó có ít nhất một câu có trạng ngữ chỉ phương tiện.

Đoạn văn tham khảo

Hôm nào cũng vậy, chị gà mái đưa con đi kiếm ăn ở khắp vườn. ***Bằng đôi chân chắc khỏe***, chị bới tung đồng lá khô tìm mồi. Khi tìm

thấy giun hay con mối nào, chị lại liên hồi "tục! tục!" gọi con đến. Lũ con tham ăn lẫn xả vào tranh nhau đớp mối rồi lại chạy lung tung mỗi đứa mỗi nơi, miệng kêu "chíp, chíp".

Bỗng chị gà mái kêu lên hoảng hốt, hình như chị vừa phát hiện một con chim dữ đang bay ở trên trời. **Với đôi cánh dài rộng**, chị xòe ra để lũ con chui vào ẩn nấp; lông cổ chị xù lên dựng đứng, cổ rướn về phía trước chuẩn bị tấn công kẻ thù. Trông chị lúc này thật dữ tợn và gan dạ. Vì con, chị có thể hi sinh cả tính mạng của mình.

Tập làm văn

Điền vào giấy tờ in sẵn

A. Mục tiêu bài học

Hiểu các yêu cầu trong *Điện chuyển tiền, Giấy đặt mua báo chí trong nước*.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

1. Mẹ muốn gửi gấp về quê một số tiền để ông bà sửa bếp. Em hãy giúp mẹ điền những điều cần thiết vào bức điện chuyển tiền dưới đây.

* Tham khảo cách điền sau:

N3 VNPT Bưu cục phát hành	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc ----- ĐIỆN CHUYỂN TIỀN ĐI	Chú dẫn chuyển: Số liên tục chuyển:..... Chuyển đi:..... Ngày, giờ:..... Điện báo viên:.....
Mào đầu Từ..... Số..... Tiếng..... Ngày..... Giờ..... Dịch vụ đặc biệt: Điện chuyển tiền số: ĐCT..... Phần khách hàng viết: Họ tên người gửi: Hồ Thành Long Địa chỉ (cần chuyển đi thì ghi): 52 Tôn Đức, phường 7, quận4 , TP. HCM. Số tiền gửi: 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) (Bằng số trước và bằng chữ sau) Họ và tên người nhận: Trần Mỹ Hạnh Địa chỉ: 145 Âu Cơ, phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội. Bưu điện tính trả tiền: Tin tức kèm theo (nếu có):		
Chữ kí kiểm soát	Ô dành cho việc sửa chữa	TP.HCM, ngày 5 tháng 5 năm 2015 Giao dịch viên (Kí tên và đóng dấu)

2. Hãy điền những điều cần thiết vào giấy đặt mua báo chí dưới đây.

* Tham khảo cách điền sau:

PH. 19a		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM					
TỔNG CÔNG TI BCVT		Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc					
VIỆT NAM							
Giấy đặt mua báo chí trong nước							
					Số:.....		
Tên độc giả: Hồ Thị Vân Anh					<table><tr><td>(1)</td><td>(2)</td></tr></table>	(1)	(2)
(1)	(2)						
Địa chỉ: 175 Nguyễn Huệ, quận 1, TPHCM							
Đặt mua các loại báo chí dưới đây:							
TÊN BÁO CHÍ	Thời hạn		Số lượng (1 kì)	Giá tiền 1 tháng, (3) tháng	Thành tiền		
	Từ tháng	Đến tháng					
Nhi đồng	1 – 2014	1 – 2015	4	10.000đ	64.000đ		
Hoa học trò	1 – 2014	1 – 2015	4	18.000đ	72.000đ		
Thiếu niên tiền phong	1 – 2014	1 – 2015	4	13.000đ	52.000đ		
Mực tím	1 – 2014	1 – 2015	4	15.000đ	60.000đ		
				Cộng:	248.000đ		
Thành tiền (viết bằng chữ): Hai trăm bốn mươi tám ngàn đồng.							
Nhận đặt mua		Kế toán trưởng		Ngày 30 tháng 12 năm 2013			
bì số...../Q		Kí tên		Thủ trưởng			
Kí tên				đơn vị đặt mua			
(Kí tên và đóng dấu)							
(1) Đề nghị vào sổ PH.1							
(2) Chữ kí của kiểm soát viên							
(3) Nếu giá bình quân có số lẻ thì ghi theo dạng phân số hoặc bỏ trắng không ghi.							

TUẦN 35

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II

Tiết 1

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng.

Yêu cầu đọc thành tiếng, đọc lưu loát, trôi chảy các bài tập đọc từ tuần 19 đến tuần 34 của lớp 4. Phát âm rõ, tốc độ đọc tối thiểu 120 chữ / phút, biết ngừng nghỉ sau dấu câu, giữa các cụm từ, biết đọc diễn cảm thể hiện đúng nội dung văn bản nghệ thuật.

2. Lập bảng thống kê các bài tập đọc trong chủ điểm *Khám phá thế giới* (hoặc *Tình yêu cuộc sống*). Nội dung trình bày: - Tên bài - Tác giả - Thể loại (văn xuôi, thơ, kịch) - Nội dung chính.

Trình bày như sau:

Khám phá thế giới

TT	Tên bài	Tác giả	Thể loại	Nội dung chính
1	Đường đi Sa Pa	Nguyễn Phan Hách	Văn xuôi	Ca ngợi cảnh đẹp Sa Pa thể hiện tình cảm yêu đất nước.
2	Trăng ơi... từ đâu đến?	Trần Đăng Khoa	Thơ	Thể hiện tình yêu đối với trăng, với quê hương, đất nước.
3	Hơn một nghìn ngày vòng quanh trái đất	Hồ Diệu Tân, Đỗ Thái	Văn xuôi	Ca ngợi Ma-gien-lăng cùng đoàn thủy thủ đã dũng cảm trong chuyến thám hiểm vòng quanh trái đất, khẳng định trái đất hình cầu. Phát hiện Thái Bình Dương và nhiều vùng đất mới.
4	Dòng sông mặc áo	Nguyễn Trọng Tạo	Thơ	Ca ngợi dòng sông đẹp và duyên dáng, luôn đổi sắc màu trong một ngày
5	Ăng-co Vát	Sách: <i>Những kì quan thế giới</i>	Văn xuôi	Ca ngợi vẻ đẹp của khu đền Ăng-co Vát ở Cam-pu-chia
6	Con chuồn chuồn nước	Nguyễn Thế Hội	Văn xuôi	Tả vẻ đẹp của con chuồn chuồn nước, thể hiện tình yêu đối với quê hương.

Tình yêu cuộc sống

TT	Tên bài	Tác giả	Thể loại	Nội dung chính
1	Vương quốc vắng nụ cười (Phần 1)	Trần Đức Tiến	Văn xuôi	Một vương quốc vắng tiếng cười, buồn chán, có nguy cơ tàn lụi
2	- Ngắm trăng - Không đề	Hồ Chí Minh	Thơ	Ca ngợi tinh thần lạc quan, yêu đời của Bác dù ở bất cứ hoàn cảnh nào.
3	Vương quốc vắng nụ cười (phần 2)	Trần Đức Tiến	Văn xuôi	Nhờ chú bé mà cả nhà vua và vương quốc biết cười, thoát khỏi cảnh buồn chán và nguy cơ tàn lụi.
4	Con chim chiến chiến	Huy Cận	Thơ	Hình ảnh con chim chiến chiến bay giữa bầu trời xanh, tự do ca hát là hình ảnh của cuộc sống ấm no hạnh phúc, gieo vào lòng người cảm giác yêu đời, yêu cuộc sống.
5	Tiếng cười là liều thuốc bổ	Báo Giáo dục và Thời đại	Văn xuôi	Tiếng cười, tính hài hước làm con người khỏe mạnh sống lâu.
6	Ăn "mắm đá"	Truyện dân gian Việt Nam	Văn xuôi	Ca ngợi sự thông minh của Trạng Quỳnh biết cách làm cho chúa ăn ngon vừa khéo răn chúa.

Tiết 2

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng (xem câu 1 ở tiết 1).
2. Lập bảng thống kê các từ đã học ở tiết Mở rộng vốn từ trong chủ điểm **Khám phá thế giới (hoặc Tình yêu cuộc sống)**.

* Tham khảo cách làm dưới đây:

Khám phá thế giới

Hoạt động du lịch	Thống kê từ
Đồ dùng cần cho chuyến du lịch	<i>ba lô, va li, lều, trại, quần áo thể thao, quần áo bơi, phao, cần câu, thiết bị nghe nhạc, điện thoại di động, thức ăn, nước uống,...</i>
Phương tiện giao thông	<i>xe đạp, xe máy, ô tô, tàu thủy, tàu hỏa, máy bay, vé tàu, vé xe,...</i>
Tổ chức nhân viên phục vụ, du lịch	<i>khách sạn, nhà nghỉ, nhà trọ, hướng dẫn viên, tuyến du lịch, tua du lịch,...</i>
Địa điểm tham quan, du lịch	<i>núi, biển, sông, hồ, thác, đền, chùa, di tích lịch sử, bảo tàng, phố cổ, nhà lưu niệm,...</i>
Những câu tục ngữ	<i>– Đi một ngày đàng học một sàng khôn.</i> <i>– Đi cho biết đó biết đây</i> <i>Ở nhà với mẹ biết ngày nào khôn.</i>

Tình yêu cuộc sống

Những từ có tiếng <i>lạc</i> ; (<i>lạc</i> có nghĩa là vui, mừng)	<i>lạc quan, lạc thú.</i>
Những từ phức chứa tiếng <i>vui</i>	<i>vui chơi, giúp vui, mua vui, vui thích, vui mừng, vui sướng, vui lòng, vui thú, vui vui, vui tính, vui nhộn, vui tươi, vui vẻ,...</i>
Từ miêu tả tiếng cười	<i>cười khanh khách, cười ha hả, cười hô hố, cười hi hí, cười hơ hớ, cười khành khạch, cười khúc khích, cười rúc rích, cười sằng sặc,...</i>
Những câu tục ngữ	<i>– Sông có khúc, người có lúc</i> <i>– Kiến tha lâu cũng đầy tổ</i>

3. Giải nghĩa một số từ vừa thống kê ở bài tập 2. Đặt câu với từ ấy.

• Giải nghĩa từ:

- *Vui vẻ*: có vẻ ngoài lộ tâm trạng rất vui.
- *Vui tươi*: vui vẻ phấn khởi.
- *Vui vầy*: vui cùng nhau trong cảnh sum vầy.

- *Vui tính*: có tính vui vẻ.
- *Vui thú*: vui vẻ và hứng thú.
- *Vui thích*: vui vẻ và thích thú.
- *Vui sướng*: vui vẻ và sung sướng.
- *Vui nhộn*: vui một cách ồn ào, sôi động.
- *Giúp vui*: góp sức mình làm cho mọi người thêm vui.
- Các em tự đặt câu.

Tiết 3

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng (xem câu 1 ở tiết 1).
2. Dưới đây là một đoạn văn về cây xương rồng trong sách phổ biến khoa học. Dựa vào những chi tiết mà đoạn văn cung cấp (SGK trang 164) và quan sát riêng của mình, em hãy viết đoạn văn khác miêu tả cây xương rồng mà em thấy.

Đoạn văn tham khảo

Trong nhiều loại cây cảnh mà ba tôi mua về, ba thích nhất là chậu xương rồng.

Đây là loại xương rồng ba cạnh, cao ngang bụng tôi. Toàn thân cành và lá đều như mọng nước và khi bẻ ra có mủ màu trắng giống sữa. Đoạn thân gần gốc hình trụ hơi ngả sang màu gỗ vì năm tháng đã qua. Cành xương rồng có từ ba đến sáu cạnh lồi màu xanh thẫm. Lá xương rồng ít và nhỏ, dày và tròn ở đầu, thuôn dần ở gần cuống, giống như lá hoa sứ Thái. Cuống lá xương rồng rất ngắn, mọc trên cạnh lồi của cành. Khi rụng, lá để lại vết thành gai cứng và nhọn có màu nâu sẫm. Hoa mọc thành tán từ chỗ lõm của mép cành. Cụm hoa hình chén, màu đỏ lịm. Quả xương rồng màu xanh, tròn nho nhỏ. Nhựa xương rồng rất độc, cho nên khi hái hoa tránh để nhựa bắn vào mắt.

Mỗi độ xuân về, ba tôi thường đặt chậu xương rồng này trước sân để chưng Tết. Ba nói: "Hoa xương rồng rất ưa nắng, nắng càng to hoa càng nhuận sắc."

Mỗi lần đi học về, tôi thường theo ba ra vườn chăm sóc cho cây. Cây lá rung rinh như thầm cảm ơn tôi. Mỗi lần tưới nước cho cây tôi đều nói: "Hãy lớn lên và ra hoa đẹp vào nhé! Chị yêu các em lắm!".

Tiết 4

1. **Đọc truyện sau:** (Truyện *Có một lần* - Học sinh đọc SGK trang 165).

2. **Tìm trong bài đọc trên** (*Có một lần*):

- Một câu hỏi: Đó là câu: *Răng em đau phải không?*
- Câu cảm: Đó là các câu:
 - *Ôi, răng đau quá!*
 - *Bụng răng sừng của bạn ấy chuyển sang má khác rồi!*
- Câu khiến: Đó là các câu:
 - *Em về nhà đi!*
 - *Nhìn kìa!*
- Câu kể: Các câu còn lại trong bài.

Ví dụ:

- *Có một lần, trong giờ tập đọc, tôi nhét tờ giấy thấm vào mồm.*
- *Thế là má sừng phồng lên.*
- *Tôi cố tình làm như thế để khỏi phải đọc bài.*
- *Cô giáo và các bạn, ai cũng thương tôi và lo lắng.*

3. **Bài tập đọc trên** (*Có một lần*) **những trạng ngữ** nào chỉ thời gian, chỉ nơi chốn?

- Câu có trạng ngữ chỉ thời gian (in nghiêng):
 - *Có một lần, trong giờ tập đọc, tôi nhét tờ giấy thấm vào mồm.*
 - *Chuyện xảy ra đã lâu.*
- Câu có trạng ngữ chỉ nơi chốn (in nghiêng):
 - *Ngồi trong lớp, tôi lấy lưỡi đẩy đi đẩy lại cục giấy thấm trong mồm.*
- Câu có trạng ngữ chỉ mục đích (in nghiêng):
 - *Tôi cố tình làm thế để khỏi phải đọc bài.*
 - *Nhưng dù sao cũng phải nói ra để không bao giờ mắc lỗi như vậy nữa.*
- Câu có trạng ngữ chỉ nguyên nhân (in nghiêng):
 - *Thực tình, tôi chẳng muốn kể vì thấy ngượng quá.*

Tiết 5

1. **Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng** (xem câu 1 ở tiết 1).

2. **Chính tả** (Nghe - viết) (Bài *Nói với em* SGK trang 166)

- Đọc bài chính tả *Nói với em*, hiểu nội dung bài viết: *Trẻ em sống giữa thế giới thiên nhiên, thế giới của những câu chuyện cổ tích và giữa tình yêu thương đùm bọc của cha mẹ.*

– Viết đúng các từ: *nhắm mắt, vườn lồng gió, tiếng chim, lách rích, vừa hót vừa bay, vút vút,...*

– Trình bày bài thơ sạch đẹp. Viết thẳng hàng và viết hoa các chữ đầu dòng thơ. Thụt vào lề 1 ô. Sau mỗi khổ thơ bỏ một hàng viết tiếp khổ 2, khổ 3 tương tự.

Tiết 6

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng (xem câu 1 ở tiết 1).

2. Đoạn văn dưới đây (SGK trang 167) trích từ một cuốn sách phổ biến khoa học. Dựa vào những chi tiết mà đoạn văn cung cấp và dựa vào quan sát riêng của mình, em hãy viết một đoạn văn khác miêu tả hoạt động của chim bồ câu.

Đoạn văn tham khảo

Ba em nuôi rất nhiều chim bồ câu. Mỗi buổi sáng, chim từ trong tổ bay ra. Sau một hồi lượn vòng trong không trung, chim đậu xuống mặt đất rồi tha thẩn đi đi, lại lại với cái đầu cứ lắc la, lắc lư.

Có lần em hỏi ba: "Ba ơi vì sao bồ câu cứ lắc đầu liên tục mà không bị hoa mắt?" Ba tôi giải thích:

– Con thấy đấy, thân bồ câu so với đầu thì rất to, mặt khác chân bồ câu lại ngắn nên khi đi thân mình chúng đảo qua đảo lại, cái cổ ngắn cũng rung đưa, khiến người ta lầm tưởng là đầu chim bồ câu cũng lắc lư." Bây giờ em mới hiểu.

Tiết 7

BÀI LUYỆN TẬP

A. Đọc thầm bài: *Gu-li-vơ ở xứ sở tí hon* (SGK trang 167 - 168).

B. Dựa vào nội dung bài đọc (*Gu-li-vơ ở xứ sở tí hon*), chọn ý trả lời đúng.

1. Nhân vật chính trong đoạn trích tên là gì?

Câu trả lời đúng: ý b) *Gu-li-vơ*.

2. Có những nước tí hon nào trong đoạn trích này?

Câu trả lời đúng: ý c) *Li-li-pút, Bli-phút*.

3. Nước nào định đem quân xâm lược nước láng giềng?

Câu trả lời đúng: ý b) *Bli-phút*.

4. Vì sao khi trông thấy Gu-li-vơ quân địch “phát khiếp”?

Câu trả lời đúng: ý b) *Vì trông thấy Gu-li-vơ quá to lớn.*

5. Vì sao Gu-li-vơ khuyên vua nước Li-li-pút từ bỏ ý định biến nước Bli-phút thành một tỉnh của Li-li-pút?

Câu trả lời đúng: ý a) *Vì Gu-li-vơ ghét chiến tranh xâm lược, yêu hòa bình.*

6. Nghĩa của chữ *hòa* trong *hòa ước* giống nghĩa của chữ *hòa* nào dưới đây?

Câu trả lời đúng: ý c) *Hòa bình.*

7. Câu *Nhà vua lệnh cho tôi đánh tan hạm đội địch* là loại câu gì?

Câu trả lời đúng: ý a) *Câu kể.*

8. Trong câu *Quân trên tàu trông thấy tôi, phát khiếp*, bộ phận nào là chủ ngữ?

Câu trả lời đúng: ý b) *Quân trên tàu.*

Tiết 8

A. Chính tả (Nghe - viết): (Bài *Trăng lên* SGK trang 170).

Đọc bài *Trăng lên* trong SGK trang 170.

– Hiểu nội dung bài viết: *Tả cảnh đẹp khi trăng lên.*

– Viết đúng các từ: *trăng, rừng tre, vắt ngang, mảnh dân, đứt hẳn, quăng đồng, thoang thoáng, thơm ngát,*

B. Tập làm văn

Viết một đoạn văn miêu tả ngoại hình của một con vật mà em yêu thích.

Đoạn văn tham khảo

Tả con lợn (heo)

Ụt ịt! Ụt ịt! Đó là tiếng kêu của chú lợn nhà tôi.

Chú đã gần năm tháng tuổi, thuộc giống lợn lai, rất to con, dài đòn, mập cân đối. Toàn thân chú phủ bằng lớp lông trắng có vài đốm đen ở lưng và tai. Đầu chú to gần bằng cái chậu sành đựng cám. Hai tai chú thẳng và dựng đứng trông như hai lá mít. Mắt chú hi hí, lim dim. Hai má núng nính và cái mõm dài. Mỗi khi mẹ cho ăn, cái mõm sục vào cám "tộp, tộp", hai má dường như chuyển động. Chân của lợn rất ngắn nhưng to và khỏe. Đặc biệt móng chân của lợn rất cứng màu trắng sữa xòe ra giúp cho chú bước đi vững chắc. Cái đuôi của lợn luôn quăn tít lại, phía cuối lơ thơ một chùm lông giống như một cây chổi nhỏ...

MỤC LỤC

Tuần Chủ điểm	Phân môn	Nội dung	Trang
19. Người ta là hoa đất	Tập đọc	<i>Bốn anh tài</i>	3
	Chính tả	Nghe – viết: <i>Kim tự tháp Ai Cập</i> Phân biệt s / x, iê / iêc	4
	Luyện từ và câu	Chủ ngữ trong câu kể <i>Ai làm gì?</i>	5
	Kể chuyện	<i>Bác đánh cá và gã hung thần</i>	6
	Tập đọc	<i>Chuyện cổ tích về loài người</i>	8
	Tập làm văn	Luyện tập xây dựng mở bài trong bài văn miêu tả đồ vật	9
	Luyện từ và câu	Mở rộng vốn từ: <i>Tài năng</i>	10
	Tập làm văn	Luyện tập xây dựng kết bài trong bài văn miêu tả đồ vật.	11
20. Người ta là hoa đất	Tập đọc	<i>Bốn anh tài</i> (tiếp theo)	12
	Chính tả	Nghe – viết: <i>Cha đẻ của chiếc lốp xe đạp</i> Phân biệt tr / ch, uôt / uôc	13
	Luyện từ và câu	Luyện tập về câu kể <i>Ai làm gì?</i>	15
	Kể chuyện	Kể chuyện đã nghe, đã đọc	15
	Tập đọc	<i>Trống đồng Đông Sơn</i>	17
	Tập làm văn	Miêu tả đồ vật (<i>kiểm tra viết</i>)	19
	Luyện từ và câu	Mở rộng vốn từ: <i>Sức khỏe</i>	21
	Tập làm văn	Luyện tập giới thiệu địa phương	22
21. Người ta là hoa đất	Tập đọc	<i>Anh hùng Lao động Trần Đại Nghĩa</i>	24
	Chính tả	Nhớ – viết: <i>Chuyện cổ tích về loài người</i> Phân biệt r / d / gi, dấu hỏi / dấu ngã	25
	Luyện từ và câu	Câu kể <i>Ai thế nào?</i>	27
	Kể chuyện	Kể chuyện được chứng kiến hoặc tham gia	28
	Tập đọc	<i>Bè xuôi sông La</i>	30
	Tập làm văn	Trả bài văn miêu tả đồ vật	32
	Luyện từ và câu	Vị ngữ trong câu kể <i>Ai thế nào?</i>	32
	Tập làm văn	Cấu tạo bài văn miêu tả cây cối	34

Tuần Chủ điểm	Phân môn	Nội dung	Trang
22. Vẽ đẹp muôn màu	Tập đọc	<i>Sầu riêng</i>	36
	Chính tả	Nghe – viết: <i>Sầu riêng</i>	37
	Luyện từ và câu	Phân biệt l / n, ut / uc	38
	Kể chuyện	Chủ ngữ trong câu kể <i>Ai thế nào?</i>	40
	Tập đọc	<i>Con vịt xấu xí</i>	41
	Tập làm văn	<i>Chợ Tết</i>	42
	Luyện từ và câu	Luyện tập quan sát cây cối	44
23. Vẽ đẹp muôn màu	Tập đọc	Mở rộng vốn từ: <i>Cái đẹp</i>	45
	Chính tả	Luyện tập miêu tả các bộ phận của cây cối	47
	Luyện từ và câu	<i>Hoa học trò</i>	48
	Kể chuyện	Nhớ – viết: <i>Chợ Tết</i>	49
	Tập đọc	Phân biệt s / x, ưt / ưc	51
	Tập làm văn	Dấu gạch ngang	54
	Luyện từ và câu	Kể chuyện đã nghe, đã đọc	55
24. Vẽ đẹp muôn màu	Tập đọc	<i>Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ</i>	57
	Chính tả	Luyện tập miêu tả các bộ phận của cây cối	58
	Luyện từ và câu	Mở rộng vốn từ: <i>Cái đẹp</i>	60
	Kể chuyện	Đoạn văn trong bài văn miêu tả cây cối	61
	Tập đọc	<i>Vẽ về cuộc sống an toàn</i>	62
	Tập làm văn	Nghe – viết: <i>Họa sĩ Tô Ngọc Vân</i>	65
	Luyện từ và câu	Phân biệt tr / ch, dấu hỏi / dấu ngã	67
25. Những người quả cảm	Tập đọc	Câu kể <i>Ai là gì?</i>	69
	Chính tả	Kể chuyện được chứng kiến hoặc tham gia	70
	Luyện từ và câu	<i>Đoàn thuyền đánh cá</i>	71
	Kể chuyện	Luyện tập xây dựng đoạn văn miêu tả cây cối	73
	Tập đọc	Vị ngữ trong câu kể <i>Ai là gì?</i>	74
	Tập làm văn	Tóm tắt tin tức	75
	Luyện từ và câu	<i>Khuất phục tên cướp biển</i>	77
25. Những người quả cảm	Tập đọc	Nghe – viết: <i>Khuất phục tên cướp biển</i>	79
	Chính tả	Phân biệt r / d / gi, ên / ênh	81
	Luyện từ và câu	Chủ ngữ trong câu kể <i>Ai là gì?</i>	81
	Kể chuyện	<i>Những chú bé không chết</i>	82
	Tập đọc	<i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i>	
	Tập làm văn	Luyện tập tóm tắt tin tức	
	Luyện từ và câu	Mở rộng vốn từ: <i>Dũng cảm</i>	
25. Những người quả cảm	Tập đọc	Luyện tập xây dựng mở bài trong bài văn	
	Chính tả	miêu tả cây cối	
	Luyện từ và câu		
	Kể chuyện		
	Tập đọc		
	Tập làm văn		
	Luyện từ và câu		

Tuần Chủ điểm	Phân môn	Nội dung	Trang
26. Những người quả cảm	Tập đọc	<i>Thắng biển</i>	84
	Chính tả	Nghe – viết: <i>Thắng biển</i>	85
	Luyện từ và câu	Phân biệt l / n, in / inh	86
	Kể chuyện	Luyện tập về câu kể <i>Ai là gì?</i>	87
	Tập đọc	Kể chuyện đã nghe, đã đọc	90
	Tập làm văn	<i>Ga-vrốt ngoài chiến lũy</i>	91
	Luyện từ và câu	Luyện tập xây dựng kết bài trong bài văn miêu tả cây cối	92
	Tập làm văn	Mở rộng vốn từ: <i>Dũng cảm</i>	94
27. Những người quả cảm	Tập đọc	<i>Dù sao trái đất vẫn quay!</i>	97
	Chính tả	Nhớ – viết: <i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính.</i>	98
	Luyện từ và câu	Phân biệt s / x, dấu hỏi / dấu ngã	99
	Kể chuyện	Câu khiến	100
	Tập đọc	Kể chuyện được chứng kiến hoặc tham gia	102
	Tập làm văn	<i>Con sẻ</i>	103
	Luyện từ và câu	Miêu tả cây cối (<i>kiểm tra viết</i>)	104
	Tập làm văn	Cách đặt câu khiến	106
28.		Ôn tập giữa học kì II	107
29. Khám phá thế giới	Tập đọc	<i>Đường đi Sa Pa</i>	115
	Chính tả	Nghe – viết: <i>Ai đã nghĩ ra các chữ số 1,2,3,4?</i>	117
	Luyện từ và câu	Phân biệt tr / ch, êt / êch	119
	Kể chuyện	Mở rộng vốn từ: <i>Du lịch – Thám hiểm</i>	120
	Tập đọc	<i>Đôi cánh của Ngựa Trắng</i>	121
	Tập làm văn	<i>Trăng ơi... từ đâu đến?</i>	123
	Luyện từ và câu	Luyện tập tóm tắt tin tức	123
	Tập làm văn	Giữ phép lịch sự khi bày tỏ yêu cầu, đề nghị	125
30. Khám phá thế giới	Tập đọc	Cấu tạo của bài văn miêu tả con vật	127
	Chính tả	<i>Hơn một nghìn ngày vòng quanh trái đất</i>	128
	Luyện từ và câu	Nhớ – viết: <i>Đường đi Sa Pa</i>	130
	Kể chuyện	Phân biệt r / d / gi, v / d / gi	131
	Tập đọc	Mở rộng vốn từ: <i>Du lịch – Thám hiểm</i>	133
	Tập làm văn	Kể chuyện đã nghe, đã đọc	134
	Luyện từ và câu	<i>Dòng sông mặc áo</i>	136
	Tập làm văn	Luyện tập quan sát con vật	137
		Câu cảm	
		Điền vào giấy tờ in sẵn	